N° 171

Avril 1932

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

PHONG-HÓA SUY-ĐỒI

Ở thời buổi này mà than câu «phong-hóa suy-đồi», không khỏi có người chê là hủ. Chỉ có thầy đồ cổ, ngoài mấy quyển sách nho cũ, không còn biết có học-thuật tư-tưởng gì khác nữa, mới không hiểu rằng đời nay phải mỗi ngày một đổi mới, và thời-thế đã mới thì phong-tục cũng phải mới, đã mới tất là lạ tai lạ mắt người ta, nhưng không tất-nhiên là dở cả, rồi ngày qua tháng lại, dào-thải tự-nhiên, cái hay còn lại, cái dở bỏ dần, phong-hóa sau này vị-tất đã kém gì phong-hóa xưa kia. Xét về xã-hội hiện-kim, không thể lấy những lý-tưởng cổ-thời làm chuẩn-đích được. Cửa miệng chẳng có câu nói: Thời nào kỷ-cương nấy dư?

Nghĩa tùy-thời vẫn là nghĩa lớn ở đời, chính Thánh-nhân ngày xưa cũng đã từng dạy như thế. Nhưng tùy-thời cũng có năm bảy đường, tùy-thời cốt phải có ý-thức. Nếu lấy cớ tùy-thời mà phá đổ cả những nền-nếp cũ của nước nhà, là những cái không thể sớm hôm mà thay đổi ngay được; nếu lấy cớ tùy-thời mà chỉ biết a-dua theo đòi, không biết lẽ phải lẽ trái, điều nên điều chăng, thời tùy-thời như thế là vong-bản đó, tùy-thời như thế là hỗn-độn vậy.

Vong-bản thời không thể thành-lập được. Trước khi dựng lên một cái nhà lầu đẹp-đẽ, nền móng phải cho vững-vàng đã, nếu không thì chẳng bao lâu đất lún tường xiêu mà nhà đến đổ sụp vậy. Nay có người muốn xây cho nước Nam một cái lâu-đài tráng-lệ, mà vật-liệu chửa có, đã vội đạp đổ cả những nền tảng cũ đi, chẳng là mơ-hồ lắm dư?

Tôi không phải là một người cố-ý thủ-cựu; tôi cũng hiểu rõ cái lẽ tùy-thời lắm. Tôi chính là một nhà tân-học, những học-thuật tư-tưởng của Thái-tây tôi đã từng thiệp-liệp, những lý-thuyết tự-do bình-đẳng tôi cũng hiểu căn-nguyên, và các cái phong-trào lớn về chính-trị, về xã-hội nó đương lay chuyển cả thế-giới ngày nay tôi cũng vẫn để ý quan-sát. Vậy những lời tôi nói đây không phải là lời một người cố-hủ, chỉ biết khư-khư giữ cũ, cho đời xưa là hay cả, đời nay không ra gì hết; cũng không phải là lời một kẻ tự-cao tự-phụ, muốn đem cái đạo-đức suông mà lên mặt dạy đời. Nhưng thực xét cái xu-hướng của xã-hội ta ngày nay mà không khỏi đem tâm lo nghĩ. Trông thấy cái hiểm-tượng đã mầm-mống mà không thể không cảnh-cáo quốc-dân một đôi lời.

Xã-hội ta ngày xưa là một xã-hội rất có trật-tự. Đây hẵng không nói cái trật-tự trong gia-đình, người gia-trưởng là chúa-tể trong nhà mình, vợ con phải tuyệt-đối phục-tòng; cũng không nói cái trật-tự về chính-trị, nước có vua quan, làng có huynh-thứ, có quyền tuyệt đối quản-trị trong làng nước. Chỉ nói cái trật-tự giai-cấp trong xã-hội: xã-hội ta vốn chỉ có hai giai-cấp lớn, một là hạng bình-dân, hai là hạng học-thức. Hạng học-thức là những

người có đi học biết chữ, theo về nghiệp nho, thành-công thì thi đỗ làm quan, ra giúp việc nước, không thành-công thì ở nhà dạy học, đào-tạo bọn thanh-niên, nhưng dù hiền-đạt hay không hiền-đạt, cũng có cái chí hộ-vệ cho danh-giáo, làm tiêu-biểu cho quốc-dân. Tức như các nước gọi là hạng «thức-giả xã-hội» (*intelligentsia*). Còn hạng bình-dân thì chỉ yên phận làm ăn, lấy nghề nông làm căn-bản, sẵn lòng tôn-trọng kẻ thức-giả, không dám vượt ra ngoài phạm-vi giáo-hóa. Giữa hai giai-cấp đó, không có ác-cảm gì với nhau, kẻ học-thức không hà-hiếp người bình-dân, người bình-dân không oán giận kẻ học-thức. Vì tuy gọi là giai-cấp mà không phải căn-cứ ở quyền-lợi, ở thế-lực, ở tư-bản hay ở di-truyền; chỉ căn-cứ ở tài-năng, ở trí-thức, ở phẩm-giá, ở đức-hạnh mà thôi. Không có cái thành cao vực thẳm nào nó cách-biệt hai hạng người; hai bên vẫn là giao-thông liên-tiếp với nhau, kẻ bình-dân có học-hành thì trở nên người thức-giả, hạng thức-giả không có công học-tập thì tự-nhiên xuống bậc bình-dân. Sự thăng giáng đó chỉ lấy tài-đức làm tỉ-lệ, không nhờ ở của-cải, cũng không tựa vào quyền-thế, rất là công-bằng, nên ai cũng phải chịu.

Nói tóm lại thì xã-hội nước Nam ngày xưa là một xã-hội nông-dân, tựu-trung chia ra hai hạng, một hạng có học, một hạng không có học, hạng trên đưa dắt hạng dưới, hạng dưới phục-tòng hạng trên, rất là điều-hòa, không có cách-trở.

Tình-trạng ấy ngày nay thay đổi ra thế nào?

Nước ta vốn là một nông-quốc, dù công-nghệ có mở-mang ra ít nhiều, rút lại rồi cũng vẫn lấy nghề nông làm gốc. Phàm các dân-tộc chuyên nông-nghiệp, số dân nhà quê bao giờ cũng nhiều hơn dân kẻ chợ. Dân quê thì vì cách sinh-hoạt giản-đơn, không thể có học-thức cao rộng được; không thể, mà có lẽ cũng không nên nữa, vì học quá cái phận mình, chỉ đủ sinh ra những lòng dục-vọng mà sức mình không thể thỏa được, tức là gây ra cái mầm họa-loạn cho xã-hội. Cho nên dẫu giáo-dục có phổ-cập trong dân-gian, cũng là chỉ ban-bố được một cái học bình-dị thông-thường, đủ dạy cho yên phận làm dân, biết đường ăn-ở mà thôi. Vậy thời vẫn phải cần có một hạng thức-giả để hướng-đạo cho dân. Hạng này hay thì dân hay, hạng này dở thì dân dở. Kẻ thức-giả ngày xưa, tức là phái nhà nho, dẫu không làm cho dân cho nước được giàu mạnh, cũng giữ cho nước cho dân có cương-thường; hèn ra nữa cũng giữ được tấm thân trong-sạch, không đến nỗi phạm tội với danh-giáo. Còn kẻ thức-giả ngày nay thì thế nào? Ấy sự thay-đổi là ở chỗ này đây. Hạng bình-dân trong xã-hội ta, không có thay-đổi gì; cái số-phận ngày nay cũng chẳng khác gì ngày xưa, dù về đường vật-chất cũng vậy, chứ đừng nói đến đường tinh-thần nữa. Nhưng hạng thức-giả thì khác hẳn xưa. Nho-học là cái học căn-bản, khác nào như một thứ tôn-giáo của quốc-gia ngày xưa, ngày nay đã suy-đồi hẳn. Ngay những người sinh-trưởng trong đạo Nho, không những không còn tin cái tôn-giáo của mình nữa, mà có kẻ đến công-nhiên phản-đối, xoay lại công-kích nữa. Huống-chi người không được hưởng cái giáo-hóa của Khổng Mạnh thì lại càng lãnh-đạm lắm nữa. Thành ra xã-hội ngày nay không có một cái nền giáo-hóa chung để làm kỷ-luật về tinh-thần. Vì nho-học mất đi, không có gì thay vào nữa. Không thể nói là lấy tây-học thay vào được; tây-học là cái học ở ngoài mới thâu-thái vào, không thể nhất-đán thế cho một cái đạo-học thâm-trầm, đã thấm-thía vào trong tâm trong não người ta bấy lâu nay. Về phần khoa-học thì có lẽ tấn-tới hơn trước, về

phần đạo-học thì thật là hãy còn khuyết-như vậy. Hạng thức-giả đã không có chủ-nghĩa nhất-định, cũng không thể sao làm hướng-đạo cho quốc-dân được. Thành ra cả nước trước kia vẫn có kỷ-luật nghiêm, bây giờ như bỏ mặc tự-do cả, điều thiện điều ác, lẽ phải lẽ chăng, không có gì là qui-tắc nhất-định nữa. Một xã-hội vẫn nghiêm-nhặt xưa nay mà vụt chốc thành ra suồng-sã như vậy, không khỏi sinh ra nguy-hiểm. Ấy cái tình-trạng khủng-hoảng về tinh-thần, về đạo-đức ngày nay, chính là bởi đó mà ra.

Xã-hội Việt-Nam là một cái xã-hội còn cần phải có một hạng thượng-lưu để hướng-đạo, mà hạng thượng-lưu ngày nay đã bỏ đạo Khổng Mạnh, không có cái đạo-học nào thay vào, tự mình không có chủ-nghĩa, không đủ hướng-đạo cho quốc-dân nữa.

Vậy thời tình-trạng xã-hội ta hiện nay như thế này: phần bình-dân là phần đông, vẫn còn thật-thà mộc-mạc như xưa, cần phải có người trên làm gương cho bắt-chước, chỉ đường cho mà theo; mà người trên thì tinh-thần bất-nhất, chủ-nghĩa không định, trí-thức loạn-tạp, đạo-đức suy-vi, tự xử mình còn chưa xong, nói chi làm gương cho kẻ khác.

Rút lại bệnh-căn của xã-hội là ở hạng thức-giả không xứng với thiên-chức hướng-đạo cho quốc-dân vậy.

Hạng thức-giả ngày nay là ai?

Xưa kia hạng thức-giả chỉ có một, là gồm những người châu-tuần trong cửa Khổng sân Trình, tuy xuất-xử đôi đường có khác nhau, mà tâm-thuật đôi bên cũng là một.

Ngày nay chia ra nhiều phái, mỗi phái xu-hướng một đàng, mà thường thường lại ngang trái lẫn nhau. Đại-khái có thể chia ra ba phái: một phái quan-lại, một phái tân-tiến, một phái tư-bản, mà phái nào cũng phân-vân rời-rạc, chẳng có chủ-nghĩa, chẳng có tôn-chỉ gì cả.

Ở các nước thời quan-lại chẳng qua là người làm thuê cho Nhà-nước, không có địa-vị gì riêng trong xã-hội. Ở nước ta xưa kia, kẻ sĩ-đại-phu không những là công-bộc của Nhà nước, lại là linh-mục của quốc-dân nữa, cho nên bao giờ cũng có cái địa-vị đặc-biệt tôn-trọng. Ngày nay tuy tình-thế đã khác mà cái danh-dự thừa ngày xưa hãy còn, lại thêm nghề làm quan bây giờ là một nghề tốt hơn cả nên phái quan-lại về đường tinh-thần cũng như về đường vật chất, vẫn còn có danh-giá lắm. Nếu hạng này mà có cái quan-niệm cao-thượng về chức-phận mình, thì nhờ cái địa-vị đặc-biệt ấy, có thể làm kẻ hướng-đạo chân-chính cho quốc-dân được. Nhưng tiếc thay, xử vào cái cảnh « danh không chính, ngôn chẳng thuận », người hay lâu ngày cũng phải chán, kẻ dở lại càng dễ thừa-cơ, quan-trường hầu như đã mất hết cái đạo-đức của các bậc tiền-bối cổ-thời. Nếu không có một sự cải-cách lớn, khiến cho trong trường chính-trị định được cái danh-nghĩa phân-minh, thì e bọn này khó thoát được cái cảnh hiềm-nghi, mà dẫu có người tài-năng lỗi-lạc cũng không thể làm gương cho cả nước noi theo được.

Đến phái tân-tiến là gồm cả những người tuổi trẻ, chỉ thuần theo học ở các trường tây, không từng được nếm cái mùi đạo-học của tiền-nhân. Dẫu tài giỏi cũng thường không có bản-lĩnh, huống dở-dang thì lại càng thêm bác-tạp lắm. Mà hạng dở-dang này rất nhiều, tạo-thành ra một giống người không Tây không Nam, diễn ra lắm cái trò ngông-cuồng dồ-dại. Nam-giới đã lắm chàng dở-hơi, nữ-giới lại nhiều ả đú-đớ. Luân-lý cũ không thèm theo mà luân-lý mới chửa học được, thành

ra nhiều khi cư-xử không khác gì con người không luân-thường, không đạo-lý. Tựu-trung cũng có kẻ thông-minh, tiêm-nhiễm được ít nhiều tư-tưởng mới, tự-phụ muốn tạo ra một cuộc đời mới, đoạn-tuyệt hẳn với những kỷ-cương cũ của ông cha. Cho xã-hội cũ là hẹp-hòi bó-buộc, muốn phá đổ cả để gây ra một cái xã-hội mới rộng-rãi thảnh-thơi hơn. Bấy giờ mới đem những cái lý-thuyết quái-gở bất-kinh của Tây-phương mà muốn thi-hành ra ở nước nhà, không biết rằng tình-thế khác, nhân-tâm khác, trình-độ khác, phong-tục khác, cái hay của người nhiều khi sang ta lại thành ra dở vậy. Huống những cái mình học đòi bắt-chước người ta, vị-tất đã là cái hay cả, phần nhiều chỉ là những cái rất thô-thiển trong cái văn-minh vật-chất của người ta mà thôi. Vì lệ thường như thế : phàm phóng-chép của người, chỉ phóng-chép được những cái thô-thiển trước, đến cái tinh-túy thì phải có công-phu lắm mới nhập-điệu được. Thử xét trong những kẻ tự-xưng là hạng tân-tiến đó, mấy người là đã học được đến nơi đến chốn, thấu-hiểu được cái tinh-thần của văn-minh Thái-Tây ? Mấy người là có thể nghị-luận đối-đáp được với người Tây, nói những chuyện văn-chương, mĩ-thuật, chính-trị, triết-học mà người ta phải chịu phải phục? Hay là phần nhiều chỉ mới học mót được mấy câu văn sáo đã muốn đem ra mà huyễn-diệu đồng-bào ? Ấy là không nói những kẻ học chữ tây cũng còn chửa thông, nói một câu không khỏi sai mẹo, mà cũng làm ra mặt thông-thạo các lối văn-minh mới, nhất-thiết tự-xưng là duy-tân cả coi cái văn-hóa cũ của nước nhà như cỏ-rác hết. Nghĩ học được của người những cái gì, chỉ học được những thói tự-do rởm, bình-đẳng xằng, những cách du-đãng phóng-túng với cái tính khinh-bạc ngạo-mạn mà thôi.

Lắm lúc trông thấy cái kết-quả bất-lương đó mà ngờ rằng nếu học Tây mà đến thế thì thà không học nữa còn hơn. Nhưng ngờ thế là oan cho tây-học. Cái học của Thái-Tây kia làm cho người ta nước giàu dân mạnh, của khéo người khôn, có đâu lại tạo ra những cái quái-vật như vậy ? Hay là chủng-tộc mình bạc nhược, như cái đất xấu, đem hạt giống tốt vào trồng, rồi nó mọc lên cũng thành ra cẩn-cọc ?

Dù thế nào mặc lòng, có một điều hiển-nhiên, là cái phái tự-xưng là tân-tiến đó, thật hãy còn sốc-nổi lắm, quyết chưa đủ tư-cách làm hướng-đạo cho quốc-dân. Phải học cho nhiều, nghĩ cho kỹ, hiểu được đến nơi những cái tinh-hoa của văn-minh học-thuật Thái-Tây, nhận-chân về thời-thế cùng địa-vị mình ; lại phải biết phàm tiến-hóa phải có gốc, không thể bằng-không mà bước lên được, gốc ấy chính là cái văn-hóa cố-hữu của mình, nên sửa-sang cho tốt-đẹp ra, chứ không thể vứt bỏ mà cầu mới cả được ; có như thế thì mới đáng kể thức-giả làm tiêu-biểu cho dân cho nước. Cũng mong rằng phái tân-tiến ngày nay rồi mỗi ngày một đứng-đắn lên, chín-chắn ra, thuần-thục chỉnh đốn lại, tìm được chủ-nghĩa chánh-đáng mà thờ, hoặc có thể trở nên một hạng thức-giả chân-chính, thế chân được cho phái nho-học ngày xưa chăng. Chứ hiện nay thì còn ở trong cái cảnh-tượng khủng-hoảng hỗn-độn lắm.

Sau rốt đến phái tư-bản, là một phái nhờ thời-thế mới gây-dựng lên trong khoảng hai ba mươi năm nay, lấy doanh-nghiệp làm tôn-chỉ. Nước ta xưa kia, hạng người này hầu như không có. Ở một xã hội nông-dân thì sự giàu nghèo không chênh-lệch nhau quá, không có một hạng người lấy việc tích-lũy cùng vận-dụng tư-bản làm cái nghiệp thường, lấy sự cạnh-tranh trên thương-trường, trong công-nghệ

làm cái mục-đích cho sự hoạt-động của mình. Nói cho đúng ra thì phái tư-bản ở nước ta cũng chưa thể sánh được với những nhà đại-doanh-nghiệp ở các nước. Hãy còn như đương thời-kỳ tập-sự mà thôi. Hoặc buôn bán, hoặc làm nghề, hoặc trưng-thầu đấu-giá, hoặc khẩn ruộng cho vay, phần nhiều còn là đầu-cơ yêu-hãnh, chứ ít thấy thực-lực kinh-doanh. Tuy-nhiên cũng là một giai-cấp mới, tạo ra những thói cách mới, khác hẳn với hai cái giai-cấp làm ruộng đi học ngày xưa. Nhưng vì mới nên không có cốt-cách gì, tư-cách phần nhiều cũng vẫn còn sốc-nổi lắm, chửa được cái địa-vị tôn-trọng trong xã-hội. Hạng này tức là phôi-thai ra một hạng «trung-lưu» (*bourgeoisie*) mà nước ta xưa nay không có. Xưa kia chỉ có trên là kẻ thức-giả học-hành, dưới là kẻ bình-dân làm ruộng, không có một cái giai-cấp đứng giữa để làm môi-giới cho hai bên. Ở các nước thì bậc trung-lưu này là có công với xã-hội lắm, làm cái cơ-quan điều-hòa cho xã-hội. Ở nước ta thì cái phái mà ta tạm gọi là phái tư-bản đó, hãy còn bác-tạp lắm. Mau chân nhẹ bước, khéo biết theo thời, cũng có người gây nên cơ-đồ to-tát, nhưng đại-để về đường đạo-đức, về đường trí-thức, vẫn còn khuyết-điểm nhiều, chưa đủ dìu-dắt cho quốc-dân được. Tưởng rằng ít ra về đường sinh-hoạt vật-chất, về cách tổ-chức kinh-doanh, cũng có thể làm người khai đường mở lối cho đồng-bào, làm gương cho người trong nước noi theo. Nhưng như trên đã nói, cách làm ăn của họ phần nhiều còn trông ở sự mánh-khóe cầu may, ở sự thừa-cơ lợi-dụng, chứ ít có phương-pháp, ít có thực-lực. Cho nên cũng chưa thể lấy đó làm bài học cho quốc-dân được.

Nay nói tóm cả lại thì quốc-dân ta đến chín-mươi phần trăm là người nhà quê mộc-mạc, chỉ biết cày sâu cuốc bẫm, còn nhất-thiết về chính-trị, về xã-hội, về đạo-đức, về tinh-thần là ngưỡng-vọng ở người trên chủ-trương hướng-đạo cho cả. Nay người trên là mười phần trăm trong quốc-dân, là hạng có thể gọi được là kẻ thức-giả trong xã-hội, thì phái quan-lại như vậy, phái tân-tiến như vậy, phái tư-bản như vậy, nhìn trước ngó sau không được một hạng người nào có thể làm khuôn-mẫu cho quốc-dân được, có thể đương được cái địa-vị như địa-vị nhà nho trong nước ngày xưa. Một xã-hội hãy còn sinh-hoạt ở trong cái chế-độ gia-trưởng, cần phải có người trên giám-đốc, mà người trên không đủ tư-cách giám-đốc được nữa, thời sẽ bâng-khuâng lơ-láo đến thế nào, hỗn-độn dở-dang đến thế nào, như quân không có tướng, nhà không có chủ, chẳng cần phải nói cũng có thể tưởng-tượng được. Vả lại trông ngay cái cảnh-tượng nhốn-nhào trong xã-hội thì đủ biết.

Phong-hóa suy-đồi là bởi đâu? Là bởi làm mất cái trật-tự cũ trong xã-hội mà không gây được cái trật-tự mới để thay vào. Thành ra điều thiện điều ác, lẽ phải lẽ chăng, cái hay cái dở, sự xấu sự đẹp, nhất-thiết đảo điên thiên-lệch cả, không biết lấy gì làm chuẩn-đích nữa. Ở các dân-tộc đã tới trình-độ «cá-nhân» (*stade individuliste*), như các nước bên Tây, thì người ta đã quen thói tự-lập, không phải cần đến người trên chỉ bảo cho mới biết đường mà đi. Như dân-tộc ta thì còn trong thời-kỳ «gia-trưởng» (*stade patriarcal*) nếu không có một hạng thức-giả để hướng-đạo cho, thì cử-quốc như bỡ-ngỡ phân-vân, không biết xoay về đường nào, nương-tựa vào đâu, sinh ra một cái tình trạng rất khủng-hoảng, rất hỗn-độn. Nay chính hạng thức-giả cũng đương hỗn-độn, đương khủng-

hoảng, không có chủ-nghĩa, không có tôn-chỉ, thì phong-hóa lấy ai làm chủ-trương, xã-hội lấy ai làm hướng-đạo?

Phong-hóa là gì? Là gồm những phong-tục hay, giáo-hóa tốt, tạo ra một cái không-khí hòa-vui trong xã-hội. Gây-dựng ra phong-hóa tốt, ở các nước Âu-Tây đã tập quen tự-do bình-đẳng, là công chung của cả quốc-dân; ở các nước Á-đông còn theo thói phục-tòng mô-phỏng, thì là công riêng của hạng thức-giả.

Làm sao chấn-chỉnh được tinh-thần đạo-đức của kẻ thức-giả trong nước để cho biết nhận-chân cái chức trách hướng-đạo quốc-dân, đó là cái cấp-vụ ngày nay.

Phong-hóa suy-đồi là tại tinh-thần giải-tán. Kết-hợp được tinh-thần trong nước, mà đào-tạo ra một hàng thượng-lưu xứng-đáng, ấy là cái phương-pháp độc-nhất để thoát khỏi cái tình-trạng hỗn-độn khủng-hoảng ngày nay.

Vấn-đề đó, xin lần-lượt nghiên-cứu về sau này.

PHẠM QUỲNH

MỘT NHÀ ĐẠI CHÍNH-TRỊ NƯỚC PHÁP
ÔNG ARISTIDE BRIAND

Ông ARISTIDE BRIAND, nhà đại-chính-trị mới tạ-thế, là người đã chiếm một địa-vị rất quan-trọng trong lịch-sử nước Pháp gần đây. Nhất là về mấy năm sau này, sự-nghiệp ông lại càng rực-rỡ lắm, vì đối với cả thế-giới ông là tiêu-biểu cho cái chính-sách hòa-bình, là chính-sách ông vẫn theo đuổi từ hội-nghị *Locarno* năm 1925 đến hội-nghị *La Haye* năm 1930, thay mặt nước Pháp mà tuyên-bố cho thiên-hạ biết, và thủy-chung vẫn được các Nội-các kế-tiếp tự bấy đến nay tán-thành.

Tên ông ARISTIDE BRIAND là liền với mấy cái hiệp-ước *Locarno*, cái tổng-hiệp-ước phi-chiến ông đã ký cùng với nguyên ngoại-tướng nước Mĩ KELLOG, cái thuyết Liên-Âu (*Union européenne*) ông đề-xướng ra. Về phương-pháp của ông dùng, hoặc có kẻ dị-nghị, nhưng ai cũng phải công-nhận ông là người thành-thực, có tư-tưởng rộng-rãi và có lòng ái-quốc thâm-trầm.

Nhân ông bị bệnh nên hồi tháng giêng năm nay ông phải từ chức tổng-trưởng bộ Ngoại-vụ mà về tĩnh-dưỡng, ngay khi ấy các báo nước Pháp cùng các báo ngoại-quốc, dù những báo phản đối ông mặc lòng, đều tán-dương cái công nghiệp chủ-hòa của ông trong khoảng mười năm nay. Sau khi Âu-châu qua khỏi cái vạ chiến-tranh, ông thật đã hết lòng hết sức gây ra trên trường quốc-tế một cái không-khí hòa-bình, gây ra trong lòng người ta một cái tâm-lý ghét chán sự chiến-tranh, để mong cho sau này cái vạ đó không xảy ra được nữa.

Đã hai năm nay ông xướng lên cái thuyết Liên-Âu, tuy chưa thể thực-hành được, vì cái mối hiềm-nghi trong các nước chưa giải-tan được hết, nhưng thực đã chỉ đường vạch lối cho sau này, và chứng rõ rằng ông nhiệt-thành với chủ-nghĩa hòa-bình, không phải chỉ lý-thuyết mà thôi, lại thiết-tha muốn đem ra thực-hành nữa.

Nhưng cái sự-nghiệp bảo-hòa của ông trong mười năm nay chỉ là thời-kỳ cuối cùng của một cuộc đời rất đầy-đủ, rất hoạt-động, rất phong-phú, rất quan-hệ cho chính-trị nước Pháp và cả chính-trị Âu-châu về ba-mươi năm đầu thế-kỷ thứ hai-mươi này.

Vậy nay xin thuật cả cái lịch-sử cùng sự-nghiệp chính-trị của ông từ đầu đến giờ.

∴

Ông xuất-thân hàn-vi, cha là một người làm ruộng nhỏ, vốn dòng-dõi ở đất *Bretagne*, để dành được ít tiền vốn ra mở một cái quán nhỏ ở thành *Nantes*, số 12 đường *Marchix*. ARISTIDE BRIAND sinh ở đấy ngày 28 tháng 3 năm 1862. Mẹ là người giòng-dõi đất *Vendée*. Họ-hàng về đàng mẹ ngày nay còn có người làm ruộng ở đó.

Ông bắt đầu học ở trường cao-đẳng-tiểu-học *Saint-Nazaire*. Ông đốc trường thấy ông có trí thông-minh, đem lòng thương-yêu, ngoài giờ học thường dắt đi chơi các đồng-điền vườn-tược, giảng cho nghe về cổ-văn. Sau xin cho được lương học, lên học ở trường trung-học thành *Nantes*. Vào ban văn-chương, ngay cuối năm ấy được phần thưởng danh-dự về bài luận pháp-văn. Ở *Nantes* thì người làm cố giám (*correspondant*) cho ông chính là văn-sĩ JULES VERNE, tác-giả lắm bộ tiểu-thuyết phiêu-lưu có tiếng. Văn-sĩ thường chỉ dẫn cho ông biết những cái hay của toán-học, viết con số ở trên bảng mà suy-diễn biến-báo ra đủ cách, làm cho có sinh-hoạt, có hứng-thú vậy. Trong một bộ tiểu-thuyết của văn-sĩ đề là « Hai năm nghỉ học » (*Deux ans de vacances*), có tả một người học-trò tên là BRIANT chính là ám-chỉ ông (trong tên chỉ đổi chữ *d* cuối cùng làm chữ *t* mà thôi) ; lại tả một người thiếu-niên nước Anh tên là DONIPHAN để đối lại.

Đoạn văn tả hai chàng thanh-niên người Pháp và người Anh đó, cũng có ý-vị, xin dịch ra sau đây :

« BRIANT thì thông-minh, nhưng không chăm, thường vẫn ngồi vào ghế bét trong lớp năm. Tuy-nhiên, lúc nào muốn thì đã sẵn có cái trí thông-hiểu, cái tài ký-ức, có thể tiến lên bàn trên ngay được, cái đó thì DONIPHAN lấy làm căm-tức lắm. Bởi thế nên hai anh không bao giờ là tương-đắc nhau. Gia-dĩ BRIANT lại mạnh-bạo, quả-cảm, giỏi về thể-thao, tài về ứng-đối ; lại thêm có tính ân-cần, có bụng-dạ tốt, không kiêu-ngạo như DONIPHAN. Còn cách ăn-mặc thì hơi sỗ-sàng, không được nghiêm-trang.— Nói tóm lại là rõ ra tính-cách người Pháp, khác hẳn với các anh em bạn học người Anh . . . »

Trong cái bức vẽ anh học-trò nhỏ trong tiểu-thuyết đó, tưởng cũng đã có phảng-phất một vài cái đặc-tính của nhà chính-trị sau này vậy.

Tốt-nghiệp ở trường trung-học ra, ông theo học về luật-khoa, rồi ra làm thầy kiện, về ở *Saint-Nazaire* cho được gần người nhà. Trước còn tập-sự ở nhà một viên trạng-sư (*avoué*). Thường ra cãi hộ cho bạn hàng của trạng-sư ở tòa-án hòa-giải, đã có tiếng là biện-thuyết giỏi. Một hồi cũng có chí muốn vào ngạch quan tòa hòa-giải. Kế đó rồi thường ra *Nantes* cãi ở tòa đại-hình ; có một khóa đại-hình ông cãi luôn được bốn cái án trắng tội. Trong nhà ông có một người bạn là một tay lão-thành trong đảng dân-quốc (*républicain*), thấy ông có tài khẩu-biện như vậy, khuyên ông nên theo duổi về đường chính-trị. Ông nghe nói cũng thấy cao-hứng lắm, bèn cóp nhặt để dành được một món tiền 2.500 quan lập một cái báo đề « Dân-chủ miền Tây » *La Démocratie de l'Ouest*). Trong báo một tay ông làm hết thảy ; viết « băng », chạy tin, soạn bài. Muốn cho giảm phí, tự ông học sắp chữ, để lâm-thời sắp chữ lấy các bài-vở của mình. Báo trước ra mỗi tuần một lần, sau định cho ra mỗi ngày một số. Bèn đi lên *Paris* mua một cái máy in cũ, cùng với một người bạn trợ-bút tháo máy ra, đem về *Saint-Nazaire*, rồi lại lắp lại từng mảnh một, thạo như một tay thợ máy sành nghề vậy. Ông cho đó là một cái thủ-đoạn giỏi của

ông lúc thuả trẻ, sau này thường nhắc lại, lấy làm khoái lắm. Đương hồi cái phong-trào chính-biến của tướng BOULANGER, ông cũng ra ứng-cử nghị-viên ngày 24 tháng 9 năm 1889, nhưng không được trúng. Bấy giờ ông chủ-trương cái phong-trào công-nhân hiệp-đoàn (*syndicalisme*), trong bọn thợ đồ-đảng theo ông nhiều lắm. Rồi được bầu làm hội-viên thành-phố *Saint-Nazaire*.

Tháng 9 năm 1892 ở *Marseille* có họp toàn-quốc-hội-nghị lần thứ năm của các công-nhân hiệp-đoàn, ông đi dự, thay mặt cho « Lao-động ngân-hàng » (*Bourse du travail*) ở *Saint-Nazaire* cùng hội nghiệp-đoàn các xưởng sắt ở *Trignac*. Lệ hội-nghị chỉ nhận đại-biểu của thợ mà thôi, ông làm thầy kiện đã suýt nữa bị người ta không cho vào.

Ông trả lời rằng : « Chính tôi cũng là thợ, là thợ sắp chữ, vì một mình tôi sắp chữ cả cái báo của tôi in ở *Saint-Nazaire*. » Nghe nói vậy, anh em mới chuẩn-nhận cho ông được dự-hội.

Ở hội-nghị ông vận-động khôn-khéo lắm, ngoài hội-nghị quốc-tế công-đồng của đảng xã-hội ông xướng lập ra một hội-nghị đặc-biệt, chủ-trương một cái phong-trào công-nhân hiệp-đoàn không chịu ảnh-hưởng của đảng-phái nào cả, buổi họp sau cùng ông đệ một tờ trình bàn về cách tổng-bãi-công trong suốt cả các nghề, nói rằng «đảng thợ mà dùng cách đó thì mọi điều yêu-cầu liệt-kê trong chương-trình tất phải được cả. »

Đảng xã-hội thấy có một tay lạ mà đã thạo như vậy, muốn dùng cách lung-lạc để thu-nạp vào đảng mình. Nhưng ông khôn lắm, ông không mắc mưu. Phái xã-hội của ông GUESDE thấy thế cũng phải vì nể, vì biết cái tài của ông biện-thuyết giỏi, có thể làm cho công-chúng phải cảm-kích, phải hăng-hái lên mà không có dùng những cách xui-giục bạo-động chi, và đối với ai ai, dù kẻ khác đảng nghịch với mình, cũng là ôn-hòa nhã-nhặn lắm, không ai chê trách được gì.

Năm 1893, BRIAND dời *Saint-Nazaire* lên ở *Paris* lần này là lần thứ hai. Lần trước là lên để học luật : khi ấy thường giao-du với bọn thi-nhân văn-sĩ lãng-mạn hay họp ở quán « Con mèo đen » (*Le chat noir*). Lần này lên thuê một căng nhà nhỏ ở đường *d'Orsel*, trong xóm *Montmartre*, lại gặp những bạn cũ ở đấy. Lúc đầu chưa có đồ-đạc gì, còn ăn trọ ở một nhà ở đường *Saint-Martin*, mỗi tháng 100 quan, ăn uống đủ cả. Tiếng là làm thầy kiện, nhưng thầy kiện không có khách, thật cũng là bần-hàn lắm. Nhờ có ông quận-trưởng quận *Loire-Inférieure* giới-thiệu cho biết ông EUGÈNE MAYER là chủ-nhiệm báo *La Lanterne* (Cái đèn), ông này mời vào làm một chân trợ-bút trong báo. Chuyên về mục ký-thuật các cuộc hội-họp, và ký tên hiệu là *Volta*, MAYER thua lỗ, báo vào tay ông CORNUDET là nghị-viên quận *Creuze*, ông này vẫn giữ BRIAND làm phó thư-ký bộ biên-tập. Chẳng bao lâu địa-vị trong tòa báo mỗi ngày một tăng lên ; tuy gặp nhiều sự khó khăn mà quản-lý một cách khôn-khéo, lại trong cuộc bút-chiến cũng tỏ ra tay sành nghề, duy cái tài của ông thì vẫn sở-trường về khoa ngôn-ngữ hơn là khoa văn-chương, viết văn ông vẫn không lấy làm hứng.

Ông thường đi dự các hội-nghị đảng xã-hội, càng ngày càng được thiên-hạ biết tên biết người, bấy giờ mới ra tay vận-động phản-đối phái ông GUESDE là phái ôn-hòa hiện đương chủ-trương đảng xã-hội. Kỳ tổng-hội-nghị đảng xã-hội nước Pháp họp vào tháng 12 năm 1899, ông đọc bài diễn-thuyết thứ nhất của ông về sự tổng-bãi-công, bài này tức là tiếp-tục bài ông đã đọc ở *Marseille* năm 1892. Khởi đầu bài diễn-thuyết ông nói rằng :

Tượng Phật lớn bằng đồng ở Naira
(Nãi-lương) bên Nhật-bản

Ảnh Nhật-bản

Cảnh Lang-bian (xứ Mọi Trung-kỳ)

Ảnh của phủ Toàn-quyền

« Cái tư-tưởng tổng-bãi-công là cái tư-tưởng tôi vẫn hết sức cổ-động bấy lâu nay, tôi vui lòng được kỳ hội-nghị các công-nhân-hiệp-đoàn lần thứ nhất đã duyệt-y vậy. »

Rồi ông cắt nghĩa rằng muốn bãi-công không nên bãi-công riêng từng nghề, cách này rất hại, sự kết-quả không bõ với sự hi sinh. Phải dùng cách tổng-bãi-công, đem cả phái lao-động mà đối lại thì bọn chủ tất phải nhượng-bộ.

Cái chủ-nghĩa xã-hội của ông bấy giờ là công-nhiên có tính-cách cách-mệnh, bênh phái lao-động đối với phái tư-bản. Nhưng những tư-tưởng quá-khích đó, ông diễn ra một cách ôn-hòa bình-dị, như lẽ tự-nhiên vậy, nên nói đâu cũng được thiên-hạ hoan-nghênh lắm. Song cái thuyết tổng-bãi-công chẳng qua là một cái mộng-tưởng, lý-thuyết thì được, chứ thực-hành thì không sao được. Chính ông sau này cũng tự hiểu như vậy, nên càng từng-trải về chính-trị thì càng xa-cách những tư-tưởng cực-đoan lúc thiếu-thời.

Vào Nghị-viện

Nhưng cái cách ông can-thiệp vào chính-trị như vậy cũng đã làm cho ông được nổi tiếng. Kế đấy lại xẩy ra cái án GUSTAVE HERVÉ là chủ báo *Pioupiou de l'Yonne*, bị cáo về tội nói xấu phạm đến danh-giá của nhà quân. Ông làm thầy kiện cãi cho cái án đó, danh tiếng lại càng lừng-lẫy nữa. Ngày 27 tháng 4 năm 1902, ông ra ứng-cử nghị-viên ở *Saint-Etienne*, được trúng-cử 9.063 phiếu. Ngày 21 tháng 10 năm ấy ông mới bắt đầu ra diễn-thuyết ở Nghị-viện. Nguyên ngày mồng 10 tháng 10, trong một cuộc tổng-bãi-công của thợ mỏ, một người lính « sen-đầm » có giết chết một người thợ bãi-công ở *Berrenoire*. Ông lên diễn-đàn chất-vấn Chính-phủ về việc đó. Ông nói rằng sở-dĩ xẩy ra những việc đau-đớn như vậy chỉ vì cảnh-binh của Nhà-nước có cái thói quen coi sự bãi-công là một cái tội. Thợ bãi-công mà không làm sự bạo-động gì thì không phải là người phạm tội, Nhà-nước không được dùng võ-lực mà đàn-áp, làm như thế chỉ dủ xui giục cho người ta bạo-động mà thôi. Ông nói một cách ôn-hòa, ai cũng phải để ý nghe. Giọng ông nói như tiếng đàn mà cách ông nghị-luận rất uyển-chuyển, toàn-viện đều phải chú-ý.

Thế là ở Nghị-viện Pháp mới xuất-hiện một tay hùng-biện vậy.

Nhân đây tưởng nên nói qua về cái tài khẩu-biện của BRIAND thế nào. Chính ông POINCARÉ đã phải khen cái tài ấy trong mấy câu như sau này :

« Ông BRIAND thật đã gồm được đủ các cái thiên-tư của nhà diễn-thuyết, mà đều tới cực-điểm cả : cái bộ tay vung ra dài-rộng như bao-quát lấy cả, cái tầm người óng-ả, cái giọng nói dịu-dàng êm-ái vô-cùng. Ngoài những cái ưu-điểm thuộc về hình-thể đó, lại thêm có cái tài ứng-khẩu lạ-lùng, khéo dùng chữ dùng tiếng một cách rất đích-xác, không ưa những lối khoa-trương vu-khoát, — thật là hợp với tính-cách người Pháp lắm, — giản-dị tự-nhiên hình như không phải dụng-công gì, có cái tài biết thừa cơ ứng-hội, khéo uyển-chuyển thích-hợp, khiến cho tâm-hồn người diễn-thuyết hình như khuôn theo luôn với tâm-hồn của thính-giả vậy » (1)

(1) « M. Briand a, au suprême degré, tous les dons de l'orateur : le geste large et enveloppant, la stature élégante, la voix infiniment douce et caressante. Ajoutez à ces qualités physiques une faculté d'improvisation merveilleuse, une incomparable précision de langage, un dédain très français de l'enflure et de la déclamation, une simplicité et un naturel qui paraissent exclure tout effort, un sens extraordinaire de l'occasion et de l'à-propos, un art supérieur d'adaptation, par quoi l'âme de l'orateur se modèle toujours, pour ainsi dire, sur l'âme collective de l'auditoire. » (R. Poincaré).

Có người hỏi chính ông rằng cái thuật diễn-thuyết của ông thế nào, thì ông trả lời rằng : « Trước tôi nghĩ kỹ về cái vấn-đề tôi định nói hay vì cơ-hội bắt phải nói, cân nhắc các lẽ phải trái thế nào, nói chuyện với các chính-hữu để kiểm-điểm lại, rồi đến lúc bước lên diễn đàn thời cố giữ cho cái óc được tự-do, không bận gì đến cái hình-thể câu văn cả, rồi cứ thế mà tự-nhiên ứng khẩu.

« Tôi vẫn cho cái cách sửa-soạn câu văn là một sự thúc-phọc cho thần-trí, chỉ bận-bịu làm thế nào cho lời diễn-thuyết được văn-vẻ chải-chuốt, thành ra không còn được tự-do mà tùy-thời mượn ngay trong hoàn-cảnh những cái lý-luận mình không thể dự-đoán được khi ngồi soạn bài trong buồng giấy, nó đột-nhiên phát-khởi ra giữa lúc thảo-luận mà nhiều khi quyết được cuộc tranh-biện vậy.

« Đối với tôi, bài diễn-thuyết không phải là một bài văn-chương, chính là một việc hành-động. Diễn-thuyết không phải để cho người ta đọc, chính để cho người ta nghe. Lời văn không quan-hệ gì ; cốt có ảnh-hưởng, có kết-quả là đủ. Nhiều khi nhân cái hoàn-cảnh nó cảm-động người diễn-thuyết, bật lên một câu mà nào là chủ-từ, nào là động-từ, nào là phụ-từ lộn-xộn cả, trái với mẹo luật thường, thế mà câu ấy lại có ảnh-hưởng sâu-xa hơn là những câu văn-chương rất điều-hòa chải-chuốt vậy. » (1)

Cái tài diễn-thuyết đó biểu-lộ ra một cách lỗi-lạc trong cuộc thảo-luận về vấn-đề chính-giáo phân-li (*la séparation*) Ông được cử làm ủy-viên phải làm tờ báo-cáo về việc này. Bản báo-cáo của ông đệ-trình Nghị-viện thay ban ủy-viên thật là một công-trình trước-tác lớn-lao vừa về sử-học, vừa về luật-học. Cái phần khảo-cứu thì cố-nhiên là có người tin-cẩn giúp tài-liệu cho ông, nhưng cái thể-tài chung thì tự tay ông nhuận-sắc. Luật chính-giáo phân-li đem ra thảo-luận ở Nghị-viện ngày 21 tháng 3 năm 1906, nghe ủy-viên phân-trần, Nghị-viện ngay từ đầu đã phục là thông-thạo lắm, và chịu là tay nói giỏi, lời-lẽ khúc-chiết và giọng điệu hùng-hồn. Trong cuộc thảo-luận chung, bao nhiêu tay lãnh-tụ đều thi nhau mà nói, cuộc thảo-luận thủy-chung vẫn giữ được cái vẻ cao-thượng, phần nhiều là nhờ ủy-viên khéo khu-khiển. Các phái tranh-biện đã vẫn-vẫn, ủy viên liền đọc một bài diễn-thuyết rất có ý-tứ, vừa khoan-dung và vừa cứng-cáp, khiến cho Nghị-viện phải ưng thuận cho đem ra thảo-luận

---

(1) Après avoir mûrement réfléchi au sujet que je me propose de traiter ou qui m'est imposé par les événements, après avoir pesé le pour et le contre des arguments susceptibles de le faire valoir, après les avoir contrôlés dans des conversations avec des amis politiques ; je m'efforce, en montant à la tribune, de garder mon cerveau libre de toute préoccupation de forme et je m'abandonne à l'improvisation.

J'ai toujours considéré la préparation de la forme comme un esclavage pour l'esprit qui, embarrassé par le souci de maintenir la perfection littéraire du discours, n'a plus la liberté d'emprunter au milieu les arguments qu'il n'avait pas été possible de prévoir dans la préparation du cabinet, ceux qui surgissent de la discussion même, et qui sont, le plus souvent décisifs.

Pour moi, un discours n'est pas une œuvre littéraire, c'est un acte. Un discours n'est pas fait pour être lu, il est fait pour être entendu. La forme est secondaire ; l'effet produit, le résultat obtenu est tout. Il y a souvent une plus grande force de pénétration dans une phrase où, sous l'influence de l'émotion qui s'est communiquée du milieu à l'orateur, le sujet, le verbe et l'attribut s'insurgent contre les règles grammaticales, que dans certaines périodes oratoires plus parfaites au point de vue de la forme et mieux cadencées.

từng điều-khoản. Toàn-thể luật phân-li, liền ngay bấy giờ thiên-hạ đặt tên cho là « luật BRIAND », được bỏ phiếu quyết-nghị ngày mồng 3 tháng 7 năm 1905, thắng được 108 phiếu. Ngày mồng 9 tháng 12 năm 1925 luật tuyên-bố thi-hành.

Nguyên trước các Giáo-hội ở nước Pháp là thuộc quyền Chính-phủ kiêm-quản, cho nên bộ Học đặt tên là bộ Học-vụ và Giáo-vụ (*Ministère de l'Instruction publique et des Lultes*). Nhưng vì sinh ra nhiều sự xung-đột bất-tiện, nên mới khởi lên cái phong-trào chính-giáo phân-li. Ông BRIAND chủ trương việc đó là cốt cầu cho yên nhân-tâm, đừng để cho Chính-phủ phải can-thiệp đến việc lễ giáo nữa. Người tán-thành vẫn nhiều, nhưng kẻ phản-đối cũng có. Kẻ ngộ-nhận cũng không phải là không. Bởi thế nên mãi về sau này ông diễn-thuyết ở *Périgueux* còn phải biện-bạch về việc đó như sau này :

« Khóa nghị-viện trước tôi đã có dịp chủ-trương một việc cải-cách lớn, cả trong dân-quốc đều ước-ao đã lâu, mà không ai dám khởi làm, vì sợ có ảnh-hưởng không hay đến vận-mệnh của Dân-quốc. Việc cải-cách đó tôi đảm-nhận ra đề-xướng tại Nghị-viện, vì tôi xét ra cái mầm mọi sự chia rẽ trong quốc-dân Pháp là thứ nhất ở cái vấn-đề tín-ngưỡng (*le germe de toutes les divisions entre Français était surtout dans les questions de conscience.*)

« Tôi tưởng chính về phương-diện đó là trước nhất phải cầu lấy hòa-bình. Vấn-đề đó mà giải-quyết xong, xóa bỏ được ở trong chương-trình đảng dân-quốc đi, thời bấy giờ những người thực lưu-tâm về việc nước, tôi nói những người thành thực chứ không phải những người mơ-hồ đâu, những người thực có lòng cầu những sự cải-cách về đường dân-chủ, về đường xã-hội, không phải băn-khoăn về vấn-đề tôn-giáo nữa, bấy giờ thời không có lẽ gì mà nuôi lấy cái mối cạnh-tranh trong anh em đồng bào nữa.

« Các ngài cũng đã biết việc cải cách đó là theo cái tôn-chỉ như thế nào. Có kẻ muốn làm sai-lạc dư-luận đi, cho thiên-hạ không hiểu cái thâm-ý của chúng-tôi, họ xui-giục cho người ta phản-kháng với Dân-quốc, khiến cho các giáo-dân Gia-tô ở nước Pháp tưởng lầm rằng từ nay không được tự-do tín-ngưỡng nữa, không được tự-do đem vợ đem con đi cầu-nguyện ở nhà thờ nữa. Họ bảo người ta rằng : « Đó là cái chính-sách áp-chế đấy. Tôn-giáo sẽ bị kiềm-chế, lòng tín-ngưỡng của người dân sẽ bị dày séo. » Những câu nói đó, trước cuộc tuyển-cử năm 1906, rang-rang khắp mọi nơi, hạt nào cũng nghe thấy.

« Sau cuộc tuyển-cử thời thấy nhà thờ đâu đâu cũng mở rộng, Dân-quốc vẫn một lòng khoan-dung, bao nhiêu tài sản của Giáo-hội giao trả lại Giáo-hội cả, chỉ xin tuân theo luật-lệ khai-báo cho phân-minh thì sự chuyển-dịch đó mới làm được.»

Vào Chính-phủ

Luật phân-li khi thi-hành cố-nhiên là có sự khó-khăn không khỏi được. Nhất là việc tổng-kê tài-sản của giáo-hội (*inventaires des biens ecclésiastiques*), có nhiều nỗi nghiêu-khê, dội phen thành ra sự xung-đột. Ở quận Bắc (*Nord*), khi tịch biên tài sản của nhà thờ *Boechêpe* xảy ra việc ẩu-đả, có một viên quan-lại đánh bị thương chết một giáo-dân. Việc đó đem ra chất-vấn tại Nghị-viện, Nội-các ROUVIER nhà đấy bị đổ. Ông SARRIEN lên lập Nội-các mới, giao bộ Nội-vụ cho CLEMENCEAU, mà bộ Học-vụ cùng Giáo-vụ thì giao cho BRIAND. Kế đấy Nội-các SARRIEN đổ, CLEMENCEAU lên lập Nội-các khác, lại giao cho BRIAND lĩnh bộ Tư-

pháp. Nhân Chính-phủ quyết-định trừng-phạt những quan-lại bất tuân-lệnh, việc này đem ra Nghị-viện, BRIAND phải đương-đối, vừa bị đảng xã-hội, vừa bị phái cấp-tiến phân-lìa với bản-đảng (*les radicaux dissidents*) công-kích dữ. Bấy giờ ông công-nhiên lìa hẳn với đảng xã-hội hiệp-nhất (*socialistes unifiés*). Nhân có việc tai-nạn xẩy ra ở mỏ *Courrières* quận Bắc, thợ mỏ khởi bãi-công, sinh ra nhiều việc bạo-động, ông bất-đắc-dĩ phải phái binh-lính lên để dẹp yên. Ông là người cổ-động cho thợ bãi-công hồi xưa, mà nay ra cầm quyền lại nhè ngay thợ bãi-công mà trị bằng võ-lực, thiên-hạ không khỏi lấy làm sửng-sốt lạ-lùng. Các đảng phản-đối lại càng công-kích dữ. Ông diễn-thuyết ở *Saint-Etienne* phải nói rõ cái lý-do làm sao mà ông lại nhận vào Nội-các lần đầu. Ông nói rằng :

« Bấy giờ là sắp đến kỳ tuyển-cử, các đảng phản-đối đã họp được người được tiền nhiều lắm. Ở ngoài thời nhiều việc phiền-phức nghiêm-trọng. Tình-thế nguy-kịch. Nếu mà trù-trừ do-dự hay vận-động sai-lầm thì cả cái công-phu theo đuổi về chủ-nghĩa dân-chủ trong bảy năm vừa qua, thành ra công uổng cả. Phải quả-quyết mới được. Giữa lúc ấy thời trong khắp các phái thuộc về đảng dân-quốc cùng đảng xã-hội, người ta yêu-cầu đến tôi, bách tôi phải hiệp-tác với Chính-phủ, nhận lĩnh một bộ, để giúp cho thành cái công-quả hộ-vệ cho nền dân-chủ. Tôi nhận.

« Đảng nào có trách-nhiệm chung của đảng ấy ; nhưng cá-nhân cũng có trách-nhiệm của cá-nhân. Tôi không thể tránh cái trách-nhiệm ấy mà không bội nghĩa-vụ của tôi. Tôi hứa với các ngài luật phân-ly ; luật ấy tôi đã làm được Nghị-viện quyết-nghị. Nay đem ra thi-hành, xẩy ra sự biến, người ta cầu đến tôi để thi-hành cho trọn. Tôi làm thế chẳng là làm nghĩa-vụ của tôi dư ? Các ngài sinh ra đứa con, nay cái sinh-mệnh nó nguy-ngập, người ta đến cầu-cứu để cầm lấy tay nó, dắt nó đi, phù-trì cho nó, che-chở cho nó, phỏng các ngài có làm hay không ? Tôi đây cũng làm thế mà thôi.

« Tôi cũng hiểu rõ là đảng xã-hội không biểu đồng-tình với tôi, và tôi cho đảng xã-hội làm thế là phải. Tôi đã thân ra đảm-đương một cái trách-nhiệm, tôi xin giữ cả một mình. Khi có người đến bảo tôi rằng : « Ông quyết-định thế nào là có quan-hệ đến cái công-phu bảy năm trời đó », khi có người đến bảo tôi phải đứng lên mà làm nghĩa-vụ, thì tôi ra làm nghĩa-vụ đó mà thôi. »

Làm thủ-tướng

Tháng 9 năm 1909, ông BRIAND ra lĩnh chức thủ-tướng lần đầu. Lúc ra trình-diện với Nghị-viện, ông tỏ cái thái-độ khiêm-tốn, làm ra nét mặt rầu-rầu mà nói rằng :

« Quan Giám-quốc giao cho tôi cái trọng-trách này, tôi ra tay đương lấy, lấy làm cảm-động vô-cùng, và trong lòng cũng băn-khoăn vô-hạn.

« Tôi tưởng tôi nhận lấy cái trách-nhiệm này khí sớm quá, vì tôi biết cái địa-vị này là địa-vị rất cao-trọng. Tôi hồi-tưởng lại cái đời trước của tôi, tôi tự hỏi không biết tôi nhận thế có xứng-đáng không, không biết tôi có quyền ra đương việc để giúp nước không.

« Tôi đã hết sức muốn từ chối, nhưng lâm-thời tôi quyết-định ra đương lấy trách-nhiệm. Song nếu tôi nhận lấy cái chức cao quyền trọng này, cho là một sự vinh-hiển riêng cho mình, hay coi là một công-việc tầm-thường dung-dị, chỉ biết cái bề ngoài vẻ-vang rực-rỡ mà thôi, thì tôi quả là con người hèn-mạt thật. Tôi thấy trong mình tôi không phải là biến thành con người khác, nhưng hóa ra một con người thích-đương với

chức-trách mình vậy. » (*J'ai fait tous mes efforts pour m'y soustraire, puis, le moment venu, je me suis décidé à assumer cette responsabilité. Mais je serais un homme bien misérable si j'avais considéré cette haute fonction comme une conquête d'amour-propre, comme un devoir facile à remplir, et si je n'en avais aperçu que le côté vain et prestigieux. En moi s'est fait je ne dirai pas un autre homme, mais un homme adapté à sa fonction.*)

Lời tuyên-bố đó tức là cái án li-dị của ông với cả cái cuộc đời trước vậy.

Ông lại nói một câu này nữa để tỏ rằng gián-hoặc ông phải ra tay hạn-chế quyền tự-do của người ta là vì nước, vì pháp-luật, vì trật-tự chung mà phải làm, chứ không phải là ông không biết tự-do là quí :

« Tôi không phải là người ưa bách-hại người ta. Tôi là một người ham tự-do. Trong đời tôi cũng đã lắm lúc phải cần tự-do, giá bấy giờ mà không được thì lấy làm phiền-muộn lắm. Vậy tôi không có cái chí muốn ngăn quyền tự-do của người dân trong nước tôi, tôi thiết nghĩ Chính-phủ nào cũng phải cho người ta được tự-do, miễn là phải phục-tòng pháp-luật. Cứ như ý tôi, thì đối với những sự phát-biểu của tư-tưởng, Chính-phủ phải nên rất khoan-dung. »

Hồi làm thủ-tướng ông truyền lệnh cho các quận-trưởng cứ theo cái tôn-chỉ khoan-dung đó mà làm việc quan. Bấy giờ cái thanh-giá của ông đã lớn-lao lắm, ông cho là đã đến lúc có thể khởi-hành mấy việc cải-cách quan-trọng. Bài diễn-thuyết ông đọc ở *Périgueux* chính là cái chương-trình cải-cách của ông ; ông nói nhiều nhất về việc cải-cách luật bầu-cử. Ấy chính về dịp đó mà ông có dùng một câu tỉ-dụ rất có ý-vị, sau này thành một câu thành-ngữ ở trong danh-từ chính-trị : nói về những hội bầu-cử ở các hạt, chỉ khu-khu biết trong địa-hạt mình mà thôi, không có phóng con mắt mà nhìn đến toàn-quốc, ông gọi là những cái « ao tù » (*mares stagnantes*). Cả đoạn diễn-thuyết trứ-danh đó, xin dịch ra sau đây :

« Tất cả những người thanh-niên kia, có cái chí muốn theo đuổi một sự-nghiệp tốt đẹp về nhân-đạo, một sự-nghiệp lớn-lao về xã-hội, phải biết tìm lấy những lời nói có thể kích-thích được thần-trí, cảm-động được tâm-tình, không phải chỉ khu-khu trong cái công việc nhỏ-mọn tổ-chức một địa-phương, vẫn biết là việc cần, việc đáng thật, nhưng không thể để cho một chính-đảng tiêu mòn sức mạnh đi về việc đó ; không phải chỉ quanh-quẩn trong một cái phần việc hẹp-hòi, khiến cho các hội bầu-cử thành ra cách-biệt nhau, trở nên suy-nhược đi, không phải ở những cuộc thảo-luận nhỏ-nhen về cá-nhân, mà một chính-đảng có thể tìm lấy sức sinh-hoạt được, có thể giúp sức sinh-hoạt cho một chính-thể được, không phải thế !

« Những bậc hảo-nam-tử kia, là người trong các hội bầu-cử đó, là tay tướng-tá của đội quân dân-quốc, chắc chỉ cầu đem cái sức hoạt-động hăng-hái mà giúp việc công-ích, mà phụng-sự một cái lý-tưởng quảng-đại cao-thượng, phải nên cho người ta một cái đồ ăn lành hơn, bổ hơn thích hợp với sự yêu-cầu của việc tuyên-truyền hơn ; trong nước bây giờ hình như đâu đâu cũng nhan-nhản ra những cái ao tù nước đọng, phải nên kíp gây nên một luồng gió mạnh thổi qua, để cho tiêu-tán những cái hơi hôi-hám, tiệt-diệt những cái mầm trùng độc vậy. (*À travers toutes les petites mares stagnantes, croupissantes, qui se forment et s'élargissent un peu partout dans le pays, il convient de faire passer au plus vite un large courant purificateur qui dissipe les mauvai-*

ses odeurs et tue les germes morbides.) Phàm các người nhiệt-thành với chủ-nghĩa dân-quốc, phải thông-đồng cả với nhau, không những trong một hạt hay trong một quận mà thôi, mà phải liên-lạc cả quận nọ với quận kia, khiến cho trong lòng mình là có quả tim của cả nước Pháp đập ở đó vậy. »

Việc cải-cách ông rắp định là mở rộng cách bầu-cử vào Nghị-viện, gia thêm kỳ-hạn nghị-viên và bầu lại Nghị-viện từng một phần ba một.

Bấy giờ xẩy ra một cuộc bãi-công trong các công-ti vận-tải. Ông bèn dùng những kế-hoạch cương-quyết để dẹp cho yên, quả có kiến-hiệu, nhưng kẻ phản-đối ông cho ông là làm chính-sách võ-đoán độc-tài. Bị chất-vấn ở Nghị-viện, ông trả lời lại có câu rằng :

« Tôi thử hỏi các ngài trong nước có việc bãi-công của bọn làm công xe-lửa, có lẽ nào Chính-phủ lại khoanh tay mà ngồi không được không? Không những bãi-công lại thêm bạo-động nữa ; chúng tôi phải dùng đến kế-hoạch cương-quyết, nhưng không hề trái pháp-luật. Việc xe-lửa là việc không thể đình-chỉ được, rất là trọng-yếu cho sự sinh-hoạt của quốc-gia ; khác nào như máu chảy trong mạch máu vậy. Máu chảy không thể dừng được. »

Rồi ông chìa hai tay ra trước Nghị-viện mà nói rằng : « Các ngài xem, tay tôi đây không có máu mà ! » Ý nói là có dùng cách cương-quyết mà không đến lưu huyết. Nghị-viện nghe nói cũng xiêu lòng.

Nhân có việc bãi-công đó, cũng là một cách cảnh-cáo cho quốc-dân biết, ông thừa-cơ dự-định cái chương-trình « động-viên về xe-lửa » (*mobilisation ferroviaire*), để phòng khi chiến-tranh. Chính chương-trình này thi-hành năm 1914.

Tháng giêng năm 1913, ông lại lên làm thủ-tướng lần thứ nhì, sau khi ông POINCARÉ được bầu làm giám-quốc. Lần này ông chủ-trương cái luật tăng hạn lính lên ba năm. Quốc-dân Pháp khen ông là có công về việc quốc-phòng. Ngày 21 tháng 12 ông diễn-thuyết ở *Saint-Etienne* có nói rằng :

« Chính tôi đã được cái danh-dự, đã đương cái trách-nhiệm bàn với Nghị-viện tăng hạn đi lính trong quốc-dân. Tôi khởi-xướng lên việc đó, thật tôi cũng lấy làm rầu lòng lắm.

« Tôi biết rằng làm như vậy là thêm cái gánh nặng cho quốc-dân, cũng là cực-khổ cho quốc-dân lắm. Tôi làm như vậy là tôi biết rõ cái trách-nhiệm của tôi lắm, và tòa Nội-các kế sau tôi đã làm được hoàn thành cũng là có công lắm.

« Thế mà ngày nay trong đảng dân-quốc xung-đột nhau, cãi cọ nhau, kẻ này thì nói hai năm, kẻ kia thì nói ba năm, phần nhiều lại nói hai-mươi-tám tháng hay là ba-mươi tháng, có thể thôi mà nỡ đem quốc-dân ra sâu-xé nhau hay sao ?

« Không, tôi tin ở quốc-dân, tôi biết rằng quốc-dân sẽ thấy những câu chuyện cãi cọ đó mà lấy làm nhờm làm chán, muốn vất bỏ đi không thèm nghe nữa, vì những sự cãi-cọ đó là tương-phản với những quyền-lợi thiêng-liêng của nhà-nước, nếu để cho dai-dẳng ra thì có thể nguy đến cuộc bảo-an cho nước nhà nữa. »

Cái dự-án cải-cách luật bầu-cử của ông đề-xướng lên năm trước, sau mới đem ra thảo-luận ; nhưng bị Thượng-Nghị-viện phản-đối. Thảo-luận kịch-liệt trong năm ngày, không giải quyết xong, ông bèn đề-khởi vấn-đề tín-nhiệm (*poser la question de confiance*), lời-lẽ rất cương-quyết. Ông nói rằng :

« Tôi xin nói ngay để các ngài biết, trong cuộc thảo-luận này, tôi không muốn dùng những cái cách khôn-ngoan, khéo-léo, mềm-mỏng, ngọt-ngào, là những cách mà các nhà phản-đối tôi thường khen tặng tôi xưa nay, gặp những buổi nguy-cơ trong cái đời chính-trị tôi, thường kết thành vòng hoa mà quàng vào cổ tôi vậy.

« Ấy cổ-nhân ngày xưa cũng làm như vậy. Trước khi đem con vật hi-sinh cho đao-thủ trọc tiết, thường hay đeo hoa vào cổ nó như vậy. Tôi đây, tôi xin cứ để cổ trần, và cứ thẳng cổ mà bước lên. »

(*Je le dis tout de suite, je n'apporte pas dans cette discussion, je ne veux pas y apporter ces qualités prétendues d'habileté, de souplesse, de charme dont mes adversaires se sont plu à m'orner le col, à toutes les minutes critiques de ma vie politique. — C'est ainsi, Messieurs, que faisaient les anciens. On enguirlandait les victimes avant de les offrir au couteau du sacrificateur. Moi je tiens à y aller le col nu ; mais droit.*)

Rút cục khi bỏ phiếu thì ông thua. Được ở Hạ-nghị-viện mà thua ở Thượng-nghị-viện, hai viện không đồng-ý nhau về một khoản cốt-yếu trong chương-trình Nội-các của ông, ngày 19 tháng 3 năm 1913, ông cùng cả Nội-các từ chức.

Hồi chiến-tranh

Khi chiến-tranh, ông lại tham-dự Chính-phủ, làm tổng-trưởng Bộ Tư-pháp trong Nội-các liên-hiệp của ông VIVIANI. Ngày 23 tháng 12 năm 1914, Nghị-viện mới tiếp-tục làm việc, Nội-các ra trình-diện, ông thay mặt Nội-các đọc lời tuyên-cáo tại Thượng-nghị-viện tỏ ý Chính-phủ giốc một lòng theo đuổi việc chiến-tranh « cho đến cùng » (*jusqu'au bout*). Ông nói rằng :

« Nước Pháp cùng các bạn đồng-minh vẫn ham chuộng hòa-bình, vậy mà bất-đắc-dĩ phải chịu cái nạn chiến-tranh, đã vậy thì xin chiến-tranh cho đến cùng.

« Nước Pháp trung-thành với chữ ký trong điều-ước ngày mồng 4 tháng 9 vừa rồi, đã đem cả danh-dự, nghĩa là cả cuộc tồn-vong mà để vào đó, sẽ một lòng với các bạn đồng-minh, quyết bao giờ trả thù được cho công-lý bị nhục, thu được về tổ-quốc Pháp những châu-quận kia đã bị cường-quyền đoạt mất, khôi-phục cho nước Tỉ oanh-liệt kia được hoàn-toàn lĩnh-thổ, hoàn-toàn chủ-quyền, phá-hoại được cái quân-quốc chủ-nghĩa của người Phổ, để mà cải-tạo lại một cõi Âu-châu lấy công-lý làm nền gốc, quyết bao giờ được như vậy thì mới cởi giáp thu binh.

« ... Cho được chiến-thắng, oanh-liệt ở nơi địa-giới chưa đủ, phải đồng-tâm ở trong dân-gian nữa mới được. Ta phải cố giữ cho cái mối đồng-tâm thần-thánh đó, không ai phạm đến được. Hôm nay cũng như hôm qua, cũng như ngày mai, chỉ nên hô một tiếng: Chiến-thắng ; chỉ nên trông một cái hình-ảnh, là : Tổ-quốc : chỉ nên thờ một cái chủ-nghĩa, là : Công-lý. Ta cũng chỉ vì công-lý nên ta phải ra chiến-đấu, chỉ vì công-lý nên nước Tỉ đã đem cả máu trong mạch máu mà cống-hiến, chỉ vì công-lý mà nước Anh cương-nghị kia, nước Nga trung-thành kia, nước Tắc quả-cảm kia, đội hải-quân mạo-hiểm của nước Nhật kia, đã hăng hái mà ra trận vậy. Trận này là trận vĩ-đại nhất trong lịch-sử cổ-kim, không phải vì các dân-tộc xung-đột nhau để mà tranh-cướp lấy địa-hạt, lấy phụ-đầu, để mà khuếch-trương cái cuộc đời vật-chất của mình, để mà tăng-gia quyền-lợi về chính-trị hay về kinh-tế ; chính là vì xung-đột nhau để giải-quyết vận-mệnh cho thế-giới vậy. »

Sau ông VIVIANI vì không thuận cho đặt hội-đồng bí-mất, trái ý với Nghị-viện, phải từ-chức, thời lại đến BRIAND ra lĩnh cái trọng-trách làm thủ-tướng. Ông lập một Nội-các rất rộng, gồm đại-biểu cả các đảng, từ đảng xã-hội bên tả cho đến đảng Giáo-hội bên hữu. Ông quyết chí tận tụy về việc quốc-phòng, coi là một cái chức-vụ thiêng-liêng, nên muốn cho tất cả người Pháp đều đồng-tâm về việc đó. Ngày mồng 3 tháng 11 năm 1915, ông đọc lời tuyên-cáo của Nội-các tại Nghị-viện, chỉ vắn-tắt có mấy câu. Ông nói rằng: « Chúng ta đương buổi chiến-tranh; giờ này là giờ phải làm việc. Cả nghị-lực của Chính-phủ phải chuyên-chủ về việc hành-động. »

Ông cố sức gây lấy cho hết-thảy được hợp-nhất trong cách quản-cố việc nội-chính, hợp-nhất trong cách chỉ-huy các quân-sự. Ông chắc rằng cuộc thắng phụ là ở mặt Đông-phương, nên ông phái một quân-đoàn sang *Salonique*, dù ai phản-đối cũng không nghe, sau quả có kết-quả hẳn-hoi.

Ngày 17 tháng 3 năm 1917, ông trao quyền Nội-các cho ông PAINLEVÉ.

Sau chiến-tranh

Sau khi nước Pháp chiến-thắng rồi, ông lại được cử làm thủ-tướng lần thứ bảy, kiêm lĩnh bộ Ngoại-vụ.

Ngay khi Nội-các mới lập, ngày 21 tháng giêng năm 1921, ở *Paris* họp Hội-nghị các nước Đồng-minh với nước Thổ-nhĩ-kỳ. Rồi đến Hội-nghị *Londres* (20 tháng 2 năm 1921) để giải-quyết vấn-đề bồi-thường. Chính nhân việc đó mà ông đọc ở Nghị-viện bài diễn-thuyết trứ-danh, có câu nói rằng: « Nếu nước Đức không chịu trả, thì ta nắm lấy cổ áo mà bắt phải trả » (*la main au collet*). Ngày mồng 4 tháng 3 sau quân Pháp sang chiếm-cứ mấy thành *Ruhrort*, *Duisbourg* và *Dusseldorf* bên Đức, nhờ đó Đức mới phải chịu nhận bản kê các khoản bồi-thường định ở *Londres*. Cùng một năm 1921 đó lại họp hội-nghị *Washington* về việc tài-giảm hải-quân.

Tháng giêng năm 1922, họp hội-nghị ở *Cannes* để xét việc giao-thiệp với nước Đức; dương khi thảo-luận ở hội-nghị chưa xong, ông nghe chừng Nghị-viện có bụng ngờ, ông liền trở về *Paris* trình bày các lẽ, rồi ngày 12 tháng giêng xin từ chức, không đợi xem đầu-phiếu thế nào nữa.

Ba năm sau ông lại lĩnh bộ ngoại-vụ, kế cho ông HERRIOT. Tự năm 1925 trở đi, ông không dời bộ Ngoại-giao nữa, mãi cho đến tháng giêng năm 1932 nay vì bệnh nên mới phải từ chức. Từ năm 1920, ông vẫn làm đại-biểu vĩnh-viễn cho nước Pháp ở Hội Vạn-quốc.

Sự-nghiệp ông trong mười năm sau này thì rực-rỡ, cả thế-giới đều biết. Sự-nghiệp ấy chỉ gồm lại một chữ: Hòa-bình. Ông đã mục-kích cái thảm-trạng chiến-tranh, ông chỉ ước-ao cho thế-giới từ nay khỏi phải cái nạn ghê-gớm ấy nữa. Bởi thế nên vừa ở bộ Ngoại-vụ, vừa ở Hội Vạn-quốc, ông hết sức điều-đình thương-thuyết với các nước cho giải-quyết những mối phân-tranh, khỏi phải dùng đến võ-lực. Đối với nước Đức, ông cũng tỏ lòng khoan-dung, muốn quên cả những mối hiềm cũ mà gây lấy tình thân-thiện trong hai nước. Hồi bấy giờ ở Đức có quan Ngoại-vụ STRESEMANN cũng cùng một ý-kiến đó, nên việc giao-thiệp dễ-dàng lắm. Nào là ký-ước ở *Locarno* (16 tháng 10 năm 1925), nào là hội-kiến ở *Thoiry* (17 tháng 9 năm 1926), hai người tỏ ra có tình thân-mật, cũng hòa-giải được nhiều việc khó-khăn trong hai nước.

Không những đối với nước Đức, đối với tất cả các nước ở Âu-châu, hết thảy các nước trong thế-giới, ông cũng muốn gây cho nên một cái không khí hòa-bình cả. Tháng 4 năm 1927, ông gửi tờ thông-cáo cho quốc-dân Mĩ xin làm án sự chiến-tranh, cho là ra ngoài pháp-luật của thế-giới văn-minh : Ngày 27 tháng 8 năm 1928, ông cùng với ngoại-tướng Mĩ đề-xướng lên cái hiệp-ước phi-chiến, sau thành tên là hiệp-ước BRIAND-KELLOG, được rất nhiều các nước ký tên. Ngày 17 tháng 5 năm 1930, ông xướng lên cái thuyết Liên-Âu (*Union européenne*) ở Hội Vạn-quốc, tuy chưa thể thực-hành được, nhưng cũng được nhiều nước tán-thành. Bao nhiêu hội nghị ở Hội Vạn-quốc là ông có dự cả, thường lấy cái tài hùng biện mà giải-quyết được nhiều việc. Khiến cho thiên-hạ đã cho ông là người tiêu-biểu đệ-nhất cho cái tinh-thần của Hội Vạn-quốc vậy. Gần đây có việc Trung Nhật xung-đột, trước khi nhắm mắt lìa trần, ông không thể ngăn cản được cho đến thành chiến-tranh, ấy cũng là một mối đau lòng cho ông.

Cái thanh-giá ông trong hơn mười năm ở Hội Vạn-quốc thật không ai bằng, làm vẻ-vang cho cả nước Pháp. Bởi thế nên ở trong nước kẻ phản-đối ông cũng nhiều, mà ông vẫn đứng vững được ở bộ Ngoại-vụ đến bẩy năm. Họ phản-đối ông về cái gì ? Phản-đối ông là đối với nước ngoài ôn-hòa quá thành ra nhu-nhược, quá mê cái chủ-nghĩa hòa-bình mà làm thiệt đến lợi-quyền của nước Pháp. Đó là lời công-kích của các phái hữu, chứ còn các phái tả đều cảm-phục ông cả. Vả ông khoan-dung mà được các ngoại-quốc tôn-trọng, chẳng là danh-giá cho nước Pháp dư? Chẳng hơn là đem cái thái-độ cứng-cỏi đối với ngoài để gây lấy lòng thù-oán của người ta dư?

Dù thế nào mặc lòng, kẻ bình-tĩnh cũng phải cho ông là một nhà đại-chính-trị, vừa biết thờ nước mình mà vừa biết thờ cả nhân loại nữa.

Một đời ông lắm việc như vậy, không bao giờ được nghỉ-ngơi lâu. Khi nào được thư-nhàn một chút, hay những buổi hưu-hạ được ít lâu, thì thường về nghỉ chốn điền-viên, giữa cảnh thiên-nhiên phong-thú. Hồi đầu thì về ở quê nhà, gần bà mẹ. Một đôi khi đi du-lịch các miền. Lúc tuổi mười-tám đôi mươi, hãy còn tự-do, thì đeo cái dẫy trên lưng, đi thám-hiểm trong nước, dừng lại ở các nơi hàng quán, chuyện trò với những người nhà quê gặp trên đường. Đến khi đứng tuổi lên, cũng vẫn giữ cái thói quen đó. Ông thường nói : « Mười-lăm ngày đi du-lịch, học được nhiều thứ hơn là bốn năm ở Nghị-viện hay mười năm ngồi khảo hồ-sơ bút-lục. » Một buổi đi chơi ở nhà quê đó, vào mùa thu năm 1908, trên con đường từ *Pacy sur Eure* đến *Louviers*, ở ngay bờ sông *Eure* tĩnh-mịch, tới một cái làng nhỏ tên là *Cocherel*, lấy làm thú lắm. Ngồi ăn cơm xoàng ngoài quán, hỏi thăm chơi gần đấy có cái nhà nhỏ nào cho thuê không. Người ta chỉ cho có một cái lợp gianh, coi giáng quê-mùa cũng thích. Ông bèn hỏi thuê, lấy một tên khác, nhưng không giấu được lâu, rồi thiên-hạ biết ngay. Sau ông mua hẳn, cho lợp ngói, đặt giàn hoa, nào là hoa đằng, nào là hoa quì, vui mắt lắm, rồi về ở đó. Ở chỗ quê-mùa đó ông cũng giản-dị như người nhà quê, ăn mặc như họ, cư-xử như họ, đi «ghệt» bằng da, đi dầy đế sắt, đội cái mũ cũ, cầm cái gậy mấu, mà miệng bao giờ cũng có điếu thuốc ngậm. Nhà có hai gian, cũng chật-hẹp lắm ; rồi sau mới mua thêm ở trên giốc một cái nhà lối quê nữa, của ông cố đạo xã *Houlbecq* ở trước, thế là được hai cái nhà. Cái

nhà sau này thì cao, đứng đấy trông được cả phong-cảnh chung quanh, ông lấy làm ưng lắm. Khách đến chơi ông thường nói rằng :

« Tôi ưa cái phong-cảnh này lắm : có con sông chảy, mát-mẻ quanh-co, có cây bao giờ cũng xanh um, có bụi rậm ríu-rít những tiếng chim kêu, chung quanh thì đồi núi bao bọc, ở giữa thì đồng cỏ xanh rì. Có người thích núi, có người ưa những sông lớn cuồn-cuộn, những phong cảnh lớn-lao... Tôi cho những cảnh ấy nó như nuốt mình đi vậy. »

Sau lại mua được năm mẫu tây đất ruộng, với một cái đồng cỏ, thế là thành một cơ-ngơi nhỏ, tự ông khai-khẩn lấy, thân đi coi ruộng, lại chăn nuôi ít con vật để thêm tiêu-khiển.

Một hồi ông cũng hứng săn bắn ; tự hội-nghị *Locarno* là hồi ông bắt đầu xướng cái chủ-nghĩa phi-chiến, thì thôi không săn bắn nữa. Chỉ ngồi cửa sổ nhìn lũ thỏ rừng nhẩy-nhót trên sườn đồi mà thôi. Tấm lòng ông hiếu hòa-bình, nghĩ đến bắn phát súng lấy làm ghê sợ : ông không muốn cho đâu có chiến-tranh cả, ông chỉ muốn cho đâu cũng hòa-bình hết.

Cái thú đệ-nhất của ông là câu cá ; ấy là cái thú mà suốt đời ông ham-mê hơn cả.

Lúc câu chuyện tự-tình thân-mật, ông thường nói : « Cái phong-vị bình-tĩnh của thiên-nhiên, như thấm-thía vào tâm-hồn tôi. » (*La sérénité de la nature m'entre dans l'âme profondément*). Khi nghỉ-ngơi ở chốn điền-viên đó, trong lòng có được thảnh-thơi không lo nghĩ gì không ? Cái giây nghĩa-vụ nó buộc ông với những công-việc bề-bộn ở đời, đến đấy có cắt đứt được đi không ? Hay là những lúc ông ngồi nghĩ mơ-màng đó lại thường là lúc trầm-tư mặc-tưởng để kết-cấu nên một bài diễn-thuyết nào, ảnh-hưởng sẽ vang-lừng cả thế-giới ?

Lúc mơ-màng đó lại cũng có khi là hồi-tưởng về thân-thế mình, lấy cái tư-cách đạt-nhân quân-tử mà ngẫm-nghĩ sự đời, vừa hoài-nghi để cho khỏi hăm-hở mà thất-vọng, lại vừa giữ chút lạc-quan cho có lòng hưng-khởi mà làm việc. Tự biết rằng mình không phải là người lúc tuổi nhỏ mơ-mộng mà lúc trưởng-thành đạt được cái mộng thiếu-thời, vì cái mộng của mình nó xa-xôi quá. Ông thường nói : « Cái chí thành-công của tôi là bởi cơ-hội nó tạo ra » (*Ce sont les circonstances qui ont fait mes ambitions*). Tuy coi bề ngoài thì tưởng cái đời chính-trị, cái bước thanh-vân của ông mau chóng lạ thường, nhưng cứ như con mắt ông coi, thì ông cho nó cũng là bình-thường mà thôi. Vả ông vẫn chủ-trì cái thuyết rằng đời người không hẳn như cái thang có lắm bậc lắm tầng đâu, nhiều khi có thể bước liền mà tới nơi được.

Ông lại thường nói : « Tôi hơi giống như hòn sỏi gồ-ghề kia, đã bị nước suối lăn đi mãi rồi cạnh góc cũng hóa ra tròn vậy » (*Je suis un peu comme ces frustes cailloux qui, longtemps roulés par les flots du torrent, ont vu s'arrondir leurs angles*). Một người đã từng-trải sự đời như thế, những khi nghỉ-ngơi ở chốn biệt thự *Cocherel*, có thể ngồi mà biên lại những chuyện cũ trong đời mình, ắt thành bộ sách thú vị thâm-trầm, bổ-ích cho lịch-sử, cho triết-học biết bao nhiêu ! Nhưng cái thân ông đa-bệnh, lúc nhàn-hạ chỉ muốn di-dưỡng tinh-thần, ngồi trên bờ sông, trông dòng nước chảy, nghe con sáo nó cười, nghe con oanh nó hót mà thôi. Quân-tử thay !

Ông vẫn rắp định muốn nhắm mắt tạ đời ở chốn quê-mùa mộc-mạc mà phong-cảnh hữu-tình đó. Không ngờ lên *Paris* để nhờ thầy thuốc thăm bệnh, mà bệnh hốt nên nguy-kịch, chết ở nơi nhà trọ đường *Kléber* ông thuê đã lâu mà không mấy khi ở. Nhà nước Pháp làm lễ quốc-táng long-trọng, cả thế-giới thương khóc một bậc vĩ-nhân.

THƯỢNG-CHI

Je comparerais volontiers l'humanité à un sol profond que la patrie recouvre comme un sol superficiel. Les esprits qui n'ont pas poussé dans la terre natale, des racines profondes et très vigoureuses, n'atteignent jamais cette zone plus profonde, où les différences entre nations n'existent plus. Ceux-là seuls qui ont traversé l'humus accumulé, la substance tout entière du passé national, touchent enfin le tuf universel.

HENRY BIDOU

Tôi muốn so-sánh nhân-loại như từng đất đen ở bên dưới, mà tổ quốc như lượt đất mầu ở bên trên. Phàm người ta cũng ví như cái cây, nếu không mọc rễ sâu và mạnh vào cái lượt đất mầu của tổ-quốc, thì không bao giờ tới được cái từng đất đen ở bên dưới, là chỗ các quốc-gia không có phân-biệt nhau nữa. Chỉ những kẻ nào đã trải qua được cái lượt đất mầu của đời trước tích-lũy, hấp-thụ được hết cái quốc-túy của tiền-nhân, thời bấy giờ mới tới được cõi đất đen đại-đồng.

∴

En ce moment, les meilleurs citoyens sont un bourgeois qui fonde une manufacture, un propriétaire qui défriche la terre et un ouvrier qui prolonge d'une heure sa journée de travail. Il ne s'agit pas de clabauder et de lire les journaux, mais de labourer, de calculer, d'étudier, d'inventer, occupations toutes ennuyeuses, positives, constructrices. Il est dur de passer de la vie épicurienne et spéculative à la vie industrielle et militante; de patricien on pourrait devenir un esclave et une machine ; mais il faut choisir quand on vent former une grande nation. Pour résister en face des autres, il faut accepter la nécessité qui s'impose aux autres, soit le travail régulier, assidu, continu...

H. TAINE (1864)

Đương lúc bây giờ, người dân tốt là người kẻ chợ lập được cái nhà máy, người điền chủ khẩn được sở ruộng đất, người thợ-thuyền mỗi ngày làm thêm ra một giờ vậy. Không phải là cái thời-giờ ngồi nói nhảm hay đọc nhật-trình, nhưng phải cày ruộng, phải tính toán, phải học-hành, phải chế-tạo, toàn là những việc không thú gì cả, nhưng nó thành-công, nó thực-dụng. Đương ở cái đời khoái-lạc, cái đời tư-tưởng, mà chuyển sang cái đời công-nghệ, cái đời hoạt-động, đương làm khách thượng-lưu mà trở nên kẻ nô-lệ, làm như một cái máy, thì cũng cực thật ; nhưng muốn tạo nên một nước cường-thịnh thì phải kén chọn. Muốn chống đối được với kẻ khác, thời phải theo cái lẽ tất-nhiên nó bắt-buộc kẻ khác, là phải biết làm việc cho đều-đặn, cho chăm-chỉ, cho chuyên-cần.

ÔNG BRIAND MỚI TẠ-THẾ

Ông BRIAND, là nguyên Ngoại-vụ Tổng-trưởng nước Pháp, mới tạ-thế, người đời thường tặng cho cái tên là « người ru đời » *(l'enchanteur)*. Thế-giới đương buổi cạnh-tranh náo-nhiệt, ông thủy-chung chỉ xướng một chủ-nghĩa hòa-bình, đem cái điệu hát « Thăng-bình » mà « ru » cho một nhân-loại chỉ những hằm-hè khuynh-loát lẫn nhau. Đời tặng ông cái tên ấy, khen ông chăng? mỉa ông chăng? Thực ra thì kẻ tôn-sùng ông cũng nhiều, người bài-xích ông cũng lắm. Nay ông nhắm mắt giữa lúc tiếng súng đương dậy một góc trời Đông, rõ cái chủ-nghĩa của ông là một sự mộng-tưởng, chưa thể thực-hiện được ở thế-giới này. Nhưng cái chí cao-thượng của ông, cả thế-giới cũng phải cảm. Sau đây dịch một bài trích trong « Thời-báo » *(Le Temps)* ở *Paris*, nói về cái cảm-tưởng của người đời đối với « người ru đời » đã tạ-thế.

* * *

La mort de l'enchanteur

Aristide Briand est mort tristement, presque en exil. Après avoir été fêté, applaudi, aimé par le monde entier, il avait, il y a deux mois, quitté le pouvoir au milieu d'une indifférence ingrate. De violentes attaques de presse avaient dénaturé devant l'opinion publique et son rôle et sa personne. Quoique la majorité lui fût demeurée fidèle et malgré les ménagements de ses pairs au milieu des secousses politiques, sa politique tant affirmée par notre Parlement semblait condamnée. Et puis la maladie le terrassait, cette maladie dont les personnages en vue doivent souvent faire la preuve par le néant pour éviter enfin les sarcasmes et les suppositions malveillantes. Il partit sans amertume vers la paix des champs avec cette démarche accablée qui paraissait le détacher de toutes choses, et, comme on s'inquiétait en haut lieu des moyens matériels dont il pouvait disposer, il répondit que, n'ayant pas de grands besoins, ses ressources dure-

Người ru đời đã tạ-thế

ARISTIDE BRIAND *đã tạ-thế, một cách buồn rầu, như người thất-thế vậy. Trước kia được cả thế-giới nào cổ võ, nào hoan-nghênh, nào tôn-sùng, nào yêu-quí, cách hai tháng đây từ chức lui về giữa cái không-khí lãnh-đạm bạc-bẽo. Bị các báo công-kích kịch-liệt, làm cho dư-luận hiểu lầm cả sự-nghiệp cùng thân-thế của ông. Tuy trong trường chính-trị phân-vân, phần đa-số vẫn trung-thành với ông, kẻ bằng-bối vẫn vị-nể ông, chính Nghị-viện cũng công-nhận cái chính-sách của ông, vậy mà chính-sách ấy xem ra đã thất-bại vậy. Gia-dĩ ông lại bị bệnh, xưa nay những bậc tai-mắt thường phải có bệnh như vậy để cáo lui, cho thoát khỏi những sự mỉa-mai cùng những lời ức-đoán khắt-khe của thiên-hạ. Ông lui về chốn điền-viên yên-ổn, không căm giận gì, tỏ ra cái dáng mệt-nhọc, như người không thiết gì đến sự đời nữa ; nhân Chính-phủ lo rằng ông không có đủ tư-sản để tự-cung, ông nói rằng ông không cần-dùng chi mấy, tài-sản của ông cũng đủ chi-dụng được mấy tuần-lễ, để nuôi cái thân tàn*

raient bien quelques semaines, autant que lui. Devant une démocratie aisément injuste, il faut marquer ce détail qu'on n'eût osé retenir devant lui, tant il eut été choqué qu'on y prît garde.

La mort qui crée pour les hommes une nouvelle présence, rend à Briand le caractère que la polémique allait lui arracher. Dans l'émotion universelle, sa figure rayonne. Lui aussi, il fut « un moment de la conscience humaine ». Sa mystique devient devant les foules une religiosité. Hier, elle était son crime. Que lui reprochent ses adversaires ? D'avoir de tout son cœur voulu consolider la paix et réconcilier les deux nations dont l'inimitié persistante conduirait le monde à des cataclysmes périodiques ? Ce reproche n'est-il pas un éloge ? Bien entendu, les censeurs ne sont pas si simplistes qu'ils ne l'accusent surtout d'avoir compromis son œuvre par sa propre candeur. Admettons avec eux cet invraisemblable excès de naïveté de la part de celui que, par ailleurs, on traitait de « vieille ficelle » et condamnons le locarnisme : s'il n'avait pas vu le jour, qu'y aurait-il de changé ? Aurait-on mieux fait payer l'Allemagne ? Aurions-nous regagné plus facilement la sympathie et le concours de nos alliés d'hier ? L'illusion de Briand fut, au contraire, de vouloir faire consacrer par le droit un traité de guerre. A ce titre, nos nationalistes devaient lui rendre

chẳng còn sống bao lâu nữa (1). *Đối với một nước dân-chủ vẫn hay dễ bội-bạc, nên ghi lấy điều đó, chứ đối với ông thì sinh-thời có lẽ không ai dám nhắc đến, vì ông cho để ý đến điều đó là phiền lòng cho ông vậy.*

Cái chết nó làm cho người ta hình như lại hiển-hiện ra lần nữa, nay ông Briand *bị thiên-hạ tranh-luận, đã gần như làm sai mất tính-cách của ông đi, nhờ chết đi mà tính-cách ấy lại lộ ra vậy. Trong mối cảm-động chung, hình-ảnh ông lại sáng-sủa ra. Theo lời danh-ngôn nọ, ông cũng là « một thời-khắc trong cái lịch-sử của lương-tâm loài người » vậy. Cái chủ-nghĩa thần-bí của ông, đối với công-chúng đã thành như một tôn-giáo vậy. Mới đây có kẻ còn cho chủ-nghĩa ấy là một tội ác. Kẻ phản-đối ông trách ông những gì ? Có phải là trách ông rằng đã hết lòng hết sức muốn làm cho vững bền cuộc hòa bình mà giải-hòa cho hai nước, nếu cứ thù-oán nhau mãi thì ắt khiến cho thế-giới ít lâu lại phải qua một cuộc lầm-than? Trách vậy chẳng phải là khen đó dư ? Vẫn biết rằng những người bài-bác ông không phải là nông-nổi chi mà không biết trách ông nhất là vì ông thật-thà nên hỏng việc. Nay hẵng cho rằng ông quá thật-thà thật, —cái đó cũng khí khó tin được, đối với một người mà thiên-hạ vẫn cho là một tay « lão-mưu đa kế », —nhưng hẵng cứ cho là ông thật-thà và cho cái chủ-nghĩa* Locarno (2) *của ông là thất-sách : nhưng phỏng không có chủ-nghĩa ấy thì có thay đổi gì không? Có bắt được nước Đức trả nợ không? Nước Pháp có cách nào hơn cho dễ thu-phục được cái cảm-tình cùng sự phù-trợ của các*

(1) Một nhà chính-trị như ông Briand, mười mấy lần làm thủ-tướng mà già đời đến nghèo khó như vậy, đáng cảm-phục biết bao. Những kẻ dùng quyền-vị để thao-thiết của đời, coi đó mà làm gương.

(2) *Locarno* là tên một nơi ở Thụy-sĩ, năm trước Briand và Stresemann họp hội-nghị ở đấy để giải-hòa cho hai nước Pháp Đức. Chủ-nghĩa *Locarno* (*Locarnisme*), tức là chủ-nghĩa Phap Đức thân-thiện.

hommage. S'il voulut aller jusqu'au bout des possibilités que lui offrait la Société des nations, n'était-ce pas dans le sens de la victoire ? Et quel autre parti avait-on tiré de cette victoire à l'heure du règlement des comptes ? Avec le temps, ne devait-elle pas s'intégrer dans la paix ? N'était-ce pas le moyen de fixer les frontières qu'elle avait dessinées ? Ce recours à la Société des nations n'était-il pas seul capable de contenir les impatiences qui se manifestaient contre nous ? Et si, demain, la faillite de Genève laissait le champ libre à la diplomatie des ententes et des alliances, est-ce par une fermeté agressive que nous rendrions plus aisées les formations prochaines ? En se plaçant sous l'égide du rationalisme génevois, Briand nous faisait-il perdre nos conquêtes ou cherchait-il à les cristalliser ? L'expérience était nécessaire, car il y a des expériences négatives qui sont profitables. Et puis, tout est dit puisqu'on n'en pouvait point faire d'autre...

En dépensant le meilleur de lui-même à tenter des rapprochements, peut-être chimériques, mais cependant concevables et salutaires, Briand a-t-il démérité de la patrie ? Qui l'oserait dire aujourd'hui ? A la Société des nations, son prestige personnel avait réussi à nous donner devant le monde une physionomie inattendue. De même qu'il fut pendant un quart de siècle la pièce maîtresse

bạn đồng-minh cũ không ? Trái lại, cái ảo-tưởng của Briand *chính là muốn lấy công-lý mà củng-cố cho một cái điều-ước chiến-tranh vậy. Như vậy thì phải quốc-gia Pháp đáng phải tạ ơn ông mới là phải. Nếu ông muốn lợi-dụng hết phương-cách của Hội Vạn-quốc, há chẳng phải là về phương diện chiến-thắng của nước Pháp dư ? Mà sự chiến-thắng đó, lúc tính sổ, nào đã có được cái lợi gì khác nữa không ? Ngày qua tháng lại, sự chiến-thắng đó rồi há không phải sáp-nhập vào cuộc hòa-bình dư ? Đó chẳng phải là cách an-định các địa-giới mà cuộc chiến-thắng đã tạo ra dư ? Cái cách cầu-viện Hội Vạn quốc đó chẳng phải là cách duy-nhất có thể cầm-giữ được những sự nóng-nẩy đối với nước Pháp dư ? Và dù mai này, hội* Genève *thất-bại, cái lối ngoại-giao hiệp-tung liên hoành lại tự-do, thời có phải là nước Pháp cứ giữ cái thái-độ cứng-cỏi khiêu-khích mà làm cho sự kết-liên sau này được dễ-dàng không ?* Briand *khiến cho nước Pháp phục-tòng cái chủ-nghĩa duy-lý của Hội Vạn-quốc, có phải là làm cho nước Pháp mất những sự đắc-thắng của mình không, hay lại chủ-ý làm cho được vững-vàng chắc-chắn thêm lên ? Cần phải thí-nghiệm cho biết, vì có cách thí-nghiệm tiêu-cực mà cũng có ích-lợi vậy. Vả lại, nói một câu này là đủ cả : không làm cách ấy thì cũng không có cách nào được nữa...*

Ông Briand *đem hết tinh-lực bình-sinh để mà mưu những sự đề-huề thân-thiện, cũng có lẽ là chuyện xa-xôi mơ-màng, nhưng không phải là không bổ-ích và không chánh-đáng, ông làm thế có phải là không đáng với tổ-quốc không ? Ngày nay ai còn dám nói câu đó nữa ? Ở Hội Vạn-quốc, cái thanh-giá riêng của ông đã làm cho nước Pháp đối với thế-giới nên một cái diện-mục phi-thường. Trong một phần tư thế-kỷ, ông thật là một quân cờ rất lợi-*

du jeu d'échecs parlementaire, une sorte de roi républicain qui se succédait à lui-même, de même il fut, sur les bords du Léman, l'enchanteur du monde nouveau. Renan s'amusait autrefois à décrire la petite maison blanche qu'il disait posséder sur la rive du Nil, et quand il l'avait fait surgir, pure et nette, dans les imaginations charmées, il concluait : « Je n'y suis jamais allé.» Briand, lui, n'avouait pas et il entretenait le rêve qui peut-être disparaîtra avec lui. En serons-nous plus avancés ? Du moins les espérances d'une époque resteront-elles attachées à sa mémoire et c'est, après tout, ce qui fait la grandeur d'un homme.

L'harmonie de sa nature l'avait préparé à la tâche qu'il assuma. Il n'avait pas de petitesses et, de ses débuts pénibles dans la vie, il n'avait gardé aucun ressentiment contre la société qui l'avait poussé vers la révolution avant de le prendre à son service en reconnaissance de ses qualités. Son secret était dans la hauteur de ses intentions. Ayant eu, en maintes circonstances, à débrouiller, embrouiller et enrôler sous sa bannière des ambitions perpétuellement agitées, il connaissait les gens, mais ne les méprisait pas et, quand il s'adressait à eux, il les élevait jusqu'à lui-même. Son éloquence, d'inspiration humaine, s'adressait plus au cœur qu'à l'esprit. Un jour que, dans un dîner, j'attribuais à Briand « une âme cornélienne » pour expliquer un succès de tribune récent, je provoquais l'éclat de rire

hại trên bàn cờ chính-trị nước Pháp, như một ông vua cộng-hòa, tự mình lại kế-tục cho mình ; ở Hội Vạn-quốc, trên bờ hồ Léman *kia cũng vậy, ông là một người đã khéo đem cái điệu hát hòa-bình mà ru yên cho cõi thế-giới mới. Văn-hào* RENAN *xưa kia thường vẽ-vời ra một cái nhà bé nhỏ mà trắng đẹp, nói là nơi biệt-thự của mình ở trên bờ sông* Nil, *rồi khiến cho người ta vui-thú mà tưởng-tượng mơ-màng như trông thấy lồ-lộ ở trước mắt thật, bấy giờ mới kết một câu rằng : « Vậy mà tôi chưa đi đến bao giờ.»* BRIAND *thì không có thú thật như vậy, cứ nuôi cái mộng của mình, mộng ấy có lẽ ông chết thì cũng hết vậy. Ta có sẽ nhờ đó mà tấn-tới được chút nào không ? Dù thế nào nữa cả cái hi-vọng một thời-đại cũng là liền với cái kỷ-niệm của ông, mà kể ra giá-trị lớn-lao của một người rút lại là ở đó.*

Cái tính-cách điều-hòa của ông đã dự-bị cho ông ra làm cái sự-nghiệp ông đảm-đương. Ông không có những sự nhỏ-nhen thường-tình ; khi mới ra đời phải khó-nhọc, ông không có oán chi xã-hội, xã-hội trước đưa ông vào con đường cách mệnh, rồi sau biết tài ông dùng ông để phụng-sự cho mình. Cái bí-quyết của ông là ở cái bụng-dạ ông cao-thượng. Gặp nhiều cơ-hội phải gỡ ra, buộc vào, đeo dưới hiệu cờ của mình biết bao những lòng tham-vọng sôi-nổi, ông đã biết người lắm, nhưng không đem lòng khinh, khi giao-tiếp với người lại nâng cao cho người bằng mình vậy. Tài hùng-biện của ông, gốc tự nhân-đạo, cảm vào lòng người hơn là trí người. Một hôm, giữa buổi tiệc tối, bình-phẩm về một bài diễn-thuyết có ảnh-hưởng của ông, tôi có nói rằng ông BRIAND *có cái khí-phách anh-hùng như người trong kịch* CORNEILLE, *một người khách ngồi đấy bật cười lên ; người này là một nhà thi-nhân, biết những cái khóe mầu-nhiệm. Cái tài*

d'un convive : c'était un poète et qui s'y connaissait en subtilités. Les subtilités de Briand ne consistaient pas à s'appesantir sur les petits côtés des événements, mais au contraire à les éviter pour en dégager les réalités essentielles ; il était, lui, un grand poète, mais il ne s'embarrassait pas d'artifices. Son lyrisme ne lui interdisait pas de mettre son auditoire en face d'une évidence grossière et convaincante. Pendant la discussion de la loi de séparation, alors qu'il s'agissait d'obtenir d'une Chambre qui prétendait se désintéresser des canons de l'Eglise un vote respectant « l'organisation générale du culte », Briand, impatienté, termina une période heureusement venue, par une platitude délibérée : « Vous n'empêcherez pas, s'écria-t-il, qu'il y ait des curés ». Et par cette banalité vulgaire qui pouvait tomber dans le vide, sinon le ridicule, il reprit l'Assemblée et la concentra vers lui. Ainsi en était-il de ses propos mélodramatiques sur la guerre qui, à la lecture, déconcertaient. Après des préparations délicates et circonspectes où il semblait tourner des obstacles qu'il était seul à apercevoir, il lançait quelque idée massive comme une esclave déchaînée dans un parterre de fleurs. En l'on ne voyait que cette intruse pour la chasser.

Notre génération n'entendra plus la belle voix grave et modulée qui nous séduisit tous. Il est venu, il a parlé, il est parti. C'était « un endormeur », disait Clemenceau que Briand fit ministre pour la première fois alors que personne n'avait voulu courir ce risque. « L'endormeur » s'est endormi à son tour dans la lassitude mélancolique d'une belle vie qui, à son déclin, lui apparut peut-être inutile et vaine. L'enchanteur fut-

huyền-diệu của BRIAND *không phải là thiết-tha về những điều tiểu-tiết, chính là bỏ qua những việc nhỏ, để mà cai-quát lấy những điều cốt-yếu ; ông thiệt là một tay thi-nhân đại-tài, nhưng ông không có câu-nệ những cách trang-tác. Cái giọng-điệu hùng-hồn của ông nó không có ngăn-trở cho ông lâm-thời đem một điều hiển-nhiên thiển-cận mà bày ngay ra ở trước mắt thính-giả. Như khi thảo-luận về luật chính-giáo phân-li, Nghị-viện thì muốn không biết gì đến những kinh-điển của giáo-hội, mà ông thì muốn cho Nghị-viện quyết-nghị làm sao cho vẫn tôn-trọng cái thể-thống lớn trong việc lễ-giáo, ông tức mình, đương nói một câu văn-chương lưu-loát, kết ngay bằng một lời cố-ý thô-thiển như sau này : « Các ngài không làm sao cấm cho không có bọn thầy tu được ». Nói có một câu tầm-thường vô-vị đó, tưởng không ai để ý đến, hoặc có kẻ nực cười nữa, vậy mà thu-phục được cả nghị-hội về với mình. Những đoạn diễn-thuyết cảm-kích của ông về cái nạn chiến-tranh cũng vậy, nghe thì hay mà đem đọc thì lấy làm lạ. Đầu tiên còn nói rào trước chắn sau, như muốn tránh những cái hiểm-trở mà chỉ một mình ông biết thôi, rồi đột-nhiên phát ra một cái ý-tưởng thô-bạo, như đem một tên tù đương bị trói mà thả cho chạy rông vào giữa một vườn hoa. Bấy giờ thiên-hạ chỉ để ý vào tên tù, cố đuổi cho nó chạy đi vậy.*

Lớp chúng ta đây rồi không còn được nghe cái giọng nói hay kia trầm-trọng mà véo-von, đã làm cho ta khoái-trá bấy lâu nay. CLEMENCEAU *nói* BRIAND *là một «kẻ ru ngủ»* (un endormeur), *mà* CLEMENCEAU *chính là tự tay* BRIAND *cho làm thượng-thư lần thứ nhất hồi chưa ai dám đảm cái trách-nhiệm nguy-hiểm đó. Nay người ru ngủ kia tự mình cũng ngủ nốt, trải một cuộc đời tráng-lệ, mệt-nhọc buồn-bã, có lẽ đến cuối cùng, cũng tự cho là cả*

il désenchanté ? Le retour d'opinion, comment ne l'aurait-il pas pressenti, lui qui avait des « antennes » sur la foule et n'ignorait point que les peuples rejettent sur leurs chefs les responsabilités dont ils se défendent après les avoir revendiquées ? Noblesse, conscience, sincérité, grandeur, que de mots tombant inertes dans le puits de l'oubli ! Du moins est-il préférable de ne pas assister à leur engloutissement. « Le seul motif qui pourrait nous rattacher à la vie et nous y retenir, écrit Marc-Aurèle, ce serait d'avoir le bonheur de s'y trouver avec des hommes qui auraient les mêmes pensées que nous. »

EDOUARD JULIA

đời hão-huyền vô-ích vậy. Người ru đời kia có lẽ là chán đời chăng? Dư-luận phản lại, cái đó, há tự ông lại không dự-đoán mà biết trước, vì ông vẫn có cái giác-quan riêng để cảm với công-chúng, và vẫn biết các dân-tộc hay có cái thói đổ thừa cho kẻ cầm quyền chịu những trách-nhiệm mà tự mình đã đòi lấy trước vậy? Cao-thượng, nhân từ, thành-thực, quảng-đại, bao nhiêu là những tiếng hay rơi vào trong cái « giếng quên » của người đời! Thôi thì thà đừng đứng lại mà trông thấy nó chìm-lỉm đi lại còn hơn. Vua MARC-AURÈLE *có câu cách-ngôn rằng: «Chỉ có một cớ làm được cho ta quyến-luyến ở đời, là có cái hạnh-phúc được ở cùng với những người cùng một tư-tưởng như ta.»*

VIỆC TRUNG-NHẬT

I

Lược-thuật đầu đuôi việc Trung-Nhật ở Thượng-hải

Lúc đầu quân Nhật hành-động ở Thượng-hải, chẳng qua coi là một việc cảnh-sát thường. Mượn cái cớ là thuộc về khu mình phải làm việc bảo-vệ cho tô-giới công-cộng, liền phái lính súng ở tầu lên mà cho đi chiếm-cứ xóm Hạp-bắc (*Chapei*) ở cạnh đó. Số lính bấy giờ chỉ có một nghìn sáu trăm người. Không ngờ khi tiến đến thì bị quân Tàu chống lại dữ quá. Phải đem quân cứu-viện sang. Trong 8 ngày đánh nhau giữa đường phố, tầu bay ném trái phá, cửa nhà tàn-phá, nhà ga xe-lửa phía Bắc bị tan-tành ra tro cả. Quân lính của đội quân thứ 19 là quân Quảng-đông, bị chết hại nhiều, người dân cũng chết hại chẳng kém gì. Nhưng người Tàu vẫn giữ vững. Bấy giờ Nhật phải đổi phương-pháp và xoay ra cuộc đại-chiến-tranh. Nhưng trước hết cần phải phá các pháo-đài ở Ngô-tùng (*Woosung*) là nơi giữ cửa sông Hoàng-phố, làm cho quân Nhật không thể ở tầu đáp vào lục-địa được. Các chiến-hạm của Nhật đóng ở cửa sông Dương-tử (*Yang-tse*) bèn ra sức bắn vào pháo-đài, bắn tan hết cả, vậy mà vẫn không diệt được quân Tàu, rất hăng-hái chống giữ. Ngày 20 tháng 2, mới bắt đầu tổng-công-kích, theo một đường trận dài, khởi tự khu trung-ương ở Thượng-hải, chủ-ý đánh lấy Hạp-bắc, rồi quay vòng về phía bên hữu mà đánh Giang-loan (*Kiang-wan*), trên đường xe-lửa Ngô-tùng. Cốt là đánh tập-hậu quân Tàu. Hai bên đánh nhau trong mấy ngày rất dữ-dội. Các trận-địa bị chiếm, rồi lại bị mất, bị mất rồi lại lấy lại được, chưa

phân thắng phụ ra sao. Ngày 27 tháng 2, người Nhật tuyên-bố rằng đã chiếm được Giang-loan ; nhưng quân Tàu lùi về sau một chút, đào hầm, đặt đường trận mới rất kiên-cố, quân Nhật bị cản-trở không thể tiến lên được nữa. Theo tin thông-cáo của hai bên, — tin rất phân-vân và thường phản-trái nhau, — thì chỉ thấy những tên làng tên xóm, nay mất, mai lại đánh lấy được, bên này công-kích, bên kia phản-kích, tiến-thoái chỉ tính từng trăm thước một, chẳng khác gì hồi Âu-chiến vừa rồi, Trong khi ấy thời Nhật lại đem thêm hai sư-đoàn (*divisions*) sang, thành ra tổng-số quân Nhật ở Tàu ước 50.000 người. Chính-phủ Đông-kinh tính đem sang 100.000 và định trù một khoản quân-phí là 22 triệu viên (*yen*), gần bằng 175 triệu phật-lăng để theo đuổi việc chiến-tranh cho kỳ-cùng, trước sau chi-tiêu về việc này tới một ngàn triệu (1 *milliard*) phật-lăng.

Đó là về phương-diện quân-sự, về phương-diện ngoại-giao việc Trung-Nhật cũng thành một việc quan-trọng nhất trên trường quốc-tế. Về phương-diện này thì phải phân-biệt ra hai phần: một phần là Hội Vạn-quốc chủ-trương, một phần là tự nước Mĩ đề-xướng. Vì nước Mĩ vốn không có chân H. V. Q., can-thiệp vào việc này là đứng tự tên mình vậy.

Nước Mĩ can-thiệp, đáng chú-ý nhất là việc như sau này : Ngoại-tướng Mĩ STIMSON viết một bức thư cho thượng-nghị-viên BORAH, là chánh ban ngoại-vụ của Thượng-nghị-viện, nói rõ cái ý-kiến của Chính-phủ Mĩ về việc Trung-Nhật, thư ấy có công-bố cho thiên-hạ biết. Theo thư đó thời nước Mĩ cho nước Nhật là đã phạm hiệp-ước KELLOGG và điều-ước chín nước ký ở *Washington* năm 1922 ; Mĩ lại phản cái thuyết của Nhật cho rằng vì nước Tàu loạn, không có tổ-chức gì, nên mới phải đem binh sang để bảo-vệ cho sinh-mệnh tài-sản người bản-quốc mình ; Mĩ lại tuyên-bố trước rằng sẽ không công-nhận những sự lợi-ích của Nhật thu-hoạch được bằng võ-lực, hoặc ở Mãn-châu, hoặc ở Thượng-hải, và nói rõ rằng nếu bị cơ-hội bách-xúc, thời tự mình cũng sẽ phá mấy điều-ước đã ký với Nhật, nhất là cái ước không đặt căn-cứ-địa về hải-quân (*bases navales*) ở đảo *Guam* và quần-đảo *Philippines*.

Ở Hội Vạn-quốc thì quan-hệ nhất là đại-hội-đồng phi-thường họp ngày 3 tháng 3, để quyết-nghị theo điều thứ 15 trong hiệp-ước H. V. Q., là điều nước Tàu đề-khởi để tố-cáo việc nước Nhật xâm-lấn. Công-việc của đại-hội-đồng này rất khó-khăn, nhưng may ngày 29 tháng 2 trước khi họp đại-hội-đồng thì hội-nghị H. V. Q. tiếp được tờ báo-cáo ở Thượng-hải, liền họp hội-đồng để xét. Trong khi hội-đồng thì đại-biểu Anh trình rằng hôm trước ở Thượng-hải, trên chiếc chiến-hạm của hải-quân đề-đốc Anh chỉ huy, có họp các tướng-súy của hai quân địch để điều-đình, thì hai bên đều thuận đình-chiến và đặt ra một miền trung-lập ở giữa hai quân. Chủ-tịch Hội Vạn-quốc là ông PAUL-BONCOUR thừa cái cơ-hội tốt đó liền thay mặt Hội-nghị bàn với hai chính-phủ Trung Nhật nên giải-quyết việc xung-đột như sau này : là hai bên liền thôi đánh nhau, rồi mở một cuộc hội-nghị không những trong hai nước mà thôi, mà gồm cả đại-biểu của liệt-cường nữa. Lời bàn ấy, cả hội-nghị đều ưng-thuận mà nước Mĩ cũng sẵn lòng biểu-đồng-tình.

Gián-tiếp quan-hệ với việc xung-đột này thì có hai việc nên ghi. Một là kết-quả cuộc tổng-tuyển-cử ở nước Nhật vừa rồi. Đảng hiện đương cầm quyền là đảng *Seiyukai* (Chính-hữu-hội) vốn có cái khuynh-hướng bảo-thủ và võ-đoán, được đại-thắng đảng *Minseito* (Dân-chính-đảng), là đảng có tính-cách tự-do dân-chủ. Ở Nghị-viện ngày nay

đảng trên được tuyệt-đối đa-số, 301 ghế đối với 149 ghế của đảng dưới, và 15 ghế tạp khác. Còn một việc nữa, là nhân tuyên-bố Mãn-châu độc-lập ở dưới quyền giám-đốc của Nhật, ở *Moscou* nghe ra có ý lo ngại. Chính-phủ Sô-viết sợ cái địa-vị của các di-dân Nga ở nước Mãn-châu mới này, không biết rồi sau ra thế nào. Nghe đâu Nga có đặt quân-bị cả giọc đường địa-giới *Sibérie*, nhưng xem chừng Nhật cũng không muốn kiếm chuyện lôi-thôi về mặt đó.

II
Chính-sách Nhật-bản với nước Tàu

Bá-tước SFORZA, *nguyên ngoại-vụ tổng-trưởng nước Ý, trước kia đã có làm đại-sứ Ý ở Bắc-kinh trong năm năm. Nhân ở lâu bên Tàu như vậy, nên rất thông-thuộc các việc Á-đông, và ý-kiến ngài về những việc xảy ra ở Mãn-châu Thượng-hải ngày nay tất là có giá-trị lắm, dù lời kết-luận thế nào mặc lòng. Gần đây ngài có tỏ bày ý-kiến ấy trong báo* Illustration *ở* Paris, *xin phiên-dịch như sau.*

∴

Không phải là tôi đương ngồi viết ở một nơi kinh-đô yên-ổn bên Âu-châu. — tai không nghe thấy tiếng súng, mắt không trông thấy máu đổ ở Thượng-hải, chỉ đọc điện-tín của các báo, thường đưa đến chậm, mới phảng-phất mà biết vậy thôi, — không phải thế mà tôi không hiểu rằng phàm dự-đoán việc tương-lai là khó-khăn biết dường nào. Giá tôi ngồi viết ở trong một tòa sứ trang-nghiêm ở Bắc-kinh kia, cách mấy trăm thước các cung-điện lợp ngói vàng của Tử-cấm-thành nọ (như trong khoảng năm năm trời tôi đã từng làm như vậy), hay giá tôi làm việc ngay ở dưới đạn lửa các tầu bay Nhật, ở một nhà khách-sạn hay một sở Câu-lạc nào ở Thượng-hải, thì tôi xét việc cũng vẫn phải thận-trọng như vậy.

Khi đã được mục kích những việc hỗn-độn lạ thường về mấy năm nhà Mãn-Thanh đổ, như tôi đây, thời mới biết rằng không nên xét đoán các việc Á-châu bằng cái lối lý-luận khúc-chiết của DESCARTES bên Tây-phương ta.

Nhưng tuy không thể đoán chắc được hẳn tức-thì, song cũng có mấy điều lẽ phải bất-dịch, làm giường-mối cho lịch-sử chính-trị của các dân-tộc và có thể đem ra ứng-dụng về chính-sách Nhật-bản ở Tàu hiện nay được.

Một điều lẽ phải đó, là thuộc về chính-sách ngoại-giao, đã được thắng-lợi, không nên lạm-dụng quá, và thà rằng châm-chước với kẻ địch mà kẻ kia chịu, dù có không được lợi cho mình lắm, cũng còn hơn là bắt họ ký một cái điều-ước rất tốt, nhưng chỉ tốt cho một phương-diện mình mà thôi. Lẽ phải đó, hình như Chính-phủ *Tokyo* đã quên nhãng hẳn, khi vừa mới được thành-công rực-rỡ ở Mãn-châu, đã tưởng có thể lấy võ-lực mà giải được cái ách bài Nhật ở Thượng-hải.

Làm sao Nhật ở Mãn-châu có thể thành-công được, mà ở Thượng-hải thời lại khó lòng được, nhất là về việc đề-chế?

Làm sao nhà ngoại-giao Nhật mà lại đến phán-đoán sai lầm như vậy?

Muốn trả lời hai câu hỏi đó, — hiện nay thời chỉ có hai câu đó là nên đề-khởi ra mà thôi, — thời phải nên tóm-tắt lại một câu cái tấn bi-hí-kịch ở Mãn-châu.

Đó là câu chuyện mới qua đây.

Thực ra thì Mãn-châu đã bị nước Nhật thôn-tính ngay sau mấy tuần-lễ vận-động khôn-khéo, nửa về ngoại-giao, nửa về quân-sự. Mà đất Mãn-châu là một đất phong-phú nhất ở Á-châu; bờ-cõi rộng hơn cả nước Pháp nước Ý hiệp một

Vậy thời đó là một sự đại-thành-công cho các đảng quân-phiệt cùng đế-

quốc nước Nhật. Sự thành-công này lại càng rõ-rệt nữa, là vì trước thì các cường-quốc Âu-châu còn rụt-rè, sau đến Hội Vạn-quốc tỏ ra cương-quyết hơn một chút, — ít ra cũng được lúc đầu, — muốn cản-trở cho Nhật không tiến được ở Mãn-châu, mà trước sau đều không làm nổi.

Nếu chỉ xét về thuật ngoại-giao, thì không thể không phục sự thành-công của Nhật ở Mãn-châu. Cũng có thể cho là tuyệt-diệu được. Các quan Chính-phủ ở *Tokyo*, các quan sứ-thần ở ngoại-quốc, thủy-chung vẫn tuyên-bố rằng nước Nhật không muốn lấy Mãn-châu; nghe nói thì tưởng cái đất Đông-tam-tỉnh đó, giá đem biếu nước Nhật, nước ấy cũng không lấy vậy. Cứ theo lời các vị sứ-thần Nhật thuyết-minh với các quan Ngoại-vụ các nước, thì nước Nhật không có tiền đâu mà chủ-trương cùng phòng-bị cho một xứ to rộng như vậy; chủ-ý nước Nhật chỉ là cốt phòng giữ các quyền-lợi của điều-ước đã dành cho mà thôi; quyền-lợi đó chẳng phải là thần-thánh bất-khả xâm-phạm dư? Vân-vân...

Trong khi đem những lời ngon-ngọt đó để ru ngủ người ta, thì quân Nhật cứ mỗi ngày một tiến lên, chiếm lần mãi, cho đến đường địa-giới cực-nam của Mãn-châu, là Sơn-hải-quan và giải Trường-thành vậy.

Có một người thủy-chung đã mục-kích cả cuộc thắng-lợi đó: người ấy hiện làm tổng-trưởng ngoại-vụ nước Nhật, là ông YOSHIZAWA, mãi đến mấy tuần lễ gần đây còn làm đại-sứ Nhật ở *Paris* và đại-biểu cho nước Nhật ở Hội Vạn-quốc. Ông là một người có giá-trị lỗi-lạc, ai đã trông thấy ông cử-chỉ ở *Genève* cũng phải phục cái tính trầm-tĩnh và cái trí quả-quyết của ông, — thiệt là một tay ngoại-giao hoàn-toàn; nhưng có lẽ khi ông dời Âu-châu đi, ông phán-đoán khí vội mà yên trí rằng: Hội Vạn-quốc là một cái đoàn-thể không còn có thế-lực gì nữa, và các cường-quốc Âu-châu thời còn lắm chuyện lôi-thôi, lo việc mình chưa kịp, còn rảnh đâu mà để ý những việc bên Đông-Á nữa.

Chính ông lại là người của phái quân-phiệt, là phái hiện cầm quyền ở Nhật ngày nay cử ra, nên ông tưởng rằng nước ông làm gì mà chẳng được. Bởi thế nên sau khi thắng-lợi ở Mãn-châu, mới có cái lầm việc Thượng-hải.

Chắc ở *Tokyo* họ quên rằng cả thế-giới không thể không thừa-nhận cho nước Nhật có đặc-quyền lớn-lao ở Mãn-châu, và cả thế-giới cùng chính người Tàu nữa cũng tự-nhiên hiểu rằng Mãn-châu chỉ là một cái bộ-phận xa-xôi của Đế-quốc Trung-hoa, đã gần như biệt-lập ra ngoài vậy.

Cái lầm về tâm-lý của ông YOSHIZAWA cùng của thầy và bạn ông ở *Tokyo*, khiến cho tôi lại nhớ đến một việc cũng giống như vậy, mà hồi còn trẻ tôi đã được hân-hạnh trông thấy. Việc này rồi nó gây ra bốn năm Âu-chiến; bởi thế nên tôi mới nhớ.

Một nhà ngoại-giao kia, cũng như ông YOSHIZAWA vậy, trước làm đại-sứ ở một kinh-đô lớn Âu-châu, sau về làm ngoại-vụ Tổng-trưởng nước mình: tức là AERENTHAL, đương ở sứ-quán *Saint-Pétersbourg* chuyển về chức ngoại-tướng ở *Vienne*. AERENTHAL chắc cũng như ông YOSHIZAWA đối với Âu-châu vậy, khi dời nước Nga đi thâm-tín rằng nước kia chỉ có cái bề ngoài tráng-lệ, chứ không có thực-lực gì, và mình đây muốn làm gì cũng có thể được. Rồi cách đó mấy tháng kiêm-tính hai châu *Bosnie* và *Herzégovine* vào đế-quốc Áo. Thực là một sự thắng-lợi, và nước Áo bấy giờ tưởng lại trở lại hồi thịnh-thời kia là hồi bá-tước KANOLKY cùng với thủ-tướng BISMARCK nước Đức chia nhau cầm bá-quyền cả Âu-châu vậy. Nhưng Áo làm cái đó quá bạo, tất có sự phản-động lại; quả-nhiên ba năm

sau nước Ý đánh nhau với nước Thổ, rồi kế liền hai trận *Balkans*. Bấy nhiêu việc vẫn là kết-quả của cái thủ-đoạn nguy-hiểm của nước Áo, nhưng hại thay! cũng là nguyên-nhân ngầm cho cuộc đại-chiến vừa rồi vậy. Nhưng sau bốn năm lầm-than khốc-hại đó, thời thấy cái cảnh-tượng gì? Thấy cái nước *Serbie* bé nhỏ kia, —đã bị Áo chiếm mất một phần đất trước — qua cuộc chiến-đấu lâu dài đó, trở nên lớn-lao và được thảnh-thơi độc-lập, còn cái lão-đại-đế-quốc Áo kia thì đổ sụp vậy.

Cố-nhiên là đây không có ý gì so-sánh nước Nhật với nước Áo: Áo vẫn có chính-phủ tốt, có quân-đội mạnh, nhưng đó chẳng qua là cái bình-phong bên ngoài, còn bên trong thì nhân-dân rất tạp, năm mươi triệu người chia ra đến mười giống ghen-ghét nhau, ngoài mặt phải phục-tòng mấy triệu người Đức cùng người *Magyars*. Trái lại, nước Nhật là một giống rất thống-nhất ở thế-giới này.

Tôi muốn so-sánh là so-sánh hai cái lối ngoại-giao – hai lối cũng bị một cái lầm to, rồi về sau còn phải chịu hại mãi: lầm là quá khinh thường những nước láng-giềng nhu-nhược, quá vững dạ rằng còn những nước khác thì ở xa quá, tất họ mặc cho mình làm.

Cái chính sách hiện-thời của nước Nhật— là chính-sách của đảng quân-phiệt cầm quyền hơn là chính-sách của phần đa-số quốc-dân — chủ hai mục-đích: một là dương thanh-thế với ngoại-quốc, để thỏa cái chí quân-quốc của phái quân phiệt, hai là — cái mục-đích này thì không dám nói rõ ra — mượn lòng ái quốc mà dùng cái thủ-đoạn chinh-phạt, để át cái sóng dân-chủ nó đương nổi lên, mạnh đến nỗi dám dị-nghị đến cả quyền Hoàng-đế vậy.

Đầu bài này tôi đã nói rằng muốn dự-đoán việc nước Tàu là nguy-hiểm lắm. Nhưng có thể phán-đoán một câu sau này không hại gì:

Là nước Nhật, hay nói cho đúng hơn thời là phái quân-phiệt nước Nhật có thể được thành-công thắng-lợi ngay ở Tàu; ở nước mình cũng có thể huyễn-diệu quốc-dân về sự thành-công đó; nhưng phàm đối với nước Tàu mà đắc-lợi, khác nào như bóp ngón tay vào quả « ban » cao-su vậy. Bóp vào thì nó lõm xuống ngay, tưởng dễ lắm, nhưng cất ngón tay lên thì tức-thì không còn dấu vết gì nữa. (*Tout succès en Chine et contre la Chine ne représente pas plus que la pression d'un doigt sur une balle de caoutchouc. Dès que le doigt est enlevé, toute trace disparaît immédiatement de cette pression qui semblait avoir été subie si facilement.*)

HỒNG-NHÂN *dịch*

KHẢO VỀ LUÂN-LÝ-HỌC SỬ NƯỚC TÀU (1)

III

Uyên-nguyên học-thuyết của Khổng-tử. — Khổng-tử thiệu-thuật những sự-nghiệp của các bậc thánh-nhân đời cổ, tập-thành lại nên một nền giáo-học cố-hữu của nước Tàu, ngài thường nói rằng: « Ta chỉ thiệu-thuật lại những đạo-lý cổ mà không có sáng-tác ra điều gì, vốn là tin theo mà ham-mến đạo cổ, trộm tỷ như ông Lão-Bành ta. » (Thiên *Thuật-nhi*) Ngài đối với những ông Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, Châu-công đều cho là bậc nhân-vật lý-tưởng, mà rất là tôn-sùng vua Nghiêu vua Thuấn và vua Vũ, khiến cho bậc nhân-vật lý-tưởng ấy thành là bậc siêu-quần, lại khiến cho cái thời-đại lý-tưởng ấy thành là một thời-đại hoàng-kim. Ngài thường khen vua Nghiêu rằng: « Vua Nghiêu làm vua sự-nghiệp rất là lớn-lao! Duy trời là lộng-lẫy lớn hơn cả, thế mà chỉ đức-nghiệp vua Nghiêu là bằng được trời, rộng lớn không biết đâu mà khen cho cùng được; làm nên sự-nghiệp rất là nguy-nga! tỏ ra văn-chương như các điều lễ-nhạc pháp-độ rất là rực-rỡ! » Song các đời vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Vũ cách Khổng-tử đến hơn một nghìn năm, những sự-tích và tính-cách các ông ấy không được rõ lắm. Vậy nên Khổng-tử mới lấy ông Châu-công làm một bậc nhân-vật mô-phạm cho đạo-đức, mà ngài rất lấy làm hâm-mộ. Vì rằng Châu-công cách đời ngài không xa mấy, vả lại là một ông tổ nước Lỗ, ngài sinh ở nước Lỗ thì lại càng quan-hệ thân-thiết lắm. Xem thế thì đạo-học của Khổng-tử không những là tự mình sáng-tác ra, mà thực là uyên-nguyên tự những điều gia-ngôn ý-hạnh của các bậc thánh-nhân đời cổ truyền lại.

Về thuyết triết-học. — Học-thuyết của Khổng-tử ít bàn đến những món triết-học và tôn-giáo, phần nhiều chỉ giảng thuyết về đạo-đức với chính-trị. Xem như trong sách *Luận-ngữ* không bàn đến tôn-giáo và triết-học thì biết. Khi thầy Quý-Lộ hỏi về việc thờ quỉ-thần, ngài bảo rằng: « Chửa hay hết đạo thờ người, sao hay biết được lẽ thờ quỉ. » Quý-Lộ lại hỏi về sự chết. Ngài lại bảo rằng: « Chửa biết được cái lẽ sở-dĩ sống, sao biết được cái lẽ sở-dĩ chết. » (Thiên *Tiên-tiến*) Ngài nói như vậy thì tức là ngài chửa bàn đến tôn-giáo và triết-học. Tuy vậy, nhưng ngài không phải là không có cái tư-tưởng về tôn-giáo với triết-học, xem như trong sách *Luận-ngữ* ngài thường nói đến sự tín-ngưỡng đạo trời và bàn đến cái bản-chất về tính người; lại biên-tập kinh *Dịch* có làm ra mười bài *dực*, tựu-trung cũng có thuật về thế-giới-quan. Về hồi trung-niên ngài sở-dĩ không nói đến tôn-giáo và triết-học, một là vì tính-cách ngài cốt về đường thực-tiễn, chửa thích nghiên-cứu về đường huyền-diệu mơ-màng; hai là ngài đương khuynh-hướng bàn xét về vấn-đề đạo-đức và chính-trị, nên chưa kịp rỗi mà xét đến các việc khác.

(1) Xem *Nam Phong* từ số 168. — Nguyên-văn của người Nhật-bản tên là Tam-phố-đằng 三浦藤 làm ra; Trương Tôn-Nguyên 張宗元, Lâm Khoa-Đường 林科棠 mới dịch ra chữ Hán, nội-dung thuần là thuật về tư-tưởng học-thuật nước Tàu.

Thế-giới-quan. — Đức Khổng-tử xét về thế-giới-quan, xem như những lời trong truyện *Hệ-từ* kinh *Dịch* thì biết. Mười bài *Dực* trong kinh *Dịch* tuy chưa biết chắc là của ai làm ra, nhưng phần nhiều cho là tự Khổng-tử làm ra. Trong truyện *Hệ-từ* bàn xét về thế-giới-quan cho rằng căn-bản nguyên-lý của vũ-trụ trước nhất là một vầng thái-cực, tự thái-cực phân ra mới sinh hai nguyên-lý là Âm với Dương, hai nguyên-lý ấy trong khi tiêu-trưởng biến-hóa mới sinh ra muôn vật. Đức Khổng-tử mới suy xét cái nguyên-lý âm-dương ấy gọi là đạo, lại lấy cái đạo trời đất để làm khuôn-phép cho đạo người và hợp cả ba đạo thiên địa, nhân, mà làm nhất-thể. Cứ theo như thuyết Khổng-tử thì vũ-trụ với loài người đều cùng một cỗi rễ, thế thì loài người phải noi theo phép-tắc của vũ-trụ. Xem thế thì rõ ràng là luận về thiên-nhân hợp-nhất vậy.

Luận về tính người. — Tính người ta thiện hay là ác, thực là một cái vấn-đề lớn ở trên sử tư-tưởng đông tây, đức Khổng-tử đã bàn nói ở trong sách *Luận-ngữ* cũng nhiều. Thiên *Vệ Linh-công* nói rằng: « Dạy người ta không cứ là loài giống nào đều hay bảo giữ lấy tính thiện được. » Thiên *Ung-dã* chép rằng: « Người ta sống là theo một lẽ chính-trực, nếu bất-trực mà sống được cũng là may vậy. » Lại nói rằng: « Bậc người trung-nhân trở lên có thể bảo cho cái đạo-lý khá cao vậy; tự bậc trung-nhân trở xuống không thể bảo cho cái đạo-lý cao-xa được. » Thiên *Dương-hóa* chép rằng: « Tính người ta vốn gần giống nhau cả, duy tập theo về đường thiện thì thiện, tập theo về đường ác thì ác, nên mới cách xa nhau vậy. » Lại nói rằng: « Tính người ta tuy gần giống nhau, nhưng duy có bậc thượng-trí là tính tốt nhất, khác hẳn với bậc hạ-ngu là tính xấu nhất thì không thể dời đổi đi được. » Thiên *Lý-nhân* chép rằng: « Người nào đã thực-tâm chuyên chí về điều nhân thì không còn có sự làm ác nữa. » Xem thế thì Khổng-tử tuy chửa nói rõ tính người thiện hay là ác, nhưng kỳ-thực vẫn nhận cho là tính thiện, xem như lời nói rằng: « Dạy người ta không cứ loài nào », và nói rằng: « Người ta sống vốn theo lẽ chính-trực », thì biết rằng ngài vẫn cho tính người ta là bản-thiện. Tính người ta vốn là thiện thì không cứ người nào đều khá dạy cho làm thiện được cả, mà tính người ta cũng có khi bởi tập quen mà thay đổi đi được. Nhưng Khổng-tử lại cho có một bậc « tính tốt nhất là thượng-trí khác hẳn với kẻ tính xấu nhất là hạ-ngu không thể dời đổi đi được », thì lại trái với câu ngài bảo rằng: « Dạy người ta không cứ là loài nào », thế thì những lời ngài luận về tính có trái khác nhau, nhưng phải biết rằng bậc thượng-trí với bậc hạ-ngu tính khác hẳn nhau là một lệ khác. Nên về sau có người mới phân ra tính có ba phẩm.

Về thuyết tôn giáo. — Thuyết tôn-giáo của Khổng-tử, điều thứ nhất là tín-ngưỡng về trời. Tín-ngưỡng trời vốn là cái thói cổ nước Tàu, ông Khổng tổ-thuật về tư-tưởng đời cổ cũng rất là tín-ngưỡng lắm. Nhưng ông Khổng không phải là nhận cái bầu trời xanh xanh hữu-hình kia là trời vậy. Xem như thiên *Tử-hãn* có chép rằng: « Khi đức Khổng-tử bị đau, thầy Tử-Lộ muốn sai kẻ môn-nhân làm kẻ gia-thần để sắp-sửa mọi việc, ý là muốn tôn kính ngài vậy, đến khi ngài khỏi bệnh mới biết, mà bảo rằng: « Thầy Do kia, ít lâu nay làm giả dối lắm, ta đã thôi làm quan, làm gì có kẻ gia-thần, không có kẻ gia-thần mà đặt ra có, ta dối ai, dối trời được ư? » Khổng-tử gọi là trời, ý là trỏ về ông trời có tri-thức vậy. Thiên *Thuật-nhi* có chép rằng: « Trời đã phú cho ta lấy cái đức,

Hoàn-Khôi có làm gì được ta! » Đó là nói về trời có ý-chí vậy. Trong sách *Luận-ngữ* những chỗ Khổng-tử nói về trời tức là trỏ về một vị thông-minh trí-thức và có ý-chí lớn-lao làm chủ-tải cả vũ-trụ, tức là một vị thần có nhân-cách duy-nhất. Tri-thức và ý-chí người ta, phải theo như tri-thức và ý-chí của trời, không thể cưỡng được, cho nên ông Khổng rất là kính sợ mệnh trời. Thiên *Quý-thị* có chép rằng: « Người quân-tử có ba điều sợ: Một là sợ mệnh trời, hai là sợ đấng đại-nhân, ba là răn sợ lời nói của đấng thánh-nhân. Kẻ tiểu-nhân không biết mệnh trời nên nó không biết nghĩa-lý, không sợ gì cả; nó khinh nhờn bậc đại-nhân và coi thường cả lời nói đấng thánh-nhân. » Ông Khổng không những là giữ cái lòng kính-cẩn ấy, răn sợ mệnh trời mà thôi, và đến những khi gặp cái nạn Hoàn-Khôi, cái ách ở Trần Sái, dẫu đương lúc nguy-cấp tồn-vong, ngài cũng cứ chắc về mệnh trời mà xử một cách thái-nhiên không lo ngại gì cả. Tuy rằng Khổng-tử ở trong sách *Luận-ngữ* thì cho trời là bậc chủ-tể về nhân-cách, nhưng đến hồi vãn-niên ngài có làm ra truyện *Hệ-từ* thì lại cho trời là cái nguyên-lý hoạt-động ở trong vũ-trụ. Như thế thì cái tư-tưởng của Khổng-tử hồi trung-niên với hồi vãn-niên nói về trời có khác nhau, thì nên giải thích như thế nào? Bác-sĩ Giải-giang 蟹江 có ba nghĩa giải-thích như sau: Một là kể về năm tháng có khác nhau, khi Khổng-tử chửa đám suy xét về triết-học, thì lấy những lẽ thực-hiện trong vũ-trụ mà cho trời là một nhân-cách; đến khi sau ngài đã suy xét kỹ về triết-học, mới biết rõ là xét về nhân-cách thì không phải là chân-lý, mới đổi cách khảo xét về trời không phải là nhân-cách. Tuy vậy, đức Khổng-tử nói về trời ở trong sách *Luận-ngữ* là khi ngài đã gần 60 tuổi. Đến khi thầy Nhan-Uyên, thầy Tử-Lộ mất đi rồi, thì là sau khi ngài đã bảy mươi tuổi, mà ngài vẫn còn ví trời như là một nhân-cách. Nếu như vậy thì cách giải-thích như trên so với sự-thực trái khác nhau. Hai là giải-thích theo như nghĩa công-giáo (*exotérique*) và bí-giáo (*ésotérique*), thì nói trời là một nhân-cách cũng như giáo Bà-la-môn nói về bậc tuyệt-đẳng phạm-thiên; xét trời không phải là một nhân-cách thì cũng như trỏ về bậc cao đẳng phạm-thiên. Giải-thích như thế thì cũng phải, song cứ xét về tư-tưởng công-giáo với bí-giáo mà nói, thì thành ra coi trời là thần-bí mơ-màng. Nhưng nho-giáo khi đầu thì cốt là ở chủ-nghĩa kinh-nghiệm, rồi sau cốt là lấy chủ-nghĩa hợp lý, chứ ít chỗ nói về chủ nghĩa thần-bí. Khổng-tử cũng không có phân-biệt như công-giáo với bí-giáo, thế thì giải-thích theo nghĩa thứ hai cũng không phải. Ba là theo về phần cốt-tử tiến-bộ với bảo-thủ của tinh thần Khổng-tử mà nói, thì phàm loài người ta đều có đủ cả trí-thức và cảm-tình. Trí-thức là phần cốt-tử tiến-bộ; cảm-tình là phần cốt-tử bảo-thủ. Khi Khổng-tử nói đến trời phần nhiều là ở về lúc nguy-cấp và lúc thương đau mới nói đến trời; còn như bàn đến trời có lẽ sinh-sinh, có lý thái-cực thì là suy xét về triết-học vậy. Vậy nên Khổng-tử về phần cảm-tình sinh-hoạt, thì cho cái lẽ thực-hiện trong vũ-trụ tức là một nhân-cách; về phần tri-thức sinh-hoạt thì lại ví trời là bậc cao xa, không phải là một nhân-cách. Tôn-giáo thì cốt lấy cảm-tình làm cơ-sở; triết-học thì cốt lấy tri-thức làm côn-để. Khổng-tử xét về phần tôn-giáo thì cốt lấy cảm-tình làm cơ-sở; xét về đường triết-học thì cốt lấy tri-thức làm côn-để. Cho nên Khổng-tử về đường tôn-giáo thì coi trời là một nhân-cách; về đường triết-học thì coi trời là một vầng thái-cực chứ không phải là một

nhân-cách. Xem thế thì nghĩa giải-thích thứ ba so với hai nghĩa trên có phần thuyết-minh ổn-đáng hơn.

Thuyết tôn-giáo của Khổng-tử thì lại có nghĩa quan-hệ về tư-tưởng việc tế-tự. Tế-tự là cúng tế những vị thiên-thần, địa-kỳ, nhân-quỉ. Thiên-thần là vị thần trên trời, địa-kỳ là các vị thần đất, nhân-quỉ là phần hồn người ta. Mặt trời, mặt trăng, tinh-thần, sông núi, là phần chủ-yếu về thiên-thần và địa-kỳ. Cái lễ cúng tế nửa phần là thuộc về luân-lý, nửa phần là thuộc về mê-tín, phần thuộc về luân-lý là cốt báo đáp cho cỗi rễ, phần thuộc về mê-tín là cốt tránh vạ để cầu phúc. Ông Khổng vốn bài-bác những sự mê-tín về cúng tế, mà trọng những sự cúng tế thuộc về luân-lý; bảo rằng các vị thần-kỳ không phải chỉ vì lợi mình mà cúng, nếu vì lợi mình mà cúng thì không có hiệu-quả gì.

Côn-bản tư-tưởng về việc giáo-học.— Cái côn-bản tư-tưởng về việc giáo-học của Khổng-tử như thế nào? Sách *Luận-ngữ* có chép lời Khổng-tử bảo thầy Tử-Cống rằng: «Tứ kia, ngươi cho ta là học nhiều mà ghi nhớ cả đấy dư?» Tử-Cống thưa rằng: «Phải, hay là chẳng phải đấy dư?» Khổng-tử nói rằng: «Không phải, ta chỉ lấy một lẽ mà suốt hết cả.» (Thiên *Vệ Linh-công*). Lại bảo thầy Tăng-tử rằng: «Sâm kia, đạo ta chỉ lấy một lẽ mà suốt hết cả». Thầy Tăng thưa rằng: «Dạ». (*Lý-nhân*). Cái tư-tưởng côn-bản của giáo-học đức Khổng thì chỉ có một câu là đạo «nhất-quán». Nhưng cái đạo «nhất-quán» như thế nào?

Cái quan-niệm về đạo. — Tư-tưởng côn-bản của Khổng-tử như trên đã nói là đạo «nhất quán», nhưng chưa nói thế nào là nhất-quán. Các nhà học-giả đời sau đối với đạo Khổng có giải-thích ra nhiều nghĩa, nay kể mấy điều cốt-yếu như sau.

Một thuyết của Chu-tử thì giải rằng đạo là nguyên-lý của thế-giới. Trong sách *Luận-ngữ tập-chú* thầy Chu nói rằng: «Đạo là cái lẽ đương-nhiên của các sự-vật.» Nay cứ xét như trong truyện *Hệ-từ* là sách của Khổng-tử làm ra, thì cái thuyết trên này không phải là không chính-đáng. Trong truyện *Hệ từ* nói về tư-tưởng trời với người, thì cái nguyên lý luân-lý vẫn là bao-hàm cả ở trong cái nguyên-lý thế-giới. Nhưng trong sách *Luận-ngữ* thì chưa từng nói đạo là nguyên-lý của thế-giới.

Hai là giải rằng đạo là nguyên-lý của luân-lý. Thầy Chu đã giải đạo là nguyên-lý của thế-giới, lại cho đạo là nguyên-lý của luân-lý, trong *Luận-ngữ tập-chú* có nói rằng: «Đạo là những điều nên làm ở trong nhân-luân nhật-dụng». Song xét trong sách *Luận-ngữ* thì đạo-lý không những chỉ thích-dụng về mặt luân-lý và lại thích-dụng cả về phương-diện chính-trị. Nếu giải-thích về đạo mà chỉ hạn ở trong nguyên-lý luân-lý, như thế chẳng là hẹp hòi lắm ru!

Ba giải rằng đạo là nguyên-lý của chính-trị. Vật Tồ-Lai trong bài *Biện-đạo* có nói rằng: «Đạo Khổng tức là đạo của đấng tiên vương, đạo đấng tiên-vương tức là cái đạo trị-an thiên-hạ» Thế là lấy cái nguyên-lý của chính-trị mà cho là đạo vậy. Cho đạo là nguyên-lý của chính-trị với cho đạo là nguyên-lý của luân-lý, đều là xét về một phương-diện cả.

Bốn giải rằng đạo là nguyên-lý của luân-lý với chính-trị, giải-thích như thế rất là thỏa-đáng. Giải-giang 蟹江 bác-sĩ trong bài *Khổng tử nghiên-cứu* cũng thừa-nhận như thuyết trên ấy. Xét như trong sách *Luận-ngữ* có chỗ cho đạo là nguyên-lý của chính-trị, cũng có chỗ cho đạo là nguyên-lý của luân-lý; như nói rằng: «Khi thiên-hạ có đạo, thì những việc lễ-nhạc chinh-phạt quyền tự đấng thiên-tử; khi thiên-

hạ vô-đạo, thì những việc lễ-nhạc chinh-phạt quyền tự vua chư-hầu. Quyền tự vua chư-hầu thì chừng độ mười đời ít khi chẳng mất quyền vậy ; quyền tự quan Đại-phu thì chừng độ năm đời ít khi chẳng mất quyền vậy. Đến như kẻ bồi-thần mà chuyên giữ mệnh-lệnh trong nước, thì chỉ độ ba đời ít khi chẳng mất quyền vậy. Khi thiên-hạ có đạo, thì chính-quyền không ở quan đại-phu ; khi thiên-hạ có đạo, thì chính-sự không sai lầm, kẻ thứ-nhân cũng chẳng có phi-nghị điều gì cả. » (*Quí-thị*). Lại rằng : « Đạo-học ta mà chẳng được thi-thố ra cứu vớt lấy đời, thì ta cưỡi bè vượt qua bể mà đi chơi ». (*Công-Dã-Tràng*). Lại rằng : « Cải-cách cái thói công-lợi khoa-trá của nước Tề mà biến đi mới bằng được nước Lỗ ; chỉnh-chấn cái đồi phong tệ-tục của nước Lỗ, mà biến đi mới tiến lên được bậc đạo.» (*Ung-dã*). Đó là kể qua một lệ như trên. Lại rằng : « Ai đi ra mà chẳng khỏi qua cửa, thế thì làm người sao lại chẳng noi theo cái đạo ấy.» (*Ung-dã*). Lại rằng: « Đạo người quân-tử có bốn điều : xử mình lấy đạo khiêm-cung ; thờ người trên lấy đạo kính-cẩn ; lấy cái đạo ơn-huệ để nuôi dân ; lấy cái điều nghĩa để ước-thúc dân. » (*Công-Dã-Tràng*). Những điều đó lại là một lệ. Xem thế thì trong sách *Luận-ngữ* thực là rõ-ràng giải-thích đạo là nguyên-lý của luân lý và chính-trị. Tuân-tử nói rằng : « Gọi là đạo không phải là đạo trời, không phải là đạo đất, mà chính là những điều người ta noi theo vậy. » Đại-điền Cẩm-thành 大田錦城 nói rằng : « Đạo là cái tổng-danh cả nhân-nghĩa lễ-nhạc. » Những lời giải-thích trên này đều là thuyết-minh cái quan-niệm về đạo ở trong sách *Luận-ngữ* mà thực là một điều yếu-ước vậy.

Đạo nhất-quán. — Quan-niệm về đạo cho là cái nguyên-lý của luân-lý với chính-trị đã nói rõ như trên. Song còn Khổng-tử gọi là đạo nhất-quán thì nội-dung nó thế nào ? Sẽ kể mấy thuyết giải-thích như sau.

Thuyết thứ nhất là lấy điều trung điều thứ cho là đạo nhất-quán, tức như lời thầy Tăng-tử là người học trò có học-thức nhất trong cửa Khổng. Thầy Tăng nghe đức Khổng gọi bảo rằng : « Sâm kia, đạo ta chỉ có một điều suốt hết cả ». Khi Khổng-tử bảo xong đi ra rồi, các anh em học trò mới hỏi lại thầy Tăng, thầy Tăng bảo rằng: « Đạo thầy ta chỉ có trung-thứ mà thôi », *Trung* là hết lòng mình; *thứ* là suy bụng mình ra bụng người. Nay bảo rằng cái lòng trung thứ ấy không cách xa đạo mấy tí nữa thì cũng là phải ; chứ nếu bảo rằng cái điều trung-thứ ấy đã cai hết được cả toàn-thể đạo, thì chửa chắc đã thỏa-đáng.

Thuyết thứ hai là lấy nhất-lý cho là đạo nhất-quán, tức như thuyết của thầy Chu-tử. Xem như lời tập-chú trong sách *Luận-ngữ* nói rằng : « Tâm của đấng thánh-nhân chỉ hồn-nhiên nhất-lý, mà hay phiếm-ứng thỏa-đáng cả, dụng ra đều có khác nhau ». Đó là lấy cái lý tư-tưởng côn-bản về triết-học mà cho làm đạo nhất-quán. Cứ như học-thuyết của Khổng-tử thì nguyên không có cái tư-tưởng về « lý » như thuyết của Tống-nho, vậy thì cái thuyết của thầy Chu cũng chửa chắc đã phải.

Thuyết thứ ba thì cho cái đạo nhất-quán là *nhất*, tức như thuyết của Qui-tỉnh Nam-minh 龜井南溟 xướng ra vậy. *Nhất* là cái gì ? Nam-minh giải ra rằng : « Gọi là *nhất* thì chẳng phải là nhị, chẳng phải là tam. Trời được nhất mới thanh, đất được nhất mới ninh, người được nhất mới trinh, quỉ-thần được nhất mới linh, cái đức *nhất* là chí hĩ ! » Giải-thích như trên mà chỉ nói *nhất* thì cũng chửa rõ được cái đạo nhất-quán, *nhất* mới là cái hình-

thức của đạo nhất-quán, chứ chưa phải là nội-dung,không giải-thích được nội-dung cho rõ ra, thì cũng như không vậy.

Thuyết thứ tư là lấy *thành* làm đạo nhất-quán. Toàn Tổ-Vọng nói rằng: « Thuyết nhất-quán chẳng cần phải chú-thích nữa, chỉ xem sách *Trung-dung* đã chú-thích ra đấy rồi. Như nói rằng: «*Nhất* là bụng thành, trời đất chỉ có nhất-thành mà thôi, chứ không có vật gì là hai ». Toàn Tổ-Vọng nhận ngay lời sách *Luận-ngữ* với sách *Trung-dung* không có khác nhau, như thế cũng chửa phải là thỏa-đáng.

Thuyết thứ năm là lấy điều *nhân* 仁 làm đạo nhất-quán. Ông Y-đằng Nhân-trai 伊藤仁齋 theo cái thuyết của thầy Tăng mà giải-nghĩa nhất-quán: bởi sao thầy Tăng lại lấy điều trung-thứ cho làm đạo nhất-quán? Nghĩa là: « Điều trung điều thứ là điều cốt-tử để cầu lấy đạo nhân, mà thánh-học sở-dĩ thành-thủy thành-chung cũng cốt ở đó. Trung-thứ sở-dĩ nhất-quán được là thế, chứ không phải lấy điều trung-thứ mà giải-thích cho nghĩa nhất-quán vậy. » (*Luận-ngữ cổ-nghĩa*). Nên mới lấy điều « nhân » cho là đạo nhất-quán. Vật Tồ-lai 物徂徠 trong sách *Luận-ngữ-trưng* quyết cho điều « nhân » là đạo nhất-quán, nói rằng: « Điều nhân là một đức của đấng tiên-vương, nếu bảo rằng đạo đấng tiên-vương hết cả ở điều nhân thì không được. Song cái đạo của đấng tiên-vương tóm lại cốt ở yên dân, cho nên lấy điều nhân làm đức lớn của đấng tiên-vương có thể quán-triệt được hết. Vậy nên đức Khổng bảo thầy Tăng không nói một chữ: *nhất* mà nói rằng: « *Nhất dĩ quán chi* — 以貫之».

Lấy điều «nhân» mà giải-thích cho là đạo nhất-quán thì thực là lẽ chí-đáng. Vì rằng Khổng-tử rất trọng đạo nhân mà thường nói đến luôn, không những là đối với học-trò chửa dễ đã khinh-dị khen ai là nhân, và lại cho điều nhân là bao-quát hết cả mọi đức, mà lại có cái nguyên-lý tính-chất về việc giáo-học.Tuy vậy,nhưng xem trong sách *Luận-ngữ* và *Trung-dung* ngoài đức nhân ra Khổng-tử còn chú-trọng mấy cái đức nữa cũng rất là bao-quát, tức như là đức trung-dung và điều lễ. Nếu cho điều nhân là đạo nhất-quán, thì cái đức trung-dung với lễ với nhân nó có quan-hệ như thế nào? Về điều ấy thì cứ theo như cái thuyết của Giải-giang 蟹江 bác-sĩ đã nói ở trong sách *Khổng-tử nghiên-cứu* rất là thỏa-đáng, cho rằng đức trung-dung và lễ và nhân ba đức ấy đều là một phương-diện về đạo nhất-quán, mà đức trung-dung là cái hình-thức về đạo nhất-quán, lễ với nhân là cái nội-dung. Điều lễ là cái bề mặt ngoài, điều nhân thì hoàn-toàn là cái tính-chất mặt trong, xem đồ như sau:

Đạo nhất-quán { Hình-thức.......... Trung-dung
Nội-dung { Mặt ngoài.....Lễ
Bề trong... Nhân

Trung-dung. — Đạo « trung » là cái nguyên-lý côn-bản về luân-lý chính-trị từ đời vua Nghiêu vua Thuấn truyền lại. Đến đức Khổng-tử mới xét về trạng-thái của xã-hội và tư tưởng phát-đạt, lại khiến cái quan-niệm về đạo trung, bề trong lại suy cho rộng ra gọi là đạo trung-dung. *Trung* nghĩa là không quá mà cũng không bất cập, và không thiên-lệch về đường nào; *dung* nghĩa là đạo kinh-thường mà không biến - đổi. Thái-điền Cẩm-thành cho trung-dung là hai cái đức, trung là cái đức không quá không bất-cập, dung là cái đức kinh-thường không biến đổi,phân-biệt cái đức trung với dung như thế cũng không phải là quá-đáng. Đức Khổng rất trọng đạo trung-dung, ngài thường nói rằng: « Đức trung-dung thật là rất mực, người đời nay đã ít người giữ được. »

(Thiên *Ung-dã*). Ngài lại nói rằng: « Người quân-tử giữ đạo trung-dung, kẻ tiểu-nhân trái đạo trung-dung; người quân-tử giữ đạo trung-dung là cứ tùy thời mà giữ lấy đạo trung; kẻ tiểu-nhân mà trái đạo trung-dung là bởi nó không có kiêng sợ gì cả.» *Trung-dung*). Song cái tính chất trung-dung như thế nào? Trung-dung là cái khuôn phép của mọi đức, lại là cái chuẩn-tắc cho những điều lễ-nghi chế-độ trong xã-hội, mà tức là cái nguyên-lý về luân-lý với chính-trị vậy. Xem thế thì trung-dung chẳng qua mới là cái nguyên-lý về hình-thức mà thôi.

Lễ. – Lễ là những điều tiêu-biểu ở bề ngoài của chế-độ nghi-thức để làm khuôn-phép, tức là những điều tiết-chế cho đạo vua tôi, cha con, vợ chồng, lớn nhỏ, bè bạn mà để duy-trì lấy nền xã-hội cho vững-vàng. Đức Khổng là người chuộng lễ vốn tự thiên-tính, khi lớn lên mới hết lòng nghiên-cứu nổi tiếng là người đạt-nhân về điều lễ. Thấy ông Châu-công làm ra sách *Châu-lễ* thì rất là kính mộ. Thấy ngươi Quản Trọng không biết lễ thì chê là nhỏ-nhen; lại gặp khi ấy chế-độ trong xã-hội rối loạn cả và bỏ hết cả điều lễ, cho nên ngài lấy làm than tiếc mà nói rằng: « Họ Quí dám tiếm múa tám hàng dật ở trước sân, điều ấy còn dám nỡ làm, nữa là điều gì mà chẳng dám nỡ làm! » Lại bảo rằng: « Tế *đế* tự khi rót rượu giáng thần trở về sau, ta không còn muốn xem nữa.» Ngài lại nhớ đến lúc thịnh-thời đời nhà Châu mà nói rằng: « Nhà Châu bắt chước chế-độ đời Hạ đời Ân, lễ-văn rất là thịnh! Ta theo chế-độ đời nhà Châu (*Bát dật*) ». Cái ý-nghĩa về điều lễ thì mỗi đời một khác: *Châu-lễ* thì có cái ý về chế-độ, *Nghi-lễ* thì có cái ý để làm nghi-thức, *Khúc-lễ* thì có cái ý để làm khuôn phép; đó tức là cái lễ đời cổ chuyên trỏ về cái hình-thức bề ngoài của chế-độ nghi-thức và phép-tắc. Song đức Khổng lại nhân cái lễ-nghi bề ngoài của đạo tiên-vương mà bề trong lại biến-hóa ra những điều luân-lý, như là: « Khi vua Định-công hỏi rằng vua khiến bầy tôi, bầy tôi thờ vua thì nên như thế nào? Đức Khổng thưa rằng: « Vua khiến bầy tôi phải lấy điều lễ, bầy tôi thờ vua phải lấy lòng trung ». (*Bát-dật*) Đó là bề trong điều lễ, lại đối với một lòng trung nữa. Thế là điều lễ phép-tắc ở bề ngoài, đức Khổng lại suy xét đến cái đức trung ở bề trong nữa. Đến ông Mạnh-tử thì hoàn-toàn cho lễ là cái đức ở bề trong mà nói người ta có bốn đức là: nhân, nghĩa, lễ, trí.

Nhân.— *Nhân* là điều rất bậc trong khuôn phép giáo-học, mà là cái nội-dung của đạo nhất-quán. Cứ mặt chữ «*nhân* 仁» thì một bên chữ *nhân* 亻, một bên chữ *nhị* 二, là có ý hai người phối-hợp với nhau. Sách *Lục-thư chính-ngụy* nói rằng: « Chữ *nguyên* 元 thì chữ *nhị* 二 trên, chữ *nhân* 人 dưới; chữ *nhân* 仁 thì một bên chữ *nhân* một bên chữ *nhị*. Ở về đạo trời thì gọi là *nguyên*; ở về đạo người thì gọi là *nhân*. *Nguyên* là cái khí nhất-nguyên; *nhân* là tổng cả mọi đức. Người ta sở-dĩ thiêng hơn muôn vật là vì có đức nhân.» Chữ « nhân » là trỏ về cái đức-nghĩa rất cần trong cuộc sinh-hoạt của xã-hội. Trước đời Khổng-tử đã từng nói đến chữ « nhân », xem như thiên *Trịnh-phong* trong kinh *Thi* khen ngươi Thái-Thúc Đoàn rằng: « Thực là người đẹp và nhân »; xem thế thì nhân là một cái tên trỏ về một đức tốt. Sách *Châu-lễ* lấy điều nhân cùng với những điều trí, thành, nghĩa, trung, hòa, gọi là sáu đức, thế thì nhân cũng là tên một đức mà thôi. Song Khổng-tử gọi là nhân không phải có cái ý-vị nhạt-nhẽo như thế. Đức Khổng rất trọng điều nhân, đối với học-trò chưa khen người nào là bậc nhân, có thường khen thầy Nhan Hồi rằng: « Thầy Hồi kia,

giữ được cái tâm trong ba tháng không trái điều nhân, còn như những người khác thì hoặc một ngày, hoặc một tháng họa mới có khi đến được điều nhân mà thôi.» (*Ung-dã*).Xem như đức Khổng khen thầy Nhan giữ được cái tâm ba tháng chẳng trái điều nhân, nhưng vẫn chưa khen hẳn thầy ấy là bậc nhân. Đức Khổng lại thường tự-khiêm mà không dám đương lấy điều nhân, như nói rằng: «Bậc thánh với bậc nhân ta há dám đương.» (*Thuật-nhi*). Đức Khổng khen những người bậc nhân, trừ vua Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, Châu-công ra, thì chỉ khen có mấy người là: Vi-tử 微子, Cơ-tử 箕子, Tỉ-Can 比干, Bá-Di 伯夷, Thúc-Tề 叔齊, Quản-Trọng 管仲 mà thôi. Khổng-tử trọng về điều nhân là cớ sao? Nguyên là Khổng-tử dùng chữ nhân có nhiều ý-vị, nên kẻ học-giả đời sau mới giải-thích ra nhiều nghĩa vậy.

Thầy Mạnh cho người ta có cái lòng bất-nhẫn tức là điều nhân, có nói rằng: «Người ta có cái lòng thương-xót, tức là đầu mối điều nhân.» Y-đằng Nhân-trai nói rằng: «Cái đức từ-ái của tâm người ta, xa gần trong ngoài đều hay sung-thực quán-triệt khắp cả, tức là điều nhân.» Hàn Dũ nói rằng: «Cái lòng bác-ái tức là nhân.» Xem thế thì mọi người đều giải-thích chữ nhân thuộc về tình-ái cả; duy có Vật Tồ-Lai giải-thích chữ nhân theo về nghĩa công-lợi mà nói rằng: «Nhân là cái đức giúp cho người, yên được dân.» Đến các Tống-nho thì lại căn-cứ về thuyết triết-học mà giải-thích cái bản-thể đạo nhân, tức như thầy Trình cho nhân là sinh-đạo; thầy Châu thì cho cái tâm người ta là nhân, có nói rằng: «Nhân là cái sức của trời sinh-thành ra muôn vật, mà là cái sức của người thực-hành những điều luân-lý.» Song xem ra như học-thuyết của Khổng-tử thì không có cái tư-tưởng triết-học như lời Tống-nho, giải-thích như thế cũng không phải, còn như giải-thích đạo nhân là có cái ý-vị từ-ái bác-ái, hoặc cho là một cái đức giúp được người yên được dân, giải như thế tuy rất chính-đáng, nhưng chỉ được một phương-diện mà thôi. Nguyên đạo nhân mới là có cái lý-tưởng của Khổng-tử, cái nội dung lý-tưởng ấy không phải chỉ hạn như thế. Vả lại từ-ái với cái đức giúp người yên dân thì mới là một phần đạo nhân, chứ không phải là toàn-thể. Vậy nên Giải-giang bác-sĩ lại giải-thích chữ nhân có rộng hẹp hai nghĩa. Nghĩa hẹp là trỏ về điều từ-ái. Nghĩa rộng thì có năm nghĩa sau này: 1) Từ-ái; 2) Lợi-trạch (giúp người yên dân); 3) Trọng-hậu; 4) Trung-thứ; 5) Khắc-kỷ (chế bớt bụng dục). Từ-ái nghĩa là thương xót người ta. Đức Khổng đã bảo thầy Phàn Trì lấy nghĩa yêu người tức là nhân (*Nhan-uyên*). Ngài lại nói rằng: «Nếu có đấng vương-giả khởi lên trị thiên-hạ, trải một đời độ ba mươi năm thì giáo-hóa thiếp-hợp thành được đạo nhân. (*Tử-lộ*). Ngài bảo thầy Tử-Trương rằng: «Nếu hay làm được năm điều để trị thiên hạ thì mới là nhân.» Thầy Tử-Trương hỏi năm điều là những gì?Ngài bảo rằng: «Phải giữ lấy điều cung kính thì dân chẳng nhờn, điều khoan thì được lòng dân, điều tin thì người ta tín-nhiệm,hay cần-mẫn thì mới có công-hiệu, có ơn-huệ thì mới hay sai khiến được người.» (*Dương-hóa*). Xem thế thì đạo nhân là thi lợi-trạch ra cho dân, mà tức là cái ý-nghĩa về công-lợi hay giúp được người yên cho dân vậy. Ngài lại nói rằng: «Người quân-tử ở hậu với kẻ thân, thì dân hưng-khởi làm điều nhân; không bỏ quên kẻ cố-cựu thì dân cũng không ở bạc.» (*Thái-bá*). Ngài lại nói rằng: «Làng mà có cái thói nhân hậu là tốt, nếu chọn chỗ ở mà chẳng ở về làng nhân, thì sao gọi là khôn.» (*Lý-nhân*).

Như thế thì giải nghĩa chữ nhân lại có ý trọng-hậu. Khi đức Khổng-tử bảo thầy Tăng-tử lấy đạo nhất-quán, thì thầy Tăng đã lấy điều trung-thứ mà cho là đạo nhất-quán ; trong sách *Luận-ngữ* nói về đạo nhân cũng nhiều chỗ có cái ý-vị trung-thứ, như là ngài bảo rằng : « Người nhân mà muốn lập cho mình lại phải lập cho người, muốn đạt cho mình lại phải đạt cho người. » (*Ung-dã*). Đức nhân lại có nghĩa giải là khắc-kỷ, là trị bỏ cái bụng tư-dục của mình, như ngài nói rằng : « Nếu hay tự bỏ cái bụng tư-dục đem lại cái lòng thiên-lý, tức là người nhân, thì thiên-hạ đều khen là nhân cả. Làm điều nhân là tự mình chứ có phải bởi người đâu. » (*Nhân-uyên*). Lại nói rằng : « Làm điều nhân phải trước chịu khó rồi sau mới được công-hiệu. » (*Ung-dã*). Xem thế thì khắc-kỷ là tiết-chế bớt cái tình-dục của mình, chứ không phải là tuyệt-đối cấm-dục. Trở lên giải-thích chữ nhân có năm nghĩa, đều có cái quan hệ mật-thiết với nhau, mà tóm lại đều là một cả ; cái phần trung-tâm chữ nhân tức là lòng từ-ái. Từ-ái là bản-nghĩa chữ nhân, có từ-ái rồi mới trọng hậu mà suy ra lòng trung-thứ. Cái hiệu quả của từ-ái là làm cho lợi-trạch khắp cả, muốn đạt được như thế thì phải có cái công-phu khắc-kỷ. Cái thuyết của Giải-giang bác-sĩ tóm lược như sau :

Ý-nghĩa đạo nhân
- Nghĩa rộng (nguyên-lý thống-nhất cả mọi đức)
  - Từ-ái
  - Trọng-hậu
  - Trung-thứ
  - Lợi-trạch
  - Khắc-kỷ
  - } Chủ-nghĩa lợi-tha
- Nghĩa hẹp (bản-nghĩa chữ nhân) : Từ-ái

Cương-đảo-vinh nhất-lang 綱島榮一郎 cũng bảo rằng Khổng-tử nói nhân có rộng hẹp hai nghĩa. Đức nhân về nghĩa rộng thì chủ cả mọi đức, mà là cái lý-tưởng cùng-cực thống-nhất cả mọi đức (tức là cái nguyên-lý thống-nhất). Nay muốn xét rõ về cái nội-dung đức nhân thì rất là khó. Nếu dịch cho là cái đức hoàn-toàn tròn-vẹn thì còn dễ dò được nghĩa. Đức nhân về nghĩa hẹp thì là nhân-ái đối với đức trí đức dũng. Vũ-dã bác-sĩ cũng giải-thuyết đức nhân là cái đức từ-ái. Song theo như lời Khổng tử nói về nội-dung cái đức nhân, thì tự trong cái đức từ ái mà suy-diễn ra, một là lòng trung-thứ, nếu không có chân-tâm thì không phải là nhân. Hai là ơn-trạch, cái người đã có đức-ái, từ khi đắc-thời ra, đối với nhân-dân phải thi ra ơn-huệ. Ba là khắc-kỷ, tức là hay ức-chế được tư-dục và cái lòng ích-kỷ. Bốn là cái ý thỏa lòng vui sướng, người nhân-giả tự xét trong mình không có điều gì hổ thẹn, thì trong lòng vui sướng biết chừng nào. (*Trung-quốc triết-học sử giảng hoại*). Xem thế thì những thuyết giảng giải trên này đều cho rằng Khổng-tử giảng về chữ nhân có hai nghĩa. Nghĩa rộng chữ nhân tức là nguyên-lý thống nhất cả mọi đức, không thể lấy một đức gì mà hạn-định được. Xét như trong sách *Luận-ngữ* nói về chữ nhân tuy có năm nghĩa như cái thuyết của Giải-giang bác-sĩ, nhưng cái tinh-thần của Khổng-tử không những cho đức nhân chỉ có nguyên-lý bao-quát cả năm đức ấy vậy.

Luân-lý thuyết. — Khổng-tử không có tổ-chức ra một thuyết luân-lý nào, nhưng xét về thuyết luân-lý của Khổng-tử, tựu-trung hàm có lý-tưởng luận,

bản vụ-luận, đức-luận, tổng-thuyết về luân-lý-học sẽ kể như sau.

Lý-tưởng luận — Lý-tưởng về đạo-đức của Khổng-tử là đạo nhất-quán với đức nhân, đức trung-dung và lễ. Đức nhân, đức trung-dung với lễ đều là lý-tưởng đạo-đức của Khổng-tử, bản-chất nó giống nhau, đều là nói về ba phương-diện của đạo nhất-quán. Tựu-trung có đức nhân là cốt-yếu hơn cả, lý-tưởng đạo-đức của Khổng-tử, có thể lấy một chữ nhân mà bao-quát được hết.

Học được đến bậc nhân-cách lý-tưởng cùng-cực về đạo nhân, thì gọi là bậc nhân-nhân, hay là bậc thánh-nhân. Nhân-nhân với bậc thánh-nhân chẳng qua chỉ có vua Nghiêu vua Thuấn mấy người mà thôi, chứ người thường chửa ai học đến được. Ngoài bậc nhân-cách lý-tưởng trên ấy, lại định ra một bậc nhân-cách thứ hai nữa, để cho người thường học theo đến được, mà phải cốt dụng-công thực-hành cho đến nơi, bậc nhân-cách ấy, Khổng-tử gọi là người quân-tử. Cái nghĩa chữ quân-tử hoặc lấy danh-vị mà nói, hoặc lấy đức nghiệp mà nói. Hạng người quân-tử về lý-tưởng của Khổng-tử tiêu-biểu lên, thì không cứ gì là có địa-vị danh-vọng, mà cũng không phải là người có một tài một nghề, chính là trỏ về một bậc người tu-dưỡng hoàn-toàn nhân-cách thì là người quân-tử. Cái cách tu-dưỡng để làm người thì có ba phương-diện là tri, tình, ý, tựu-trung Khổng-tử trọng nhất là tu-dưỡng về đạo-đức.

Luận về bản-vụ. — Thuyết luân-lý của Khổng-tử tư-tưởng về bản-vụ rất là rõ-ràng, tức như lời ngài bảo vua Tề Cảnh-công rằng: « Vua phải đạo vua, tôi phải đạo tôi, cha phải đạo cha, con phải đạo con. » (*Nhan-uyên*). Tư-tưởng ấy đến thầy Tử-Tư lại sắp đặt phân-loại ra rõ-ràng, xem như *Trung-dung* nói rằng: « Đạo vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em và bè-bạn, năm đạo ấy là đạt-đạo của trong thiên-hạ. » Thầy Mạnh lại nói rõ ra rằng: « Đạo cha con thì phải có thân-yêu, vua tôi phải có nghĩa, vợ chồng phải có biệt, lớn nhỏ phải có trật-tự, bè bạn phải có tin. » Đó tức là đạo ngũ-luân, từ đời Mạnh-tử trở về sau đạo ngũ-luân ấy là một điều cốt-tử về đạo-đức Nho-giáo, không thể coi khinh được.

Cái uyên-nguyên tư-tưởng về bản-vụ kể ra đã có từ đời cổ, tức như thiên *Nghiêu-điển* gọi là ngũ-điển 五典 và ngũ-giáo 五教, đều là nói về bản-vụ cả. Trong ngũ-giáo phân ra theo như *Tả-truyện* rằng: «Cha phải có nghĩa, mẹ phải có từ, anh phải thuận, em phải kính, con phải hiếu.» Nhiều người đã theo như thế là phải, nhưng đó chẳng qua là những điều đạo-đức trong gia-đình, chứ kể về phần cốt-yếu đạo-đức thì vẫn chưa được hoàn-toàn cho lắm. Đến thầy Mạnh-tử mới kể rõ ra mục ngũ-luân như trên, đã biến đổi đi mấy lần vậy. Sách *Châu-dịch*, quẻ *Gia-nhân* trong *Thoán-truyện* có nói rằng: « Cha phải đạo cha, con phải đạo con, anh phải đạo anh, em phải đạo em, chồng phải đạo chồng, vợ phải đạo vợ, như thế thì gia-đạo mới chính. » Đó là lại thêm lấy đạo vợ chồng làm điều cốt-yếu về phần đạo-đức trong gia-đình vậy. Khổng-tử đáp vua Cảnh-công nói rằng: « Vua phải đạo vua, tôi phải đạo tôi, cha phải đạo cha, con phải đạo con.» Đó là qui-định cái đạo-đức của vua tôi, cha con vậy. Nếu cho trong đạo cha con đều bao-hàm cả đạo-đức của cha mẹ anh em và đối với mọi người khác, thì còn phải bổ thêm một mục đạo-đức của vua tôi. Trong sách *Đại-Đới Lễ-ký* có chép lời vua Ai-công hỏi đức Khổng-tử, ngài bảo rằng: « Đạo vợ chồng phải có biệt, đạo cha con phải có thân, đạo vua tôi phải có nghĩa, ba điều ấy đã chính thì thứ-dân mới theo. » Đó là định rõ cái

nghĩa-vụ vợ chồng, cha con, vua tôi vậy. Sách *Trung-dung* dã nói rõ đạo vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bè bạn, là năm điều đạt-đạo của trong thiên-hạ, như thế thì đã phân-loại bản-vụ ra hoàn-bị lắm rồi, mà đã lập định ra cái thuyết ngũ-luân chắc-chắn lắm vậy. Thầy Mạnh chẳng qua là đem năm điều đạt-đạo trong sách *Trung-dung* mà bổ-chính cho rõ-ràng ra mà thôi.

Luận về mọi đức. — Nho-giáo có phân ra từng mục nói về mọi đức mà cốt nhất là ngũ-thường với ba đức. Ngũ-thường là năm đức thường: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Đổng Trọng-Thư mới nói rõ đức ngũ-thường, nhưng uyên-nguyên vốn tự Khổng-tử. Lý-tưởng đạo-đức của Khổng-tử trong đức nhân mà thực hàm có đức nghĩa; thầy Tăng-tử mới phu-diễn ra nói cả nhân nghĩa, đến thầy Mạnh-tử mới rõ-ràng tuyên-dương hai chữ nhân nghĩa, đồng-thời lại phát-siển ra nói đủ cả bốn đức là: nhân, nghĩa, lễ, trí. Trong bốn đức của thầy Mạnh nói đấy, Đổng-tử lại thêm một đức tín nữa, mới lập thành ra cái thuyết ngũ-thường. Ba đức là trí, nhân, dũng cùng với đức ngũ-thường lại phân-loại ra, xem như Khổng tử nói rằng: « Người quân-tử có ba đức mà ta chửa hay làm được, người có đức nhân thì không lo sợ gì, có đức trí thì không nghi-hoặc gì, có đức dũng thì không sợ-hãi gì. » (*Hiến-vấn*). Phân ra ba đức trí, nhân, dũng, tự Khổng-tử đã thừa-nhận như thế, và xét trong sách *Quốc-ngữ*, *Tả-truyện* và các sử-sách, thì trước khi Khổng-tử cũng đã chia ra ba đức ấy. Sách *Trung-dung* mới theo thuyết của Khổng-tử, tuy rằng có chia ra « trí, nhân, dũng là ba đạt-đức trong thiên-hạ, » nhưng từ sau khi ông Tử-Tư thì không ai phân-loại như thế nữa.

Thực-hành đạo-đức. — Khổng-tử cốt theo chủ-nghĩa thực-hành, trọng phần thực-tiễn hơn là phần lý-luận. Đắc-lực nhất không phải chỉ nghiên-cứu về nguyên-lý đạo-đức, mà cốt là dạy bảo cho người thực-hành đạo-đức; mà thực-hành thì trước phải tự gần rồi mới đến xa, vậy nên trọng nhất đạo-đức trong gia-đình, lấy cái đạo-đức trong gia-đình làm cái gốc để trị-quốc bình thiên-hạ. Cái gốc lớn hành-chính cũng phát-hiện ra tự trong gia-đình. Đức Khổng có lấy hai chữ *hiếu đễ* 孝 悌 làm cái đức cốt-tử trong gia-đình, ngài có nói rằng: « Chức-phận làm con em khi vào phải hiếu, khi ra thì phải đễ » (*Học-nhi*). *Hiếu* là phải kính nuôi cha mẹ; *đễ* là phải thuận-hòa anh em. Mà trọng nhất là đạo hiếu, nên trong sách *Hiếu-kinh* có nó rằng: « Hiếu là côn-bản của đức, giáo-hóa bởi đó mà sinh ra. » Lại rằng: « Mục ngũ-hình đến ba nghìn điều, mà chẳng tội gì lớn hơn tội bất-hiếu. »

Khổng-tử bảo người ta thực-hành đạo-đức trước nhất phải giữ đạo hiếu; mà đạo hiếu thì có hai điều cốt-tử là vâng lời với nuôi chí. Vâng lời là không trái cái chí của cha mẹ, ngài nói rằng: « Khi cha còn thì xem cái chí của con, khi cha mất thì xem cái nết của con, trong ba năm mà chưa vội đổi ngay cái đạo của cha thì mới là người hiếu » (*Học-nhi*). Nuôi chí là nuôi cái chí của cha mẹ. Thầy Tử-Du hỏi đạo hiếu thì ngài bảo rằng: « Đời nay thấy người nào biết nuôi được cha mẹ thì cho là hiếu, đến như loài khuyển-mã nó cũng biết nuôi, nếu nuôi mà không kính thì có khác gì đâu. » (*Vi-chính*). Ngoài việc vâng lời nuôi chí ra Khổng-tử lại bảo rằng: « Khi cha mẹ có lỗi thì cần phải sẽ can, nghĩa là phải dịu nét mặt hòa lời nói mà can-ngăn cha mẹ, trong khi cha mẹ có lầm lỗi thì mình phải liệu chiều mà cảm-ngộ. » Đó là cái đạo hiếu sử về lúc biến, cho nên ngài nói rằng: « Thờ cha mẹ, khi cha mẹ có lỗi thì mình

phải sẽ can, nếu chí cha mẹ không theo thì mình vẫn phải giữ đạo hiếu-kính chứ không dám trái ý, dẫu cha mẹ quở-trách, bắt mình khó nhọc, mình cũng không dám oán, để rồi thong-thả lại sẽ can. » (*Lý nhân*).

Đức Khổng trọng nhất đạo hiếu nên cứ theo cổ-lễ Trung-quốc, mà dùng cái lễ tang ba năm. Các nho-giả đời sau vẫn giữ cái thuyết ấy, mà cho cái lễ tang ba năm là định-thuyết của Nho-giáo. Để tang lâu dài như thế không nước nào như nước Tàu. Thời buổi khi xưa xã-hội còn đan-thuần, dẫu để trở đến ba năm cũng chẳng khó gì. Nhưng đời nay xã-hội phức-tạp, cứ theo như cách chế-độ cổ ấy thì cũng có phần chướng-ngại sự hoạt-động cho người ta. Đương đời Khổng-tử thầy Tế-ngã đã có ý muốn đoản-tang, sau đến Mặc-tử rất là công-kích mà muốn làm lễ bạc-táng.

Bàn về cách học-hành. — Đức Khổng-tử thường bảo người ta học rộng về văn mà rút lại lấy điều lễ, chính là cái công-phu học lấy điều nhân. Nếu chỉ học văn mà thôi thì cũng là hão-huyền. Vậy nên đã học rộng về văn lại phải ước lấy điều lễ thì mới đạt đến đạo nhân được, ngài thường nói rằng : « Người quân-tử học rộng về văn, lại ước lấy điều lễ, thì may ra mới không trái mất đạo-lý. » Học-trò là thầy Nhan cũng nói rằng : « Đạo đức Khổng-tử trông lên càng cao, mà dùi vào càng bền, vừa trông thấy đàng trước lại chợt ra đàng sau, rất là khó lường được. Thế mà Phu-tử dần dần khéo dạy người đã bảo ta học rộng lấy văn, lại bảo ta rút lấy điều lễ, ta học mãi muốn thôi không được, đến khi đã mải-miết sức ta, thì hình như trông thấy đàng trước trác-lập rõ-ràng, tuy rằng ta muốn cố sức theo mà không thể theo được. » (*Tử-hãn*).

Bàn về chính-trị. — Thuyết chính-trị của Khổng-tử cùng với thuyết luân-lý có điều mật-thiết quan-hệ. Điều nhân là lý-tưởng về đạo-đức, mà cũng là lý-tưởng về chính-trị nữa. Tư-tưởng về chính-trị chỉ cốt làm thực-hiện đạo nhân.

Mục-đích chính-trị. — Khổng-tử lấy đạo trị-quốc bình thiên-hạ làm mục-đích chính-trị, tự đời vua Nghiêu, vua Thuấn trở lại vẫn tiêu-biểu điều đó làm lý-tưởng về chính-trị của thánh-hiền. Tựu-trung từ xưa vẫn hàm có hai nghĩa : một là dạy dân cho nó tăng-tiến về đường đạo-đức ; hai là làm cho dân giàu được phát-đạt về đường sinh-kế. Cái ý-nghĩa về đạo-đức với cái ý-nghĩa về công-lợi xưa nay vẫn hợp làm cái mục-đích chính-trị. Xem như kinh *Thư* thiên *Vũ-mô* nói rằng : « Đức là suy ra để làm điều thiện-chính, mà chính-trị là cốt để nuôi dân, phải cốt chỉnh-đốn những công-việc thủy, hỏa, kim, mộc, thổ, cốt cho tu-trị, lại phải dạy dân cho chính-đức, cho được lợi-dụng hậu-sinh mà phải hòa-bình ». Song Khổng-tử thì cho rằng phần đạo-đức với phần công-lợi có phân-biệt nhau. Vậy nên mục-đích chính-trị chỉ cốt dạy cho dân về đường đạo-đức cho phát-đạt, mà về phần công-lợi để yên dân nuôi dân thì ít khi giảng đến. Quí Khang-tử hỏi chính, ngài nói rằng : « Chính-trị nghĩa là chính lại cho ngay, người trên bảo dân lấy điều chính, thì ai dám chẳng chính. » (*Nhan-uyên*). Đức Khổng cho chính-trị là cốt để chính-dân, tức là dẫn bảo cho phát-đạt về đường đạo-đức vậy.

Phương-pháp chính-trị. — Khổng-tử nói về chính-trị cốt lấy đức hóa dân để bình-trị quốc-gia. Song muốn đạt cái mục-đích ấy thì phải phương-pháp như thế nào ? Đức Khổng-tử cho rằng cái đạo cốt-tử để trị nước là cái chủ-nghĩa đức-trị. Chủ-nghĩa đức-trị là tự

mình lấy đức dóng bảo cho dân theo. Ngài thường nói rằng: «Làm chính-trị mà lấy đức hóa dân, thì dân theo về, ví như ngôi bắc-thần cứ ở một nơi không động, mà các vì sao chung-quanh đều chầu về cả.» (*Vi-chính*). Đó là ngài khởi-xướng ra cái tinh-thần chủ-nghĩa đức-trị. Lại khi Quí Khang-tử hỏi rằng: «Muốn giết kẻ vô-đạo để cho nó theo về đường có đạo thì thế nào?» Ngài bảo rằng: «Làm chính-trị cần gì phải dùng đến giết, người trên mà muốn điều thiện, thì dân đều theo về điều thiện cả. Đức-hóa của người quân-tử như là gió, kẻ nhân-dân như là cỏ, gió thổi thì cỏ phải lướt theo.» (*Nhan-uyên*).

Muốn theo cái chủ-nghĩa đức-trị, thì người trên trước phải sửa lấy đức mình, đó là cái tư-tưởng sửa mình trị người tự đời cổ truyền lại; Khổng-tử vẫn theo cái chủ-nghĩa ấy mà nói rằng: «Nếu thân mình đã chính thì không cần phải hiệu-lệnh mà dân đều theo cả; nếu thân mình bất-chính, thì dẫu ra hiệu-lệnh dân cũng chẳng theo» (*Tử-lộ*). Lại rằng: «Thân mình nếu đã chính thì làm chính-trị có khó gì; thân mình bất-chính thì chính sao được người» (*Tử-lộ*). Trong sách *Luận-ngữ* vẫn thường nói đi nói lại về cái đạo sửa mình trị người, chính là cái tư-tưởng côn-bản về Nho-giáo, các nhà học-giả đời sau vẫn noi theo, mà thầy Mạnh-tử lại càng nói rõ ra. Duy cái chủ-nghĩa đức-trị thì nó trái với cái chủ-nghĩa pháp-trị, vậy nên đức Khổng thường nói rằng: «Lấy điều lễ dạy bảo cho dân, thì dân nó biết xấu-hổ điều ác mà làm đến điều thiện» (*Vi-chính*). Nguyên thời ấy là cuối đời nhà Châu, kỷ-cương đã bỏ nát cả, cuộc đời đã rối loạn, mà ngài còn bài-xích chủ-nghĩa pháp-trị, cố giữ lấy cái chủ-nghĩa đức-trị, đó thực là ngài kiến-thức cao-xa. Song cũng bởi đó mà thiên-hạ không ai nghe theo lời ngài vậy.

Muốn thực-hành cái chủ-nghĩa đức-trị, thì làm người trên phải tận-tâm về việc chính-trị, vậy nên ngài bảo thầy Tử-Trương rằng: «Muốn làm chính-trị thì phải giữ cho thủy-chung như nhất mà chớ chán-nản, thi-hành ra mọi việc phải cho trung-thực.» (*Nhan-uyên*). Ngài lại bảo thầy Tử-Lộ rằng: «Muốn làm chính thì phải lấy thân mình chịu khó nhọc dẫn bảo cho dân trước, mà chớ có chán-nản vội» (*Tử-lộ*). Vả lại người trên đã tận-tâm về việc chính-trị thì dân nó tất phục-tùng chính-phủ, mà đều theo về cả, vậy nên ngài bảo Diệp Công rằng: «Làm chính-trị mà hay tận-tâm, thì người gần bằng lòng mà người xa cũng theo về» (*Tử-lộ*).

Đức Khổng thường than tiếc cho lễ-nhạc khi ấy đã bỏ nát cả, ngài muốn hết sức chấn-hưng, cái tư-tưởng tôn-trọng lễ-nhạc vẫn thường phát-hiện ở trong thuyết chính-trị. Xem như khi thầy Tử-lộ hỏi rằng: «Vua nước Vệ dùng thầy làm chính-trị, thì thầy làm điều gì trước?» Ngài nói rằng: «Trước nhất là chính danh-phận.» Thầy Tử-Lộ nói rằng: «Lời thầy nói vu-khoát lắm, chính danh-phận có phải là việc cần đâu.» Ngài nói rằng: «Do kia thô-thiển lắm, người quân-tử hễ điều gì không biết thì hãy để đó chứ đừng nói vội. Danh-phận nếu không chính thì nói ra không thuận, nói ra không thuận thì việc không thành, việc không thành thì mất cả trật-tự hòa-bình, lễ-nhạc không chấn-hưng lên được; lễ-nhạc không chấn-hưng lên được thì hình-phạt đều sai cả, hình-phạt đã sai lầm thì dân không còn đặt chân tay vào đâu nữa. Vậy nên người quân-tử phải chính danh trước để nói ra cho thuận, nói ra có thuận thì mới có thể thi-hành được. Người quân-tử trước phải chính danh mà nói ra cho thuận, chứ không dám cầu-thả vậy.» (*Tử-lộ*). Xem đó thì biết danh-phận là trọng nhất

trong điều lễ, thuyết chính-trị của Khổng-tử lại hàm có cả lễ trị chủ-nghĩa vậy.

Khổng-tử lấy việc sinh-sản với giáo-dục làm hai điều đại-cương cho việc chính-trị. Xem như khi ngài đi qua nước Vệ, thầy Nhiễm-Hữu theo hầu, ngài nói rằng: « Dân nước Vệ đông-đúc lắm thay! » Nhiễm Hữu hỏi rằng: « Dân đã đông-đúc thì còn phải cần thêm điều gì nữa? » Ngài bảo rằng: «Phải làm cho dân giàu.» — « Dân đã giàu rồi thì còn phải thêm điều gì nữa? » Ngài bảo rằng: « Phải dạy cho dân biết lễ-nghĩa. » (*Tử-lộ*). Thầy Tử-Cống hỏi việc chính, ngài bảo rằng: « Trước phải làm cho đủ lương-thực, đủ binh-bị, thì dân mới tin theo.» Tử-Cống hỏi rằng: « Nếu gặp khi bất-đắc-dĩ mà phải bỏ bớt đi, thì bỏ điều gì trước? » Ngài bảo rằng: « Bỏ việc binh.» (*Nhan-uyên*). Xem thế thì Khổng-tử không trọng việc binh-bị cho lắm. Khổng-tử đã lấy điều sinh-sản với điều giáo-dục làm hai cái đại-cương cho chính-trị, đến thầy Mạnh cũng theo cái thuyết ấy mà bày ra nhân-chính với vương-đạo, nội-dung cũng đều như thế cả.

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

BÀN VỀ SỰ KIẾN-ĐÔ CỦA NƯỚC TÀU

Nước Tàu là một nước cổ văn-minh ở phương đông, đất rộng người nhiều, khai-hóa rất sớm-sủa, lịch-sử rất phong-phú, nhân-vật rất ly-kỳ, sự kiến-đô rất là phiền-phức, cái nguyên-nhân của sự kiến-đô lại rất là huyền-bí sâu-xa. Phàm gặp một thời-kỳ biến-thiên trong lịch-sử, đều nhất-nhất đủ khiến người ta nghiên-cứu. Song muốn nghiên-cứu sự kiến-đô, trước hết phải nghiên cứu cái nguyên-nhân trong lịch-sử, cái dấu vết của lịch đại, và lại nên nghiên-cứu cái đặc-tính của các triều-đại, cái tâm-lý của các thời-kỳ, để chứng-nghiệm cho mọi sự đắc-thất, rồi sẽ có manh-mối mà xét ra.

Thức-giả lại nên biết rằng nước Tàu đã là một nước cổ-văn-minh của phương đông, thì sự kiến-đô đều có quan-hệ với các chủng-tộc ở phương đông, và bề học-thuật tư-tưởng tiến-hóa ở phương đông nữa.

Gần đây, khoảng bốn năm năm, nước Tàu trong một thời-kỳ rất ngắn đó, mà sự dời đô đã có ba lần. Kỳ thủy ở Bắc-kinh dời xuống Nam-kinh, nay lại từ Nam-kinh dời lên Lạc-dương, ở trong tất có một cái nguyên-nhân có giá-trị đáng nghiên-cứu. Nay bàn ra đây, tưởng cũng là một bài nghiên-cứu có ích vậy.

Nước Tàu khai-hóa, tất phải kể tự đời vua Phục-Hi, vì đời ấy đã bắt đầu sự kiến-đô. Rồi từ đấy trở về sau cho đến đời Đông-Chu trở về trước, khoảng một thời-kỳ rất dài mấy nghìn năm, các quốc-quân trong thời-đại thượng-cổ đều có đất kiến đô ghi chép trong lịch-sử cả. Như là họ Đại-đình ở Khúc-phụ, nay thuộc tỉnh Sơn-đông; vua Hoàng-đế ở Trác-lộc, nay thuộc tỉnh Bắc-bình, vua Phục-Hi ở Uyển-lăng, vua Hạ Vũ ở An-ấp, vua Thương Thang ở Bạc-ấp, nay thuộc tỉnh Hà-nam; vua Đường Nghiêu ở Bình-dương, vua Ngu Thuấn ở Bồ-bản, nay thuộc tỉnh Sơn-tây; vua Thần-nông ở đất Trần, nay thuộc tỉnh An-huy; vua Vũ-vương

nhà Chu ở Cảo-kinh, nay thuộc tỉnh Thiểm-tây. Song những thời-đại ấy còn thuộc về thời-đại phong-kiến, nội-bộ nước Tàu có nhiều nước, nước nào có quốc-đô nước ấy, những các quốc-đô kể ra như trên, chẳng qua kể về những quốc-đô có trứ-danh mà thôi, chứ cũng chửa phải là chỗ kinh-đô có ảnh-hưởng quan-hệ với toàn-bộ gì cả. Có chăng ảnh-hưởng sâu-xa, quan-hệ lớn-lao, thì phải bắt đầu kể từ vua Tần Thủy-hoàng.

Tần Thủy-hoàng là một ông vua không-tiền tuyệt-hậu trong lịch-sử nước Tàu, dùng binh diệt sáu nước, gồm gộp cả toàn-bộ nước Tàu, biến chính-thể quí-tộc làm chính-thể quân-chủ, phá chế-độ phong-kiến làm chế-độ quận-huyện. Phía bắc đắp tấm tràng-thành, phía nam phát năm mươi vạn thú-binh thực-dân ở đất Lĩnh-biểu (1), phía đông lên ngọn núi Thái-sơn trông ra Đông-hải, trỏ đảo Nhật-bản là đảo Bồng-lai mà có chí muốn cầu lấy cho được. Phía tây định kinh-đô ở Hàm-dương, Hàm-kinh mới thực đích-đáng là kinh-đô nước Tầu vậy. Rồi từ đấy về sau lịch-đại đều có kiến-đô, mà sự kiến-đô cũng thay đổi chẳng thường, có nhiều nguyên-nhân phiền-phức. Nhưng đại-khái nước Tàu có năm chốn đại-đô: 1o) Tràng-an; 2o) Lạc-dương; 3o) Biện-kinh; 4o) Bắc-kinh; 5o) Nam-kinh.

1o) *Kinh-đô Tràng an.*— Kể về danh-hiệu thì đời vua Hạ-Vũ chia thiên-hạ làm chín châu, đất ấy thuộc về Ung-châu. Nhà Chu gọi là Cảo-kinh, nhà Tần gọi là Hàm-dương, tức là Hàm-kinh. Đời Hán Sở gọi là đất Quan-trung. Nhà Hán và nhà Đường gọi là đất Tràng-an, và gọi là Tây-kinh. Nhà Tống gọi là Tần-châu. Nhà Nguyên nhà Minh nhà Thanh là tỉnh Thiểm-tây. Ngày nay phủ Tây-an là chỗ tỉnh-hội Thiểm-tây tức là kinh-đô Tràng-an ngày xưa vậy. Vì nhà Hán nhà Đường đóng đô ở đất ấy, thuộc về hai cái thời-kỳ mạnh-mẽ lâu dài, nên chi cái danh-hiệu Tràng-an mới hiển-trứ ở trong lịch-sử.

Kể về hình-thế, thì kinh-đô Tràng-an ở về phía tây-bắc nội-bộ, cho nên lịch-đại thường gọi là Tây-kinh. Lấy núi Họa-sơn làm thành, lấy sông Vị-thủy làm ao, phía tây thông nẻo Tân-cương (tức là chỗ ngày xưa gọi là rợ Xa-sư, rợ Thiêm-thiện, rợ Thổ-phồn, thuộc về giống Tây-khương). Phía bắc tiếp đất Thát-đát (tức là chỗ ngày xưa gọi là rợ Huân-dục, rợ Hiểm-doãn, rợ Khuyển-nhung, rợ Hung-nô, rợ Hồi-ngột, thuộc về giống Mông-cổ), rậm cây đồi cát mênh-mông, núi sông hiểm-trở. Lại có bức tràng-thành làm ngăn cách. Phía nam tiếp-giáp đất Ba-thục; phía đông ngăn-trở thượng-lưu sông Hoàng-hà, núi-non xin-xít, chỉ có một cửa thông ra mặt đông gọi là cửa Hàm-cốc, tức là cửa Đồng-quan, chỗ ấy tuyệt hiểm, một người đứng giữ cửa quan, trăm người không thể phá nổi. Lịch-đại định đô ở đất ấy, hễ nhà nào đóng cửa Hàm-cốc lại, là cái thời-kỳ vương-bá riêng một biên-thùy, tức như thời-kỳ vua Tần Mục-Công. Hễ nhà nào mở cửa Hàm-cốc ra là cái thời-kỳ gồm nuốt thiên-hạ chư-hầu, tức như thời-kỳ vua Tần Thủy hoàng. Về phần đối-nội thời đất ấy tiến ra mặt đông hay hoặc lui về mặt tây, đều có phần thắng-lợi cả. Về phần đối-ngoại thì đất ấy tức là chỗ cưỡi lên đầu rợ Khương-nhung, mà chặt cánh tay rợ Hung-nô; nhà Hán nhà Đường đều dùng chính-sách ấy.

Kể về lịch-sử thì nhà Chu thuở xưa phát tích ở đất Mân đất Kỳ, đến vua Vũ-vương đánh được nhà Thương, thiên-hạ tôn lên làm thiên-tử, định đô ở đất Cảo, thiên-hạ tôn nhà Chu mới gọi là Cảo-kinh. Nhưng đời ấy còn

---

(1) Lĩnh-biểu = Quảng-đông Quảng-tây ngày nay.

thuộc về thời-đại quí-tộc, chế-độ phong-kiến, chư-hầu ở nội-bộ lớn nhỏ kể có mấy trăm nước, nhà Chu chẳng qua cũng là một nước chư-hầu, mà thiên-hạ tôn lên làm thiên-tử đấy thôi, kỳ-thực cũng chưa phải là thời-đại thống-nhất, cho nên Cảo-kinh khi ấy, về phần đối nội đối ngoại chửa có hình-thế quan-hệ gì cả. Đến đời vua U-vương, vì có thất-đức, chư-hầu lìa phản, nhà Chu thành ra đứng một mình, bị rợ Khuyển-nhung ở phương bắc là giống Mông-cổ, đem binh vào đánh phá Cảo-kinh, vua U-vương bị giết, vua Bình-vương phải dời bỏ Cảo-kinh chạy sang đông-đô. Khi ấy có một vị tiểu-chư-hầu tên là Phi-Tử, cũng là một kẻ anh-hùng ở cõi đất nhà Chu, đem binh bản-bộ đánh đuổi giặc Khuyển-nhung, khôi-phục được Cảo-kinh. Vua Bình-vương mới phong cho Phi-Tử là tước bá, mà hoàn-toàn đem cả cõi đất nhà Chu cũ phong cho Phi-Tử, dựng nước gọi là nước Tần. Ấy dân-tộc nước Tần bắt đầu đối-ngoại từ đấy, mà Cảo-kinh cũng bắt đầu quan-hệ về phần đối-ngoại từ đấy. Sự đó thuộc về trước hồi kỷ-nguyên khoảng 500 năm.

Tự đấy về sau, đất ấy chỉ gọi là đất Úng, theo như bản-đồ Vũ-cống mà thôi, vì nước Tần phải giữ cái chế-độ chư-hầu cho nên không gọi là Cảo-kinh nữa. Đời ấy trở xuống, chuyển vào đời Xuân-thu, có vua Mục-công cũng là một vị chư-hầu anh-hùng, lợi-dụng đất Úng là phủ nhà trời, ao lửa thành vàng, hình-thế tuyệt-đối, kỳ-thủy cũng toan mở cửa Hàm-cốc, dòm nom chư-hầu ở phương đông, vì phương đông có nước Tấn đương mạnh, tranh mất bá-quyền, nước Tần mấy lần xuất quân đều bất-lợi, mới đóng cửa Hàm-cốc lại, chuyên dùng cái chính-sách xâm-lược, mở cõi đất sang phương tây, rồi đất nước Tần mênh-mông ở cõi tây-thùy, vua Tần cưỡi đầu cưỡi cổ các rợ Khuyển-nhung mà làm ngôi bá-trưởng, cơ-sở đại-quốc gây nên từ đấy.

Tuy vậy, thiên-hạ chư-hầu vẫn còn đãi nước Tần là hạng man-di, chửa biết đến đất Úng là gì. Vì đông-phương văn-hóa cả tiến, mà nước Tần một mình ở tây-phương, chuyên dùng vũ-lực, chẳng biết lễ-nghĩa, thậm-chí các chức trọng-yếu của nước Tần, cũng phải dùng các vị khách-khanh là nhân-tài ở đông-phương làm việc.

Đến đời vua Hiếu-công đã vào đời Chiến-quốc, Hiếu-công thấy chư-hầu đãi nước mình là man-di, không cho dự vào cuộc hội-minh ở Trung-quốc, lấy làm sỉ-nhục, mới cả phát-phẫn, muốn làm mạnh cho nước Tần, dùng một vị khách-khanh là Công-Tôn Ưởng, phong làm tước Thương-quân. Chính-sách của Thương-quân nhất-thiết là một cái chính-sách phú-cường, cũng là một cái chính-sách không-tiền tuyệt-hậu ở trong lịch-sử nước Tàu. Trong có ba việc : canh-nông với chiến-trận và hình-pháp. Trong ba việc đều hết sức khuếch-xung, kỳ cho đến tích-cực bành-trướng mới thôi, mà cái cơ-sở đế-quốc của nước Tần thực xây đắp từ đấy. Từ đấy nước Tần đối với chư-hầu đã có oai-quyền tuyệt-đối, thiên-hạ đã có lời nghị-tôn nước Tần làm đế, tôn đất Hàm-dương (tức là đất Úng) làm chốn kinh-sư. Kịp đến đời vua Thủy-hoàng, chẳng qua là nhờ cái cơ-nghiệp của tiền-nhân, và nhân Hàm-kinh có hình-thế tiện-lợi mà thành-công đấy thôi. Chứ cái cơ-đồ thống-nhất nước Tàu của Thủy-hoàng, không phải một ngày mà làm nên.

Thủy-hoàng thắng lục-quốc, đốt sách chôn học-trò, cái văn-hóa của đông-bộ nước Tàu cả bị phá-hoại, thế là vật-chất thắng tinh-thần. Đến khi bại, vỡ lở lìa tan, chẳng khác gì người đang khỏe mạnh bị cơn phải gió ngã lăn đùng ra mà chết, mà cửa Hàm-cốc

đã bị Lưu Bang phá, cung A-phòng đã bị Hạng Vũ đốt. Song đất Hàm-dương từ đấy mới hiển-nhiên là chỗ nhà của đế-vương, rất có hình-thế thắng-lợi, thiên-hạ gọi là đất Quan-trung. Hạng Vũ dại, bỏ Quan-trung mà đô Bành-thành, Lưu Bang khôn, dời Ba-thục mà tiến Quan-trung, kết quả họ Hạng diệt, họ Lưu dấy.

Về khoảng kỷ-nguyên-tiền ngót 200 năm, nhà Hán dấy lên, định đô ở Quan-trung, gọi Quan-trung là Tràng-an, gọi Tràng-an là Tây-kinh, thu-thập sách-vở trong đống tro tàn, gọi hồn nhà nho ở dưới chín suối, rồi thầy Giả, thầy Đổng, thầy Thân, thầy Khuông, thầy Trịnh, thầy Mao, thầy Tư-Mã, thầy Hạ Hầu, tu-tập cả ở kinh-đô Tràng-an, thế là cái thời-kỳ tinh-thần lại thắng vật-chất.

Nhà Tây-Hán ở Tràng-an có ngót 200 năm, đối-nội được trị-an, đối-ngoại cũng mạnh-mẽ. Đến cuối đời Vương Mãng, Tràng-an bị giặc Xích-mi tàn-phá; vua Quang-Vũ trung hưng mới bỏ Tràng-an mà định đô Lạc-dương. Đời Đông-Hán ngót 200 năm, đất Tràng-an tuy không ảnh-hưởng gì, nhưng vẫn là nơi hùng-trấn. Trải qua đời Tam-quốc, đời Tây-Tấn, đời Nam-bắc-triều, khoảng 300 năm, thiên-hạ rối loạn chia xé, đất Tràng-an chỉ là một nơi kẻ loạn-thần hay kẻ mọi rợ chiếm-cứ như là Đổng Trác, Bồ Kiên hạng ấy, vân-vân. Ôi! Tiêu-điều thay!

Mãi đến nhà Tùy, vua Văn-đế thừa-tập họ Vũ-văn, kiến-đô Tràng-an, ở nơi hình-thắng, cưỡi đầu thiên-hạ, nhân cơ-nghiệp giàu mạnh, thống-nhất Giang-nam. Văn-đế chết, con là Dạng-đế lìa bỏ Tràng-an đi chơi Giang-đô chẳng về, Đường-công là Lý Uyên thừa-cơ cướp mất Tràng-an, nhà Tùy liền mất, nhà Đường liền dấy, đất Tràng-an quan-hệ dường nào!

Về hồi thế-kỷ thứ sáu, vua Đường Thái-tôn là một ông vua thiên-cổ anh-hùng, mà lại hiếu văn-học. Khi ấy có 18 người học-sĩ lên cõi Doanh-châu. Học-sĩ là ai? Tức là bọn họ Phòng họ Đỗ, bầy tôi nhà Đường. Doanh-châu ở đâu? Tức là đất Tràng-an vậy. Thiên-hạ khi ấy đã coi đất Tràng-an là nơi Bồng-lai tiên-cảnh. Rồi về sau một hồi trống thúc giục trăm hoa mà vườn Thượng-lâm đua nở, một cung ngựa tiến quả lệ-chi mà nàng Phi-tử mỉm cười, khoảng hơn trăm năm đều là bức tranh diễm-sử của Tràng-an cả.

Cuối đời vua Minh-hoàng, giặc Lộc-Sơn vào cửa quan, mà khúc *Nghê-thường Vũ-y* ở Tràng-an bị phá vỡ, vua Minh-hoàng chạy vào Thục, mà hàng lê-viên tử-đệ ở Tràng-an bị dày vò, ngảnh đầu trông cõi nhân-hoàn, đã chẳng thấy Tràng-an mà chỉ thấy trần-vụ. Tuy chẳng bao lâu nhà Đường lại khôi-phục được lưỡng-kinh, nhưng từ đấy về sau, khoảng ngoại trăm năm, thiên-hạ nhà Đường đã biến ra cuộc phiên-trấn, mỗi người võ-tướng cát-cứ một địa-phương, nhà Đường đã chẳng uy-lực gì mấy, thì tự-nhiên đất Tràng-an cũng chẳng tôn-nghiêm gì nữa. Kịp đến đời Đường-mạt có một viên cường-phiên-trấn là Chu-Ôn, dấy quân diệt nhà Đường, thấy bề vượng-khí ở Tràng-an đã có vẻ tiêu-tán, mới dời đô ra đất Đại-lương (tức là chỗ Biện-kinh). Trải qua nhà Tống, nhà Nguyên, nhà Minh, đất Tràng-an lúc nào cũng là hùng-trấn. Duy đến đời nhà Thanh lại chuyển khác đi, vì bản-đồ nhà Thanh rộng lớn hơn cả các đời trước, đất nhà Thanh mông-mênh ở phía tây-bắc, cái địa-điểm trọng-yếu lại phải tiến sang phía tây mới đủ sức chế-ngự. Cho nên đất Lan-châu là chỗ tỉnh-hội Cam-túc thì đặt chức tướng-quân và chức Tổng-đốc, và kiến-lập đại-trấn ở đấy. Mà tỉnh Thiểm-tây là đất Tràng-an cũ thì chỉ đặt chức tuần-phủ để vỗ-về trăm họ mà thôi. Đến hồi Dân-quốc mới đây thì hình-thế đất Tràng-an

cũng vẫn như nhà Thanh trước, không thay đổi gì mấy.

Đất Tràng-an tự nhà Tống đến nay có ngoại một nghìn năm, đã không có nhà nào kiến-đô ở đấy nữa, đất ấy chỉ là một nơi cổ-đế-đô mà thôi, vẻ hùng-vĩ đã biến ra vẻ an-hòa, vẻ phồn-hoa lại biến về vẻ phác-dã. Song khi xưa, những nhà kiến-đô ở đất ấy, như triết-học thì nhà Chu, bá-thuật thì nhà Tần, văn-chương thì nhà Hán, thơ thì nhà Đường, những nhà ấy khi diệt khi hưng, đều là cái then khóa đóng mở cho sự văn-minh của nước Tàu. Cho nên những người nào đã đọc qua lịch-sử nước Tàu, thì ai nấy cũng đều phải lấy kinh-đô Tràng-an làm thú-vị đệ-nhất.

2º) *Kinh-đô Lạc-dương.* — Kể về danh-hiệu thì đời vua Hạ Vũ đất ấy thuộc về Dự-châu. Nhà Chu gọi là Lạc-ấp và gọi là Đông-đô. Tự nhà Hán nhà Đường trở xuống, lịch-đại đều gọi là Lạc-dương, danh-hiệu ấy cũng không thay đổi gì mấy. Ngày nay thuộc tỉnh Hà-nam.

Kể về hình-thế, thời kinh-đô Lạc-dương chính là chỗ trung-tâm nội-bộ nước Tàu ; đông tây nam bắc, vãng-lai triều-hội thật là tiện-lợi. Định đô ở Lạc-dương, thật là chỗ hợp-nghi đệ-nhất. Sông có sông Y sông Lạc là danh-thủy, núi có Tung-sơn là danh-sơn ; non sông thanh-tú, nhân-vật phồn-thịnh. Song-le là chỗ bốn mặt đều chịu ảnh-hưởng chiến-tranh, lịch-đại kiến-đô ở đấy, hễ nhà nào có đức thì được lâu lâu, thất-đức thì mất ngay.

Đó là kể về hình-thế ngày xưa, chứ ngày nay cũng có khác đi ít nhiều, vì địa-điểm ngày nay lại phải theo đường thiết-lộ mà thay đổi hình-thế. Đường Bình-Hán thiết-lộ chạy từ nam đến bắc, đường Lũng-hải thiết-lộ chạy từ đông đến tây, Trịnh-châu là chỗ hai con đường gặp nhau, tức là chỗ cửa ngõ đất Lạc-dương, hình-thế Lạc-dương coi ra vẫn còn mạnh-mẽ.

Kể về lịch-sử thì đời vua Hạ Vũ sông Lạc-thủy đã trứ-danh, nhưng cũng chửa ảnh-hưởng gì đến sự kiến-đô. Muốn nói sự kiến-đô, có chăng phải bắt đầu kể tự thời-kỳ ông Cơ-Đán.

Cơ-Đán tức là ông Chu-công, em vua Vũ-vương, ở ngôi Chủng-tể nhà Tây-Chu, chế-lễ tác-nhạc, thực là một vị thánh-nhân tạo-tác ra một cái nền văn-minh của nước Tàu. Chu-công cho rằng Cảo-kinh hẻo lánh ở phương tây, chư-hầu triều-hội không tiện, mới trỏ đất Lạc-ấp là nơi giữa thiên-hạ, dựng lên nhà Minh-đường, để tứ-phương chư-hầu triều-hội cho tiện, mà gọi là Đông-đô. Đương lúc nhà Tây-Chu thịnh-vượng, thì Đông-đô thực là một nơi thần-thánh trang-nghiêm, không chỗ nào khá ví. Kịp đến đời Bình-vương, vì cớ chạy giặc Khuyển-nhung, bỏ Cảo-kinh dời sang Lạc-ấp, đời gọi là nhà Đông-Chu. Từ đấy chư-hầu chỉ bề ngoài tôn nhà Chu, mà bề trong thì kẻ nọ đế-vương, người kia tranh-bá, đất Đông-đô đối với thiên-hạ không còn có quan-hệ gì nữa. Chỉ có một vài vị triết-học, như là ông Lão-tử thời-thường cư-trú, ông Khổng-tử thời-thường vãng-lai, để quan-sát về phương-diện lễ-nhạc mà thôi.

Rồi trải qua nhà Tần, nhà Tây-Hán, đất Lạc-dương cũng không ảnh-hưởng gì mấy. Đến đời Đông-Hán, vua Quang-Vũ khởi-binh diệt Vương Mãng, những kẻ phan long phụ-phượng, phần nhiều là bọn quí-sĩ ở Nam-dương. Khi ấy vẻ Lạc-dương thanh-quí, so với bề Tràng-an tàn-phá, một vực một trời. Vua Quang-Vũ mới định đô ở Lạc-dương, đời mới gọi là Đông-Hán.

Phong-tục Đông-Hán trọng danh-dự, qui tiết-nghĩa, khoảng một trăm năm, đất Lạc-dương chẳng khác gì cái chợ họp người quân-tử, quên sống để mua danh-dự, vui chết để cầu tiết-nghĩa,

cũng là một sự đáng kính đáng kỳ. Giây câu của Nghiêm-Quang, cỗ ngựa của Trác-Mậu, bút Tiền Hán của Ban Cố, ấn phong-hầu của Ban Siêu, chiếc giường bạn của Từ-Tử, Trần Phồn, chiếc thuyền tiên của Lý Ứng, Quách Thái, đều là bức tranh nhân-vật của nhà Đông-Hán. Lại có một điều đáng ghi nữa, là vua Minh-đế sai người đi cầu được Phật-kinh đem về Lạc-dương, chứa ở trong thạch-thất chỗ Lan-đài, tức là hồi Phật-giáo bắt đầu truyền vào Trung-quốc.

Đất nào là đất thịnh mãi mà chẳng suy. Về hồi Hán-mạt, đất Lạc-dương loài người đã hết, loài thú hiện ra, loài sói-gấu là lũ hoạn-quan, loài hùm-beo là quân Đổng Trác, quang-cảnh Lạc-dương khi ấy không phải hỏi nữa.

Đến hồi Tào Tháo hiệp-thiên-tử lệnh-chư-hầu, phải bỏ Lạc-dương dời đô sang Hứa-xương, chừng cũng là bất-đắc-dĩ.

Lạc-dương là một nơi sơn-thanh thủy-tú, bao giờ hết vẻ lạc-quan. Chẳng bao lâu họ Tư-Mã nhà Tây-Tấn lại về đô Lạc-dương. Nhưng họ Tư-Mã được thiên-hạ chẳng qua học lối Tào Tháo đánh lừa người mà được, chứ có công-đức gì đâu, mà nói vững-bền. Lạc-dương khi ấy cũng không có cảnh-tượng nhân vật gì khả-quan, chỉ có Vương Hồn với Vương Tuấn tranh nhau công, Thạch-Sùng với Vương Khải thi nhau giàu, và loài hà-mô—tức loài ĩnh-ương, — đua nhau kêu mà thôi. Ngày tháng là bao, Lạc-dương đã thành ra một chỗ nay anh Lưu Uyên lại, mai anh Thạch-Lộc qua, làm cái trường-sở săn đuổi nhau của bọn Ngũ-hồ, mà con vật đồng đà ở cửa khuyết Lạc-dương đã hãm-lạc vào trong bể kinh-cức vậy.

Cách đó chẳng bao lâu, lại có một ông vua đối với đất Lạc-dương dường như có nhân-duyên từ thuở trước, là vua Ngụy Văn-đế. Đời cha đời ông vốn là họ Thát-Bạt giống Mông-cổ, dùng binh tiến vào nội-địa, gồm nuốt bọn Ngũ-hồ, định đô ở đất Yên, truyền cho Văn-đế. Văn-đế yêu mến cái văn-minh của nội-bộ nước Tàu mà chán ghét đất Yên là nơi rét lạnh gió bụi, mới thiên-đô xuống Lạc-dương, để xem bốn mùa sắc hoa đua nở. Từ lễ-nhạc chế độ cho đến văn-tự y-phục, đều theo nhà Chu nhà Hán, gây nên một cái phong-khí hiếu-cổ ở trung-bộ bắc-bộ nước Tàu. Lối chữ Bắc-Ngụy, ngày nay vẫn còn rất có giá-trị, tức là lối chữ về thời-kỳ ấy. Nước Ngụy trị nước cũng được hơn một trăm năm, Văn-đế cũng là một người lạ.

Tự nhà Tùy nhà Đường về sau, khoảng 1400 năm, cũng không có nhà nào kiến-đô ở Lạc-dương nữa. Trong cái thời-kỳ vắng mặt đế vương lâu dài ấy, cũng có nhiều sự đáng ghi. Nhưng đáng ghi nhất là hội « Lạc-xã kỳ-anh ». Hội ấy toàn là những vị danh nho lão-thần, văn-chương đức-hạnh, phẩm-vọng công-lao, ở giữa đời nhà Bắc-Tống, bị đảng tiểu-nhân họ xua đuổi, kể có mười mấy vị, vị nào vị ấy, đầu tơ tóc bạc, áo mũ rườm-rà, tụ-hội với nhau ở Lạc-xã, gọi là hội « Kỳ-anh », uống chén rượu nhạt, đánh ván cờ tiên, ngâm câu thơ vui, rồi bàn nói với nhau những đạo tu-thân, tề-gia, trị-quốc, bình thiên-hạ. Hội ấy những ai? Bọn ông Văn Ngạn-Bác, ông Tư-Mã Quang vậy. Lại về thời-kỳ Bắc-Tống, ông Thiệu-tử là bậc tiên-tri, hai anh em ông Trình-tử là kẻ đạo-học, đều sản ra ở đất Lạc-dương. Bức tường An-lạc của oa Thiệu-tử, tấm bia Minh-đạo của mả họ Trình, đều là cái danh thiên-cổ.

Xét ra đất Lạc-dương tự khi vắng mặt các đế-vương đến giờ, là đất an-lạc không phải là đất cạnh-tranh, là đất cổ-tích không phải là đất phồn-hoa, vậy trong lịch đại thường có danh-viên thắng-tích phô-bày, có hiền-nhân quân-

tử tụ-tập. Cho đến ngày nay, tưởng cũng không khác gì mấy.

Gần mới đây Dân-quốc vì sự Trung-Nhật chiến-tranh, tự Nam-kinh dời chính-phủ lên Lạc-dương, chừng cũng là vin cớ rằng Lạc-dương là trung-tâm nội-bộ, tiện đường hiệu-triệu các phương; lại là vững lòng rằng Lạc-dương là chỗ kín-đáo thảnh-thơi, quân địch chưa dễ làm gì được. Nhưng xem ra đất Lạc-dương chỉ thích-hợp về tính-chất cổ mà thôi, không thích-hợp với phong-trào của thế-giới ngày nay nữa. Bảo rằng là kinh-đô lâm-thời thì nên, chứ bảo rằng kinh-đô vĩnh-viễn thì chửa tất đã phải.

3o) *Biện-kinh.*— Kể về danh-hiệu thì ngày xưa đời vua Hạ Vũ đất ấy thuộc về Dự-châu, là chỗ quốc-đô nước Ngụy đời Chiến-quốc. Nước Ngụy tức là nước Lương, cho nên lịch-đại thường gọi là đất Đại-Lương. Đến nhà Tống mới gọi là Biện-kinh, tức là phủ Khai-phong chỗ tỉnh-hội Hà-nam ngày nay.

Kể về hình-thế thì Biện-kinh ở phía nam sông Hoàng-hà, phía đông đất Lạc-dương, cũng là một chỗ trung-tâm nội-bộ nước Tàu, thuyền xe tiện-lợi, nhân-dân thấu-tập. Nhưng là chỗ đất phẳng, không có non-sông làm hiểm-trở, lịch-đại kiến-đô ở đó, chỉ lấy binh-lính làm thành-lũy, sức dân mỏi-mệt, của nước tiêu-hao, cho nên những nhà kiến-đô ở đó, đại-khái là những nhà cẩu-thả, hay là những nhà văn-nhược, vân-vân.

Biện-kinh tuy ở phía nam sông Hoàng-hà, nhưng Hoàng-hà hay có cái nạn nước xô sóng cả, sông lở cát bay, thực kém xa sông Dương-tử, cho nên Biện-kinh không lấy Hoàng-hà làm hình-thế, như Nam-kinh lấy Dương-tử làm hình-thế được.

Kể về lịch-sử thì bắt đầu cuối đời Xuân-thu sang đời Chiến-quốc, vua Văn-hầu họ Ngụy, cùng họ Hàn họ Triệu chia ba đất nước Tấn, lập nên nước Ngụy, định đô ở đất ấy, thiên-hạ gọi là Ngụy-đô. Hồi ấy Ngụy-đô cũng hơi có danh-tiếng một chút, vì có vài bậc hiền-sĩ là bọn Đoàn Can-Mộc, Điền Tử-Phương đến đó ngao-du. Đến đời Huệ-vương, nước Ngụy lại gọi là nước Lương, có bậc á-thánh là thầy Mạnh-Kha thời-thường vãng-lại đất Lương-đô, trần-thuyết điều nhân nghĩa. Đến đời Tây-Hán đất ấy lại là đất phong-vương cho một người tôn-thất. Khi ấy người hiền-tướng nhà Hán là Chu Á-Phu, từng nằm ở trong thành nước Lương, mà chế được cái nạn Ngô-Sở bảy nước. Những nhân-vật như trên, đều là nhân-vật đáng ghi nhớ ở đất ấy cả.

Trải qua nhà Đông-Hán, nhà Tấn nhà Ngụy nhà Tùy nhà Đường, cái danh đất ấy cơ-hồ đã chìm đi, chẳng ai nói đến nữa. Mãi đến đời Đường-mạt, có một viên cường-phiên-trấn là Chu Ôn, vốn là kẻ bình-dân đất Đường-sơn, cất quân diệt nền xã-tắc ba trăm năm của nhà Đường tiếm-hiệu xưng hoàng-đế, dựng nước gọi là Hậu-Lương, định đô ở đất ấy.

Xét ra Chu Ôn định-đô ở đất ấy cũng không ý-nghĩa gì sâu-xa, chẳng qua Chu Ôn từng làm chức Tiết-độ trấn-thủ đất ấy, khi diệt được nhà Đường lại nhân đất nước cũ mà định-đô đấy thôi. Vả lại thời-kỳ ấy còn là thời-kỳ tứ-phân ngũ-liệt, chửa phải là thời-kỳ thống nhất, chẳng qua vì Chu Ôn tiếm-hiệu hoàng-đế trước mà khởi đầu sự kiến-đô, rồi sau kẻ gian-hùng nào chiếm-cứ được Lương-đô, thì tức-khắc xưng mình làm Thiên-tử. Nhà Hậu-Lương, nhà Hậu-Đường, nhà Hậu-Tấn, nhà Hậu Hán, nhà Hậu-Chu, tung-tích hành-vi, đại-khái như nhau cả. Đời gọi là triều Ngũ-đại. Nhà Tống dấy lên, thống-nhất các tiếm-quốc, thiên-hạ mới tiến vào cõi thái-bình,

Hồi đó thuộc vào khoảng thế-kỷ thứ mười.

Vua Tống-tổ là Triệu Khuông-Dận, vốn không có chí tranh thiên-hạ, vì kẻ hào-kiệt ở Lương-đô tôn dội lên làm thiên-tử, cho nên cũng chiều lòng kẻ hào-kiệt mà nhân kiến-đô ở đất ấy, dựng quốc-hiệu là Đại-Tống, đất ấy mới hiển-danh là Biện-kinh.

Nhưng vua Tống-tổ thực là một vua anh-hùng, thấy Biện-kinh không có non sông hình-thế gì mạnh-mẽ, chỉ lấy binh làm thành, sức dân của nước kham làm sao nổi, ngỏ ý muốn bắt-chước Hán Đường dời đô Tràng-an hay hoặc Lạc-dương. Hay đâu những bầy-tôi nhà Tống khi ấy lại giữ thói cầu-thả mà cố can rằng : « Tại đức bất tại hiểm », sự thiên-đô lại thôi.

Triều nhà Tống đường vũ-bị dẫu suy, nhưng về đường văn-hóa lại rất thịnh. Ngót hai trăm năm, người quân-tử nhiều mà kẻ tiểu-nhân cũng không phải là ít. Đại-khái chia ra hai ba thời-kỳ. Tự đời Nhân-tôn về trước, Biện-kinh là một chốn vũ-đài của bọn quân-tử ; tự đời Thần-tôn về sau, Biện-kinh là một nơi trường-hợp của lũ tiểu-nhân. Đến đời Khâm-tôn Huy-tôn là đời kết-quả của lũ tiểu-nhân phá-hoại nhà Tống. Giặc rợ Kim tự phương bắc xuống miền nam, qua sông Hoàng-hà, Biện-kinh rời-rạc vỡ-lở, giặc Kim bắt Khâm-tôn Huy-tôn đem về phương bắc, những người triều-thần có danh-tiếng cũng nhiều người bị bắt, Biện-kinh đã đi đời Biện-kinh, mà trung bộ bắc-bộ nước Tầu đã thuộc về đất Kim. Ôi ! Lịch-đại mất nước, không hồi nào sỉ-nhục và dễ-dàng như hồi ấy. Sự ấy trách tại Biện-kinh không có hình-thế, hay là trách tại bọn tiểu-nhân phá-hoại đã đến cực-điểm, lẽ đó nên còn cả hai.

Nhân bàn về nỗi quân-tử tiểu-nhân. Lịch-sử Biện-kinh ít có điều gì thú-vị, chỉ thú-vị nhất là quân-tử với tiểu-nhân nhà Tống, sao chẳng lấy ra mà bàn. Quân-tử nhà Tống phần nhiều người có mầu đạo-học hơn quân-tử nhà Hán nhà Đường. Tiểu-nhân nhà Tống cũng thiên-quỉ bách-quái, tiểu-nhân nhà Hán nhà Đường chửa thấm vào đâu. Quân-tử có tiến-đức mà tiểu-nhân cũng có tiến-đức đấy a ?

Ông Tư-Mã Quang từ chức sứ-tướng nằm co ở đất Lạc làm sách *Tư-trị thông-giám*, thực là quân-tử một cách đạo-học. Ngươi Thái Sác làm thơ thán-tức tư-mộ một vị trung-thần nhà Đường là Giả Tăng-Sơn, thực là tiểu-nhân một cách ngụy-quân-tử. Tóm lại, lúc đời hay, thì tiểu-nhân dành ngôi cho trí-thức ngồi, nhường đường cho đạo-đức đi, là lúc quân-tử tại-thượng, tiểu-nhân tại-hạ, tức là lúc hưng-bang. Lúc đời dở, thì quân-tử phải nín hơi nín tiếng, mà tiểu-nhân cả đắc-chí, phá-hoại cả đạo-đức, rối-loạn cả thị-phi, không kiêng-nể gì cả, là lúc tiểu-nhân tại-thượng, quân-tử tại-hạ, tức là lúc táng-bang. Trò ấy ở Biện-kinh diễn ra đã đủ.

Lại nên biết rằng Biện-kinh sở-dĩ trứ-danh là trứ-danh vì nhà Tống; nhà Tống sở-dĩ trứ-danh là trứ-danh vì các vai nhân-vật. Thế thì ông Âu-Dương Tu, ông Tô Thức nhận chức Hàn-lâm ngày nào ; ông Triệu Biện, ông Trình Di nhận chức ngự-sử kinh-diên ngày nào ; ông Hàn Kỳ, ông Phạm Trọng-Yêm, ông Tư-Mã Quang nhận chức tể-tướng ngày nào, kẻ xem sử Biện-kinh tưởng cũng nên ghi nhớ. Lại một vai nữa là Vương An-Thạch, học rộng tài cao, cầm quyền nấu canh ở Biện-kinh, chua mặn vụng đường pha, mà làm đổ chiếc kim-âu nhà Tống. Đời sau mắng An-Thạch là tiểu-nhân cũng phải, cãi lại cho An-Thạch là quân-tử cũng phải, cái án An-Thạch nghìn năm vẫn còn chửa giải-quyết, cũng là một nhân-vật ly-kỳ.

Từ hồi Bắc-Tống đã mất về sau, đất Biện-kinh cũng không có dấu vết để-

vương in vào nữa. Trải qua nhà Kim nhà Nguyên nhà Minh nhà Thanh, Biện-kinh chỉ là một nơi lạc-thổ lạc-quốc mà thôi, không phải là nơi hùng-trấn trọng-trấn gì cả.

Hồi dân-quốc mới đây, khoảng ngoại mười năm, cái người thường làm chủ-nhân ông ở Biện-kinh là Phùng Ngọc-Tường. Đất ấy tiến-thoái đều không hình-thế thắng-lợi, nên chi Phùng kết-quả thất-bại. Sẽ hay Biện-kinh là nơi hiền-sĩ ngao-du không phải là nơi anh-hùng dụng-võ.

4.) *Bắc-kinh.* — Kể về danh-hiệu thì đời vua Hạ Vũ đất ấy thuộc về U-châu. Đời Xuân-thu Chiến-quốc thuộc nước Yên, cho nên lịch-đại gọi là Yên-kinh. Đời vua Minh Thái-tổ là trấn Bắc-bình. Đời vua Thanh Thế-tổ thuộc tỉnh Trực-lệ. Vì ở lệch về phía bắc, cho nên lịch-đại thường gọi là Bắc-kinh, tức ngày nay chỗ tỉnh-hội Bắc-bình vậy.

Kể về hình-thế, thì Bắc-kinh phía đông-bắc tựa núi cõng thành, mà lấy Sơn-hải-quan làm then khóa về phần lục. Phía đông-nam dòm xuống vũng Trực-lệ, ngó ra bể Thái-bình, mà lấy Thiên-tân làm cửa ngõ về phần hải. Tự nhà Đường trở về trước, đất ấy chẳng qua là một trọng-trấn ở miền cực-đông-bắc nước Tàu mà thôi. Hay dâu tự nhà Nguyên đến nhà Thanh, khoảng 700 năm, là một nơi kinh-đô hùng-vĩ của đế-vương, cơ-hồ đảo-áp cả Tràng-an với Lạc-dương mà ở trên. Cái đó có ba cớ.

Một là giống Mông-cổ tự hồi nhà Đường suy-yếu về sau, giống ấy chẳng những phát-đạt về phía bắc, mà lại cả phát-đạt về phía đông, như là bộ Khiết-đan, bộ Nữ-trực, nhà Liêu, nhà Kim, nhà Nguyên, nhà Thanh, phía đông châu Á có ảnh-hưởng rất lớn. Nhà Nguyên nhà Kim nhà Thanh là giống Mông-cổ vào lấy Trung-quốc định-đô ở Yên-kinh để thu-thập lấy cơ-đồ thống-nhất đã đành, thậm-chí nhà Minh quật-khởi ở Nam-phương, thu-phục được toàn-bộ, cũng tất phải định đô ở Yên-kinh mới đủ trấn-áp mặt Đông-bắc.

Hai là vì bức Tràng thành của Tần-thủy-hoàng đắp ra, khởi tự phía cực-tây là chỗ Da-du-quan, chạy suốt sang phía cực-đông là chỗ Sơn-hải-quan, chẳng khác gì bộ xương sống ở phía bắc nước Tàu. Yên-kinh cấp liền lấy bức tràng-thành để thống-ngự nam-bắc, Yên-kinh sở-dĩ mạnh là mạnh về bức tràng-thành.

Ba là lối vận-tải ngày xưa, hải-đạo với thiết-lộ vốn chửa phát-đạt, chỉ nhờ có con sông Vận-hà tự phía nam thông lên phía bắc. Con sông ấy, là con sông người đào, khởi-thủy tự nhà Tùy, đến nhà Nguyên mới thành hiệu-quả, công-trình to-tát, chẳng kém gì bức tràng-thành. Từ đấy cái tài-liệu tinh-hoa phong-phú ở các tỉnh miền nam, mới có đường vận-tải để cung-cấp cho Bắc-kinh. Ngày nay thì hải đạo với thiết-lộ đã phát-đạt, cái danh-tiếng Vận-hà mới chìm đi. Nhưng khoảng 60 năm về trước thì con sông Vận-hà thực là cái mạch máu lớn của Nam Bắc hai kinh vậy.

Hình-thế nước Tàu ngày nay quan-trọng về phần đại-dương đại-hải, không quan trọng về phần đại-lục như ngày xưa, cho nên bức tràng-thành đã là bức tường cổ, mà sông Vận-hà cũng là con sông bỏ hoang, thì tự-nhiên cái hình-thế Bắc-kinh kém đi, mà có chỗ khác là hơn thay vào. Chỗ ấy là chỗ nào? Tức là chỗ Nam-kinh vậy.

Kể về lịch-sử thì bắt đầu hồi Tây Chu đã có danh-hiệu nước Yên. Vì đất ấy là đất vua Vũ-vương nhà Chu phong cho một vị công-thần là Thiệu-Công-Thích, tước là Yên-bá, lập-quốc ở đất ấy. Trải đời Tây-Chu qua đời Xuân-thu, nước Yên vẫn là một nước nhỏ, lại gần rợ Nhung địch, thường

phải nhờ thanh-thế nước Tề. Đến đời Chiến-quốc, nước Yên mới hiển-danh là một nước cường-đại, sánh vai với nước Tần, nước Tề, nước Sở các nước, mà làm bọn thất-hùng. Đất Yên có quan-hệ với nội-bộ từ đấy.

Nhân-vật đất Yên thì có người Nhạc-Nghị là người tướng tài, mà gồm có cái tính-cách hiền-sĩ; người Kinh-Kha là người hiệp-khách, vào Tần đâm Thủy-hoàng, nước Yên mới trứ-danh trong lịch-sử, mà đài Hoàng-kim là chỗ đón Nhạc-Nghị, sông Địch-thủy là chỗ đưa Kinh-Kha, người đời sau còn ca-vịnh chẳng thôi.

Trải qua nhà Hán nhà Đường, hoặc có khi là đất phong-vương, hoặc có khi là nơi trọng-trấn. Kịp An-Lộc-Sơn làm phản nhà Đường, đất Ngưu-dương — tức là đất ấy — lại là nơi sào-huyệt của giặc. Kịp giặc tan thì đất ấy là đất phiên-trấn cát-cứ, chỉ cái danh-từ thuộc nhà Đường mà thôi.

Đến đời Ngũ-đại, vua đời Hậu-Tấn là Thạch Kính-Đường, vì nhiệt-tâm làm hoàng-đế quá, sinh lòng đê-tiện, sai sứ sang rợ Khiết-đan nhận làm bề tôi, mượn quân Khiết-đan về cướp lấy Biện-kinh tranh ngôi thiên-tử. Rồi đem toàn-bộ đất Yên, Sơn-tiền Sơn-hậu, ba mươi sáu châu, cống-hiến cho rợ Khiết-đan. Nhà Hậu-Tấn chẳng được mấy ngày cũng mất ngay, mà đất Yên trải 400 năm, không trông thấy bóng mặt trời của Hán-tộc chiếu vào nữa. Đó là một sự cả đau-đớn của lịch-sử nước Tàu. Từ đó nhà Liêu nhà Kim nhà Nguyên là giống Mông-cổ dấy lên, thường nhờ đất ấy làm cơ-sở cho việc xâm-lấn nội-bộ, mà cái sức nội-bộ mới yếu dần đi. Hình-thế đất Yên quan-hệ chẳng phải là nhỏ.

Song đó là kể về thời-đại phong-kiến hay là thời-đại chiếm-cứ mà thôi, chửa phải là thời-đại thống-nhất kiến-đô. Nói sự thống-nhất kiến-đô ở đất Yên, thời kể tự nhà Nguyên là khởi-thủy. Mà tự đấy về sau, khoảng 700 năm, đất Yên lúc nào cũng là một chốn kinh-đô hùng-vĩ của lịch-đại đế-vương vậy.

Thời-kỳ nhà Nguyên khoảng 100 năm, cũng không có sự gì đáng ghi. Chỉ hồi bắt đầu có một vị trung-thần nhà Tống là ông Văn Thiên-Tường bị giết ở Yên-kinh là một sự vẻ-vang cho lịch-sử nước Tàu; Yên-kinh khi ấy là chốn thư-như-tràng (1) của dân Hán-tộc, lại là nơi an-lạc-quốc của Văn Thiên-Tường. Ai đã xem qua bài *Chính-khí ca* thì khắc rõ.

Nhà Nguyên là giống Mông-cổ, cất quân vượt qua Tràng-thành vào xâm-lấn nội-bộ mà định đô ở đất Yên, ai bảo rằng chẳng phải. Đến như nhà Minh là Hán-tộc dấy lên, thu-phục nội-bộ, kể tự Tràng-thành dĩ-nam mà thôi, mà cũng định đô ở đất Yên, điều đó mới đủ khiến người nghiên-cứu.

Vua Minh Thái-tổ khởi tự phương nam, lấy Kim-lăng làm căn-bản, dẹp loạn mười tám năm, khi được thiên-hạ thì tuổi đã già, nhân định đô ở Kim-lăng, tức là chỗ Nam-kinh ngày nay. Hồi đó vua Thái-tổ phong cho người con thứ hai là Chu Lệ làm Yên-vương, để trấn-thủ đất Bắc-bình, tức sau này là vua Thành-tổ. Vua Thành-tổ là người hùng-kiệt lại có phần hơn vua Thái-tổ. Khi đã cất quân xuống miền nam, tranh được ngôi hoàng-đế của cháu là Kiến-văn, rồi lại tức-khắc tự Kim-lăng dời quốc-đô lên đất Yên, gọi là Bắc-kinh, mà Kim-lăng là quốc-đô cũ thì gọi là Nam-kinh. Trong nước chia ra có Nam Bắc hai kinh từ đấy. Há chẳng phải nghĩ rằng rợ Bắc-địch tự hồi Đường-mạt sau này, như rợ Liêu, rợ Kim, rợ Nguyên khôn xiết

---

(1) *Thư-như* = Bùn lầm, là ý lầm-than khốn-khổ.

cường-thịnh, thường nhờ hình-thế đất Yên để dòm nom Trung-quốc, nếu Trung-quốc không định đô đất Yên, không đủ trấn-áp được giặc Bắc. Nên chi việc vua Thành-tổ định đô ở Yên-kinh, thực là một việc lịch-đại Hán-tộc chưa có bao giờ. Song cũng nên biết rằng Yên-đô của nhà Minh trấn-áp mặt đông-bắc ; Nam Bắc lưỡng kinh của nhà Minh, cũng như Đông Tây lưỡng-đô của nhà Hán nhà Đường vậy.

Nhà Minh định đô ở đất Yên, khoảng hơn 200 năm, bốn phương phẳng-lặng, hai kinh vững-vàng, văn-phong vũ-bị, so với nhà Hán nhà Đường cũng không hổ thẹn chi cả. Nhân-vật thì ông Vu Khiêm lập vua Cảnh-đế, ông Vương Thủ-Nhân đánh giặc Thần-Hào, đều là nhân-vật trác-tuyệt.

Đến hồi Minh-mạt, Yên-kinh bị hai thằng giặc, một là thằng giặc cướp nước là Lý Sấm, ăn thịt người chẳng biết tanh, hai là thằng giặc bán nước là Ngô Tam-Quế, rước voi về dầy mồ, mà quốc-đô Yên-kinh đương là quốc-đô thanh-bình, chợt biến ra làm quốc-đô binh-lửa ; triều-đình Yên-kinh đương là triều-đình mũ miện áo bào, chợt biến ra làm triều-đình áo xanh gióc tóc.

Vua Thế-tổ nhà Thanh tự Mãn-châu tiến binh vào Sơn-hải-quan, định-đỉnh ở Yên-đô, thống-nhất cả Trung-quốc nội-bộ và Mông-cổ nội-ngoại với Tân-cương Tây-tàng. Rồi địa-đồ nhà Thanh quá sức mênh-mông, mà nhân-dân nhà Thanh mới có Mãn, Hán, Mông, Hồi, Tàng, năm dân tộc. Nhà Thanh định đô Yên-kinh, cái chính-sách cũng như nhà Nguyên năm nọ, chẳng đủ lạ gì. Thời-kỳ nhà Thanh ngót 300 năm, có hai vị đế-vương trác-tuyệt, cổ kim ít thấy, là vua Khang-Hi với vua Kiền-long, vừa sống lâu làm vua, vừa thiên-hạ thái-bình, vừa vũ-công, vừa văn-hóa, thực đã xây nên cái nền hùng-tráng vĩ-đại cho Bắc-kinh, so với tiền-đại mà vượt qua vậy.

Kịp đời vua Hàm-phong, Anh, Pháp, Mĩ ba nước tiến binh vào Bắc-kinh, sáng-lập điều-ước, sóng Thái-bình-dương nổi lên ngày nào, thì tức là bề vượng-khí ở Bắc-kinh suy giảm đi ngày ấy. Trải qua hồi thất-quốc liên-quân năm Quang-tự, cho đến hồi dân-tộc cách-mệnh năm Tuyên-thống mà họ Mãn-Thanh mới nhường lui, nước Trung-hoa mới xuất-hiện.

Xét ra lịch-sử nước Tàu vốn không có tên nước, chẳng qua một triều nào có danh-hiệu riêng của một triều ấy mà thôi. Như là Hán, Đường, Tống, Minh, v.v.. Người Âu-châu gọi họ là Si-noa (*Chinois*), người Nhật-bản gọi là Chi-na, chẳng qua là chuyển-âm gọi tạm đấy thôi. Đến như người Nam ta gọi họ hoặc là Ngô, nghĩa là nước Ngô đời Tam-quốc có trực-tiếp với ta ; hoặc là Khách, nghĩa là thời-kỳ nước ta đã độc-lập, thì người Nam là chủ mà người Bắc là khách. Còn như lời gọi họ là Tàu, thì thực không ý-nghĩa gì sâu-xa cả. Chừng cũng chẳng qua thấy họ đi chiếc thuyền lớn, giao-thông buôn bán quanh miền Nam-hải mà tới nơi, nhân gọi họ là người Tàu. Lại như học gọi là Hán-học, chữ gọi là Hán-tự, cũng là lấy một triều đại-trứ danh để thay vào danh-từ một nước mà gọi. Kịp năm Dân-quốc của họ thành lập ở Bắc-kinh, họ mới phát-biểu nước họ là Trung-hoa dân-quốc. Xét trong cổ-thư thì sách *Mạnh-tử* có câu : « *Bắc học ư Trung-quốc* » ; sách *Tả-truyện* có câu : « *Ẩm thực ngôn ngữ bất dữ Hoa đồng* ». Vậy mà biết cái danh-từ hai chữ Trung-hoa tuy là cái danh-từ cận-kim, nhưng cũng là cái danh-từ tiền-cổ.

Hồi Dân-quốc gần mới đây, phái quân-phiệt thành-lập ở Bắc-kinh, phái dân-đảng thành-lập ở Nam-kinh, rút lại phái dân-đảng nhường quyền cho

phái quân-phiệt, mà Yên-kinh trước kia là chốn danh-đô của lịch-triều, ngày nay lại là chốn thượng-đô của Dân-quốc. Nhưng xem ra Dân-quốc mới đây, cái danh-nghĩa tuy thành-lập, nhưng cũng chưa phải là thời-kỳ thống-nhất. Các hàng đốc-quân, mỗi người cát-cứ một tỉnh, chẳng khác gì các quan phiên-trấn năm xưa cát-cứ thổ-địa nhà Đường, mà Bắc-kinh mới đây chẳng qua là một trường-sở múa rối của bọn chính-khách đấy thôi, thực không có vẻ trang-nghiêm gì cả, vẻ Bắc-kinh buồn tẻ đến thế là cùng. Vì cớ sao? Là vì làn sóng Thái-bình-dương to lớn lên bao nhiêu, thì cái vẻ Bắc-kinh buồn tẻ đi bấy nhiêu; cái nguyên-nhân ấy cũng ít người hiểu thấy.

Kịp hồi dân-đảng đi Bắc-phạt, Tưởng Lý kéo cờ thanh thiên bạch-nhật, hiệp-lực với Diêm Phùng đi đánh Trương, quân nam thắng, quân bắc bại, Trương phải giao trả Bắc-kinh cho dân-đảng. Dân-quốc khi ấy đã hơi có cơ-mầu thống-nhất một chút, dân-đảng mới định lấy Nam-kinh làm quốc-đô mà đổi Bắc-kinh ra làm trấn Bắc-bình. Bắc-kinh từ nay trở đi, sẽ chỉ là một nơi cổ-đế-đô mà thôi.

Tuy vậy, nội-bộ nước Tàu tự sông Hoàng-hà trở về phía bắc, nào là Sơn-tây Sơn-đông, nào là Nội-Mông-cổ, nào là Đông-tam-tỉnh, nào là loan Trực-lệ, nào là đảo Tần-hoàng, cửa Đại-cô, mông mênh man-mác, hình-thế chẳng ở Bắc-kinh thì ở đâu. Bắc-kinh từ nay trở đi, sẽ cũng là một nơi hùng-vĩ trọng-trấn, chửa bao giờ hết vẻ lạc-quan. Dân-quốc có Nam-kinh phải có Bắc-kinh, cũng như nhà Nguyên nhà Minh nhà Thanh, có Bắc-kinh phải có Nam-kinh vậy. Bắc-kinh tuy rằng một chỗ cố-đô, nhưng cũng không khi nào đã giống cảnh Đào-nguyên như Tràng-an với Lạc dương.

5° *Nam-kinh.* — Kể về danh-hiệu thì đời vua Hạ Vũ đất ấy thuộc về Dương-châu. Đời Xuân-thu thuộc nước Ngô, cho nên lịch-đại thường gọi là đất Ngô-trung, hay là Ngô-hội. Đời Hán Sở gọi là đất Giang-đông. Đời Tam-quốc gọi là Kiến-nghiệp; đời Lục-triều gọi là Kim-lăng; nhà Đường gọi là Giang-nam; nhà Tống gọi là Kiến-khang; đời sau cũng có khi gọi là Mạt-lăng; nhà Minh gọi là Nam-kinh; nhà Thanh là phủ Giang-ninh, thuộc tỉnh Giang-tô, tức là chỗ quốc-đô Dân-quốc ngày nay vậy.

Kể về hình-thế, thì Nam-kinh ở về hạ-lưu và phía nam sông Dương-tử (tức là sông Tràng giang). Nước Tàu có ba con sông, chia ra làm ba lưu-vực. Một là sông Hoàng-hà, phát-nguyên tự Thiên-sơn, vòng lên Mông-cổ, lượn xuống nội-địa, chẩy ra loan Trực-lệ, là lưu-vực phía bắc. Hai là sông Châu-giang, phát-nguyên tự Vân-nam, qua hai tỉnh Quảng, chẩy ra bể Nam-hải, là lưu-vực phía nam. Ba là sông Dương-tử, phát-nguyên tự Tây-tàng Ba-thục, lượn qua Hồ-bắc, Giang-tây, An-huy, Giang-tô, chẩy ra miền Đông-hải, là con sông dài nhất thế-giới, là lưu-vực trung-bộ. Như vậy thì Nam-kinh vì đối với Bắc-kinh mà gọi là Nam-kinh đấy thôi, chứ kỳ-thực là trung-bộ mà chếch về phía đông. Nam-kinh gối vào sông Tràng-giang, cũng như Bắc-kinh cặp lấy bức Tràng-thành, cho nên lịch-đại chiến-tranh, hễ Tràng-giang còn thì Nam-kinh còn, Tràng-giang mất thì Nam-kinh mất, cũng như Tràng-thành còn thì Bắc-kinh còn, Tràng-thành mất thì Bắc-kinh mất vậy. Nên chi muốn biết hình-thế Nam-kinh thế nào, trước hết phải biết hình-thế con sông Dương-tử.

Hình-thế sông Dương-tử quan-trọng nhất là chỗ Hán-khẩu với Vũ-xương, nói tóm-tắt thường gọi là Vũ-Hán, chỗ ấy là chỗ sông Hán-thủy với sông Tràng-giang hợp-lưu, thuộc về thượng-lưu sông Dương-tử, là chỗ trung-tâm

nội-bộ nước Tàu, lịch-đại nam bắc sở-tất-tranh. Phú *Xích-bích* có câu : « *Tây-vọng Hạ-khẩu, đông vọng Vũ-xương, sơn-xuyên tương-mâu, uất hồ sương-sương* ». Nghĩa là tây trông Hạ-khẩu, đông ngó Vũ-xương, núi sông man-mác, rậm tốt quanh co, tức là bức nhiếp-ảnh về đất đó. Vì đất đó có cái hình-thế thuận giòng nước xuống mặt đông, cho nên Vũ-Hán đã ở trong tay thì Nam-kinh tức là cái vật ở trong túi vậy. Nhà Tấn đánh Ngô, nhà Tùy đánh Trần, nhà Nguyên đánh Tống, nhà Thanh đánh Thái-bình-thiên quốc, đều theo một cái phương-lược ấy cả. Chỉ có trận Xích-bích đời Tam-quốc, Kinh-châu tức là Vũ-Hán đã mất rồi, mà Đông-Ngô lại đủ sức đánh tan quân bắc, xét trong lịch-sử không hai. Nhân-vật chàng Chu-lang há chẳng phải là có một. Đến như quân thiên-binh của Hồng Tú-Toàn, quân cách-mệnh của Lê Nguyên-Hồng, quân bắc-phạt của Tưởng Giới-Thạch, cũng đều in như trong lịch-sử không sai. Ấy Vũ-Hán quan-hệ với Nam-kinh là thế.

Gần mới đây, đối với Nam-kinh mà có quan-hệ về nội-bộ chẳng kém gì Vũ-Hán, lại có một chỗ đất nữa mới xuất hiện, là đất Từ-châu. Vì Từ-châu chính là chỗ con đường Tân-phố thiết-lộ, và con đường Lũng-hải thiết-lộ giao nhau. Nam-kinh mà giữ được phương-diện Từ-châu, sẽ đủ sức chế được các tỉnh miền bắc. Cuộc Phùng Tưởng chiến-tranh mới rồi, Tưởng chiếm được ưu-thắng, cũng là vì có địa-lợi.

Khoảng sáu bảy-mươi năm về trước, Nam-kinh chỉ đối với sông Dương-tử, đối với nội-bộ có quan-hệ mà thôi. Khoảng sáu bảy-mươi năm về sau này, cuộc đời mở hội doanh-hoàn, Nam-kinh lại đối với Thái-bình-dương, đối với thế-giới mà có quan-hệ nữa. Cuộc ấy khởi-thủy tự cuối năm Hàm-phong nhà Thanh, nước Anh, nước Mĩ, nước Pháp, ba nước liên-minh vào Bắc-kinh, khiến nhà Thanh làm điều-ước nhường cho một miếng đất để làm tô-địa. Miếng đất ấy là miếng đất nào? Tức là đất Thượng-hải vậy. Thượng-hải ở về cửa sông Dương-tử mà thuộc về phía nam. Ngắm ra cho cùng, thì đất ấy tức là bờ bể Thái-bình-dương, mà là bến thuyền bến chợ của ngũ-đại-châu, nói thế cũng là xứng-đáng.

Trước kia Thượng-hải chỉ là miếng đất tịch-mịch bỏ hoang, chỉ có một ít thôn-dân sờ-sạc ở đấy kiếm cá mà thôi. Người Âu-châu biết rằng sông Dương-tử là con sông to nhất nước Tàu, bể Thái-bình-dương là cánh bể to nhất thế-giới, mà đất Thượng-hải chính là chỗ cửa sông Dương-tử, bờ bể Thái-bình, biết đâu sau này chẳng là một cái chợ giao-thông của thế-giới hay sao. Ba nước mới hết sức mở-mang, quả-nhiên phồn-diễm phát-đạt, sau này còn chưa biết thế nào là cùng, Nam-kinh đối với nội-bộ phải nhờ có Vũ-Hán làm phúc-tâm, mà làm yếu-lĩnh cho cuộc trị-an, đối với thế-giới phải nhờ có Thượng-hải làm môn-hộ, mà làm nguồn-gốc cho sự giàu mạnh. Bảo rằng Nam-kinh đối với Thượng-hải, cũng như Bắc-kinh đối với Thiên-tân, nói thế đã đành, nhưng Thiên-tân so thế nào được với Thượng-hải, thì Bắc-kinh so thế nào được với Nam-kinh vậy.

Kể về lịch-sử thì nước Ngô là một nước cổ, tự hồi nhà Chu mới được thiên-hạ, vua Vũ-vương phong cho một vị đồng-tính chư-hầu là Thái-Bá, tức là Ngô-tử. Thái-Bá là con cả vua Thái-vương, nhường nước cho em, mà lánh gót sang miền nam để xa đường thế-lợi, vì thế mới phong ở đất Ngô là đất còn man-di, người nhà Chu chưa từng hỏi đến.

Trải qua đời Tây-Chu, Đông-Chu, khoảng sáu bảy trăm năm, thuộc về cuối đời Xuân-thu, nước Ngô sản-xuất

một ông vua anh-hùng là Hạp-Lư, lại có kẻ hiền-thần là Tôn Vũ, tinh về nghề binh, thậm chí những kẻ mĩ-nhân ở trong cung cũng dạy được thành nghề chiến-trận. Nước Ngô hồi ấy đánh Tề đánh Sở đều thắng-lợi. Tôn Vũ lại soạn ra binh-thư, gọi là sách *Tôn-tử binh-pháp*. Tay trước-thuật ở Nam-kinh có chăng thủy tự người ấy.

Con Ngô-vương Hạp-Lư là Ngô-vương Phù-Sai, vì mắc phải mẹo lừa của Câu-Tiễn, nếm phải bả sắc của Tây-Thi, nước Ngô mất, đất Ngô-trung thuộc về nước Việt. Hết đời Xuân-thu sang đời Chiến-quốc thì nước Việt lại mất, đất Ngô-trung lại thuộc về nước Sở. Đến đời Tây-Hán lại phong cho một kẻ đồng-tính là Ngô-vương Tị. Tị là một kẻ kiêu-xa phóng-túng, lại có quyền được đúc tiền, tha-hồ tiêu dùng, chẳng ai ngăn cấm. Phàm những cách ăn chơi xa-xỉ trong đất Ngô-trung, Ngô-vương Tị đều hết sức chấn-hưng. Ngô-vương Tị đã là một vai vô-lượng phú-ông, thì đất Ngô-trung cũng tự-nhiên là một khu vô-lượng phồn-thịnh.

Ông Thái-Bá có bề cao-thượng, ông Hạp-Lư có vẻ hùng-vũ và phong-lưu, Ngô-vương Tị có vẻ diễm-lệ phồn-hoa, ấy tính-cách đất Ngô-trung, đã do ba người chế-tạo nên vậy. Tuy vậy, trong ba thời-kỳ ấy, chửa ai đã biết đất Ngô-trung là có quan-hệ gì cả. Kể về thời-đại đối với nội-bộ mà có ảnh-hưởng đại-quan-hệ, thì bắt đầu tự hồi Tam-quốc, anh em Tôn Trọng-Mưu.

Tôn Trọng-Mưu và Lưu Huyền-Đức hai kẻ anh-hùng, từng xem xét đất ấy, đều nói rằng : « Hình-thế đất Kiến-nghiệp chẳng khác gì con rồng lượn, con hổ ngồi, thực là nhà cửa đế-vương ». Họ Tôn nhờ có đất ấy, chia ba thiên-hạ, dựng nước là Ngô, cùng với Húa-đô của nước Ngụy, Thành-đô của nước Thục mà đứng vững chân đỉnh. Tự đấy về sau, nào là nhà Đông-Tấn, nào là nhà Tống nhà Tề, nhà Lương nhà Trần gọi là đời Lục-triều. Lại vì hồi ấy nội-bộ nước Tầu chia ra hai nước, cho nên cũng gọi là đời Nam-bắc-triều. Khoảng 300 năm, đất Kiến-nghiệp (tức là đất Kim-lăng), không lúc nào chẳng phải là quốc-đô của triều Nam, mà khí-sắc triều Nam, coi ra cũng đủ sánh với triều Bắc.

Đến đời nhà Tùy nhà Đường mới thuộc về thời-kỳ thống-nhất. Kẻ xem lịch-sử nước Tầu, ai cũng biết rằng văn-học nhà Đường là cực-thịnh, cũng là một thứ văn-học không-tiền tuyệt-hậu ở trong lịch-sử nước Tầu. Nhưng biết đâu có một thứ tài-liệu tự phương nam bón tưới cho phương bắc, tức là thứ văn-chương đời Lục-triều. Cho nên muốn biết Đỗ Thiếu-Lăng, thì trước phải biết Lục-Cơ, Lục-Vân ; muốn biết Lý Thái-Bạch, thì trước phải biết Dũ-Tín, Pháo-Chiếu ; muốn biết Vương Ma-Cật, Vi Tô-Châu, thì trước phải biết Tạ-Điểu, Đào Tiềm. Ấy triều Nam đã có cái tính-cách đặc-biệt như vậy.

Trải đời Ngũ-đại, đất ấy là quốc-đô của nước Nam-Đường. Hết đời Bắc-Tống, thì đất ấy lại là đại-trấn của nhà Nam-Tống. Vua Cao-tôn tránh giặc Kim, cũng bắt-chước Lục-triều lập-quốc ở phương Nam, kỳ-thủy lên ngôi vua ở Kiến-khang, tức là đất Kiến-nghiệp ngày trước, sau vì cớ nhút-nhát thoái-đô xuống Hàng-châu, tức là chỗ tỉnh-hội Triết-giang ngày nay. Hồi ấy đất Kiến-khang thường đặt phủ đô-đốc, những người hiền-tướng là lũ ông Trương Tuấn, Ngu Doãn-Văn thường ở nơi đó. Kiến-khang tuy vắng mặt đế-vương, nhưng vẫn là chỗ anh-hùng dụng-vũ, thường có phần trọng-yếu hơn quốc-đô.

Thời-kỳ nhà Nam-Tống có hơn một trăm năm, triều Nam lại có cái tính-cách đặc-biệt nữa, so với tính-cách văn-học đã kể như trên, lại có phần hơn ; là tính-cách đạo-học. Thời-kỳ nhà

Nguyên thống-nhất sau này, toàn nhờ về đạo-học phương nam bồi-bổ cho phương bắc. Cho nên muốn biết các danh-nho phương bắc là lũ ông Diêu-Khu, ông Hứa Hành, ông Triệu Phục, thì trước phải biết các danh-nho phương nam, là lũ ông Chân Đức-Tú, ông Lục Tử-Tĩnh, ông Chu Hi.

Xét trong lịch-sử phàm kiến-đô ở Kim-lăng, thường chịu cái ảnh-hưởng thống-nhất của phương bắc. Đến như do tự quốc-đô Kim-lăng mà thống-nhất được phương bắc, thì vua Minh Thái-tổ là vi-thủy. Vua Minh Thái-tổ kiến-đô ở Kim-lăng, không phải là không có cớ, vì tự hồi nhà Đường về sau, châu Kinh tức là nơi Vũ-Hán, châu Dương tức là nơi Kim-lăng, đã có tiếng là tài-sản thuế-má hơn nhất cả thiên-hạ. Đất Kinh Dương đã có kinh-nghiệm thống-nhất được thiên-hạ, thì đất Kim-lăng há chẳng có kinh-nghiệm kiến-lập được quốc-đô. Song hồi đó, bể Thái-bình-dương còn im-lặng chửa có sóng, mà luồng gió đại-lục, ở phía đông-bắc vẫn dữ-tợn thổi bay, nên chi con vua Thái-tổ là Thành-tổ đã bỏ Nam-kinh, mà dời đô lên Bắc-kinh, mà cái danh-hiệu Nam-kinh với Bắc-kinh thành-lập từ đấy. Nhà Minh tuy kiến-đô Bắc-kinh, nhưng đối với Nam-kinh vẫn coi là một chỗ quốc-đô thứ hai. Ở Nam-kinh vẫn đặt sáu bộ Thượng-thư để phân-hành cuộc chính-trị. Cho đến triều nhà Thanh tự ngoài cửa quan vào thống-nhất nội-bộ, chức Kim-lăng đại-doanh tướng-quân không khi nào dời tay người Mãn, chức Lưỡng-Quảng tổng-đốc, chẳng khi nào không phải phương-diện trọng-thần. Kịp đến hồi Hồng Tú-Toàn dấy lên, thì Nam-kinh tức là nơi sào-huyệt của Thái-bình thiên-quốc. Khi ấy người đối-địch với Hồng là Tăng Quốc-Phiên, Tăng biết rằng ngọn sóng Thái-bình-dương đã nổi lên, nên chi Tăng chú-trọng về đất Thượng-hải mà thân-thiện với liệt-cường. Hồng thì chẳng biết thế, nên chi khinh bỏ đất Thượng-hải mà cừu-địch với liệt-cường. Hồng Tú-Toàn ngu cho nên kết-quả bại; Tăng Quốc-Phiên có nhãn-quang hơn người, cho nên kết-quả thắng.

Hồi đệ-nhất cách-mệnh, Dân-quốc thành-lập ở Nam-kinh, cử Tôn Dật-Tiên làm Tổng-thống. Nam-kinh bắt đầu đã có hi-vọng là quốc-đô. Kịp nam-bắc giảng-hòa, lại tiến-đô lên Bắc-kinh, Nam-kinh chỉ thuộc về phạm-vi viên Giang-tô đốc-quân mà thôi. Nhưng địa-vị viên Giang-tô đốc-quân, thường quan-hệ hơn viên đốc-quân khác. Hễ khi nào Bắc-kinh có việc rối loạn, thì viên Giang-tô đốc-quân lại tức khắc được cử làm chức lâm-thời tổng-thống ngay, như hồi Trương Huân ở Bắc-kinh, Phùng Quốc-Trương ở Nam-kinh vậy.

Mới đây việc bắc-phạt thành-công, dân-đảng định lấy Nam-kinh làm quốc-đô, mà không ở Bắc-kinh nữa, đó là một sự lớn trong thế-giới, điều đó ít người đã hay. Ôi! Sự thiên-đô xưa nay, không phải là sự dễ, vua Bàn-Canh thiên đô mà lời cáo-dụ thực là mỏi miệng hết hơi, vua Tống-tổ muốn thiên-đô mà kết-quả chẳng được thực-hành; nay Dân-quốc định đô ở Nam-kinh, trừ mấy nhà buôn to và các đoàn công-sứ ngoại-quốc ở Bắc-kinh không kể, còn thì các phương cộng biểu-đồng-tình, không có một lời gì phản-đối, sao mà dễ thế ru? Cũng là thuận cái trào-lưu của thế-giới cho nên dễ thế vậy.

Tuy vậy Nam-kinh có cái hình-thế kiến-đô, mà Dân-quốc còn chửa hoàn-toàn cái tư-cách kiến-đô, vì hải-quân chửa phát-đạt, thì người Tàu tuy kiến-đô Nam-kinh, cũng chửa có thể ruỗi cánh tay ra Thái-bình-dương được. Thậm-chí sông Dương-tử là con sông của nội-bộ, mà cũng phải phó mặc cho người ngoài được tự-do đè sóng cưỡi kình. Tràng-giang đã ở tay người, thì Nam-kinh đứng đó cũng không vững,

Lại vì đường Kinh Việt thiết-lộ chưa có, hai tỉnh Quảng vốn là đất Lĩnh-biểu, xem trong lịch-sử vẫn có hình độc-lập. Gần trăm năm nay, Quảng-đông lại là chỗ cửa ngõ thuyền bè vạn-quốc, hình-thế lại càng quan-hệ lắm, thường phát-sinh ra nguồn cách-mệnh. Quảng-đông thật là chỗ hậu-phương và chỗ bữu-dực của Nam-kinh. Tự Quảng-đông đến Nam-kinh, đường núi thì hiểm-trở, đường bể cũng nghiêu-khê, nếu không có con đường thiết-lộ trực-tiếp giao-thông để làm bình-thế, mà Quảng-đông ngày nay xướng cách-mệnh, ngày mai xướng độc-lập, thì Nam-kinh ngồi đấy cũng không yên. Nay muốn nói sự hoàn-toàn cho cuộc kiến-đô của Nam-kinh, thì phải đợi đến ngày hải quân phát-đạt và đường Kinh Việt thiết-lộ thành sẽ hay.

Hiện mới đây có cuộc Trung Nhật xung-đột, bọn dân-đảng ở Nam-kinh vì mấy cái nguyên-nhân đã kể ra như trên, mà quả-quyết dời đô lên Lạc-dương, xét ra âu cũng là bất-đắc-dĩ mà dùng cái chính-sách lâm-thời đấy thôi. Chắc rằng chẳng chóng thì chầy, tất có một ngày kia lại trở về Nam-kinh định đô như trước mới là thích-hợp.

Cuộc thiên-đô lên Lạc-dương ngày nay, có kẻ cho là nhút-nhát, hay hoặc cho là vĩnh-viễn, đều không phải cả. Xem ra đất Lạc-dương bấy lâu, đã thuộc về cõi Đào-nguyên của người Tàu, vào đó thăm thú mà thôi, hay là vào đó tránh nắng tránh mưa trong một thời-gian thì phải, chứ vào cõi Đào-nguyên mà làm việc thế-giới thì chửa có bao giờ.

Người Nhật phen này vì cớ muốn đè đầu Nam-kinh, cho nên cố sức đánh Thượng-hải, người Nhật cũng không phải là ngu. Nếu người Nhật chiếm-cứ được Thượng-hải, thì Nam-kinh sẽ vĩnh-viễn không có thời-kỳ ngóc cổ lên được nữa, mà cái mục-đích gồm nuốt Mãn-Mông mới đạt. Ấy cái tâm-lý người Nhật chẳng qua như vậy, cũng là hẳn-học đi săn hươu, chẳng may mó phải hang hùm đấy thôi. Việc xung-đột ngày nay, là Thập-cửu lộ-quân chiến-tranh với nước Nhật, không phải là nước Tầu chiến-tranh với nước Nhật; là đất Thượng-hải đối-địch với nước Nhật, không phải là nước Tầu đối-địch với nước Nhật. Vì đất Thượng-hải, cái tinh-hoa của ngũ-đại-châu và cái tài-lực của nội-bộ không thiếu gì cả. Ôi! Một đạo quân một miếng đất mà chiến-tranh với một cường-quốc, cũng là một sự vẻ-vang thứ nhất và là một sự kỳ. Sẽ biết đất Thượng-hải quan-hệ dường nào. Thượng-hải còn thì Nam-kinh còn, nếu Thượng-hải mất thời Nam-kinh mất, mà cả nước Tầu cũng mất vậy.

Sự kiến-đô của nước Tầu, đại-khái chia ra bốn thời-kỳ. Nước Tầu rộng lớn kia, ví như con chim đại-bằng. Tự nhà Tần nhà Hán trở xuống cho đến nhà Đường, là cái thời-kỳ con chim đại bằng ghếch mỏ xòe cánh lên phía tây-bắc, mà sinh-hoạt về miền đại-lục, cho nên kinh-đô Tràng-an là đứng đầu. Hồi Đông-Hán hồi Bắc-Tống là cái thời-kỳ con chim đại-bằng quay về trung-tâm, ăn hoa danh-nghĩa, nhả quả đạo-học, cho nên Biện-kinh với Lạc-dương là vui-vẻ. Tự nhà Nguyên trở xuống cho đến đời Đạo-quang nhà Thanh trở lên là cái thời-kỳ con chim đại-bằng lại ghếch mỏ xòe cánh lên phía đông-bắc, mà vẫn còn sinh-hoạt về miền đại-lục, cho nên Bắc-kinh là đệ-nhất. Tự đời Hàm-phong nhà Thanh trở xuống, gần trăm năm nay, là cái thời-kỳ con chim đại-bằng đã dần-dà quay đầu về phía đông-nam, mà sinh-hoạt về miền bể Thái-bình, cho nên Nam-kinh lại là vô-song.

Đến như cái văn-minh của nước Tầu, cũng có thể nhân sự kiến-đô mà chia ra được bốn thời-kỳ: Thời-kỳ

kiến-đô ở Tràng-an, là thời-kỳ văn-minh nước Tầu rực-rỡ phát-sinh. Thời-kỳ kiến-đô ở Lạc-dương Biện-kinh là thời-kỳ văn-minh nước Tầu êm-đềm thuần-túy; thời-kỳ kiến-đô ở Bắc-kinh, là thời-kỳ văn-minh nước Tầu phát-siển; thời-kỳ kiến-đô ở Nam-kinh, là thời-kỳ văn-minh nước Tầu biến-thiên. Thời-kỳ phát-sinh, thuần-túy, phát-siển, là thời-kỳ ký-vãng, không hề phải bàn. Thời-kỳ biến-thiên mới là thời-kỳ tương-lai, thời-kỳ nguy-hiểm, một là dở, hai là hay.

Trong cái thời-kỳ biến-thiên ấy, cũng có hai cái tiền-đồ để coi, một là cái tiền-đồ lố-lăng, hai là cái tiền-đồ thiện-mĩ. Thế nào là tiền-đồ lố-lăng? Giàu thì tự-do đổi bạn, sang thì tự-do đổi vợ, tôn-giáo thì tự-do theo bỏ, bất-đắc-chí thì tự-do cách-mệnh, ngôn-tình tiểu-thuyết phá-hoại đạo-đức thì tự-do xuất-bản, bàn ông Hoa-Thịnh-Đốn mà chẳng kể đức ông Hoa Thịnh-Đốn, nói ông Nã-Phá-Luân mà chẳng kể tài ông Nã-Phá-Luân, ấy là cái tiền-đồ lố-lăng. Thế nào là tiền-đồ thiện-mĩ? Về đường tinh-thần thì Khổng-học và bách-gia chư-tử-học về đường tiến-bộ, thì Thái-tây khoa-học, về đường nhân-vật thì hằng cứ bàn nói ông Cơ Đán nhà Chu, ông Chư-Cát Lượng nhà Hán, ông Nhạc-Phi nhà Tống, ông Vương Thủ-Nhân nhà Minh, ấy là cái tiền-đồ thiện-mĩ. Hai thứ tiền-đồ ấy, chúng ta sẽ vì kẻ cùng nòi giống da vàng, cùng luân-lý họ Khổng, cùng bờ cõi châu Á với ta, mà ta rút thẻ bói thăm.

NGUYỄN ĐÔN-PHỤC.

CHUYỆN CẦU-TIÊN Ở PHƯƠNG-THÀNH

Cầu-tiên hay là phụ-tiên 求仙, 附仙 là một cuộc chơi tiêu-khiển của các nhà Nho, phái sĩ-phu ta ngày xưa. Cuộc chơi này khởi-thủy là tự bên Tàu truyền sang, nên thường thấy những bài luyện đồng, những phù-chú trong sách *Vạn-pháp qui-tôn* 萬法歸宗 và các sách khác thỉnh-thoảng cũng có thấy chép. Truyền sang nước mình chắc cũng có cải-cách đi nhiều mà mỗi nơi có lẽ cũng đều có khác nhau cái cách xếp-đặt, nên bài này là chỉ chuyên nói về cuộc phụ-tiên ở tại tệ-ấp Phương-thành 芳城 mà thôi. Có khác với các nơi khác một đôi chỗ thì cũng xin độc-giả lượng cho vậy, vì đây không phải là bài khảo về cuộc cầu-tiên ở nước Nam. Nhưng chắc cũng trong đại-đồng tiểu-dị, tưởng cách-biệt cũng chẳng có cách-biệt là bao nhiêu. Lại cầu-tiên nguyên là một cuộc chơi tiêu-khiển, nên những lễ-nghi trong cuộc cũng đan-giản chẳng có phiền-phức gì. Có phiền-phức, bày đặt thêm ra nhiều vẻ rộn-ràng đó, là bởi người sau này mà thôi.

Những quang-cảnh trong bài này là thuộc về hai-mươi năm về trước mà tôi được cái hân-hạnh trông thấy một vài lần, buổi còn sót lại, hoặc là các bậc phụ-huynh kể nhắc cho nghe. Ngày nay thì đã khác rồi, mà lạ gì mỗi cái phương-diện gì ở xã-hội mình bây giờ đều đổi cái tính-chất cũ hết cả, có còn đó cũng chỉ là còn hơi-hám mà thôi, chẳng những là một chuyện phụ-tiên này.

Mục-đích cuộc phụ tiên

Những chuyện mê tín, thuộc về nghĩa thần-bí, nhà Nho nguyên là một phái duy-lý triết-học, không bao giờ

chịu tin, nhưng có cuộc phụ-tiên là rất sùng-thượng, thì có tín-ngưỡng nữa cũng là tín-ngưỡng một cách ngờ-vực mơ-màng mà thôi. Mục-đích cố-ý là một cuộc tiêu-khiển thanh-tao mà là một cuộc tiêu-khiển lấy văn chương làm phong-thú để thưởng-thức. Lại cũng lấy văn-chương làm bằng-cứ. Nếu có sản được văn-chương thanh-dật hùng-kỳ thì đó mới là thơ tiên, nếu không thì tức-khắc không nhận, mà cho là quái là giả. Hoặc-giả nói: nhà Nho thường nghe có bốn cuộc vui là *cầm, kỳ, thi, tửu* kia, có tiêu-khiển cũng chỉ là trong phạm-vi bốn cuộc ấy mà thôi, sao lại có cuộc phụ-tiên ghép vào, e có phiếm chăng. Nhưng không phải, đành là có bốn thú kia, nhưng bốn thú ấy thường ở các nhà Nho hào-phóng thì mới kiêm được cả mà thôi chớ nhà Nho đạo đức, nhà Nho giản-dị cũng có người không lấy làm thích cho là không phải thực cuộc vui có thể di-dưỡng tính-tình người ta được. Rượu thì có người uống, lại có người không uống; còn nghề đàn, nghề cờ thì có người chơi, lại có người không chơi, lấy làm bó buộc, cho rằng hai vẻ ấy làm ghìm cái tâm-trí người ta mà không được khoáng-đạt thẳng thích, lại thường làm tổn mất thì giờ, có phương-hại đến chức-nghiệp. Duy nghề chơi thơ mới là cái chí-thú bản-lĩnh của phái sĩ-phu. Nhưng chơi thơ phàm mãi thì cũng chán, lại muốn chơi thơ tiên. Vì thế mà có cuộc cầu-tiên, phụ tiên vậy.

Mục-đích cuộc phụ-tiên nguyên là tiêu-khiển, nhưng cũng có khi nhân đó mà xin thuốc hoặc hỏi tiên-cơ, những chuyện thuộc về tương-lai. Bởi thế nên gần đến kỳ thi thì trong làng nho, cuộc cầu-tiên thịnh lắm, trước là muốn tập cho quen cái thói hạ bút thành văn, sau cũng là muốn biết cái số-phận ở chỗ lều chiếu thế nào nữa. Phương-diện xã-hội ngày một phiền-phức, người kiệm của hiếm, lại hồn phong-nhã thì ngày một tiêu-trầm, nên sau này gần đây kết-quả cuộc cầu tiên chỉ là để xin thuốc mà thôi. Đó là sự bắt-buộc phải thế, thuốc phàm đã cùng phương rồi thì tìm hỏi thuốc tiên, chứ cũng ít ai nhàn-hạ bày đặt ra cuộc tiêu-khiển như xưa nữa. Hỏi chuyện tương-lai hay cầu xin phương-dược thì đã thấy nhiều phen linh-ứng. Thơ đã là thơ tiên thì thuốc tất cũng là thuốc tiên vậy.

Cảnh đàn tiên

a) *Cách dọn đàn.*—Muốn cầu tiên thì người chủ đàn và các người giúp trong cuộc cầu, người nào người ấy đều phải tắm gội trai-khiết, rồi chọn một nơi tĩnh-thất nhàn-phòng hay một nơi thư-lâu thiền-viện nào cho được thanh-u tĩnh-mịch. Nếu là nơi ấm-áp kín-đáo thời thôi, khỏi cần phải có giăng vải bố đàn. Bấy giờ mới đặt ra hai cái bàn. Một cái chính là bàn vọng-tiên, còn một cái nhỏ tương-đối về mặt trước là bàn phù-sứ 符使, ý rằng nhờ những thần-tiên ở bậc dưới truyền-đạt khải-sớ lời cầu-nguyện lên các vị cao-tiên. Trên bàn thì chưng bày các thứ hoa quả, các sắc đèn nến. Theo lệ thì ba bình hoa, ba đĩa quả, ba chén trà, ba chén rượu. Bình hương đặt giữa trước bàn, thì thế nào cũng chọn cho được thứ trầm tốt, đốt xông cho tẩy tán những mùi trọng-trọc chung quanh. Hương trầm vị hoa ngan-ngát dịu-dàng, màu bông vẻ nến tỉnh-tươi rực-rỡ, rõ vẽ ra cái quang-cảnh chốn bồng-lai tiên-đảo. Bước vào đàn, tiếp-xúc được cái khí-vị trong quang-cảnh ấy thì bấy giờ người nào người ấy đều nghe thấy trong tinh-thần được nhẹ-nhàng trong-trẻo cả.

b) *Về phù-chú.*— Thiết-đàn lại cũng có người dùng phù-chú nhiều lắm, cho nên cần nhất trong đàn là phải có

người pháp-sư cho biết được nhiều ấn-chú. Phù thì bốn góc đàn niêm bốn lá, có phù niêm cơ, niêm bút, phù niêm bàn đồng-tử ngồi, phù buộc vào ngón tay người đồng-tử. Phù niêm ấy thì chu thư 朱書 (1), còn chỗ ngồi người đồng-tử thì phù hương-thư 香書 (2). Mỗi khi niêm-phù thì tay bắt ấn, miệng niệm chú, mỗi chỗ lời chú vẽ phù đều khác nhau. Khi cầu mãi không thấy tiên giáng thì lại đọc chú thôi-thỉnh, hay khi đồng-tử lên say, lên hăng quá thì pháp-sư đọc chú bắt ấn trục-xuất, cho đó là ma-quỉ nhập đồng. Những phù-chú ấy thì trong sách *Vạn-pháp qui-tôn* có thấy nói và vẽ đủ cả. Nhưng phương-pháp ấy chắc là theo phái tà-thuật bày đặt ra mà có người không biết bắt-chước làm theo. Sau này người ta thấy không linh-nghiệm gì và người ta cũng hiểu cái lẽ tiên-thánh không phục-tòng gì những cái vẽ lăng-nhăng quẩn-quẹo ấy, nên cũng bãi bỏ mà không dùng nữa. Trong bài đọc luyện đồng có câu : « *Phù tuy linh dục khuất bất năng* 符雖靈欲屈不能 (3) » và trong một bài thơ giáng bút có câu : « *Phù linh nhiệm nhĩ an năng khuất* 符靈任爾安能屈 (4) », thì biết những phù-chú ấy không phải là chính-đạo chính-lý vậy.

Cách cầu

a) Cơ và bút.—Cầu thì người đồng-tử phò-cơ hay là chấp-bút. Phò-cơ hay là phò-loan. Gọi là cơ 箕 là làm ra như hình vì sao cơ. Gọi là loan là làm ra như hình con chim loan. Cái mình chim là cái rổ bằng tre có cái cán dài làm ra hình cái cổ chim giương ra, chỗ mỏ chim là cái ngòi bút làm bằng cành dương hay cành đào, danh-hiệu đã tốt mà gỗ lại giẻo viết được bền. Đan tre, dẫn đào làm cơ ấy thì lấy cành về phương đông là phương nhiều sinh-khí. Còn tre đương (đan) thì phải đủ 28 cây nan là theo số nhị-thập bát-tú. Trước khi đương phải tắm gội trai-khiết; trong lúc đương thì lại phải niệm mật-chú « nhị-thập bát-tú 二十八宿 », có khi chú khác ; lại không được nói chuyện lăng cho đến khi làm xong. Cơ đương xong thì phất giấy vàng và niêm phù lên thân cơ, cán cơ, ngòi bút, phù mỗi chỗ mỗi khác. Việc niệm chú, niệm phù đó tất cũng như một việc phù-chú ở trên, có lẽ là không đủ hiệu-lệnh gì. Đơn-giản hơn là phép chấp-bút. Bút cũng dùng bằng cành đào hay cành dương về bên đông. Viết thì có khi chấm mực viết trong mâm thau sáng, có khi trong mâm đựng gạo thì khỏi dùng mực. Chấp-bút thì giản-tiện nhưng khi động không được mạnh và viết không được mau rõ bằng phụ-cơ, vì chấp bút chỉ có một người, trong khi viết lại có ý e-lệ ngập-ngừng, chớ phụ-cơ thì hai người cùng đưa đẩy, không phải tự ý một người chủ-trương được. Phò-cơ thì hai người ngồi tả hữu đối-diện nhau, còn chấp-bút thì một người ngồi giữa bàn. Trong lúc ngồi ấy thì đồng-tử nhắm mắt lại.

b) *Bài đọc luyện đồng.* — Khi đồng-tử ngồi yên rồi thì các người ở ngoài ngồi vây chung quanh bàn đồng-thanh tụng-đọc những bài thơ bài phú để luyện đồng. Đọc có nhịp-nhàng, lên bổng xuống chìm ra giọng ca ngâm cho người đồng-tử mê-mẩn mà tâm-thần không khỏi dao-động vì ngoại-cảnh. Cách đọc đó là cách che lấp thính-giác người đồng-tử cho đừng nghe những tiếng náo-động chung quanh. Nếu có người tài thổi sáo thì

(1) *Châu thư* = Dùng son mà viết — (2). — *Hương-thư* = Dùng nhang viết trên chỗ ngồi — (3-4) Nghĩa hai câu này nói là phù dẫu linh thế nào cũng không thể đem mà bó-buộc vì tiên-thánh được.

kiêm thêm được cái giọng tiêu-địch đưa đẩy theo tiếng ca-ngâm thì lại càng êm-đềm thánh-thót lắm. Các bài đọc luyện đồng ấy thì là các bài thơ, bài phú mà có cái khí-vị siêu-tục thoát-phàm, như thơ ông Đào Uyên-Minh, ông Lý Thanh-Liên, như thơ ông Chu Hối-Am, ông Thiệu Nghiêu-Phu, vân vân. Cũng có người lại đặt ra thành bài mới theo thể lục-bát hay song-thất lục-bát, khiến phổ-cập theo khúc điệu Nam-âm. Những bài ấy phần nhiều bằng Hán-văn, đại-ý thì bài nào cũng tả cái cảnh.

Bồng-lai cảnh-trí tự-nhiên,
Nguyệt khiêu đăng ảnh phong truyền thiên hương.

蓬 萊 景 致 自 然。
月 挑 燈 景 風 傳 天 香。

mà các tiên thì:

Thanh-san bích-thủy tiêu-dao,
Thiên-hương bất muội nhất hào trần-ai.

青 山 碧 水 逍 遙
天 香 不 昧 一 毫 塵 埃。

Đã tuyệt thanh-thú, đã tuyệt siêu-dật vậy. Lại cũng có bài soạn bằng Nam-âm. Sau này chỉ lục một bài bằng Quốc-văn cho dễ xem, dễ hiểu, mà các bài khác bài nào đại-ý cũng tương-tự như thế cả. Bây giờ có một phái, trong khi cầu, đọc những bài dâng rượu nho, rượu trắng, dâng bông dâng trà lố-lăng không ra vẻ gì cả.

Thơ tiên

Khi ngâm đọc các bài được một vài lượt thì tiên giáng; bấy giờ thì « *pháp lực triển vân-trì thỏ-bút, tự-nhiên sanh cẩm-tú văn-chương* 法力展雲馳兔筆。自然生錦綉文章», bút bất đình phi, thao-thao bất-kiệt, viết ra những bài văn bài thơ thanh-kỳ cao-dật lạ thường. Cũng có khi cầu mãi mà không thấy gì cả, đêm này hết đêm khác. Có là có, mà không có là không có, không biết là tại sao. Một bận có người phàn-nàn về chuyện này thì tức-khắc thơ giáng-cơ, theo thể song-điệp:

Hữu hữu vô vô hữu hữu vô,
Vô trung dã hữu hữu trung vô;
Nhất thành khả trí vô nhi hữu,
Thần đạo tiên cơ hữu hữu vô.

有 有 無 無 有 有 無
無 中 也 有 有 中 無
一 誠 可 致 撫 而 有
神 道 仙 机 有 有 無

— Có người cho rằng những thơ ấy chẳng phải là có tiên gì giáng đến mà viết ra, đó là bởi hoàn cảnh bấy giờ là hoàn-cảnh bồng-lai, cái tâm-hồn người ngồi đồng bấy giờ là tâm-hồn siêu-dật, nên thơ tiên tự-nhiên mà sản-xuất ra. Nói thế lý-luận thì phải cả, vì mắt mình không trông thấy tiên là ở đâu thì bảo thơ đó là tay tiên viết ra, sao tin. Nhưng cũng phải lấy làm lạ, nếu tự người đồng-tử viết ra thì sao có phen lời thơ đúng hẳn với sự tương-lai khiến cho phải kinh-ngạc mà tin là có cái tiên-tri ở trong cõi vô-hình. Cũng có khi cầu được phương-dược thì nhiều phen linh-diệu lắm; người bệnh đang trầm-kha, mà thuốc uống vào là tức-khắc khỏi-sắc cho đến khi bình-phục, sẽ rõ là tiên-dược vậy. Nhưng xét ra không phải lần nào cũng đều linh-ứng được hết cả, cũng có phen sai lầm vì « *thần tiên chi đạo khả sử nhân nghi* 神仙之道可使人疑», chứ có khả sử nhân tín đâu.

— Lại có người cho rằng thơ văn viết ra đó là tiên-thánh giáng bút thực, vì người đồng-tử kia là chọn người còn trẻ thơ không biết chữ vào cầm cơ hay chấp-bút. Nhưng không phải, đồng-tử đây không phải là con trẻ không biết chữ mà có lẽ là chỉ cho người chưa có vợ con để giữ cái ý tinh-khiết. Chứ « *thần y ư nhân* 神依於人», người dốt thì làm sao mà viết thành văn-chương được bao giờ. Nghiệm thấy người đồng-tử càng hay chữ thì văn thơ càng thanh-sảng hồn-hậu lắm.

— Muốn xin thuốc hay muốn hỏi việc gì thì viết sẵn trong một tờ khải, khi nhập đàn thì đốt trước hương-án, chứ không phải đợi tiên giáng rồi mới xin hỏi ở miệng. Sau này người ta cũng bỏ cái lệ đốt khải đó nữa mà chỉ hinh-hương thành-tâm cầu-nguyện mà thôi, vì theo cái lẽ «*nhân-tâm sinh nhất niệm, thiên-địa tất giai tri* 人心生一念天地必皆知», thì tưởng khải sớ cũng là cái vẻ ngoài mà thôi. Dẫu biết là cái vẻ ngoài, nhưng không có thì còn thành lễ-nghi gì nữa.

Thơ tiên, chẳng những là cho người phàm mà các tiên lại còn có thơ xướng họa với nhau nữa, vì một đêm có khi cầu được đôi ba tiên cùng xuống. Thơ giáng bút sau họa thơ giáng bút trước, mỗi bài đều xưng danh-hiệu tác-giả khác nhau cho nên mới biết. Những đàn nào có cuộc tiên xướng-họa như thế thì thú lắm, dầu theo đến suốt sáng thâu canh cũng không mỏi, sẽ biết sĩ-phu chơi tiên là mục đích vì văn-chương vậy.

Lược kể ít chuyện linh-nghiệm

1.— Có người đi thi, muốn hỏi may rủi thế nào thì thơ giáng bút có câu :

Lương đầu huyền ngọc thỏ ;
Quang-cảnh lạc vô biên.

樑頭懸玉兔。
光景樂無邊。

Không ai hiểu sao cả, có người bàn là cất nhà thì thi đậu, có người bàn là năm mão (thỏ) thi đậu. Đến khi ông ấy đi thi, khi về nhà đợi tin thì gặp ông thân-sinh đang đau nặng, kế tạ-thế. Ngày ông thân-sinh tạ thế thì được giấy lại cho hay là ông ấy trúng-tuyển, thì có rõ là «rường nhà treo thỏ ngọc, mà quang-cảnh xiết mừng vui không?» Thường tấm minh-tinh có dán hình kim-kê ngọc-thỏ ở hai đầu.

2.— Có người làm thơ tự-thán bằng quốc-văn, thơ tám câu mà ở đầu mỗi câu là có chữ buồn cả, như bài : «*Buồn rầu buồn rĩ hỡi ai ơi, buồn nỉ buồn non cái sự đời*, v.v.. » Thơ viết ra rồi đốt. Đến khi tiên giáng-cơ cho bài thơ có câu :

La-quân vị bả kiên tâm định ;
Hà tất đồ ngâm bát tự sầu

羅君未把堅心定。
何必徒吟八字愁。

Mà khi ông họ La chưa đưa bài thơ « buồn » ra thì không ai hiểu « bát tự sầu » là nói gì cả.

3.— Có người ở xa gửi thơ đến nhờ người bạn xin hộ mà không nói là xin chuyện gì, được thơ có câu rằng :

Tam kinh ký khai thu dạ cúc,
Nhất dương tự hữu tuyết thiên mai.

三徑旣開秋夜菊。
一陽自有雪天梅。

Sau ông ấy trả lời mới biết là ông làm việc quan muốn xin hưu-trí. Ông biệt-hiệu là Hàn-mai 寒梅, tức là chữ « tuyết-thiên mai » mà nói ẩn đi.

4.— Có người lạ lại xin thuốc, cũng có hỏi việc riêng mà vẫn giữ kín, khi được bài thơ có hai câu :

Hồng-luân xuất hải thăng đông hậu ;
Trúc thực tùng sinh trác phượng-hoàng.

紅輪出海昇東後。
竹實叢生啄鳳凰。

Hỏi ra mới biết người ấy anh em chị em đông, cầu tiên cho biết là sau này có nhận được phần gia-tài không. Tên ông thân-sinh là Nhật, tức là «hồng-luân», người ở làng Đông-hậu, mà người xin đó tên Hoàng, có đứa con tên Phượng, thì rõ-ràng hai câu thơ kia trả lời câu hỏi nọ chan-chát.

Tuyển lục ít bài thơ tiên (1)

Thơ ông Lữ Đồng-Tân

1 — *Tích nhật thừa hoàng hạc,*
Vân du biến tứ phương;
Xan hà ẩm ngọc lộ,
Tuế nguyệt vĩnh khang cường.

昔日乘黃鶴
雲遊遍四方
餐霞飲玉露
歲月永康強

2 — *Tam ngũ phiêu phiêu diệp lạc ngô,*
Nhất loan tân nguyệt quải bình hồ;
Vân di tế vũ tiêu tiêu hạ,
Thạch thụ mô hồ bán hữu vô.

三五飄飄葉落梧
一彎新月掛平湖
雲移細雨瀟瀟下
石樹模糊半有無

.˙.

Thơ ông Lý Bạch

1 — *Ngã nãi thi-tửu khách,*
Thanh-danh huyền thể thạch;
Đào-lý hội phương viên,
Văn-chương hữu thể-cách;
Bút lạc quỉ thần kinh,
Tài hoa triều dã phách;
Ngẫu nhĩ nhất quang-lâm,
Kinh-châu diệc tri Bạch.

我乃詩酒客
聲名懸彩石
桃李曾芳園
文章有體格
筆落鬼神驚
才華朝野怕
偶爾一光臨
荊州亦知白

2 — *Cộng truyền Lý Bạch trích-tiên nhân,*
Thanh-cảnh như kim ý đắc chân;
Tối thị Tràng-an trần mãn nhãn,
Nhất thiên lâu các tận qui dân.

共傳李白謫仙人
淸景如今意得眞
最是長安塵滿眼
一天樓閣盡歸民

.˙.

Thơ ông Bạch-Vân hòa-thượng (2)

1 — Họa bài trên của ông Lý Bạch
Chiêu-anh các thượng hữu sơn nhân,
Hải-nội thùy vi nhận đắc chân;
Không sắc sắc không không thị sắc,
Thiền môn tự tín nhất nhàn dân.

招英閣上有山人
海內誰爲認得眞
空色色空空是色
禪門自信一閒民

2 — *Bất dung lợi trục bắt danh cầu,*
Trí thủy nhân sơn lạc nhất lưu;
Minh-nguyệt thanh-phong trường tác bạn,
Hạc lâu hạo bút vịnh du-du.

不容利逐不名求
智水仁山樂一流
明月淸風長作伴
鶴樓顥筆詠悠悠

3 — *Văn-hiến vi bang trúc tác thành,*
Tích tằng phi tích nhập Chiêu-anh;
Ấn trừng hữu ngộ như tương vấn,
Không sắc kỳ tâm thi tửu danh.

文獻爲邦竹作城
昔曾飛錫入招英
印澄有遇如相問
空色其心詩酒名

.˙.

Thơ ông Xích-Tùng tiên-tử

1 — *Bồng-đảo thiên-nhiên nhất cổ tùng,*
Xuân thu bất cải cựu thanh-phong;
Vân thê nguyệt bạn hồn vô-tích,
Duy-hữu thần-quang chiếu bích không.

蓬島天然一古松
春秋不改舊淸風
雲棲月伴渾無跡
惟有神光照壁空

.˙.

Thơ ông Nghê tiên-đồng họa

1 — *Phiến phiến nhàn-vân bạn lão-tùng,*
Tằng lưu minh-nguyệt đối thanh-phong;

---

(1) Thơ giáng cơ ở Hà-tiên tôi có sao được một tập ước gần được trăm bài, đó là không chép những thơ cho thuốc. Đây chỉ sao của mỗi vị tiên một vài bài vắn làm mẫu, còn những bài phú bài từ dài thì lược đi.

(2) Pháp-hiệu của Huỳnh-Long chân-nhân là một vị trong thập bát anh 十八英 ở Chiêu-anh-các của ông Mạc Thiên-Tích.

Thi thành hoàng-hạc thiên-nhiên vận,
Trường sử tài-hoa tái-họa không.

片片閒雲伴老松
曾留明月對清風
詩成黃鶴天然韻
長使才華再和空

. ˙ .

Thơ ông Trung-nghĩa-từ thần (1)

1 — *Chiêu-anh các-thượng tài danh thiện,*
Văn-hiến từ-trung nghĩa-khí cao ;
Phù hải ký tùy vân nhất phiến,
Long quang xạ đẩu hống tiềm giao.

招英閣上才名擅
文獻祠中義氣高
浮海旣隨雲一片
龍光射斗吼潛蛟

2 — *Văn-vật tùng trung văn-hiến sùng,*
Đầu-Nam cộng tải nhất xoang trung;
Thiên thu anh-khí nhân như tại,
Tùng bách hàm tri hướng cúc cung.

文物還中文獻崇
投南共載一腔中
千秋英氣人如在
松栢咸知向鞠躬

. ˙ .

Thơ cho thuốc bệnh ho-lao

1 — *Trung-nghĩa-từ thần vấn bát tiên,*
Mẫu đơn bì thiểu mạch kiêm thiên ;
Quất hồng ngọc trúc cam-câu-kỷ,
Tang bạch kim sa nhục-kiến-liên ;
Xuyên bối độc qui sao đỗ-trọng,
Tì-bà bách hợp chế linh tiên ;
Dược tinh mật luyện tuy vân diệu,
Âm chất bồi gia tế bổn-nguyên.

忠義祠神問八仙
壯丹皮少麥兼天
橘紅玉竹甘拘杞
桑白金砂肉建蓮
川貝獨歸炒杜仲
枇杷百合製靈仙
藥精蜜煉雖云妙
陰隲培加濟本源

. ˙ .

Thơ ông Minh-Nguyệt tiên-đồng

1 — *Hà - diệp thanh thanh liễu - diệp hoàng,*
Vân biền cao ủng thượng lan can ;
Nhất trần bất nhiễm nhân hà bệnh,
Vạn lai vô thanh hạc tự nhàn ;
Siêu tục chỉ nhân thâu ý-tự,
Tồn thần duy tại bất tâm quan ;
Hồng-luân xuất hải thăng đông hậu,
Trúc thực tùng sinh trác phượng hoàng.

荷葉青青柳葉黃
雲軿高擁上欄杆
一塵不染人何病
萬籟無聲鶴自閒
超俗只因收意緒
存神惟在不心關
紅輪出海昇東後
竹實叢生啄鳳凰

. ˙ .

Thơ ông Bạch-Lan tiên-đồng

1 — *Ngân-hán trừng thanh ngọc kính huyền,*
Hương phong tập tập mãn xuân-viên;
Đông-quân hữu ý vấn tiêu-tức,
Trúc đệ mai huynh cúc hữu yên.

銀漢澄清玉鏡懸
香風集集滿春園
東君有意問消息
竹弟梅兄菊友焉

. ˙ .

Thơ ông Bạch-Hạc tiên-đồng

1 — *Bắc khứ nam lai thùy tự ngã,*
Sơn minh thủy mị mạc như xuân ;
Doanh-hồ thương-hải ninh phi hạc,
Thích biến tùng gian khởi tị huân.

北去南來誰似我
山明水媚莫如春
瀛湖滄海寧非鶴
適遍松間豈避薰

. ˙ .

Thơ ông Tô Đình-Trúc (2)

1 — *Ngưu manh cựu tự hạc dung tùng,*

---

(1) Trung-nghĩa-từ là đền thờ họ Mạc ở Hà-tiên. Đây cũng là một vị trong thập-bát-anh.

(2) Xưng là Trấn-biên-hầu, Hàn-lâm đại-học-sĩ Lê-triều. Thơ xưng danh có câu rằng. *Ngã bút cuồng sơ bất cập Pha.*

Phiến-phiến đình vân phất - phất phong;
Cố-quốc không đồ lân các tượng,
Nguyệt minh vô-ý thủy lưu đông.

牛 眠 舊 緒 鶴 容 松
片 片 停 雲 拂 拂 風
故 國 空 圖 麟 閣 像
月 明 無 意 水 流 東

.·.

Thơ ông Yên-Hà

1 — *Khí thổ yên hà chí bổ thiên,*
Thủy trung lao nguyệt dã đồ nhiên;
Cầu nhân tự cổ nhân vân đại,
Kiếm khí hàn xung kiếm các yên.

氣 吐 烟 霞 志 補 天
水 中 撈 月 也 徒 然
求 仁 自 古 人 云 大
劍 氣 寒 冲 劍 閣 烟

.·.

Thơ ông Dưỡng Tố-Am 養素菴
(em ông Yên-Hà)

1 — *Xuyên lưu liễu ảnh thủy mang-mang,*
Tuyết dạ cao đê nguyệt thể quang;
Mỗi tịch kỷ tiền nhàn lự-tứ,
Thập niên tâm sự nhất thời man.

川 流 柳 影 水 茫 茫
雪 夜 高 低 月 體 光
每 夕 几 前 閒 慮 思
十 年 心 事 一 時 瞞

.·.

Bài luyện đồng

Trên bảo-tọa khói hương sực-nức,
Cảnh bồng-lai năm thức mây tuôn;
Khí linh quanh khắp kiền-khôn,
Hư-không nổi áng Đào-nguyên mới mầu.
Vầng cung nguyệt soi đâu chẳng tỏ,
Dám tâu qua dãi tỏ lòng tin;
Thấy trong lục cũ để truyền,
Cảnh tiên có cảnh, người tiên có người.
Kiếp xuống đời là dường phong-cốt,
Giá thiên-nhiên vàng chuốt ngọc trau;
Tài cao trí cả học sâu,
Tâm thân là trọng vương hầu ấy khinh.
Thú thích-tình non non nước nước,
Đặc với cầm là ước xưa nay;
Tiêu-dao thong-thả tháng ngày,
Chẳng lưng bầu rượu, hằng đầy túi thơ.
Gió thoảng đưa tiếng cao chín bệ,
Giục xe rồng thịnh lễ tiếp nghinh;
Rõ-ràng đế-tọa khách-tinh,
Văn-chương vàng đúc trị bình gấm thêu.
Cuộc ở đời trăm điều đã trải,
Chút phù-danh gửi lại thế-gian;
Trở về ẩn chốn thâm-sơn,
Chân-kinh mấy cuốn, linh-đan một lò.
Trong thạch-động bốn mùa thanh-sảng,
Ngoài trần-gian ngày tháng là bao;
Xum vầy khách lạ người cao,
Quỳnh-tương những uống bàn-đào từng vin.
Đạo đã nên khí-cơ tiết ứng,
Chỏ tầng mây lững-thững bay theo;
Xiêm nghê áo vũ dập-dìu,
Xích-tòng là bạn, đan-tiêu ấy nhà.
Chén tử-hà vơi vơi tay rót,
Khúc tiêu-thiều não-nuột ven mây;
Khi vui hớn-hở bạn bầy,
Gần thay nghìn dặm, chóng thay muôn đời.
Từng dạo chơi cửu-châu tam-đảo,
Trải qua ba mươi sáu động tiên;
Lần xem thương-hải tang-điền,
Bầu trời đã rộng ngày tiên lại dài.
Phen thác hứng xuống chơi trần-thế,
Hạc linh-oai chút để nghìn thu;
Cuộc cờ thạch-thất còn đua,
Hay đâu cán búa tiều-phu đã mòn.
Khi đắc ý biển non rút lại,
Chơi một ngày bắc-hải thương-ngô;
Nhạc-dương hứng cảnh đã no,
Khi vui dầu Động-đình-hồ cũng bay.
Nắm trong tay linh-phù bảo-kiếm,
Phép ngũ-thông ứng-nghiệm càng ghê,
Cứu dân độ-thế nhiều bề,
Thiên-cơ báo ứng chẳng hề chút sai.
Đệ-tử tôi có lòng cầu-khẩn,
Xin tiên-đồng kíp dẫn xe loan;
Mựa từ thiên-thượng nhân-gian,
Hữu cầu tất ứng chớ toan hững-hờ.
Phép thần-cơ chuyển-thiên đảo-địa,
Áp tay đồng nữ để làm thinh;

Trước là phụ tấm lòng thành,
Sau là hãng lại oai-linh cũng lờn.
Xin hỏa-tốc giáng đàn cho chóng,
Áp tay đồng bút động phi phong.
Cửu thiên bút-trận vẫy-vùng,
Tờ tờ gấm trải dòng dòng châu rơi.
Ấy đạo trời lẽ nào chẳng tỏ,
Ngỏ lòng phàm há có sự chi ;
Báo cho biện-bạch tinh-vi,
Biết cơ lành dữ giữ dè là may.
So công-đức cao dày xiết kể,
Bút linh còn dõi để đời sau ;
Bát thiên xuân bát thiên thu,
Kiền-khôn bất-lão sống lâu càng dài.

ĐÔNG-HỒ

VIỆT-NAM TỔ-QUỐC TÚY-NGÔN

III

5. — Họ-hàng

(*Họ nội, họ ngoại*)

87 — *Có thương đến đức tiên-nhân, Đừng so hơn thiệt chớ cân ngắn dài* (1).
88 — *Xẩy cha còn chú, xẩy mẹ ấp vú dì* (2).
89 — *Ruột bỏ ra, da bọc lấy* (3).
90 — *Nhất con nhì cháu, thứ sáu mới đến người dưng* (4).

1) *Tiên-nhân* 先人 là người đời trước mình, tức là tiên-tổ nhà mình.

Đây là khuyên người trong một họ ở với nhau. Người trong một họ là bởi một tổ-tiên sinh-sản ra, cùng nhờ một công-đức tổ-tiên gây dựng lưu-truyền lại. Công-đức ấy không phải ở nơi sản-nghiệp, ở nơi thế-vị, mà chính là ở nơi tinh-thần phúc-ấm đó. Vậy thương nhớ đến công-đức ấy thì người trong một họ ở với nhau, phải nhường nhịn bù đậy cho nhau, để báo đền công-đức tổ-tiên mới phải. Há lại còn so-tị cân nhắc với nhau cái lợi thiệt hơn ngắn dài dư ?

2) Xẩy là mất đi, chết đi. Chú là em trai ruột của cha. Dì là em gái ruột của mẹ. « *Ấp vú* » hoặc đọc là « *bú* » đây là dùng nghĩa bóng, ý là trông cậy, nương nhờ.

Câu này là nói chú hoặc dì phải cưu-mang lấy đứa cháu mồ-côi cha hoặc mồ-côi mẹ đó. Mồ côi cha thì chú tức là cha phải nuôi dạy cháu. Mồ-côi mẹ thì dì tức là mẹ phải bù trì cháu.

3) Đây là chê người xử trái ngược cái tình thân-sơ về họ-hàng. Đối với kẻ thân-tình như ruột thịt với nhau đáng phải đùm-bọc thì ruồng-bỏ ra ; mà đối với kẻ sơ-tình như da vỏ bề ngoài thì lại đùm-bọc lấy.

4) Đây là nói về lẽ đối với cháu tuy kém phần đối với con, nhưng còn hơn người dưng nhiều. *Người dưng* là người không có thân-thích với mình.

. ˙ .

91 — *Người ta đánh chú, tôi chẳng tha người.*
Chú đánh cha tôi, tôi chẳng tha chú (1).
92 — *Nó lú nhưng chú nó khôn* (2).
93 — *Nữ-nhân, ngoại-tộc* (3).
94 — *Một người làm nên, cả họ được cậy ;*
Một người làm bậy, cả họ chịu dơ (4).
95 — *Con chị cũng con em, lá lành đùm lá rách* (5).

1) Đây là nói về cái lẽ xúc-phát tự-nhiên có thứ-tự của cảm-tình. Người dưng với chú thì chú là thân-tình, chú với cha thì cha là chí-tình. Người dưng đánh chú thì thương chú mà đánh lại người ta ; nhưng chú không biết thương anh mà đánh anh thì con anh nó phải

thương cha nó mà đánh lại chú, lẽ thiên-lý khiến nên như vậy. Vậy chú phải nên nghĩ.

2) Đây là nói không nên khinh-thường một kẻ nào mà trong họ nó có người tri-thức. Kẻ ấy dù nó có lú dốt thật, nhưng ở trong họ nó đã có chú bác nó khôn-ngoan, khi nào người ta bỏ nhau mà mình lấn được.

3) *Nữ-nhân* 女 人 người con gái, *ngoại tộc* 外 族 họ ngoại, nghĩa là người con gái thì thuộc về họ ngoại.

Đây là phân cái mối hệ-thuộc về họ-hàng cho người con gái. Thế-giới văn-minh, loài người đều bỏ mẫu-đạo (*matriarcat*) mà lấy phụ-đạo (*patriarcat*) làm gốc mối họ-hàng. Lấy con cháu người con trai cứ đội cái tên họ của bố mà truyền dõi mãi, gọi là họ nội. Còn con cháu người con gái thì không đội cái tên họ của mẹ nữa, nhưng cũng vẫn nhớ cái hệ-thuộc về họ-hàng của mẹ ấy là họ ngoại Xem như cái tục góp giỗ về họ ngoại ở Việt-Nam còn theo mãi đến mấy đời, thì biết tuy họ có phân nội ngoại có sai-đẳng mà tình vẫn liên-lạc, thật là một phong-hóa trung-hậu, nam-nữ bình-quân. Vậy câu « *nữ-nhân, ngoại-tộc* » này chính nghĩa là « con gái thuộc về họ ngoại », chứ không phải con gái sẽ ra ngoài họ mà không quan-hệ gì nữa đâu.

4) Làm nên là lấy tài-đức làm được tiếng thơm để đời. Làm bậy là làm những sự đê-hèn bạc-ác để tiếng xấu ở đời.

Đây là nói về người trong một họ cùng chung khí-huyết thì có cái ảnh-hưởng sự hay dở cho nhau. Trong họ có một người làm nên tiếng thơm thì cả họ được vẻ-vang và được phấn-khởi ở tiếng thơm ấy. Vậy thì nghĩa chữ «cậy» là nhờ cậy ở sự ảnh-hưởng của điều hay, chứ không phải như thói hủ-tục là nhờ cậy ở lợi-lộc quyền-thế của một người làm quan trưởng trong họ. Thế cho nên đoạn dưới phản lại mà nói « *làm bậy* », nói « *chịu dở* ». Một người làm nên cả họ được nhờ cậy vào tiếng thơm, thì một người làm bậy, cả họ không phải chịu dơ về tiếng xấu được dư? Xem thế thì biết tình tộc-thuộc của ta, không những quan-hệ về lễ-tục mà lại quan-hệ về giáo-hóa nữa. Há nên không cẩn-trọng dư?

5) Đùm là bọc lấy, che đi. Cách gói giò gói bánh thì người ta để lá rách vào trong, lá lành ra ngoài mà bọc đùm lấy lá rách.

Đây là nói họ-hàng phải phù-trì bù-đậy cho nhau. Xem việc gói bánh kia, cùng một thứ lá mà lá lành phải đùm-bọc cho lá rách, thì cùng họ-hàng, con bà chị đã lớn phải cõng cho con bà em còn bé. Tức là phù-trì bù đậy cho nhau, trong họ-hàng nội ngoại dưới trên đều nên như thế.

∴

96 — *Máu loãng còn hơn nước lã,*
Chín đời còn hơn người dưng (1).
97 — *Máu chảy đến đâu, ruồi bâu đến đấy* (2).
98 — *Giàu là họ, khó là người dưng* (3).
99 — *Dâu dữ mất họ, chó dữ mất láng-diềng* (4).
100 — *Cú có vọ mừng* (5).
101 — *Cú có cú ăn, vọ chẳng có vọ lăn vọ chết* (6).

1) Đây là nói về tình thân trong họ. Họ tuy xa nhưng vẫn còn tình thân bởi huyết-thống, khác với người dưng. Cũng như máu tuy pha với nước mà loãng ra, nhưng vẫn còn có máu, khác với nước lã.

2) Đây là lấy sự ruồi bâu máu để hình-dung cho dễ hiểu cái tình-cảm của huyết-thống. Giống ruồi ham mùi tanh của máu cũng như người ta dễ cảm tình thân của họ-hàng. Xem máu chảy đến đâu thì đàn ruồi xúm lại mà bâu đến đấy, không bỏ hở chỗ nào, thì biết hễ huyết-thống truyền đến đâu

thì người ta tự cảm mà âu-yếm nhau đến đấy, chứ không phân nội với ngoại gì.

3) Đây là chê bạc-tục của họ-hàng. Hễ thấy ai giàu có thì nhận họ kề ngành, mà thấy ai nghèo khó thì ngơ đi như người dưng.

4) Đây là răn người nàng dâu xử tệ-ác với họ-hàng nhà chồng. Nếu người nàng dâu mà xử tệ-ác với họ-hàng nhà chồng, thì người ta không thèm đến nhà. Cũng như nhà có chó dữ thì láng-diềng không ai dám đến chơi, sợ nó cắn.

5) Cú với vọ cùng là một giống chim ăn đêm, mắt như mắt mèo, trông đêm thì tinh, chỉ bắt chuột mà ăn. Ban ngày thì sợ ánh sáng mặt trời, nên phải ẩn vào một xó. Đây là nói đối với tình đồng-loại, thấy nhau khá thì mừng cho nhau, chứ chớ nên ghen-ghét. Xem con vọ lúc nó chưa kiếm được mồi mà nó thấy con cú đã có mồi thì nó cũng mừng cho nhau. Vậy người ta đối với họ-hàng cũng phải như thế.

6) Đây là chê người vị-kỷ ở chẳng thiết gì đến họ-hàng. Trong một họ-hàng với nhau, phải thương đức tiên-nhân mà phù-trì đùm-bọc lấy nhau thì mới là nhân-đạo. Nếu giàu là họ khó là người dưng, ai có nấy ăn, ai không có thì chết như cú với vọ là giống vật không biết giúp đồng-loại, thì đáng khinh-bỉ lắm.

CHƯƠNG THỨ BA

Quốc-gia luân-lý

1. Nghĩa-vụ đi lính

102 — Ngang lưng thì thắt bao vàng,
Đầu đội nón dấu, vai mang súng dài.
Một tay thì cắp hỏa-mai,
Một tay giữ súng quan sai xuống thuyền.
Thùng-thùng trống đánh ngũ-liên,
Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa.

Bao vàng là cái bao bằng vải nhuộm vàng của lính để đựng gạo lương mà thắt ngang lưng. Nhất-thuyết nói để đựng thuốc với đạn. — *Nón dấu* là nón tróp ghép trúc có dấu hiệu riêng từng quân-đội. — *Súng dài* là súng trường. — *Hỏa-mai* 火 枚 là mồi lửa, thường làm bằng rễ cây si phơi khô đập nhừ cho dễ bén lửa để châm lửa vào thuốc súng mà bắn. Đây là thứ súng nạp đạn vào miệng khẩu súng, mới có ước vào thế-kỷ thứ 17, gọi là súng hỏa-mai. Khi bắn thì cho thuốc với đạn vào cửa miệng rồi lấy gậy tọng cho chặt vào đến tận nhĩ súng. Nhĩ súng có cái lỗ nhỏ để cho ngòi thuốc vào. Khi bắn thì châm hỏa-mai lửa đốt cho ngòi thuốc bén cháy vào trong mà nổ vọt đạn ra.

Thùng-thùng là tiếng trống đánh mau; *ngũ-liên* là hiệu trống thúc-giục cho mau.

Bài thơ này tả về người lính tòng-chinh ở đời Hậu-Lê.

Đây là nói về cái nghĩa-vụ nước trọng hơn nhà. Đi lính đóng thuế là hai cái nghĩa-vụ lớn của quốc-dân, mà việc đi lính lại quan-thiết hơn. Cho nên các nước ngày nay đều dùng chế-độ « cử-quốc đương binh », cũng là lấy cái nghĩa nước có yên thì nhà mới yên được. Nay đọc bài thơ phong-dao của người lính tòng-chinh này, biết người Việt-Nam xưa cũng đã hiểu cái nghĩa-vụ làm quốc-dân ấy lắm.

Quân-trang quân-khí, mang-vận chỉnh-tề, tai nghe quân-lệnh, bước chân xuống thuyền để đi ra trận; kẻ trượng-phu lúc đó ai là không náo-nức vì nước dâng mình. Tuy-nhiên tình gia-thất nào ai chẳng có, ngoảnh mặt lại nào mẹ già vợ trẻ con thơ đi tiễn-biệt sau lưng đó, mà cái hồi trống ngũ-liên nghiêm-hạn giục-giã kia, là cái tiếng đoạn-tràng khiến cho sinh ly tử biệt, thì ai không phải động lòng thương xót. Song công nghĩa là trọng, kẻ trượng-

phu cũng chỉ có tưới một trận nước mắt như mưa để báo-đáp lại tình riêng mà thôi.

103 — Khuyên anh đi lính cho ngoan,
Cho dân được cậy, cho quan được nhờ.
Bao giờ nên đội nên cơ,
Ở nhà em quyết đợi chờ cùng anh.

Đội là một hàng đội, *cơ* là một hàng cơ, đội với cơ đều là những phần tổ-chức trong quân đoàn. Số người nhiều ít của đội với cơ, tùy quân-chế của mỗi khi không nhất-định. *Đội* có chức suất-đội, *cơ* có chức quản-cơ cai quản. « *Nên đội nên cơ* » là làm nên những chức-phận cai-quản ấy.

Đây là lời tiễn tình-lang ra lính của một cô con gái. Đọc thơ này ta thấy được cái lòng yêu nước cao-thượng mà kiên-trinh của phái thoa-quần Việt-Nam ngày nọ. Cô biết việc đi lính là việc dân cậy quan nhờ, nên cô khuyên tình-lang đi ra mà làm nghĩa-vụ cho ngoan. Cô đã khích-lệ cho tình-lang làm nên danh-phận, cô lại hứa quyết chờ-đợi cho tới khi tình-lang đền xong nợ nước trở về sẽ cùng nhau kết-duyên hương-lửa. Ôi! thật là một cách báo-quốc gián-tiếp của người đàn-bà.

104 — Ba năm trấn-thủ lưu-đồn,
Ngày thì canh điếm, tối dồn việc quan.
Chém tre đốn gỗ trên ngàn,
Uống ăn kham-khổ, phàn-nàn cùng ai.
Chung-quanh những trúc cùng mai,
Những lim cùng táu lấy ai bạn cùng.

Trấn-thủ lưu-đồn 鎮守留屯 là đóng lại giữ đồn. Những đồn quân ở nơi biên-ải ngày xưa như Lạng-sơn, Cao-bằng, v. v., Nhà nước ta trước phải trọng-binh đến lập đồn ải đóng giữ để coi mặt Tầu, thì cứ ba năm mới đổi thay một lần. — *Chém tre đốn gỗ* để làm đồn.

Đây là nói về cái cảnh vất-vả quạnh-hiu của người lính đi giữ cõi bờ cho nước. Suốt ngày suốt đêm, canh điếm, việc quan, chém tre, đốn gỗ, công-việc vất-vả là dường nào. Thế mà ăn uống kham-khổ, chung-quanh lại chỉ những cây rừng, trúc mai lim táu vây bọc, còn có vợ con bè-bạn nào mà than-thở nỗi lòng cho nguôi. Coi đó ta phải biết công ơn cho người lính của nước.

105 — Con cò lặn-lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ-non.
Nàng về nuôi cái cùng con,
Để anh đi trẩy nước non kịp người.
Cho kịp chân ngựa chân voi,
Cho kịp chân người kẻo thiếu việc quan.

Nỉ-non là ý khóc thầm, rầu-rĩ. Đây là lời người chồng đi trẩy lính dặn vợ khi đưa tiễn. Thơ này về thể « hứng » là lấy cái vật trông thấy mà khởi-hứng làm ra thành thơ. Người chồng trông thấy con cò đang lặn-lội ở bờ sông trước nơi quân trẩy, xem cái giáng thất-thểu lội nước của con cò kia, giống như người vợ gánh gạo đưa chồng mà thương khóc nỉ non nọ. Bèn động lòng thương mà khuyên vợ về nuôi lấy mẹ già con thơ, cho chồng được yên lòng mà theo người làm việc quan. Vợ chồng mỗi người làm một việc bản-phận, đều là việc đối với nước cả.

106 — Con cò lặn-lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ-non;
Nàng về nuôi cái cùng con,
Để anh đi trẩy nước non Cao-bằng.

Cao-bằng 高平 là một xứ trọng-yếu hiểm-trở ở về mé tây-bắc Bắc-kỳ, tiếp giáp với địa-phận Quảng-tây của Tầu. Đường từ kinh-đô Thăng-long lên Cao-bằng vừa xa vừa khó đi lắm. Bây giờ có xe lửa, có ô-tô mà trẩy-trương vận-tải còn gian-nan, nữa là ngày xưa.

Đây cũng là bài thơ của người chồng đi trẩy lính dặn vợ khi đưa tiễn như bài trên, nhưng người này thì trẩy lên Cao-bằng.

2. Yêu nước

107 — Trời thu vừa gặp tiết lành,
Muôn dân yên khỏe thái-bình âu-ca.
Muốn cho yên nước yên nhà,
Một là dắc-hiếu, hai là dắc-trung
Trong bốn nghiệp ra công gắng sức,
Đường nghĩa-phương ta phải khuyên con;
Còn trời còn nước còn non.

Âu-ca 謳 歌 là hát chúc. *Thái-bình âu-ca* là những khúc hát ca-tụng đời thái-bình. — *Bốn nghiệp* là sĩ, nông, công và thương. — *Nghĩa-phương* 義 方 là phép dạy con có qui-củ nền-nếp riêng.

Đây là nói về những chức-nghiệp đối với nước. Kẻ thực biết yêu nước, đang khi thái-bình âu-ca đã phải lo rồi. Muốn nước yên nhà yên, thì phải lo làm cho nên hiếu-tử trung-thần. Nhưng cái gốc thịnh-vượng của nước nhà là ở bốn nghiệp sĩ nông công thương, vậy đang khi thái-bình cũng phải ra công gắng sức để duy-trì lấy cuộc thịnh-vượng, đó cũng chính là trung-hiếu. Rồi lại phải lấy đấy làm nghĩa-phương mà dạy con cái để đối với nước-non lâu dài. Thế mới thực là nghĩa-vụ thông-thường mà chân-thực của dân đối với nước.

108 — Nhiễu điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước thì thương nhau cùng (1).
109 — Đem chuông đi đấm nước người
Chẳng kêu cũng đấm ba hồi lấy danh(2).
110 — Thương em, anh để trong lòng
Việc quan anh cứ phép công anh làm (3).

1) *Nhiễu* là thứ lụa mình sô gọi là cát nhiễu. Nhiễu ấy là nhiễu trơn. Còn thứ mình như lụa nhẵn mà có hoa là nhiễu hoa — *Điều* là sắc đỏ tươi — *Giá gương* là gương soi có giá để trên bàn trên tủ. Đồ thờ gia-tiên cũng có cái giá gương, mặt với giá bằng gỗ cả, sơn son thiếp vàng, chạm vẽ đẹp-đẽ, để ở giữa ban thờ giáp vách thay cho thần-chủ, mà lại trang-nghiêm hơn. Có khi phủ thêm một bức nhiễu điều hoặc vóc đỏ lên trên giá gương thờ ấy.

Đây là nói về thâm-tình đối với người nước. Người trong một nước kia, từ đâu mà ra? Suy-nguyên cho cùng có phải cũng cùng chung một tổ-tiên không? Cho nên trông cái giá gương thờ tổ trong một nhà nọ, tưởng thấy tinh-thần, nghĩ đến nguồn gốc, mà phải thương yêu lấy người trong một nước với nhau.

2) Đây là nói đối với nước khác phải giữ lấy danh tiếng cho nước mình. *Đem chuông* là lấy nghĩa bóng về danh tiếng mình đem thân đến nước người ta, hay là giao thiệp giao-du với người nước khác, cũng như kẻ đem cái chuông đi đến nước nào đó. Chuông phải có tiếng, dù chuông mình không kêu to lắm, cũng phải đấm ba hồi để lưu cái tiếng chuông của nước mình lại với đất nước người ta, chứ đừng chịu là chuông câm. Nghĩa là đừng để cho người nước khác đã gặp mình biết là người nước nào rồi, mà không còn phảng-phất được điều gì đáng nhớ.

3) Đây là nói về kẻ làm chức-vụ phải kính-trọng phép nước. Dù anh em mặc lòng, thương nhau thì để trong lòng. Nhưng đối với pháp luật phải thẳng tay mà làm, không có thể vì tình riêng ruột thịt hoặc ơn-nghĩa gì mà bỏ nghĩa công đi được. Nghĩa-vụ kẻ làm dân nước — quan cũng là dân nước — phải như thế mới xứng-đáng.

111 — Trời cao bể rộng bao-la,
Việc gì mà chẳng phải là việc mi.
Trong việc nhà ngoài thì việc nước,
Giữ làm sao sau trước vẹn-tuyền.
Lọ là cầu Phật cầu Tiên !

Mi là *ngươi* là *mày*, tiếng Trung-kỳ — Phật với Tiên đều cầu thoát ra ngoài trần-thế

Đây là nói về phận-sự của người ta đối với thế-giới vũ-trụ. Từ việc nhà

việc nước cho đến việc ở trên trời cao, bên kia bể rộng đều là việc của ngươi. Ngươi phải tùy tài sức của mình, là gái hay là trai, đều phải làm nghĩa-vụ cho vẹn tuyền mới xứng-đáng làm người ở đời. Lọ là phải cầu thoát ra ngoài trần-thế.

112 — Nhất thì bộ Lại bộ Binh,
Nhì thì bộ Hộ, bộ Hình cũng xong.
Thứ ba thì đến bộ Công,
Nhược-bằng bộ Lễ lạy ông xin về.

Quan-chế nước ta xưa có sáu bộ tổ-chức làm Chính-phủ hay là Triều-đình, là : *Bộ Lại* 吏 部 giữ việc thăng giáng quan-lại, *bộ Binh* 兵 部 giữ việc binh-lương khí-giới chinh-phạt. Làm việc hai bộ này có nhiều bổng-lộc. *Bộ Hộ* 戶 部 giữ việc điền-thổ thuế-khóa, *bộ Hình* 刑 部 giữ việc hình-án. Làm việc hai bộ này cũng nhiều bổng-lộc. *Bộ Công* 工 部 giữ việc tu-tạo cung-điện thành-trì, bộ này cũng kiếm được ngoại-tài. *Bộ Lễ* 禮 部 giữ việc tế-tự, tiền chi có số không kiếm vào đâu được.

Đây là tả cái khẩu khí của kẻ chọn việc làm ở Lục-bộ trong kinh, để chê kẻ chỉ vì lợi riêng, chứ không vì việc nước. Lương quan-lại các bộ cứ theo phẩm-trật đều nhau, còn bổng-lộc đều là ngoại-tài không chính-đáng cả. Nhưng duy có bộ Lễ, không xoay vào đâu được cái ngoại-tài bất-chính như các bộ trên, nên kẻ làm quan-lại nói nếu được bổ vào đấy thì xin lạy mà về. Coi đó biết bọn làm việc quan ấy chỉ vì lợi riêng chứ không phải là vì nghĩa-vụ đối với nước. Thật đáng chê.

CHƯƠNG THỨ TƯ

Xã-hội luân-lý

113 — Nay mừng tứ-hải đồng-xuân,
Tam dương khai-thái muôn dân hòa-[bình
Sĩ thì chăm việc học-hành,
Một mai khoa-bảng để dành công-danh.
Công thì phượng-các long-đình,
Đã tinh Sư Khoáng lại sành Công Thâu
Nông thì cuốc bẫm cày sâu,
Thu hòa hạ mạch phong thu có ngày ;
Thương thì buôn-bán liền tay,
Rứt tài Tử-Cống ai tầy cho đang.

Tứ hải 四 海 là bốn bể đông tây nam bắc, chỉ nghĩa là các nước ở ngoài bốn bể. *Đồng xuân* 同 春 là cùng một mùa xuân, nghĩa bóng là thời-đại khí hòa cảnh đẹp vui thịnh như mùa xuân.

Tam-dương 三 陽 là ba hào dương, *khai-thái* 開 泰 là mở ra vận thịnh-vượng. Câu này do nghĩa kinh *Dịch* : Tháng giêng là tháng thuộc về quẻ *Thái* (thịnh-vượng) hết vận bĩ rồi. Quẻ *Thái* có ba hào dương ở dưới, ba hào âm ở trên. Gọi là « *địa thiên Thái* » địa ☷ (Khôn) với thiên ☰ (càn) là quẻ Thái). Đất trời giao-hòa, khí dương đã thịnh mà hết khí âm hàm rồi. Ví với vận đời đã hết loạn lạc mà đến thái-bình.

Sĩ 士 *nông* 農 *công* 工 *thương* 商, đời cổ lấy nghề-nghiệp của dân mà chia ra làm bốn hạng. *Sĩ* là người chuyên nghề học hành, *nông* chuyên làm ruộng, *công* chuyên làm thợ, *thương* chuyên đi buôn.

Khoa 科 là khoa thi hay là một khoa-học gì. *Bảng* 榜 là bức ngạch đề tên người đỗ *Công-danh* 功 名 là lập công-nghiệp để danh tiếng.

Phượng-các 鳳 閣 là cái gác có đắp hoặc vẽ hình con phượng. *Long đình* 龍 亭 là cái đình có chạm con rồng. Đều chỉ về sự khéo của nghề công.

Sư Khoáng 師 曠 là quan Sư coi về âm-nhạc tên là Khoáng ở đời Xuân-thu, mắt mù mà nghe tinh lắm. *Công Thâu* 公 輸 là người tuyệt-xảo ở đời Xuân-thu.

Thu-hòa 秋 禾 là thứ lúa gặt về mùa thu. *Hạ-mạch* 夏 麥 là thứ lúa gặt về mùa hạ.

Tử-Cống 子 貢 học-trò đức Khổng-tử, sở-trường về cái học hóa-thực 貨 殖 gây dựng của-cải.

Đây là nói về tinh-thần xã-hội. Tác-giả nhân gặp tiết xuân mà làm ra bài này. Ý nói muốn cho khắp bốn bể không cứ nước nào, muôn dân đều được cùng nhau hưởng phúc hòa-bình vui thịnh như thuở trời xuân vận thịnh này thì dâu đấy đều phải chuyên lấy chức-nghiệp mình mà làm cho phát-đạt. Sĩ đã dự phần khoa-bảng thì phải đem cái học ấy ra mà lập công-nghiệp với xã-hội để danh-tiếng với đời, chứ đừng có mượn khoa-bảng để cầu lấy quan to của nhiều thì không phải. Còn nông công thương cũng đều phải chăm lo cho nghề mình tinh-xảo thịnh-vượng lên để dựng lấy nền phong-thanh cho xã-hội.

. . .

114 — *Uống nước nhớ người đào giếng,*
Ăn quả nhớ kẻ trồng cây (1).

115 — *Trống chùa ai đánh thì thùng,*
Của chung ai khéo vẫy-vùng nên riêng (2).

116 — *Rượu cheo, cháo thí, nghe hát nhờ* (3).

117 — *Cờ đến tay ai thì người ấy phất* (4).

118 — *Thằng còng làm cho thằng ngay ăn* (5).

119 — *Bán ruộng nhà đi kiện ruộng cho chùa* (6).

120 — *Ai ơi bưng bát cơm đầy,*
Dẻo thơm một hột, đắng cay muôn phần (7).

1) Đây là nói phải biết ơn người sáng-tạo. Trong xã-hội nhờ biết bao nhiêu người sáng-tạo và gây dựng nên công nọ việc kia, lưu-truyền tích lũy đến ngày nay, ta mới được sẵn đủ cả mà hưởng-dụng. Ví như có người đào ra cái giếng kia, ta mới có nước trong mà uống ; có người trồng lên cái cây nọ, ta mới có quả ngon mà ăn. Suy ra việc gì cũng vậy, phải nhờ công ơn người trước, lo sáng-tạo thêm công-nghiệp khác, hoặc bồi-bổ vào công-nghiệp cũ để báo-đền cho xã-hội.

2) Đây là nói về công-nghiệp của cá-nhân ở trong xã-hội. Của xã-hội là của chung, kẻ có tài đứng ra hô-hào sáng-lập giúp cho xã-hội, xã-hội bèn quy công-nghiệp và danh-tiếng cho người ấy. Cứ xem cái trống chùa kia là của chung thập-phương thế mà ai đánh thì nó kêu ngay ra tiếng thùng theo kiểu đánh của người ấy.

3) Cựu-tục lấy vợ phải nộp cheo cho làng bằng lễ xôi thịt với rượu để kỳ-mục ăn uống và chứng-kiến cho, gọi là *rượu cheo.* — Mỗi năm làng làm lễ kỳ-yên cúng tạ quan ôn có nấu cháo cúng cô-hồn, gọi là *cháo thí.* Cúng xong các cụ ăn và cho kẻ khó. — Mỗi năm làng đóng đám, có lấy tiền công mở cuộc hát xướng cho người làng xem.

Đây là chê kẻ tư-lợi ở trong xã-hội. Kẻ tư-lợi kia chỉ lợi-dụng công-việc xã-hội để cầu lấy no say khoái chí cho mình. Không những không dám bỏ ra một tí gì để giúp cho xã-hội, mà đến cung cho bản-thân cũng không dám. Xem cái thói anh kỳ-mục bẩn-thỉu ở hương-thôn nọ thì đủ biết. Ở nhà thì uống có mực ăn có chừng, mà gặp những bữa rượu cheo cháo thí thì tha-hồ say-sưa bì bũng. Cả đời không dám bỏ tiền túi ra để dự cuộc xướng-ca nào, mà gặp những cuộc chèo hát của làng thì tranh đánh chầu và ngồi cho đến mãn-ca mãn-vỡ. Công-việc xã-hội xưa nay mà không hưng-thịnh được cũng chỉ vì xã-hội có nhiều những kẻ biển-lận tư-lợi ấy.

4) Khi ba-quân vào trận có lá cờ lệnh để chỉ-huy. Cờ lệnh phất ra hiệu thì ba quân phải theo, mà ai phất thì ba quân cũng phải theo. Đây là lấy cờ của nhà binh mà ví với quyền của xã-hội. Xã-hội trao quyền cho ai thì người ấy hiệu-lệnh được, chứ không cứ phải bề-thế tư cách gì. Đó là cái nghĩa bình-đẳng của xã-hội.

5) *Còng* là bệnh chỉ cúi lom-khom mà không đứng ngay lưng lên được, *oải* là bệnh chỉ ưỡn ngực ra mà không cúi xuống được. Nghĩa bóng thằng còng là kẻ phải cúi lưng làm việc cả ngày, thằng oải là kẻ chỉ ngay lưng chẳng phải làm gì. Chữ « *oải* » hoặc đọc là « *ngay* ».

Đây là nói cái nghĩa bất-công về khi làm việc của xã-hội. Làm là thằng còng mà thằng còng không được ăn, ăn là thằng oải mà thằng oải không phải làm. Xã-hội phải xử-trí lại.

6) Đây là khen người chịu thiệt-hại riêng để mà giúp cho việc công việc phúc của xã-hội. Ruộng chùa bị có kẻ xâm-chiếm, nay đi kiện để đòi lại cho chùa thì phải tốn-hại, có khi đến phải bán ruộng của nhà mình đi mà chi-tiêu về việc kiện. Lẽ tất-nhiên như thế. Thế mà dám làm mới thực là hào-hiệp. Còn như kẻ vị-kỷ thì suy lợi-hại bản-thân mà đành làm ngơ đi.

7) Đây là khuyên người ta chớ quên ơn của xã-hội. Công của xã-hội thì nhiều mà đan-cử ngay một hột cơm ta ăn này thì đủ biết. Ai là người bưng bát cơm đầy mà ăn để nuôi sống lấy cái thân mình kia, thử hỏi làm nên được một hột dẻo thơm như thế, phải phí mất biết bao là công-phu cay-đắng nước mắt mồ hôi. Nào công cầy công cấy, làm cỏ tát nước, vun-bón trông nom, rồi lại gặt hái phơi-phóng, đâm xay dần sẩy mới thành được hạt gạo ngọc-thực như thế này. Há không phải là công của xã-hội dư? Suy ra áo mặc, nhà ở và sách học, v. v., ta chịu ơn của xã-hội biết là bao. Vậy ta phải lo mà báo-đáp lại.

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU và ĐỒ-NAM

Quan Giám-quốc Doumer tạ-thế

Khi số báo này đương in thì được tin quan Giám-quốc Đại-Pháp PAUL DOUMER *tạ-thế, mà tạ-thế một cách rất thảm-thương, bị một tên hung-thủ người Nga hành-thích.*

Một người tuổi cao đức lớn như Ngài, bình-sinh vẫn đặt mình ra ngoài các đảng-phái, chỉ biết giốc một lòng thờ nước, đã từng đem bốn con trai hi-sinh cho nước, không những được cả quốc-dân yêu-mến, lại được cả thế-giới kính-phục, tưởng không còn ai có cớ gì mà xâm-phạm đến được. Vậy mà có kẻ cuồng-bạo nỡ đang tay bắn đến bốn năm phát súng liền vào một ông lão bẩy-mươi-lăm tuổi : dã-man đến cùng vậy

Đối với một cái thủ-đoạn độc-ác vô-nghĩa-lý đó, cả thế-giới đều phải tức-giận.

Chúng tôi xin cúi dầu kính viếng vong-linh quan Giám-quốc.

Về lịch-sử quan PAUL DOUMER, *xin xem lại bài đăng trong bản-chí số 166.*

TUỒNG HÁT

TRUNG HIẾU THẦN TIÊN (1)

Truyện Hưng-đạo-vương 興道王傳

II

HỒI THỨ I

Ứng mộng hùng Tiên-đồng-tử giáng-sinh
Cướp bạn phượng An-sinh-vương dấy loạn

Các vai :

Trần Liễu — Trần Quốc-Tuấn — Thuận-thiên công-chúa — Nguyệt phu-nhân — Trần Thủ Độ — Thiên-cực công-chúa — Quân-sĩ.

Trần Quốc-Tuấn ra bạch :

Kim-tinh ngọc-tướng thị tiền-duyên,
Cửu chuyển đan-thành bất kế niên ;
Nhân-thế mạn đàm tu-luyện thuật,
Do lai trung-hiếu tức thần-tiên.

金精玉相是前緣
九轉丹成不計年
人世謾談修煉術
由來忠孝即神仙

Tiên-gia chân cốt-cách ; thế-giới đại anh-hùng. Đành chịu cam lao-lực với bụi hồng ; bởi dốc cứu lầm-than cho con đỏ.

Mộng thần-tiên đã tỏ ; lời đạo-sĩ không ngoa. Họ-hàng theo dõi Trần-gia ; biểu-tự gọi là Quốc-Tuấn.

Phải phải : Nhớ phụ-thân đã dặn ; phải chăm việc học-hành (*Vào*).

Trần Liễu, Thuận-thiên công-chúa, Nguyệt phu-nhân đều ra. Thuận-thiên công-chúa có mang. Trần Liễu nói :

Tôi nghĩ lại như tôi không làm được vua, chẳng là tủi hổ lắm thay ! Cam chịu tài hèn sức mọn ; muốn cho trong ấm ngoài êm. Thơ Tích-linh đành thẹn nỗi anh em ; quẻ chiếm phượng lại thỏa tình phu-phụ.

Như nay Nguyệt phu-nhân thì đã có con, mà nàng Thuận-thiên công-chúa thời đã có mang đó, mà bởi vậy cho nên :

Mừng sân Tạ đã vầy ngọc-thụ ; mong non Yên sớm tỏ quế-hoa. Nếu như vậy :

Dù một mai mà quyết muốn hóa-gia ; tưởng muôn việc cũng chắc vì hữu-tử.

Thị-nữ ra bảo rằng :

Nay vâng lời thượng-phụ ; lại cấp thỉnh công-nương. Loan-xa vốn đã sẵn-sàng ; phượng-khuyết hãy còn chờ đợi.

Trần Liễu nói :

Ta nghĩ lại như chú ta nào có thương gì ta, nhưng rứa mà vợ chú chẳng là nhạc-mẫu ta đó mà.

Dù đã biết chú không bênh cháu ; nhưng chắc vì mẹ lại thương con.

Thôi thì em đi mới phải, mà :

Thủy chung đạo giữ cho tròn ; đòi hỏi việc chi chưa rõ.

Vãn rằng :

Đòi hỏi việc chi chưa rõ,
Tình-cảnh này biết thuở nào khuây ;
Tấm gương một nửa còn đây,
Khuyên ai phải nhớ những ngày ra đi.

Thuận-thiên công-chúa nói :

Chót đã vâng lệnh chú ; đâu dám cải lời chồng. Đạo đành giữ lấy chữ tòng ; cơ cũng dễ đâu nghịnh-liệu.

(1) Xem *Nam-Phong* số 170.

Vãn rằng :

Cơ cũng dễ đâu nghịnh-liệu,
Phận liễu bồ thơ yếu khôn khuây ;
Kiên-trinh vẫn giữ lòng ngay,
Sợ đem chữ thế khôn thay chữ tình.

Nguyệt phu-nhân vãn rằng :

Ai ơi nhớ khúc cầm tranh,
Tình dù giữ được thế đành phải thua. (*Đều vào*)

Trần Thủ-Độ ra bạch rằng :

Trịch cân-giáo đắc lưỡng nhi hài,
Hảo tá y-thường Thuấn-bệ lai ;
Trần Lý đương-niên nan lưỡng lập,
Công chi thủ dã tội chi khôi.

擲巾教得兩兒孩
好借衣裳舜陛來
陳李當年難兩立
功之首也罪之魁

Lại nói :

Như ta nay :

Thu giang-sơn Lý-thị, dựng cơ-nghiệp Trần-gia. Lòng lo-toan nước trọng hơn nhà ; công giúp-giập tôi ngay với chúa.

Quân,

Thỉnh Thiên-cực phu-nhân ra đó ; mời Thuận-thiên công-chúa tới đây.

Thiên-cực phu-nhân và Thuận-thiên công-chúa đều ra.

Thủ-Độ lại nói :

Ta nghĩ lại : Từ chúa-thượng đã vầy duyên loan-phượng ; sao Chiêu-hoàng chưa ứng mộng hùng-bi ? Bởi vậy cho nên ta lấy làm lo, mà :

Đạo nhà trước liệu mới xong ; nghiệp vương tính sao cho vững ?

Như nay vợ Hoài-vương là Thuận-thiên công-chúa cũng đã có mang rồi đây mà :

Nay Hoài-vương hữu dặng, gần mãn-nguyệt thai-sinh, âu là tiến-nhập nội-đình, sau đặng nối dòng Trần-thị.

Thiên-Cực công-chúa nói :

Hảo a ! Chước vẽ-vời thực khéo ; duyên kim-cải cũng may.

Con e : Hoa kia chắp lấy cành này ; huyết loãng còn hơn váng đặc. Phải vào chầu phượng-các ; mau kíp ruổi loan-xa. Mong cho sớm trỏ cành hoa ; may đặng kéo dài dây điệt.

Vãn rằng :

May đặng kéo dài dây điệt,
Cũng duyên ưa phận đẹp từ đây ;
Khen cho nguyệt-lão xe dây,
Hoa kia chắp lấy cành này chẳng xa.

Thuận-thiên công-chúa vãn rằng :

Giục-giã ruổi liền xe ngựa,
Biết cơ trời gặp-gỡ về đâu ;
Nào là tình trước nghĩa sau,
Dầu vui duyên mới cũng sầu bạn xưa.

Trần Thủ-Độ vãn rằng :

Phù ấu-chúa hết lòng giúp nước,
Nên đạo nhà trước phải cầu con ;
Tính sao cho đặng vuông tròn,
Dù em dù muội cũng con một nhà,

(*Đều vào*).

Trần Liễu ra nói :

Nàng từ chầu phượng khuyết ; ta luống tựa hương-khuê. Mặt liễu này xem đã ủ-ê ; tin hoa nọ sao còn vắng-vẻ ?

Thị-nữ ra báo rằng :

Cấp-sự !

Trần Liễu hỏi :

Hà-sự mà hay ?

Thị-nữ nói :

Dạ dạ. Tự phu-nhân nhập-thị ; tùy thúc-phụ đồng-hành. Tội trông thấy cũng đã rõ-ràng, mà :

Đã rước vào nội-đình ; tôn lên làm hoàng-hậu.

Trần Liễu nghe báo nổi giận, nói rằng :

Nghe lời thẳng-thốt ; thấy nói rụng-rời. Đã đành rằng trâm gẫy bình rơi ; đâu có lẽ loan chung phượng chạ.

Như nay cướp vợ cướp con tôi làm vậy :

Phút đâu chia hai ngả ; chẳng cho kịp một lời.

Như thế mà bảo tôi cố chịu được hay sao ?

Sống này chẳng đội chung trời, chết nữa cũng êm chín suối.

Than rằng :

Sầu tuôn dứt nối ; lệ rỏ ngắn dài. Chia loan rẽ thúy vì ai ; nát ngọc phai vàng cũng quyết. Thà rằng tử-biệt ; hơn nỗi sinh-ly.

Lại nói :

Trách em đã trở mặt ; giận chú cũng cam lòng.

Như ta phen này :

Trước là cướp lấy ngôi rồng ; sau cũng đem về bạn phượng.

Ớ quân-sĩ :

Cờ tuẫn-cừu chỉ hướng; gươm tuyết-sỉ tuốt ra. Dù đành rằng đồng-thất thao-qua ; lẽ đâu chịu nhất-sinh ẩm-hận. Giận đà đáng giận ; thù thật nên thù.

Quân-sĩ nghe ta dặn :

Tức nhật giá khinh-chu, hướng đại-giang tác loạn, a.

Nói toáng rằng :

Giá bỉ khinh-chu, trực hướng Phú-lương giang-thượng khứ; mộ tha tráng-sĩ, dao tòng Long-đỗ cố-hương lai. 駕彼輕舟。直向富良江上去。募他壯士。遙從龍肚故鄉來。

HỒI THỨ II

Vì thế khuất Hoài-vương cam bó giáo

Nghe lời can Thủ-Độ phải buông gươm

Các vai :

Trần Thái-tôn — Trần Liễu — Trần Thủ-Độ — Quân-sĩ.

Quân ra báo rằng :

Dạ dạ Thượng-phụ cấp-sự !

Trần Thủ-Độ ra nói :

Hà-sự nả hay ?

Quân nói :

Dạ dạ ! Hoài-tôn-vương dấy loạn ; đại-giang-thượng đồn binh. Dao-ngôn đồn khắp kinh-thành, tặc-đảng nay mai phạm khuyết.

Trần Thủ-Độ nói :

Thế a ! Dạ dạ :

Hoàng-thượng cấp-sự.

Trần Thái-tôn ra nói :

Hà-sự mà hay ?

Thủ-Độ nói :

Dạ dạ : Nghe quân nhân phi báo rằng Trần Liễu dấy loạn. Ngài xin kíp dấy xe loan ; tôi sẽ theo phù ngự-giá.

Trần Thái-tôn nói :

Nghe lời mà biến sắc ; thấy nói cũng đau lòng ! Bởi tranh nhau một gái má hồng ; cho đến nỗi đầy nhà máu đỏ.

Dạ dạ trăm lạy chú, như anh tôi sinh ra cơ-sự làm vậy, chẳng qua là tranh lấy ngôi vua đó mà thôi, bởi vậy cho nên tôi nghĩ rằng :

Tôi trẻ thơ còn nhỏ ; anh khôn lớn xin nhường ; *như tôi bây giờ* : ngôi vua âu dễ dám đương ; ấy chú dạy sao cho biết.

Dạ dạ, xin hoàng-thượng đừng lấy làm lo, mà ai chứ như thằng Liễu mà rằng :

Cá dám đâu qua giáo ; chấu hầu dễ đương xe. Bội-quân tội chẳng nhiêu tha ; phản-quốc lẽ nào dung được.

Trần Thủ-Độ rằng :

Dạ dạ xin bệ-hạ cứ theo tôi, không có việc chi mà ngại, mà.

Quân đại-binh tiến phát ; phù ngự-giá theo sau. Gươm thiêng chém lấy một đầu ; lưới nhặt bổ ra bốn mặt.

Nói toáng rằng :

Trị thử thời-gian, nguyện dĩ nhất thân đương quốc-sự ; tru tha nghịch-tặc, cảm trì tam tiệp tấu nhung-công. 値此時艱。願以一身當國事。誅他逆賊。敢遲三捷奏戎功。

Thái-tôn nói loáng rằng :

Tiểu tử hà tri, phá phủ thử hồi bằng thúc tại ; dư tâm nan nhẫn, thao qua vô cấm vị huynh liên 小子何知◦破斧此回憑叔在◦予心難忍◦操戈無禁爲兄憐◦

Quan ra báo rằng :

Hoài-vương cấp-sự !

Trần Liễu ra rằng :

Hà-sự mà hay ?

Quân nói :

Dạ dạ, Long-thuyền trăm chiếc ; hổ-tướng nghìn quân. Ngự-thuyền đóng ở trung-quân ; tả hữu chia làm lưỡng-diện. Binh đông như kiến ; thế mạnh tựa diều. Khôn xiết nỗi treo-leo ; khó tìm đường tẩu-thoát.

Trần Liễu nói :

Nếu như vậy, thậm kinh-nguy, thậm kinh-nguy ! chân sảng-lạc, chân sảng-lạc !.

Tôi nghĩ lại như tôi bây giờ, chót dà lỡ bước, âu phải hồi đầu.

Như tôi về thú, chẳng biết chú tôi có dung cho tôi không ? bởi vậy cho nên :

Sợ hùm thiêng, ai dám vuốt râu ; *nhưng rứa mà* : tránh voi lớn, tưởng không xấu mặt.

Ta nghe rằng chúa-thượng cũng có ngự ra gần đây mà phải phải : Quốc-pháp dù rằng rất nghiệt ; nhưng rứa mà lại may cho chúng tôi, may là may : gia-tình còn có chút thân. Âu là thân tự buộc lấy thân ; dù có chết đành cam chịu chết.

Thuyền Ngự và thuyền Trần Thủ-Độ cùng các thuyền quân-sĩ bổ vây thuyền Trần Liễu. Trần Liễu truyền quân chèo thuyền lại thuyền ngự, rồi sang thuyền ngự đầu hàng.

Trần Liễu chèo thuyền vãn rằng :

Dù có chết cũng cam chịu chết,
Tay chèo thuyền miệng hát và câu ;
Một mình suy trước nghĩ sau,
Suối vàng tưởng cũng ở đâu chốn này.

Lại nói :

Dạ dạ, như tôi bây giờ biết lỗi của tôi rồi mà.

Nhân hữu quá yên như nhật nguyệt ; thiên chi giáo dã tức lôi-đình. Nhờ ơn trên mong được tái-sinh ; mang tội nặng đã cam vạn-tử.

Thái-tôn nói :

Ai như anh Liễu đó mà, xin mời anh ngồi để em phân lại một hai lời cho anh nghe :

Trước giận còn xót máu ; sau nghĩ lại đau lòng.

Nào có hay chi, nhưng mà anh em đánh lẫn nhau :

Khen chi câu « đẩu mễ khả thung » ; trách những kẻ « nhiên ki thái cấp ». Lỗi ký-vãng thôi không có chấp ; tình tương-lai phải xử cho hòa. Dù rằng đã thỏa lòng ta ; còn phải sẽ xem ý chú.

Trần Thủ-Độ cũng gần thuyền vua trông thấy.

Thủ-Độ nói :

Quân-sĩ, truyền chèo thuyền đi bắt Trần Liễu nghe. (Quân dạ).

Thủ-Độ cùng quân-sĩ chèo thuyền hát rằng :

Trục lãng hề phiên ba, trung lưu hề trạo ca ; thiên oai hề chỉ qua, tẩy giáp hề Ngân-hà 逐浪兮翻波◦中流兮掉歌◦天威兮指戈◦洗甲兮銀河◦

Quân-sĩ nói :

Dám đạt Thượng-phụ, đây đã gần thuyền Ngự rồi mà :

Thủ-Độ nói :

Thế a ! Tiếng ai nghe nói đó ; chắc giặc Liễu ở đây. Quyết phải chém thằng này ; để làm gương đứa khác.

Thái-tôn vội-vàng ôm lấy Trần Liễu mà rồi :

Dạ dạ, Trăm lạy chú, xin chú hãy tha cho anh tôi một phen này.

Chót anh tôi nhất-ngộ ; xin thúc-phụ tái-ti.

Bởi vì Đánh cũng là đánh đứa chạy đi ; chém đâu có chém nhau bằng lưỡi.

Như nay anh tôi cũng đã biết tội rồi, mà :

Quá qui-hồ năng cải ; uy cũng ngụ lấy nhân. Đại-hàn cũng có dương-xuân ; thương hải dung cho ô-cấu.

Thủ-Độ nói :

Dạ da, trăm lạy bệ-hạ, như nay tôi tha cho thằng Liễu, cũng là vì tôi vâng lời bệ-hạ mà tôi phải tha đó, mà :

Đánh đá sợ rằng đau ngọc ; động rừng dâu dám rút dây. Nghĩa vua tôi còn phép nước ở đây ; nhưng rứa mà tình cốt-nhục phải ân riêng cho đó.

Lại nói :

Liễu kia, mày phải biết ong còn có chúa, tao nào có khác chi mày đâu, tao lẽ nào cọp lại ăn con. Thôi thôi từ đây về sau : Biết ân chớ để thương ân ; sợ phép phải lo giữ phép.

Vãn rằng :

Sợ phép phải lo giữ phép,
Việc triều-đình phận trước tình sau;
Thương nhau nên mới khuyên nhau,
Quân-thần đành phải đội đầu chớ sai.

Thái-tôn nói :

Bởi anh hay hối quá ; nên trẫm cũng suy ân. Thủy chung giữ lấy vuông tròn ; tình-ý cũng nên thể-tất.

Vãn rằng :

Tình-ý phải nên thể-tất,
Đành phen này cho ấp An-sinh ;
Thưởng bao nhiêu ruộng cũng đành,
Không bao giờ sẻ chung tình cho ai.

Trần Liễu nói :

Dạ dạ, Lượng trên dung kẻ dưới ; trước dại mới sau khôn. Khấu đầu từ tạ công-môn ; lui gót trở về tư-đệ.

Vãn rằng :

Lui gót trở về tư-đệ,
Ơn tái-sinh ví thể cao dầy ;
Áo dù có rách lại may,
Chân tay đã đứt chắp thay được nào.

Thái-tôn vãn rằng :

Thái-vi danh-tiết càng cao,
Nhiên-ki chử-đậu ai nào khen đâu !

HỒI THỨ III

Cách rộng rãi thu dùng năm tướng
Giữ thảo ngay chẳng đổi tấc lòng

Các vai

Trần Liễu — Hưng Đạo-vương — Yết-Kiêu — Dã-Tượng — Nguyễn Địa-Lôi — Đại-Hành — Cao-Mang — Vương-Sứ — Quân-sĩ.

Trần Liễu ra, ngâm rằng :

Tôi nghĩ lại như tôi phải chịu sự ức-hiếp làm vậy.

Luân-lý ai ơi có nỡ không?

Nhưng thế mà biết làm sao đặng bây giờ ?

Thôi thôi ta đã mắc vào vòng !

Như bây giờ muốn cho ta cũng được như người mà :

Mai sau dù muốn đây như đó,

Thôi thì phải chịu cho lâu mới đặng mà :

Giống tốt từ nay trước phải trồng.

Lại nói :

Như ta bây giờ : Nghĩ lại mà buồn ; nói càng thêm hổ. Thôi thôi, xếp nỗi nhà lại đó ; hề-đồng, đòi vương-tử ra đây.

Trần Liễu nói :

Con ngồi ; cha nghĩ lại : Cha vất-vả cũng vì ít học ; con thông-minh ắt hẳn nhiều tài. Bấy lâu nay con học những gì ? con kể lại cho cha nghe, Sách nào ham đọc ham coi ; học phải có sau có trước. Đạo dù rằng chi bác ; nghĩa cũng phải nên cai. Làm sao cho thông-tuệ khác loài, ấy mới tỏ thần-tiên giáng-thế.

Hưng-đạo-vương nói :

Dạ-dạ, trăm lạy cha, như con bây giờ :

Đã đội đức cù-lao ; dám quên lời giáo-hối.

Con nghĩ lại : Dẫu cho có thần-tiên hạ-giới ; cũng phải tòng học-vấn trung-lai.

Bởi vậy cho nên : Công phải có dùi mài ; học dám đâu hàn bộc.

Dạ dạ, con xin kể lại cái sự học-hành của con cho cha nghe: Đạo-đức là cây có gốc; văn-chương như gấm thêm hoa. Trước thánh-kinh, thứ chư-tử bách-gia; ngoài kỵ sạ, trong lục-thao tam-lược. Thông một lời sau trước; chỉ hai chữ «hiếu trung». Con xin nói thực: Dù may ra gặp hội mây rồng; cũng chỉ cốt giữ lời vàng đá, đó mà thôi.

Trần Liễu nói:

Hảo ngô-nhi chi chí-khí!

A cha nghĩ lại như bây giờ, Muốn dựng nền độc-lập; phải mở quán chiêu-hiền. Miễn là con làm được, cha nào có tiếc tiền của chi đâu, bởi vì: Áo hồ-cừu một tấm chắp sao nên; xương tuấn-mã nghìn vàng mua cũng dễ. Cha nghĩ lại: Tưởng thiên-hạ anh-tài không thiếu kẻ; bởi vậy cho nên, dù tam thiên thực-khách chẳng nhiều đâu.

Nếu có làm như vậy cũng là muốn cho:

Lá cành mong tươi tốt về sau; cỗi rễ phải vun trồng từ trước.

Hưng-đạo-vương nói:

Dạ dạ dám thưa cha: Cha nay đã quyết ý; con đâu dám cãi lời. Tờ chiêu-hiền dán khắp mọi nơi, cách thí-sĩ chia làm ngũ bảo.

Quân, truyền đem cái tờ yết-thị này dán khắp các nơi nghe

Quân nói:

Phụng mệnh. (*Đều vào*)

Yết Kiêu ra bạch rằng:

Thiên phù long chủng đốc sinh tài,
Hồ kỵ như kim táp địa lai;
Tá nhĩ bạch-ngưu năng thiệp thủy,
Bất giao ô mã chích luân hồi.

天　扶　龍　種　篤　生　才。
胡　騎　如　今　匝　地　來。
借　爾　白　牛　能　涉　水。
不　教　烏　馬　隻　輪　回。

Dã-Tượng ra bạch rằng:

Ngư điền nhất đán cảm vân long,
Ký đắc sinh tiền thị Lý-ông;
Trung-nghĩa do-lai tồn dã-tính,
Ô-nhi bất bái bái thanh-đồng.

漁　田　一　旦　感　雲　龍。
記　得　生　前　是　李　翁。
忠　義　由　來　存　野　性。
烏　兒　不　拜　拜　青　童。

Nguyễn Địa-Lôi, Cao-Mang, và Đại-Hành đều ra, cùng bạch rằng:

Yên-vương kim dĩ trúc cao-đài,
Vô số thiên-kim hảo-tuấn lai;
Tranh hướng Đông-a phù thạch-mã,
Giao tha bắc kỵ cánh không hồi.

燕　王　今　已　築　高　臺。
無　數　千　金　好　駿　來。
爭　向　東　阿　扶　石　馬。
教　他　北　騎　竟　空　回。

Cùng nói:

Đành đã sẵn tài dược-mã; âu là giúp vận thừa-long. Nghe đại-vương có lượng khoan-hồng; vậy thì chúng tôi: bảo nhau tới đọc tờ yết-thị, a.

Yết-thị rằng:

Khắp trong ngoài các lộ; nghe yết-thị vài câu. Nay ta đã tịnh súc kiêm thâu; khuyên ai chớ thao-quang dưỡng-hối. Yên-đài cao vòi-vọi; Đường-quán rộng thênh-thênh. Thỏ-ta mà dùng lấy can-thành; ngư điếu cũng cử làm tướng-súy. Tuy Vị-thủy Sằn-nguyên đành khó ví; nhưng kê-minh cẩu-đạo cũng dư tài. Nếu không nhờ vật sắc lúc trần-ai; âu cũng chịu mai-danh cùng thảo-thạch. Kỳ-viên đem thúc-bạch, quảng-hạ sẵn thiên gian. Phải biết rằng sĩ-tiết trọng như sơn; nào đâu dám hầu-môn thâm tự hải.

Nam người cùng nói:

Nếu vậy thì hay, thôi thì anh em chúng ta vào chầu vương-phủ.

Hưng-đạo-vương ra.

Năm người cùng nói:

Dạ dạ, trăm lạy đại-vương, như anh em tôi đến đây, Đâu quản công bạt-thiệp; muốn ra sức đua bơi.

Bởi vậy cho nên : cảm vì yết-thị mấy lời ; thề hết thảo ngay một dạ.

Như thế này là : Nước vầy duyên với cá ; mây bồng cánh cho hồng.

Xin đại-vương thu-dụng cho anh em chúng tôi cùng ; nghe đại-vương rộng-rãi sẵn lòng, cho hạ-sĩ truy-tùy nối gót.

Hưng-đạo-vương nói :

Một lời đà tỏ biết ; tấc dạ xiết bao mừng. Dã-Tượng kia khỏe giống voi rừng ; Yết-Kiêu nọ lặn như rái-cá. Hai người ấy thiệt thà là quá ; còn như Địa-Lôi, Đại-Hành, Cao-Mang, ba người xem cũng có sức hùng Tuy còn khiếm-diện nhất long, nhưng cũng đủ vai ngũ-hổ.

Các ngươi : Giao cho đó binh-thư nhất-bộ ; phải nghe ta trận-pháp và câu. Đặng mai sau chống lại giặc thù ; thế mới thật tài kiêm văn-võ. (*Đều vào*).

Trần Liễu ra.

Hưng-đạo-vương lại ra.

Trần Liễu nói :

Chấp-niên lao-lục ; nhất-bệnh triền-miên. Con ơi như cha bây giờ dù muốn thác có đành đâu : Dù muốn thác chưa yên ; chót vì mang lấy nợ. Cha kể lại những sự tức tối của cha cho con nghe : cướp bạn phượng đã sầu vì vợ ; trông ngôi rồng lại thẹn cùng em.

Bởi vậy cho nên : Bất-tài cam chịu phận hèn ; nhưng thế mà cha còn mong cho con : tất tố còn mong chí cả. Con ơi : Bất-cộng-đái thù này phải trả ; hữu-khả-vi ngôi ấy nhường ai

Con phải nhớ lấy lời cha dã dặn con nghe : con làm sao cho mở mặt trong đời ; cha dù chết cũng ngậm cười dưới đất. Một lời vừa dứt ; chín suối xa chơi.

Trần Liễu tạ-thế.

Hưng-đạo nói :

Tràng dục đoạn, tràng dục đoạn ; lệ nan khâm, lệ nan khâm. Trướng vọng bạch-vân thâm ; y-hi thân xá tại ! 腸欲斷。腸欲斷。淚難襟。淚難禁。悵望白雲深。噫嘻親舍在。

Than rằng :

Ơn sâu tựa bể ; nghĩa nặng như non. Công sinh-thành đã dựng cho con ; tình báo-bổ nghĩ sao cho xứng. Hiệu thiên hoài võng cực ; trạch địa đặng an phần. Tang này đành chịu chung-thân ; ân ấy dám quên chín chữ.

Hưng-đạo-vương làm lễ đưa ma cho Trần Liễu xong rồi.

Hưng-đạo nói :

Như nay cha tôi dặn cho tôi rằng phải lo mà làm lấy vua, nhưng tôi nghĩ lại khó. Cha-chả là khó lắm ! mà là bởi vì : Nhà sao hơn được nước ; cha cũng trọng như vua. Bởi vậy cho nên ta phải bỏ việc nhà mà lo việc nước mới đặng, mà : Oán-thù kia tấc dạ đành nguôi ; giang-sơn ấy hai vai phải gánh.

Ta nghĩ lại lời cha ta dặn, chẳng qua là lúc gần mất mơ-màng nói thế mà thôi. Theo trị-mệnh không theo loạn-mệnh ; cũng phải vì : để lệnh-danh chớ để ô-danh. Như tôi bây giờ : một lòng đã quyết sắt đanh ; hai chữ chẳng rời trung-hiếu.

Quân ra báo rằng :

Hữu vương-sứ lai tuyên thánh-dụ ; thần hoang-mang phi báo trướng-tiền. 有王使來宣聖諭。臣荒忙飛報帳前。

Hưng-đạo nói :

Hoang-mang bất cập chỉnh-dung ; bồ-bặc thỉnh lai nghinh-tiếp 荒忙不及整容。匍匐請來迎接。

Vương-sứ ra.

Hưng-đạo nói :

Chẳng hay vương-sứ qua đây có việc chi mà hay.

Vương-sứ nói :

Nay vâng lời thiên-tử ; đặng truyền với đại-vương. Nguyên-nhân cậy thế quật-cường ; Nam-quốc đem lòng ròm rỏ. Vân-nam đà thông lộ ; Hưng-hóa lại dề binh. Đại-vương tu lĩnh ấn tiên-chinh ; hoàng-thượng sẽ đề binh hậu-tiếp.

Hưng-đạo-vương nói :

Vâng, nhờ vương-sứ về tâu với vua cùng : Trên đã đành phó-thác ; dưới xin gắng trì-khu. Bất-cộng-thiên nguyện gia sức phục-thù ; thệ sát-tặc xin hết lòng giúp nước.

HỒI THỨ IV

Phá Đại-lý Mông-quân liên thông-lộ; Đánh Bộ-đầu Trần-tướng định thu công

Các vai :

Ngột-lương-hợp-thai — Xích-tu-tư — Áo-lỗ-xích — Hưng-đạo-vương — Yết-Kiêu — Dã-Tượng — Thái-tôn — Lê Phụ-Trần — Trần Thủ Độ — Hà Bổng — Quân-sĩ.

Ngột-lương-hợp-thai, Xích-tu-tư, Áo-lỗ-xích đều ra.

Ngột-lương-hợp-thai nói bạch :

Đạp bỉ Vân-nam lộ dĩ thông,
Thiên-qua trực chỉ thục tranh phong;
Phạ tha tiên chủng đa tài tuấn,
Nhị nữ nhi kim hựu nhất đồng.

踏彼雲南路已通
天戈直指孰爭鋒
怕他仙種多才俊
二女而今又一童

Lại nói :

Như ta nay : Đề cờ nguyên-súy ; đeo ấn bình Nam. Mừng Vân-nam cũng đã giẹp an ; giận Cồ-việt sao chưa chịu phục. Như nay sang đây cũng chỉ cốt là xem qua tình-thế nước Nam-Việt ra thế nào. Tuy miệng Phật nhưng lòng chẳng Phật ; e giống tiên lại nẩy ra tiên. Nhưng thế mà ta cũng đến đây xem ra thế nào mà, chư-tướng ! Chỉ Nam-quốc băng miền ; vọng Thao-giang tiến phát, a.

Xích-tu-tư và Áo-lỗ-xích cùng nói :

Phụng mệnh.

Lại cùng bắc-xướng :

Mãnh-sĩ như lâm, thần-kiếm tích tằng thanh Mạc-bắc ; mưu-thần tự vũ, thiên-qua kim hựu chỉ An-Nam 猛士如林。神劍昔曾淸漠北。謀臣似雨。天戈今又指安南。

Ngột-lương-hợp-thai bắc-xướng :

Cứu nhất-phương dân, bả đắc từ-tâm nguyên thị Phật ; luận thiên-hạ sự, vô như địch-thủ cánh vi tiên. 救一方民。把得慈心原是佛。論天下事。無如敵手更爲仙。

(*Đều vào*)

Dã-Tượng kéo quân bộ đi tiên-phong ra, nói toáng :

Ngã-vũ duy dương, Hồ lỗ chích luân ưng bất phản ; vương-sư mạc địch, tướng-quân tam tiễn bốc tràng ca. 我武惟揚。胡虜隻輪應不返。王師莫敵。將軍三箭卜長歌。(*Vào*)

Yết-Kiêu kéo quân thủy ra, nói toáng :

Lực khả bạt sơn, Mạc-bắc tảo thanh lang khuyển tích ; tài năng thiệp thủy, thiên-nam tĩnh thiếp ngạc kình ba. 力可拔山。漠北早淸狼犬跡。才能涉水。天南靜帖鱷鯨波。(*Vào*).

Hưng-đạo-vương cùng chư-tướng kéo hậu-quân ra, nói toáng rằng :

Hà sự can-qua, duy nghĩa thị chinh nhân thị chiến ; do lai trung-hiếu, tại gia vi tử quốc vi thần. 何事干戈。惟義是征仁是戰。由來忠孝。在家爲子國爲臣。(*Đều vào*).

Lê Phụ-Trần đi tiên-phong ra nói toáng

Địch thế thậm cường, liệu đắc Hồ-binh ưng táp địa ; ngã quân sảo khước, kham kinh trần thổ dĩ xung thiên 敵勢甚強。料得胡兵應匝地。我軍稍却。堪驚塵土已衝天. (*Vào*),

Thái-tôn cùng chư-tướng kéo quân ra

Nói toáng :

Thượng-hạ đồng-tâm, kiệt-ngạo khởi ưng dung quốc-tặc ; bắc nam phân-giới, sơn-hà nguyên thị định thiên-thư. 上下同心。桀驁豈應容國賊。北南分界。山河原是定天書

Ngột-lương cùng chư-tướng ra, Ngột-lương nói :

Như ta nay : Nghe Trần-vương những quật-cường không phục ; âu quân ta phải chỉnh-túc sẵn-sàng. Tướng-quân Xích-tu-tư : Thuyền kéo mặt duyên-giang ; còn tướng-quân Áo-lỗ-xích cùng ta : quân đi đường lục-đạo, nghe. *(Hai bên gặp nhau đấu-chiến*

Dã-Tượng nói :

Ớ quân nghịch-tặc kia ! Đất chia nhau đôi nước ; người vốn cũng hai loài. Sao không nghề thương-mãi vãng-lai ; mà chỉ cậy hùng-cường lăng-bách ?

Áo-lỗ-xích nói :

Như tao đây : Chẳng cần chi công-lý ; chỉ cốt lấy cường-quyền. Bởi mày không chịu phận hèn ; nên mỗ phải dùng sức mạnh.

Hai bên giáp-chiến, Dã-Tượng thua chạy, Áo-lỗ-xích đuổi theo, Hưng-đạo-vương ra đỡ gươm cho Dã-Tượng, Áo-lỗ-xích lui, Hưng-đạo-vương đuổi theo thì Ngột-lương-Hợp-thai ra đỡ gươm cho Áo-lỗ-xích, hai bên đấu-chiến đến hơn trăm hiệp, Hưng-đạo-vương túng thế thua phải lui ; Ngột-lương tiến binh nói :

Mới ra uy một phút ; giặc nó đã chạy dài. Quân ! Thao-giang đã chiếm được rồi ; Long-đỗ trông chừng tiến phát, a. *(Đều vào)*

Xích-tu-tư kéo quân thủy ra đánh đuổi thuyền Yết-Kiêu. Xích-tu-tư nói :

Thuyền Yết-Kiêu đã chạy ; tìm nào có thấy đâu. Quân ! Giá sỗ thập khinh-châu ; vọng Phú-lương tiến-phát, a.

Lại nói loáng :

Bỉ quân ký-độn ngã cùng truy ; cấp trạo giang-thuyền sử nhược phi 彼軍既遁我窮追。急掉江船駛若飛。 *(Đều vào).*

Thuyền Yết-Kiêu ra. Yết-Kiêu nói :

Nghe bộ-quân đã khước ; chắc địch-thế thậm cường. Mau mau kíp tấu ngô-hoàng ; chóng chóng đem quân tiếp-ứng.

Văn rằng :

Chóng chóng đem quân tiếp ứng,
Chống giặc này cũng vững không nao.
Nhà tiên chắc có tài cao,
Phen này sẽ thấy ra vào Tôn Ngô.

Lại nói :

Dạ dạ, cấp-sự !

Thuyền ngự cùng thuyền chư-tướng ra. Thái-tôn nói :

Hà-sự, mà hay ?

Yết-Kiêu nói :

Dạ dạ, chí-nguy chí-nguy ; thậm-cấp thậm-cấp ! Giặc nó hùng-cường vô-địch ; quân ta quả-nhược nan-đương. Nay đã bỏ Thao-giang ; phải thoái-hồi sơn-lộ. May đặng ngự-thuyền tương-ngộ ; dám đem sự-thể tấu văn.

Thái-tôn nói :

Phụ Trần ! Truyền Phụ Trần xung tiên nhập trận ; ta sẽ đem đại đội tiếp sau.

Phụ-Trần nói :

Phụng mệnh. *(Đều vào)*

Phụ Trần kéo quân ra gặp Áo-lỗ-xích, hai bên đấu-chiến, Phụ-Trần thua chạy. Áo-lỗ-xích đuổi theo, Thái-tôn ra đỡ gươm cho Phụ-Trần, Áo-lỗ-xích phải lui, Ngột lương ra đỡ gươm, Thái-tôn thua rồi kéo xuống mặt thủy.

Ngột-lương nói :

Ha hả ! Đi đến đâu cũng thắng ; đánh thời nó chạy hoài. Quân ! Giặc đã trốn xuống thuyền rồi ; ta cũng sai thuyền kíp đuổi, a *(Vào)*

Thái-tôn Phụ-Trần Yết-Kiêu cùng đi một thuyền, sau có thuyền giặc đuổi theo.

Thái-tôn nói :

Tên đâu bay như cát ? thuyền giặc lại đuổi theo. Như ta thực đã treo-leo ; nhờ gã may cùng chống vác.

Vãn rằng :

Nhờ gã may cùng chống vác,
Nghĩa quân-thần sống thác quản bao.
Những người chức trọng quyền cao,
Đến cơn hoạn-nạn tìm nào thấy đâu!

Lê Phụ-Trần nói :

Dạ dạ trăm lạy chúa-thượng, xin chúa-thượng cứ an-tâm mà : Lấy ván thuyền đỡ đạn ; đặng chúa-thượng được an. Ngọc vàng giữ lấy cho toàn, thỉ-thạch sợ chi mà kể.

Vãn rằng :

Thỉ-thạch sợ chi mà kể,
Tấm lòng này thiên-địa chứng-tri ;
Phen này tế hiểm phù-nguy,
Thua chi Kính-Đức nhượng gì Tử-Long.

Thuyền Trần Thủ-Độ và thuyền Trần Bình-Trọng ra. Ngự-giá hỏi :

Thuyền của ai ?

Quân chèo thuyền Thủ-Độ nói :

Thuyền của Thái-sư.

Quân thuyền ngự nói :

Hoàng-thượng truyền quân Thái-sư chèo ghé thuyền sang đây.

Thái-tôn nói :

Dám thưa thúc-phụ, như nay : Tặc-thế quật-cường làm vậy ; ta xin hỏi : thượng-phụ ý nghĩ thế nào ?

Thủ-Độ nói :

Dạ dạ trăm lạy, xin chúa-thượng đừng có lo chi, cũng bởi vì : Đầu chú chưa rơi xuống đất ; mình vua vẫn giữ ngôi trời. Nhập Tống chớ nghe ai ; cự Nguyên đà định chước. Thăng-long đành bỏ trước ; Thiên-mạc phải lui về. Tam-quân cho đặng chỉnh-tề ; nhất-chiến sẽ phân thắng-phụ.

Thái-tôn nói :

Chân diệu-sách, chân diệu-sách ; khả thi-hành, khả thi-hành. Chư-tướng ! Truyền bỏ chốn Long-thành ; lui về sông Thiên-mạc.

Lại nói :

Hoàng-hậu cấp-sự!

Thuận-thiên hoàng-hậu ra nói :

Dạ dạ, hà-sự mà hay ?

Thái-tôn nói :

Nước đương cơn bối-rối ; nhà gặp hội long-đong. Bây giờ hoàng-hậu phải theo ta mới đặng, mà : mau mau kíp bỏ thành Long ; chóng chóng trông chừng Thiên-mạc.

Vãn rằng :

Chóng chóng trông chừng Thiên-mạc,
Trả thù này chẳng trước thì sau ;
Trời nam dù có bể dâu,
Vẫn còn tượng đá thấy đâu cột đồng.

Hoàng-hậu nói :

Đất gặp cơn binh-hỏa ; trời nổi trận phong-ba. Dù rằng xông đám can-qua ; nhưng cũng bền lòng vàng đá.

Vãn rằng :

Nhưng cũng bền lòng vàng đá,
Đành gian-nan hiểm-trở quản đâu ;
Đạo trời báo-phục không lâu,
Rồi ra Tàu lại về Tàu mà thôi.

(*Đều vào*)

Trần Thủ-Độ ra nói ;

Phu-nhân cấp-sự.

Linh-huệ phu-nhân ra nói :

Hà-sự mà hay ?

Thủ-Độ nói :

Long-thành âu phải bỏ ; phượng-liễn kíp dời xa. Xin phu-nhân phải về Thiên-tràng mới đặng, mà : Nàng đành tị-nạn quê nhà ; ta đặng theo chầu ngự-giá, a.

Vãn rằng :

Ta đặng theo chầu ngự-giá,
Khúc dương-quan từ-giã cùng nhau.
Khuyên ai chớ lấy làm sầu,
Có gian-lao mới phong-lưu lâu ngày.

Phu-nhân nói :

Dù đượng cơn hoạn-nạn ; phải giữ

dạ kiên-trinh; xa-xôi từ-giã kinh-thành; vội-vã trông chừng Tức-mặc.

Vãn rằng ;

Vội-vã trông chừng Tức-mặc,
Tấm lòng này thổn-thức khôn nguôi.
Bể dâu phó mặc cơ trời,
Đá vàng vẫn giữ một lời như xưa.

(*Đều vào*)

Ngột-lương-hợp-thai cùng chư-tướng kéo quân ra. Ngột-lương hợp-thai bạch rằng :

Từ ra uy mãnh hổ, đã chiếm đặng thành Long. Quân ! Cho quan trú-trát thành-trung ; Chư-tướng ! ta sẽ đóng đồn Đông-bộ.

Chư-tướng nói :

Phụng-mệnh.

Ngột-lương nói :

Truyền vào thành. (*Đều vào*)

Thái-tôn Thủ-Độ ra. Thủ-Độ nói :

Trăm lạy chúa-thượng : Từ quân ta lũ-bại ; bởi địch-thế nan-đương. Nhưng thế mà quân giặc kia : Lòng kiêu-căng chắc cũng sơ-phòng ; lạ thủy-thổ dễ sinh tật-bệnh. Bởi vậy cho nên : Thất-thế rồng khôn khoe mạnh ; sa cơ voi cũng chịu hèn. Bây giờ ta xin làm thế này : Phải dùng cách đánh đêm; xin bày mưu cướp trại. Nếu thế nó thổ băng ngõa giải ; chắc uy ta trúc chẻ ngói tan. Tôi nghĩ làm như vậy, thực là : Kế xuất vạn-toàn ; công thành nhất cử.

Thái-tôn nói :

Chân thúc-phụ chi kỳ-mưu ; hảo thái-sư chi diệu-kế. Chư-tướng, nghe ta dặn : Quản tương ba vạn hổ-hùng ; ta cũng đem quân tiếp-ứng. Quân đi đừng đánh trống ; ai nấy phải ngậm tăm. Thừa kim-dạ trầm trầm ; vọng Bộ-đầu chóng chóng.

Chư-tướng nói :

Phụng mệnh.

Làm cảnh ban đêm, thuyền Thủ-Độ, Nhật-Hạo, Phụ-Trần đi tiên-phong. Thuyền ngự đi hậu-quân.

Hưng-đạo kéo quân đi. Quân chèo thuyền cùng bài ban :

Giang-thượng long tranh hổ đấu thì,
Phân-phân qua giáp mãn thiên phi ;
Nhi kim bất giả đông-phong lực,
Khước đắc Hồ Nguyên bách vạn sư.

江上龍爭虎鬭時
紛紛戈甲滿天飛
而今不假東風力
却得胡元百萬師

(*Đều vào*)

Thuyền giặc ra Lúc giặc ngủ say, thuyền Thủ-Độ cùng thuyền ngự ra đánh Ô-mã-nhi một hồi, quân giặc thua chạy, thuyền Thủ-Độ đuổi theo.

Thủ-Độ nói :

Ta vừa mới tới ; giặc hãy còn mê. Quân đà ám-phục bốn bề ; thuyền cũng bắt hơn tám chiếc. Đông-phương do vị bạch ; giang-thượng dĩ thiên hồng. Quân ! Âu dùng kế hỏa-công; đặng sinh-cầm Mông-tướng.

Quân phóng hỏa đốt thuyền của giặc, giặc thua chạy tán-loạn, quân thuyền Thủ-Độ đuổi theo. Đều vào.

Quân ra báo rằng :

Cấp báo cấp báo !

Ngột-lương ra nói :

Hà-sự mà hay ?

Quân nói :

Dạ dạ, quân ta : Khi còn đương giấc bướm ; đâu phút dậy đàn ong. Lửa bốn mặt đỏ hồng ; quân bốn bề đen kịt. Mặc áo giáp quân ta chưa kịp ; cầm đoản-đao giặc nó đã xông. Tặc-binh điệp-điệp trùng-trùng ; sự-thế nguy-nguy cấp-cấp.

Ngột-lương nói :

Văn ngôn thất-sắc ; thính thuyết kinh-hồn. Chư-tướng ! Thôi thôi ! Bộ-đầu kíp bỏ đại-đồn ; Hưng-hóa bôn hồi thượng-đạo.

Ngột-lương nói toảng :

Tam quân tán tận tinh kỳ đảo,
Nhất tướng hoang-mang phế phủ hàn;
Ngã dục truy tầm đồng-trụ giới,
Lai thời dung-dị khứ thời nan.

三軍散盡旌旗倒
一將慌忙肺腑寒
我欲追尋銅柱界
來時容易去時難

Quân giặc bỏ thuyền lên bộ chạy lui về Tàu, gặp quân Hưng-đạo hai bên đấu-chiến.

Hưng-đạo nói :

Hưu kinh tẩu, hưu kinh tẩu; tốc giáng lai, tốc giáng lai. Quân ta đã phục bên đường; đầu gã khá rơi xuống đất.

Hai bên đánh nhau ; quân giặc thua chạy, Hưng-đạo-vương đuổi theo. Đều vào.

Ngột-lương ra nói :

Ối chao ôi ! mới đặng thoát nơi lửa đỏ ; hay đâu gặp tướng tiên xanh. Đã chịu bề tổn tướng hao binh ; âu phải kíp lánh mình tị-nạn.

Văn rằng :

Âu phải kíp lánh mình tị nạn,
Dẫu hưu-ti trăm vạn kể chi ;
Cũng vì mắc kế tiểu-nhi,
Bồ-Kiên thua trận Hợp-phì là đây.
(*vào*)

Hà Bổng ra bạch :

Cổ truyền thần-nỗ tự kim-qui,
Tiêm tận Hồ-binh yếu dụng kỳ ;
Mạc oán Việt-nhân đa độc-thủ,
Do lai Phật-tặc bất từ-bi.

古傳神弩自金龜。
殲盡胡兵要用奇。
莫怨越人多毒手。
由來佛賊不慈悲。

Lại nói :

Như ta nay: Qui-hóa quyền riêng một trại ; phiên-thần ân chịu nhiều đời. Ta nghe rằng Mông-tướng đã bại trận đó, mà: nghe Hồ-binh nhiều trận phải thua ; chắc đại-tướng chạy theo lối cũ. Cung tên đà sẵm đủ ; ảo giáp cũng sẵn-sàng. Quân ba nghìn đóng ở bên đường ; giặc trăm vạn khôn hay tẩu thoát.

Ngột-lương kéo quân đi qua Qui-hóa. Hà Bổng trông thấy cho quân phục đuổi liền.

Ngột-lương nói :

Đây đã đến Qui-hóa rồi đây, mà : Dương-tràng chân khuất-khúc ; ô-đạo thực khi-khu. Ối chao ôi ! Quân đâu phục ở sơn-đầu, tên bắn tinh là thuốc độc ! Phải phải ! Sai một tướng liều mình đánh trước ; Quân-sĩ ! cho ba quân cứ lối chạy dài.

Tì-tướng giặc ra đánh nhau cùng Hà Bổng, bị Hà Bổng giết. Ngột-Lương thoát chạy được. Quân giặc bỏ cả lương-thực khí-giới, Hà Bổng sai quân thu lấy hết cả.

Hà Bổng nói :

Như quân giặc phen này : Khe đã trôi nước máu ; núi cũng chất cao thây. Ngột-lương tìm chẳng thấy đây ; một tướng còn lăn ở đó. Quân ! Thu lấy những đồ giặc nọ ; đem về nộp ở triều ta, nghe.

Quân nói

Phụng mệnh.

(*Còn nữa*)

VĂN-UYỂN

I

Trùng du Kinh-thành cung kỷ

Giang-hồ lang-miếu thủy ưu-ái ?
Ba-mươi-hai năm lại tới Thần-kinh.
Kìa nước non non-nước hữu-tình,
Khách du-lãm luống đinh-ninh lòng cố quốc !
Núi mọc lưng trời mây trắng lốp,
Sông luồn kẽm đá nước trong veo.
Giang-sơn này gấm vóc biết bao nhiêu,
Mà tô-điểm vẫn nhờ oai thánh-chúa.
Cuộc đời có cổ kim kim cổ,
Bức tang thương ai khéo họa nên đồ?
Hãy nhìn xem phong-cảnh chốn Hoàng-đô.
Nọ Hương-thủy Bình-sơn âu vẫn thế.
Đồ cung khuyết thành-trì chi tráng-lệ,
Cung chúc câu : Vạn-tuế Hoàng-gia !
Tráng tai ngã-quốc sơn-hà !

. · .

Bài này là bài trùng-du Kinh-thành, cho nên thủy-chung đều nói đến vua.

Giang-hồ lang-miếu : Cổ-văn có câu rằng : « *Cư miếu-đường chi thượng tắc ưu kì quân, xử giang-hồ chi viễn, tắc ưu kì dân* », nghĩa là ở trong triều thì lo việc vua, mà ở ngoài giang-hồ xa vua thì lo việc dân.

Nay tác-giả chỉ là một người đi du-lãm, thì chỉ để ý quan-sát cái non nước hữu-tình của cái nước cũ đã mấy nghìn năm nay. Khi đi đường vào quãng tỉnh Quảng-bình, Quảng-trị, thấy nhiều chỗ núi sông rất đẹp, non thì cao, nước thì trong, mà ở đó đã gần Kinh-thành rồi, cho nên trông thấy những cảnh tốt đẹp như gấm vóc ấy, hình như có uy-nghi của Triều-đình và của vua tô-điểm thêm vào. Nay thử ngẫm cuộc đời xưa nay vẫn có thay đổi, như là : bể thì bồi thành ruộng, mà núi cũng có khi sụt xuống bể mất; nhưng nay đến chốn Kinh-thành thì thấy sông Hương núi Bình, vẫn y-nguyên không thay đổi, mà lại có cung-khuyết thành-trì tráng-lệ muôn phần, thì xin cung-chúc nhà vua được vạn-tuế mà non sông được vững bền.

II

Bài hát chúc mừng ngày sinh-nhật cụ Duyên-mậu Hoàng quận-công

(Của các quan trong tỉnh Hà-đông)

Năm canh-tuất ứng sinh danh-thế,
Tại Hồng-sơn Lam-thủy chi gian ;
Đấng quận-công Duyên-mậu họ Hoàng,
Kể huân-nghiệp trần-hoàn ai dễ ví ?
Khi sung chức Bắc-kỳ kinh-lược-sứ,
Ngoài thanh-phiên đà Tử-tước tấn-phong.
Lúc tuổi già còn Kinh-khuyết mến trông,
Nơi hoàng-các lại thong-dong bổ-cổn ;
Năm-tư tuổi điền-viên sửa chốn,
Ấp Thái-hà riêng một áng y-quan ;
Kìa công-khanh liêu-thuộc đã chan-chan,
Sân hòe quế lại thừa-hoan hai chế-phủ.
Lục-dã tùng-vân ngu bạch-thủ,
Đông-sơn ti-trúc hệ xương-sinh.
Này sinh-từ, này vũ-quán, này lương-tạ, này bi-đình,
Cuộc hành-lạc sinh-ca còn chán-chán.
Ngày sinh-nhật tháng ba mười tám,
Cứ năm năm giăng chuốc chén hoàng-lưu.
Chúc câu trăm tuổi bạc đầu !

. · .

Danh-thế : Cổ-ngữ có nói rằng : *Ngũ-bách niên danh-thế nhất sinh*, nghĩa là cứ năm trăm năm lại có một bậc danh-thế sinh ra để giúp đời.

Hoàng-các thanh-phiên : Cổ có câu thơ vịnh một vị tể-tướng rằng : *Hoàng-các tích tần cư tể tịch, thanh-phiên kim hựu tráng trường thành*, nghĩa là lúc ở trong Triều thời làm tể-tướng, lúc ra ngoài biên thời làm một vị trọng-thần.

Bổ-cổn : Nghĩa là vá áo long-cổn, nghĩa bóng là giúp vua.

Lục-dã : Ông Bùi Độ xưa làm tề-tướng, lúc về hưu làm một cái nhà gọi là « Lục-dã-đường » để dưỡng-lão.

Đông-sơn : Ông Tạ An làm tướng, lúc vô-sự thời lên núi Đông-sơn đàn hát làm vui, nhưng vẫn lo đến việc dân việc nước.

ĐÀO HỮU-KHÔI

Đời đáng chán

Đời đáng chán nghĩ thôi khôn xiết,
Tháng lại ngày dễ biết bao khuây ;
Trăm năm giấc mộng tỉnh say,
Cười no khóc chán, đắng-cay đã thừa.
Giọt lệ nọ thấm chưa khô hết,
Mối sầu kia đã kết nên dây ;
Mênh-mang bể thảm chàn đầy,
Cánh buồm mỏng-mảnh nào ngày phong-ba ;
Đứt lại đứt lòng ta ta biết,
Lệ hồng chan đẫm hết khăn lồng ;
Đường kia nỗi nọ vò lòng,
Muốn đem thân lánh xa vòng trần-ai.
Nghĩ đeo đẳng kiếp người thêm khổ,
Nát tâm-can nào có nên gì ?
Lòng đau giọt lệ lâm-li,
Biết bao nhiêu lệ từ khi biết đời !...

TƯƠNG PHỐ

Bà Triệu-Ẩu

Miễu

Tiếng đồn Lệ-hải bà-vương,
Phất cờ nương-tử giẹp phường gian-tham.
Xót vì đất nước nhà Nam,
Trời chung chẳng đội bà liền ra tay.

Nói

Trời đông dậy sấm,
Gái phòng khuê cung cấm phải len ra.
Cửu-chân nọ đất Thanh-hoa,
Dòng cửa Tướng vốn con nhà thế-phiệt.
Xót bởi nỗi giang-sơn nước Việt,
Giận vì tình sóng gió nhà Ngô !
Lẫy kia ai : cũng cung, cũng kiếm, cũng giáp, cũng cờ.
Mà đầu voi quyết xông-pha tên đạn, quyết vật-vờ với chốn binh-đao.
Khá khen thay gái má đào,
Làm cho thiên-hạ trông vào thử trông.
Hỡi hăm-nhăm triệu Lạc hồng một cõi,
Tấm gương trong, tấm gương trong vằng-vặc phải nên soi.
Gái trai âu cũng ở đời !

Qua miếu thờ bà Triệu Ẩu

Trời Nam rực-rỡ phải chăng là,
Cửa Tướng anh-hùng gái thứ ba ?
Phất ngọn hồng-kỳ bình xã-tắc,
Cưỡi đầu bạch-tượng phục sơn-hà ;
Dạn cùng tên đạn vì nòi giống,
Liều với đao-cung bởi nước nhà ;
Trăm trận thừa uy Ngô mất vía,
Treo gương « Lệ-hải » rạng oai bà.

∴

Mẹ khuyên con khi mới ra làm quan

Con ơi,
Nhờ tổ-ấm nhà ta cây phúc,
Đượm mầu xuân tươi tốt rườm-rà ;
Đâm chồi nảy lộc sinh hoa,
Cành vàng lá ngọc bao là thiên-nhiên.
Nay con được ơn trên Chính-phủ,
Bước thang mây lĩnh bổ đường-quan ;
Cầm quyền chính-trị cho dân,
Ngọn đèn công-lý chiếu gần cùng xa.
Lòng vị nước vị nhà mới được,
Chớ phân-nê bắt-chước những tuồng ;
Chỉ hòng quấy nước đục sông,
Quý-hồ ấm cật no lòng thì thôi.
Mẹ khuyên con mấy lời gọi có,
Con phải nên ghi bỏ vào tai ;
Đừng như nước đổ lá khoai,
Hiếu nào do được hiếu này con ơi !

LỆ-VIỆT *thôn-nữ*
(Hành-thiện)

---

1. Con mèo

Cũng nanh cũng vuốt kém chi ai!
Nhuệ-khí trời cho để giúp người;
Vùng-vẫy gầm trời khua cống, chỉ,
Nghênh ngang mặt đất khắp lâu đài;
Thu hình biến dạng không thua hổ,
Nhẹ bước nhanh chân chẳng kém nai;
Sức khỏe nhường voi kêu chịu vượn,
Loài người quí mến cũng thừa vui.

2. Cái quạt

Thương đời nóng sốt phải bôn-ba,
Phe-phẩy chuyên tay khắp trẻ già;
Khép mở quản chi thân mảnh-dẻ,
Xông pha trải khắp chốn phồn-hoa;
Mùa đông tháng giá ai nhìn đến,
Nắng hạ khi nồng mới giở ra;
Bao kẻ nhờ tay cơn gió mát,
Ơn sâu ghi dạ chớ quên mà.

3. Cái diều

Ta ngẫm mình ta dễ kém ai,
Nào xe nào tán lại cân đai;
Tiếng vang sấm động khua hồn nước,
Miệng thở mây bay rợp góc trời;
Kẻ đón người đưa nơi đạo-viện,
Già yêu trẻ mến chốn thư-trai;
Đắng cay mùi thế từng qua trải,
Nung-nấu lòng son chẳng nửa lời.

4. Người hàng gạo

Một gánh càn-khôn quẩy giữa đồng,
Thương người nghèo khó phải ăn đong;
Bán mua có giá không thêm bớt,
Đong gạt không điêu có đấu thưng;
Chẳng chút lòng tham nghèo bắt bí,
Quí hồ khách nhớ đến cho đông;
Mong sao thiên-hạ đều no ấm,
Gồng gánh như ta cũng thỏa lòng

5. Người lái đò

Mái chèo vùng-vẫy nước mênh-mông,
Chiếc bách lênh-đênh thả giữa dòng;
Lên tiếng hò-khoan bơi đủng-đỉnh,
Coi người vui-vẻ hát lông-bông;
Lợi danh gác để thêm bền chí,
Non nước yêu đương vẫn dốc lòng;
Kẻ ngược người xuôi tay tế-độ,
Giương buồm đè sóng giữa dòng sông.

6. Về hưu

Bôn-tẩu hoạn-trường trải mấy thâu,
Đỉnh-chung nếm đủ chớ ngồi lâu;
Mặc ai mê-mẩn vòng danh-lợi,
Nhường bạn ganh đua cuộc Á Âu;
Tùng-cúc vườn xưa mong chủ cũ,
Giang-sơn gánh nặng nhượng đàn sau;
Khi buồn ngâm vịnh thơ kim-cổ,
Chán vạn người yêu chán kẻ cầu!

7. Thăm bạn

Thư hồng kính gửi bác Dương-Thanh,
Chúc mạnh luôn luôn mọi sự lành;
Đồi bắc cỏ cây thêm vẻ đẹp,
Bể đông mây nước nhuộm mầu xanh;
Buồm chèo chung lái duyên kỳ-ngộ,
Bầu túi trao tay mối cảm-tình;
Chung mấy chữ đồng nên khăng-khít,
Đồng-song đồng-quận lại đồng-canh.

8. Cảnh tết

Tết nhất năm nay cảnh khác xưa,
Phố-phường im lặng vẻ tiêu-sơ;
Pháo ran tục cũ nghe không thấy,
Đối đỏ ngày nay ngó cũng thưa;
Có phải văn-minh ngày tiến-bộ,
Hay là kinh-tế buổi nguy-cơ?
Dân quê trăm món trông vào thóc,
Thóc ế tiền đâu dám tết to!

9. Đi bộ trời mưa

Nhân buổi tân-xuân thử xuất-hành,
Trời tuy rét-mướt cũng không kinh;
Gần xa dặm thẳng chân còn khỏe,
Mưa gió đường trơn bước vẫn nhanh;
Kinh-lý các trường là chức-vụ,
Thi-hành mọi việc giữ công-minh;
Mong sao con trẻ ngày mau tiến,
Hay dở sau đây bởi tự mình.

10. Tự-trào

Thấm-thoắt xuân xanh ngoại bốn mươi,
Soi gương luống thẹn với ai ai!

Công-danh lắng-đắng chưa bằng bạn,
Sự-nghiệp loanh-quanh chửa kịp người;
Cuộc thế vần xoay nào quản-ngại,
Đường đi khấp-khểnh cứ khoan-thai;
Nam-nhi có chí trời không phụ,
Dẻo gót lo chi chẳng tới nơi!

Huấn-đạo NGUYỄN KINH-CHU

DỊCH CỔ-VĂN

Nhạc-dương-lâu ký

(Nguyên-văn của Phạm Trọng-Yêm đời Tống)

Tiểu-dẫn

Phạm Trọng-Yêm tên tự là Hi-văn, tên thụy là Văn-chính, là một kẻ danh-nho danh-thần đời Tống. Khi đó về triều vua Nhân-tôn, Đằng Tử-Kinh nguyên làm chức Tư-gián trong triều, vì đảng tiểu-nhân ghen-ghét gièm-chê bị tội, phải giáng chức, trích ra làm quan Thái-thú quận Ba-lăng. Tử-Kinh trùng-tu lầu Nhạc-dương. Lầu Nhạc-dương kề ở bờ hồ Đồng-đình, nguyên là một nơi thắng-cảnh ở quận Ba-lăng. Ba-lăng tức là Nhạc-châu-phủ ngày nay, tiếp-giáp hai tỉnh Hồ-nam Hồ-bắc.

Thuở ấy Đằng Tử-Kinh thì sửa lầu, Phạm Trọng-Yêm thì làm ký, Tô Đông-Pha thì viết bài ký trong lòng bia, Triệu Sơ thì viết chữ triện trên trán bia, đời khen là tứ-tuyệt.

. · .

Lời ký.— *Mùa xuân năm Khánh-lịch thứ tư, Đằng Tử-Kinh bị trích (1) ra làm chức Thái-thú quận Ba-lăng. Qua năm thứ hai, chính-sự thông đạt, dân-tâm hòa-thuận. Phàm việc phế-hoại bấy lâu, hết thảy chấn-hưng lại cả. Mới trùng tu lầu Nhạc-dương, tăng-ích chế-độ cũ, khắc thơ phú người nhà Đường và thơ phú người hiện-thời ở trên lầu, ủy cho ta làm văn để ký lấy.*

Ta xem ra, thắng-cảnh quận Ba-lăng toàn ở về hồ Đồng-đình. Hồ này ngậm núi xa, nuốt sông dài, mênh-mông bát-ngát, không bến không bờ, bóng chiều cảnh sớm, khí-tượng muôn nghìn, ấy là cái quang-cảnh đại-quan của lầu Nhạc dương vậy. Người xưa thuật ra đã đủ cả rồi.

Thế thì, hồ này phía bắc thông lên núi Vu núi Giáp, phía nam cùng đến sông Tiêu sông Tương; thiếu gì người du-hoạn khách tao nhân hội-tụ ở đây, trong khi lãm-thắng, xúc cảnh sinh-tình, há chẳng khác nhau dư!

Những khi gặp đến cảnh: mưa dầm sùi-sụt, hàng tháng chẳng thôi, gió âm gào thét, sóng đục rẫy trời, mây sao náu bóng, núi-non ẩn hình, buôn bán vắng tanh, buồm đổ bè trôi, ngày chiều mù-mịt, vượn hót beo gầm; kẻ lên lầu này, há chẳng có cái tình xa nước nhớ làng, lo gièm sợ tội. Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu, người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.

Đến khi gặp những cảnh: xuân hòa khí thanh, mặt nước như tờ, bóng nước bóng trời, cùng một sắc biếc, cò bay phất-phới, cá lượn tung-tăng, bờ huệ bến lan, thơm-tho xanh tốt, mà hoặc lại những cảnh: trời dài một bầu, trăng tỏ nghìn dặm, vẻ sang nổi vàng, nét tĩnh chìm ngọc, thuyền chài bơi hát, vui-thú khôn cùng; kẻ lên lầu này, há chẳng tâm-hồn vui-vẻ biết bao, vinh-nhục quên đi hết thảy, gió gác thảnh-thơi, bầu tiên chuốc rượu, mừng nào lại quá mừng này nữa chăng!

---

(1) *Trích* = Giáng-chức mà đuổi đi làm quan xa.

Than ôi! Ta thường cầu lấy cái tâm của kẻ nhân-giả đời xưa, hoặc cũng có khác với hai hạng người ấy sở hành-vi, là cớ sao đó thay! Này kẻ nhân-giả đời xưa chẳng vì cái cảnh ngoài mà sinh ra hỉ, cũng chẳng vì cái sự mình mà sinh ra bi. Khi ở ngôi cao trên chốn miếu-đường, thì lo cho dân; khi ở cõi xa ngoài chốn giang-hồ, thì lo cho vua. Ấy lúc tiến cũng lo, lúc thoái cũng lo, thế thì lúc nào làm vui đó thay? Chắc rằng thiên-hạ chửa lo, mà ta vì thiên-hạ lo trước, thiên-hạ đã vui, mà ta nhường thiên-hạ vui sau vậy. Ôi! Chẳng phải bậc người ấy, ta bắt-chước ai?

. ˙ .

Lời Lâm Tây-Trọng phê-bình. — *Đầu đề là ký việc trùng-tu lầu Nhạc-dương, tự những kẻ không có đại-nhãn-quang, đại-hoài-bão cầm bút, thì dù làm văn khôn-khéo thế nào mặc lòng, thế nào cũng phải kể ra lầu này trước kia hủy-hoại thế nào, nhỏ hẹp thế nào, sau mới kể ra cái công-lao sửa sang và tăng-quang chế-củ, rồi tả cái thắng-cảnh ngoài lầu, cho rằng việc này của Đằng-thái-thú, cả có ích cho sự đăng-lâm, như thế mà thôi.*

Văn-Chính thì chỉ đem câu chuyện trùng tu điểm qua, liền chuyển bút gác đi không nói đến nữa, một sấn bút tả ra hai cái trạng cực-bi cực-lạc của cảnh hồ, và cái tình khác nhau của những kẻ du-khách tao-nhân khi lên lầu này, rồi chuyển vào chốn dụng-tâm của bậc quân-tử đời xưa, cả đem những điều yêu vua yêu dân, lo trước vui sau, là những điều đại-bản-lĩnh của mình lúc bình-nhật, nhất-tề tỏ-dãi ra. Cũng là vì Đằng Tử Kinh đương chức Tư-gián bị giáng ở Ba-lăng, đương ở ngôi cao chốn miếu-đường, chợt ở cõi xa chốn giang-hồ, trong lòng khi ấy, phần thì lo gièm sợ tội, phần thì áy náy về đường vinh-nhục, đối cảnh cảm-xúc, khó phần tự giải đi được, cũng là cái tình sở-tất-nhiên. Nếu biết nghĩ đến vua mình dân mình, là cái trách-nhiệm của mình nên lo, thì trong bụng không khi nào còn vì cái cảnh ngoài mà sinh ra hỉ, vì cái sự mình mà sinh ra bi. Bắt đầu bài văn đã đề-khởi hai chữ trích-thú vốn là cái ý thuyết-pháp cho Đằng Tử-Kinh hay.

Song không phải là chỉ vì Tử-Kinh thuyết-pháp đâu, bài văn này là bài văn cực khéo cực hay; khéo về mượn những tình-cảnh của những kẻ du-khách tao-nhân khác, mà nhàn-nhàn điểm-xuyết trong đoạn văn, tựa-hồ không phải bảo Tử-Kinh, mà chính là bảo Tử-Kinh. Chính là bảo Tử-Kinh mà lại tựa hồ không phải là bảo Tử-Kinh; đó là lối kính hoa thủy nguyệt, bất-tức bất-ly trong phép văn-chương.

Bảo rằng bài văn này là vì Tử-Kinh thuyết-pháp cũng là phải; bảo bài văn này là tự-thuật cái hoài-bão của mình ra cũng là phải; mà bảo rằng bảo khắp cho những kẻ quân-tử thiên-hạ đời sau đều nên để tâm như thế, cũng há là chẳng phải?

Ôi! Thế mới là văn ông Phạm Văn-Chính đó dư!

TÙNG-VÂN *dịch*

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thế-giới đại sự-ký

(*Từ mồng 1 đến 31 tháng 3 năm 1932*)

Mồng 1 tháng 3. — Thủ-tướng Pháp TARDIEU tại ban tài-chính Nghị-viện, thuyết-minh về cái dự-án cho phép mở công-thải ở nước Pháp cho nước *Tchécoslovaquie*; ban tài-chính ưng-chuẩn. Ở Thượng-nghị-viện cũng duyệt-y một bản hiệp-ước lãnh-sự (*convention consulaire*) của hai nước Pháp và *Tchécoslovaquie*. Nhân lại vừa dịp lễ sinh-nhật 82 tuổi quan Giám-quốc MAZARIK nước *Tchécoslovaquie*, Thượng-nghị-viện Pháp biểu-tình kính mến.

— Nước Nhật thừa-nhận bản điều-đình của hội-nghị Hội Vạn-quốc, chỉ còn phải thương-thuyết việc bãi-chiến nữa thôi, việc này thì là việc hội-nghị các lãnh-sự ở Thượng-hải.

— Hội-nghị tài-binh vẫn đương tổ-chức công-việc. Tổng-ủy-ban hoãn để xét những lời bàn của chuyên-ủy-viên là ông BENÈS.

Mồng 2. — Ông DIAGNE là nguyên thứ-trưởng bộ thuộc-địa trong Nội-các trước, được cử đi sang thuộc-địa Tây-phi-châu, *Togo* và *Cameroun*, để nghiên-cứu về cách chỉnh-đốn các việc hành-chính, tài-chính, kinh-tế ở ba xứ đó.

— Đại-biểu nước Tàu ở Hội Vạn-quốc báo cho chủ-tịch hội là ông PAUL-BONCOUR biết rằng chính-phủ Tàu nhận tham-dự việc thương-thuyết ở Thượng-hải. Việc chiến-tranh cũng đã thôi, vì quân Tàu sợ bị vây cũng đã rút lui về.

Mồng 3. — Đảng xã-hội ở Nghị-viện Pháp định không tham-dự vào cuộc thảo-luận về công-thải của nước *Tchécoslovaquie*.

— Hội Vạn-quốc họp Đại-hội-đồng bất-thường để điều-đình về việc Trung-Nhật. Đại-hội-đồng gồm đại-biểu của 51 nước đến dự, bầu đại-biểu nước Tỉ là ông PAUL HYMANS làm chủ-tịch.

— Có tin đích là ở Thượng-hải hai bên đã thôi đánh nhau rồi.

Mồng 4. — Nghị-viện Pháp quyết-nghị chuẩn-chi một khoản hai trăm triệu để giúp những người thất-nghiệp.

— Đại-hội-đồng Hội Vạn-quốc nghe đại-biểu nước Tàu và nước Nhật trần-thuyết về việc xung-đột hai nước, rồi đồng-thanh duyệt-y một bản quyết-nghị đưa cho chính-phủ hai nước. Ở Thượng-hải thì bộ ngoại-vụ Tàu thông-cáo cho Hải-quân đô-đốc Anh KELLY biết rằng những điều kiện bãi-chiến của Nhật, nước Tàu không thể nào thừa-nhận được.

— Ở *Rome* ký tờ hiệp ước thương-mại của hai nước Pháp Ý.

— Việc tuyển-cử ở *Irlande* hôm nay mới là hoàn-toàn cả. Đảng ông VALERA thắng được 70 ghế ở Nghị-viện, đảng ông COSGRAVE được có 54 ghế thôi.

Mồng 5. — Nghị-viện Pháp duyệt-y bản dự-án cuộc công-thải 600 triệu của nước *Tchécoslovaquie*.

— Ở Hội Vạn-quốc, ông BENES và ông POLITIS diễn-thuyết nói về trách-nhiệm hai nước Tàu và Nhật trong việc xung-đột ngày nay và xét trong hiệp-ước Hội Vạn-quốc có những điều-khoản gì có thể thi-hành để giải-quyết việc xung-đột ấy.

— Đại-sứ Pháp ở *Berlin* thông-cáo cho Chính-phủ Đức biết những ý-tứ

của Chính-phủ Pháp về việc giúp cho các nước Trung-Âu về đường kinh-tế.

— Ông KOLSTAD là thủ-tướng nước *Norvège* tạ-thế.

Mồng 6. — Ở *Lyon* mở cuộc hội-nghị quốc-tế về vệ-sinh, ông HERRIOT là thị-trưởng thành *Lyon* đọc diễn-thuyết khai hội.

— Ở *Berlin* và nhiều nơi khác nữa trong nước Đức, đảng của Thống-chế HINDENBURG mở cuộc biểu-tình để vận-động về việc bầu Tổng-thống.

— Ban điều-tra của Hội Vạn-quốc phái sang Á-đông hiện đã tới *Tokyo*, đương tra xét về việc Mãn-châu.

Mồng 7. — Ông ARISTIDE BRIAND đã mấy tuần nay bị đau yếu phải từ chức Ngoại-vụ tổng-trưởng về nghỉ. Chợt bệnh kịch lên, hôm nay ông tạ-thế. Tin đó làm cho nước Pháp cùng cả thế-giới buồn rầu. Hai nghị viện Pháp đều đình hội-đồng để tỏ lòng thương xót. Tòa Nội-các họp quyết nghị làm lễ quốc-táng. Tại Hội Vạn-quốc, chủ-tịch là ông HYMANS đọc lời điếu-tang và tạm giải hội-đồng để biểu-tình thương xót. Các quốc-vương quốc - trưởng, như vua nước Anh, Giám-quốc nước Mĩ nước Đức, đều có gửi điện chia buồn với nước Pháp.

Mồng 8. — Nhân Nghị-viện Pháp mới quyết-nghị một đạo luật cho phép những người có bằng luật học (*capacitaires en droit*) mà không có bằng tú-tài cũng được thi cử-nhân luật, các học-sinh luật định bãi học trong 24 giờ để biểu-tình phản-đối.

— Ban điều-tra của Hội Vạn-quốc dời *Tokyo* để đi Thượng-hải.

Mồng 9. — Ở Hội Vạn-quốc, ông BENES bàn lập một ban biên-tập để châm-chước theo lời bàn của đại-hội-đồng mà thảo một cái chương-trình điều-đình việc Trung-Nhật.

— Phổ-Nghi hôm nay làm lễ tuyên thệ nhận chức chủ-tịch hành-chính của nước Mãn-châu mới.

Mồng 10. — Theo lời khởi-nghị của ông BIENVENU-MARTIN, Thượng-nghị-viện Pháp quyết-nghị một đạo luật tuyên-bố rằng: «Quan Thủ-tướng ARISTIDE BRIAND đã có công với tổ-quốc» (*Le Président Aristide Briand a bien mérité de la patrie*).

— Việc thương-thuyết ở Thượng-hải bị đình-đốn vì hai bên có nhiều điều chưa đồng-ý nhau.

— Ở *Pérou* tuyên-bố đặt quân-luật trong 30 ngày.

Ngày 11.—Hạ-nghị-viện Pháp biểu-đồng-tình về điều luật của Thượng-nghị-viện quyết-nghị hôm qua tuyên-bố rằng ông BRIAND có công với nước. Cả toàn-viện là 505 người có mặt đều ưng-thuận cả.

—Đại-hội-đồng Hội Vạn-quốc đồng-thanh duyệt y bản chương-trình điều-đình về việc Trung-Nhật do ban biên-tập vừa thảo xong. Lại cử một ban thường-trực 19 viên để trông nom về việc thi-hành bản chương trình đó.

Ngày 12. — Thành *Paris* hôm nay làm lễ quốc-táng ông BRIAND rất long-trọng. Mấy hôm trước đem linh-cữu để tại bộ Ngoại-vụ, cho công-chúng vào chiêm-bái, trong mấy ngày trời, nam phụ lão ấu ở các nơi đến, không kể những danh-công cự-khanh ở trong nước ngoài nước, kể hàng mấy vạn con người đến cúi đầu trước linh-cữu. Hôm nay thì chức đại-giáo chủ thành *Paris* đến làm lễ siêu-độ, rồi rước linh-cữu đi qua thành-phố *Paris* đến nghĩa-địa *Passy*, tạm quàn ở đấy, rồi sau sẽ đem về chôn ở đất riêng của ông tại *Cocherel*. Đi đưa đám có quan Giám-quốc, nghị-trưởng Thượng Hạ nghị-viện, các quan Nội-các, nghị-viên hai viện, các quan văn võ, đại-biểu của

Hội Vạn-quốc cùng các Chính-phủ ngoại-quốc không biết bao nhiêu mà kể. Khi chuyển cữu, thủ-tướng TARDIEU thay mặt Chính-phủ và quốc-dân Pháp đọc một bài điếu-văn rất cảm-động, có máy truyền-thanh đi khắp thế-giới.

— Nghị-viện Pháp xét sổ dự-toán của bộ Học quyết-nghị cho lớp tư các trường Trung-học không phải mất tiền học-phí.

— Nhà đại-tư-bản nước *Suède* (Thụy-điển) KREUGER làm chủ công-ti chế diêm nước ấy, lại có phần trong nhiều công-ti lớn trong thế-giới, người ta thường gọi là ông «Vua diêm», hôm nay tự-tử ở *Paris*. Chính phủ *Suède* liền hạ lệnh cho các công-ti có quan-hệ với ông được hưởng lệ hoãn nợ trong một kỳ-hạn để đợi điều-tra về sau.

— Chính-phủ Mĩ thông-cáo cho Hội Vạn-quốc biết xin ưng-nhận cái chương-trình điều-đình việc Trung-Nhật.

— Ở Thượng-hải thì việc thương-thuyết để bãi-chiến hẳn bị hoãn lại, vì nước Tàu đòi quân Nhật phải rút về ngay, mà nước Nhật không chịu.

Ngày 13. — Ở Đức hôm nay là ngày tuyển-cử Giám-quốc. Theo hiến-pháp nước ấy thì cuộc tuyển-cử này là cả quốc-dân đàn ông đàn bà đến tuổi đều được đầu phiếu. Số người đầu-phiếu cả thảy là 37.660.377, kết-quả được như sau này:

Thống-chế HINDENBURG (hiện làm Giám quốc),	18.661.736 phiếu
HITLER (lãnh-tụ đảng quốc-gia xã hội)	11.338.571 —
THAELMANN (lãnh-tụ đảng cộng-sản)	4.982.079 —
DUESTERBERG (người của đảng quốc-gia Đức)	2.557.876 —

Còn chừng 11 vạn phiếu tạp không kể.

Thế là Thống-chế HINDENBURG được nhiều phiếu hơn cả, nhưng theo lệ kỳ đầu-phiếu thứ nhất phải được quá nửa phần người bỏ phiếu thì mới trúng-cử, nay thống-chế chỉ mới được có 49,6%, vậy phải đầu phiếu một lần thứ nhì nữa, định vào ngày mồng 10 tháng 4. Kỳ đầu-phiếu thứ nhì này thì cứ ai được nhiều phiếu là trúng-cử, không có hạn-lệ gì. Vậy chắc thế nào thống-chế cũng được tái cử. Nhưng HITLER là lãnh-tụ đảng quốc-gia xã-hội vẫn tuyên-bố rằng sẽ ra ứng-cử lần nữa.

Ngày 14. — Thủ-tướng Pháp TARDIEU đi *Genève* để dự Hội Vạn-quốc, định đến 17 lại trở về *Paris*.

— Ở Hội Vạn-quốc, hội-nghị tài-binh vẫn chia ban để làm việc. Hôm nay thảo-luận về hải-quân, có một điều dự bàn rằng phàm nước nào giao-chiến với nước khác, thì những chiến-hạm của mình nhận chế cho một nước ngoài, dù đã làm xong hay dù chưa làm xong, cũng không được đem ra dùng về việc binh của mình, điều đó đại-biểu nước Anh phản-đối, nhưng hội-đồng duyệt-y.

Ngày 15. — Ở hội-nghị tài-binh, tình-trạng vẫn phân-vân lắm, thảo-luận nhiều mà không quyết-nghị được điều gì quan-trọng. Thủ-tướng Pháp đến nơi thương-thuyết riêng với nhiều các chánh đại-biểu của các nước, để định một cái phương-pháp làm việc thế nào cho có hiệu-quả.

— Ban điều-tra của Hội Vạn-quốc về việc Mãn-châu tới Thượng-hải. Quân Nhật ở Thượng-hải đã lục-tục rút về nước.

Ngày 16. — Thượng Hạ Nghị-viện Pháp vẫn xét về vấn-đề sửa đổi luật bầu-cử. Phái thì bàn nên đặt lệ cưỡng-bách đầu-phiếu; phái thì chủ-trương nên cho đàn bà được đầu-phiếu tự năm 1933 trở đi; lại phái thì muốn

tăng kỳ-hạn nghị-viên từ 4 năm lên 6 năm. Ý-kiến còn phân-vân lắm. Hai viện xem ra khó lòng đồng-ý nhau được.

— Hội-nghị tài-binh, theo lời bàn của thủ-tướng Pháp TARDIEU định hoãn đến ngày 11 tháng 4, từ trước đến giờ là mới trình bày các thuyết mà thôi, phải cho rộng thì-giờ suy-nghĩ mới có thể quyết-nghị cho đích-đáng được.

— Đoàn thám-hiểm của công-ti ô-tô *Citroën*, đi thám các miền Trung-bộ Âu-châu đã mấy tháng nay, vừa tới Hương-cảng thì viên đoàn-trưởng là HAARDT mắc bệnh sưng phổi truyền-nhiễm, chết ở đấy. Các đoàn-viên định sang Đông-dương rồi xuống tầu về Pháp.

Ngày 17. — Nghị-viện Pháp họp cả ngày cả đêm để thảo-luận về việc cải-cách luật bầu-cử, luật này trước Hạ-nghị-viện đã quyết-nghị mà Thượng-nghị-viện không đồng ý, nay lại xét lại một lần nữa rồi kết-quả hai viện châm-chước nhau và bị hoãn điều luật cho đàn bà được quyền bầu-cử.

— Chính-phủ Đức khám-phá được một việc âm-mưu của đảng HITLER định hôm bầu-cử tổng-thống vừa rồi, nếu đảng ấy mà thắng số thì gây nên một cuộc chính-biến (*putsch*) trong nước.

— Đại-hội-đồng Hội Vạn-quốc họp một buổi công-khai, có cả đại-biểu Tàu và Nhật. Chủ-tịch là ông PAUL BONCOUR trình bày đầu đuôi việc Trung Nhật và báo tin rằng hiện nay hai nước đương điều-đình với nhau ở Thượng-hải, có cơ giải-quyết xong việc xung-đột.

Ngày 18.— Hạ-nghị-viện Pháp đầu-phiếu duyệt-y bản luật cải-cách việc bầu-cử, do Thượng-nghị-viện đã quyết-nghị rồi. Số phiếu ưng-thuận là 152, số phiếu phản-đối 111, còn phần nhiều không bỏ phiếu..

— Bộ học nước Tây-ban-nha hạ lệnh bỏ khoa dạy tôn-giáo ở các trường Nhà-nước.

Ngày 19. — Ở *Paris* khánh-thành tượng kỷ-niệm của tướng MANGIN, là một vị thượng-tướng có công to trong hồi Âu-chiến vừa rồi.

— Chính-phủ mới của ông VALERA ở *Irlande* bãi đạo luật cấm những đoàn-thể phản-đối Chính-phủ của thủ-tướng trước là ông COSGRAVE. Lại tuyên-bố bãi cái lệ nghị-viên tuyên-thệ trung-thành với vua Anh.

Ngày 20.— Ở Nghị-viện Đức, làm lễ kỷ-niệm bách-chu-niên ngày tạ-thế của đại-văn-hào nước Đức GŒTHE.

— Chính-phủ Nga trước mộ những nhà chuyên-môn Đức để chấn-chỉnh công-nghệ trong nước, nay vì kinh-tế quẫn-bách, phải thủ-tiêu tờ hợp-đồng và bãi cho các nhà ấy về nước.

— Chúng-nghị-viện nước Nhật khai khóa hội-đồng thường-niên.

Ngày 21 — Thị-tỉnh hội-nghị thành *Paris* quyết-nghị các kế-hoạch để giúp cho những người thất-nghiệp và định trích ra một khoản 40 triệu để giúp đỡ cho các nghề mĩ-thuật.

— Nhân thuế đánh các rạp hát nặng quá, các chủ rạp diễn-kịch và chớp bóng ở *Paris* định bắt đầu từ ngày 29 tháng 3 nhất-luật đóng cửa cả cho đến bao giờ được giảm thuế mới thôi.

— Hội-nghị các dân Hồi-giáo ở Ấn-độ họp để định thái-độ của đại-biểu Hồi-dân tại hội-nghị Bàn-tròn.

— Ngoại-tướng Nhật YOSHIZAWA diễn-thuyết ở Nghị-viện, nói rõ về cái chính-sách của Chính-phủ Nhật đối với việc Trung-Nhật xung-đột.

Ngày 22. — Thượng-nghị-viện Pháp xét về việc gia kỳ-hạn cho các nghị-viên, quyết-nghị hoãn cuộc thảo-luận về sau.

— Ông ALAPETITE nguyên là chánh công-sứ Pháp ở *Tunisie* và tổng-ủy-viên ở hai châu *Alsace-Lorraine*, tạ-thế.

— Hội-nghị dân Hồi-giáo họp ở *Lahore* tuyên-bố rằng nếu từ nay đến tháng 7 mà những điều yêu-cầu không được thì sẽ dùng những phương-pháp trực-tiếp hành-động.

— Nước Tàu xin với Hội Vạn-quốc truyền cho ban điều-tra nên tra xét mau về việc Mãn-châu.

Ngày 23. — Ban ngoại-vụ ở Nghị-viện Pháp quyết-nghị yêu-cầu Chính-phủ từ nay mở công-thải cho các nước ngoài phải nên hiệp-tác với các cơ-quan của Nghị-viện.

—Ngoại-tướng của hai nước *Yougoslavie* và *Hongrie*, diễn-thuyết ở Nghị-viện hai nước ấy biểu-đồng-tình về cái thuyết liên-hiệp kinh-tế các nước Trung-Âu của Thủ-tướng Pháp khởi-xướng.

— Nước Ý kỷ-niệm ngày sáng-lập các đoàn chiến-đấu của đảng Pha-xi (*faisceaux de combat*), năm nay là năm thứ 13.

Ngày 24.— Thượng-nghị-viện Pháp thảo-luận về sổ dự-toán năm nay.

— Đại-biểu Tàu và Nhật lại họp ở Thượng-hải để thương-thuyết.

Ngày 25. — Thủ-tướng Pháp định đến đầu tháng 4 thì sang *Londres* để hội-thương với thủ-tướng Anh.

— Nghị-viện Pháp quyết-nghị một đạo luật khoan các thể-lệ hành-chính đối với những người dân nấu rượu riêng; lại quyết-nghị trích một khoản 280 triệu để cứu giúp những người bị tai-nạn chung.

— Chính phủ Nhật tuyên-bố cái dự-án điều-đình của Nhật về việc Thượng-hải.

Ngày 26. — Bộ tổng-thư-ký của Hội Vạn-quốc thông-cáo cho đại-biểu Nhật biết rằng Hội Vạn-quốc định thi-hành điều thứ 15 trong hiệp-ước Hội đối với việc Mãn-châu.

Ngày 27. — Nước Đức và nước Ba-lan ký hiệp-ước thương-mại định năm 1932 vẫn giữ thể-lệ thương-chánh như năm ngoái.

— Có tin Chính-phủ Nhật không ưng cho Hội Vạn-quốc thực-lực can-thiệp vào việc Mãn-châu, nếu không được như ý thì sẽ xin ra Hội chứ không chịu.

— Ban điều-tra của Hội Vạn-quốc đã đến Nam-kinh.

Ngày 28. — Thủ-tướng Pháp nhất-định đến thứ sáu mồng 1 tháng 4 thì sang *Londres* để hội-thương với Thủ-tướng Anh. Còn cuộc hội-nghị bốn nước Pháp, Anh, Ý, Đức để xét về việc liên-hiệp kinh-tế về miền Trung-Âu, thì định vào mấy hôm sau cũng họp ở *Londres*.

— Quan Toàn-quyền Ấn-độ là LORD WELLINGDON khai hội-nghị các quốc-vương Ấn-độ ở *Delhi*.

Ngày 29.— Thượng-Nghị-viện Pháp quyết-nghị sổ dự-toán năm nay, bên thu dôi hơn bên chi được 3.886.794 quan.

— Bộ Tổng-thư-ký của Hội Vạn-quốc tiếp được tờ báo-cáo của ban điều-tra ở bên Tàu. Ban điều-tra ước đến ngày 17 tháng 4 thì tới Mãn-châu. Còn việc điều-đình ở Thượng-hải thì đến ngày mai lại tiếp-tục.

— Ở trường Đại-học đảo *Malte* có xẩy ra việc náo-động, học-sinh biểu-tình phản-kháng lệnh của Chính-phủ Anh bắt các trường tiểu-học phải học tiếng *maltais* và tiếng Anh, không được học tiếng Ý nữa.

Ngày 30.— Nghị-viện Pháp duyệt-y cái chương-trình sửa-sang miền phụ-cận thành *Paris*.

— Thủ-tướng Pháp TARDIEU cùng với tổng-trưởng bộ Tài-chính FLANDIN

nhất-định đến mồng 3 tháng 4 thì đi *Londres* để thương-thuyết về cái dự-án liên-hiệp kinh-tế mấy nước Trung-Âu.

Ngày 31.—Cuộc tổng-tuyển-cử Nghị-viện Pháp định vào ngày mồng 1 (lần đầu-phiếu thứ nhất) và mồng 8 tháng 5 (lần đầu-phiếu thứ nhì).— Hạ-nghị-viện đầu-phiếu 446 phiếu đối với 60 phiếu yêu-cầu với Chính-phủ giục Thượng-nghị-viện duyệt-y bản luật cho đàn bà từ năm 1933 được quyền bàu-cử và ứng-cử.

— Nước *Autriche*, nước *Tchécoslovaquie* đều biểu-đồng-tình về cái dự-án liên-hiệp kinh-tế Trung-Âu của thủ-tướng Pháp Tardieu và ước-ao sẽ mau được thực-hành.

. • .

Cuộc liên-hiệp các nước Trung-Âu.— Việc quan-trọng nhất về ngoại-giao ở Âu-châu trong khoảng tháng ba tháng tư, là cái dự-án liên-hiệp kinh-tế trong năm nước về trung-bộ Âu-châu, thuộc lưu-vực sông *Danube* : *Autriche, Hongrie, Roumanie, Tchécoslovaquie, Yougoslavie.*

Nguyên nước *Autriche* phải chịu khủng-hoảng về kinh-tế hơn cả các nước khác, mới đây có cầu-cứu với Hội Vạn-quốc. Nhân thủ-tướng Pháp Tardieu đến dự Hội Vạn-quốc, có thương-thuyết về việc đó với các yếu-nhân của các nước, bèn khởi-thảo một cái dự-án liên-hiệp cả mấy nước Trung-Âu về đường kinh-tế, dự-án này là nước Pháp nước Anh và nước Ý đứng chủ-trương. Đại-khái cái chủ-ý như sau này : Nước *Autriche* là một nước chuyên về công-nghệ, phải cần đến lúa của các nước mới đủ ăn ; còn nước *Hongrie, Roumanie, Yougoslavie* thì chỉ chuyên về nghề nông, các đồ sắt và đồ dệt phải mua của *Autriche.* Hiện nay thì nước nào có quan-thuế của nước ấy, việc giao-dịch rất không tiện. Nay đặt ra dự-án này là cốt cho mấy nước ấy thương-lượng với nhau, giảm thuế thương-chính đi, lập thành một cái đoàn-thể kinh-tế có liên-lạc với nhau, có thể ích-lợi cả mọi bề. Nguyên cái chí nước Đức vẫn là muốn sáp-nhập nước *Autriche* vào với mình, trước về đường kinh-tế, sau về đường chính-trị : tức lâu nay vẫn gọi là cái thuyết *Anschluss*, nghĩa là hiệp *Autriche* với Đức tức là có cái dã-tâm kiêm-tính, Pháp trước sau vẫn hết sức ngăn-trở. Cho nên nay đề-khởi ra cái dự-án liên-hiệp này là chỉ chủ kết-liên mấy nước nhỏ ở Trung-Âu mà thôi, không để cho một cường-quốc nào có bá-quyền vào đấy. Vậy thì cái thuyết liên-hiệp mới này không giống với cái thuyết *Anschluss* trước. Thuyết *Anschluss* là có tính-cách chính-trị, chứ về đường kinh-tế thì không có cần-yếu gì, vì Đức với *Autriche* đều là nước công-nghệ cả, không thể giúp đỡ được nhau, chỉ có thể cạnh-tranh nhau mà thôi. Đến như cái thuyết liên-hiệp Trung-Âu thì thuần là tính-cách kinh-tế, và chỉ quan-hệ đến mấy nước nhỏ mà thôi, không lợi riêng cho một cường-quốc nào. Cho nên cái dự-án đó tuyên-bố ra thì được các nước quan-hệ hoan-nghênh lắm. Duy có nước Đức không bằng lòng, vì sợ *Autriche* sau này lọt hẳn ra ngoài cái vòng khuôn thế-lực của mình và cái mộng làm bá cõi Trung-Âu sẽ không có ngày nào thành được. Vậy thừa luôn cái dịp này, Chính-phủ Đức liền khởi lên một cái phản-dự-án gửi sang cho thủ-tướng Buresch nước *Autriche*, hứa với nước này rằng nếu thuận kết-liên với Đức thì Đức sẽ sẵn mở cửa quan cho các hàng-hóa của *Autriche* đem vào không phải nộp thuế thương-chánh. Cái phản-dự-án đó xem ra cũng không đắc-sách, nên các Chính-phủ quan-hệ có bàn rằng nên họp hội-nghị để thảo-luận về cái dự-án liên-hiệp của thủ-tướng Pháp khởi-xướng ra, trước hãy họp hội-nghị bốn

cường-quốc đỡ đầu cho việc này, là Pháp, Anh, Ý và Đức, rồi sẽ hội-nghị năm nước có trực-tiếp quan-hệ vào đó. Tròng việc này thì thâm-ý của nước Pháp chỉ là ngăn cho Đức không thi-hành cái mưu kiêm-tính nước *Autriche* mà thôi, cho nên trừ nước Đức ra, đối với Anh với Ý cũng dễ thỏa-hợp được.

Việc xung-đột nước Irlande với Anh. — Xứ *Irlande* (Ái-nhĩ-lan) trước là một bộ-phận trong nước Anh, mấy năm nay mới được biệt-lập làm một nước tự-do. Nghị-viện trước thuộc phái ôn-hòa, nên tuy phân-lìa với Anh mà việc giao-thiệp trong hai nước vẫn được bình-thường. Mới đây Nghị-viện trước hết hạn, bầu Nghị-viện mới. Kỳ bầu-cử ngày 16 tháng 2, phái phản-đối trước là phái dân-quốc được thắng-số. Ngày mồng 9 tháng 3 Nghị-viện mới bắt đầu họp, bầu ông VALERA là lãnh-tụ đảng dân-quốc làm chủ-tịch ban hành chính, tức là chức thủ-tướng. Ông này lên cầm quyền, liền thi-hành hai điều cốt-yếu trong chương-trình của đảng ông; là tuyên-bố từ nay không nộp cho Chính-phủ Anh số tiền 3 triệu *livres* là tiền thục-điền cứ năm năm phải nộp từ trước đến giờ: hai là tuyên-bố từ nay nghị-viên *Irlande* không phải tuyên-thệ trung-thành với quốc-vương Anh nữa. Nhân đó gây ra cuộc thảo-luận hai Chính-phủ. Nguyên cái số tuế-nạp đó là để trả lại tiền của Chính-phủ Anh cho vay các dân quê xứ *Irlande* từ năm 1870 đến năm 1909 để chuộc lại ruộng đất ở tay các đại-điền-chủ, trả trong một kỳ-hạn dài, cứ mỗi năm là 3 triệu. Từ trước đến nay, khoản tuế-nạp đó vẫn coi là một khoản tư-thải và Chính-phủ Anh vẫn chủ-trương như vậy. Nay ông VALERA xướng lên rằng khoản đó là công-thải chứ không phải tư-thải, và khi ký ước với nước Anh công-nhận cho *Irlande* độc-lập thì nước Anh đã hứa rằng nếu *Irlande* chịu bỏ mấy hạt thuộc về các quận phía bắc, Chính-phủ Anh sẽ sẵn lòng bãi-bỏ cả các khoản công-thải trong hai nước; vậy từ nay *Irlande* không phải trả nước Anh đồng nào nữa. Còn về việc tuyên-thệ trung-thành thì trong khoản thứ 4 điều-ước của hai nước ký ngày mồng 6 tháng 12 năm 1921 có đăng câu lề-lối phải đọc lúc tuyên-thệ, nhưng không nói rõ rằng việc tuyên-thệ đó là cưỡng bách, chỉ nói rằng: « Các nghị-viên tuyên-thệ thì dùng câu như sau này... », chứ không nói là phải tuyên-thệ. Ấy cái thuyết của ông VALERA chủ-trương như vậy, thiên-hạ cho là thuyết này cũng như cái thuyết về khoản tuế-nạp trên kia, là cố ý biện-nạn để kiếm cớ đoạn-tuyệt với nước Anh. Chính-phủ Anh cố-nhiên là phản-đối không chịu. Tổng-trưởng bộ thuộc-địa tự-trị (*Dominions*) là ông THOMAS trả lời lại cương-quyết lắm. Nhưng ông VALERA cũng không chịu nhượng-bộ một chút nào. Hai bên còn găng nhau cũng kịch-liệt. Trong khi ấy thì cả trong xứ *Irlande* làm hội to để kỷ-niệm cuộc cách-mệnh về hồi lễ *Pâques* năm 1916 và nhân thể tỏ ra cho thiên-hạ biết là dân *Irlande* vẫn khao-khát cho được hoàn-toàn độc-lập.

Thời-cục nước Tàu.— Việc Trung Nhật xung-đột ở Thượng-hải, hai đàng vẫn chống giữ nhau. Từ khi quân Tàu lui xuống trận-tuyến thứ hai rồi, thì đường trận quân Tàu lấy Thái-xương, Côn-sơn làm trung-tâm. Mà trận-tuyến quân Nhật thì tả-dực ở ga Nam-tường (đường xe hỏa Kinh Hỗ), trung-quân ở Gia-định, hữu-dực ở Lựu-hà. Ga Hoàng-độ (đường Kinh Hỗ) là chỗ bắt đầu trận-tuyến quân Tàu quân Nhật tiếp-giáp nhau, quân Nhật vẫn muốn đem tả-dực đánh phá hữu-dực quân Tàu ở đó.

Tại Gia-định, Thái-xương, tức là mặt chính thì quân Nhật chia hai lối : một lối do quân mới đến từ Lựu-hà đổ bộ rồi do lối Nhạc-vương-thị chực đánh mặt sau Thái-xương ; một lối từ Gia-định chực đánh thẳng lên Thái-xương.

Tuy rằng trong tháng này vẫn có cuộc nghị-hòa, nhưng đôi bên vẫn găng nhau, không thấy được có kết-quả tốt, về bên quân Nhật thì lo đào hào đắp lũy, chứa đạn đồn binh, vẫn đem nhiều viện-binh sang, từ Thượng-hải cho đến Hán - khẩu, chiến-hạm Nhật giăng như mắc cửi, lại vâng mệnh-lệnh Phương Trạch ghé vào 3 nơi : Sa-thị, Vu-hồ và Trường-sa để đem quân-đội lên bờ.

Theo điện-tín Nam-kinh, quân Nhật ở Thượng-hải đã dự định kế-hoạch chiến-đấu thứ hai, hiện thời chia quân làm 3 đạo, đạo thứ nhất từ Ngô-tùng, Miếu-hàng đến Hạp-bắc,đạo thứ hai từ Sư-tử, Đại-trường đến Chân-như, đạo thứ ba từ cầu Dương-lâm đến An-đình, chỉ chờ có quân lệnh ra là công-kích. Còn về bên quân Tàu thì hội quân-sự ủy-viên ở Lạc-dương đã cắt định như sau này :

Đạo quân thứ 19 thì giữ Côn-sơn ; đạo quân thứ 47 của Thượng-quan Vân-tướng thì giữ Thái-thương ; đạo quân thứ tư của Trương Phát-Khuê thì giữ miền hạ-lưu sông Dương-tử.

Ban ủy-viên ấy lại ra lệnh họp cả máy bay ở các tỉnh về Tô-châu để phòng-bị không-quân của Nhật.

Còn ở tây-bắc có một vạn quân đại-đao, hợp với 4000 quân cầm trường-mâu của Phạm Thạch-Sanh mà tổ-chức thành một đội binh rất lớn để phòng-bị lúc giao-phong.

Song ròng-rã trong hơn tháng nay khi nghị-hòa, khi khai-chiến, vẫn có những trận xung - đột thường, chứ không có trận nào kịch-liệt. Duy từ bữa mồng bốn đầu tháng này quân Nhật ở Nam-thị, Phố-đông lại sinh sự khiêu-chiến, đồng-thời các nơi đều có tiếp-xúc nhau, hai bên đánh nhau một hồi lâu, rất là kịch-liệt.

Bữa 17, quân Nhật bắt đầu tới đánh các đồn Tàu ở phía tây Thượng-hải và các trận-địa ở phía nam Tô-châu, quân Tàu cũng đã sắp đặt sẵn-sàng, chia đường đón đánh, hai bên đánh nhau dữ lắm, quân Nhật chống lại không nổi phải chạy lui.

Đêm 20 tháng 4, hơn trăm quân Nhật chực lấn vào phòng-tuyến quân Tàu ở phía đông-nam Thái-thương. Sớm ngày 21, hai tiểu-đội Nhật lại dùng uy-lực tràn vào quá đường cảnh-giới của Tàu ở Dương-gia-kiều. Quân Tàu bắn ra, quân Nhật bị thương phải lui.

Một giải Ngọ-kiều, Kim-mộc-kiều cách phía đông-nam Thái-thương hơn 10 dặm, quân Nhật thừa lúc có sấm mưa lại đánh úp. Quân Tàu chống đánh, quân Nhật thiệt-hại rất nhiều.

Tưởng Giới-Thạch thấy quân Nhật kéo đến đánh ở Gia-định và Cát-long-trấn có đến bốn muôn người ; quân Nhật đương hết sức xây hào đắp lũy ở đó, xem hình muốn lại tiến đánh quân Tàu.

Tưởng Giới-Thạch thấy cách cử-động thị-oai của Nhật như vậy, bèn triệu-tập hết các tướng-sĩ là bọn Sái Đình-Khải, Trần Thành, Tưởng Đỉnh-Văn, v.v... đến hội quân-ủy bàn bạc và hỏi-han tình-hình các quân - đội của Tàu đóng ở Nam-kinh, Thượng-hải và Hàng-châu để lo phương-châm đối-phó.

Sái Đình-Khải thấy quân Nhật không trọng đến điều-ước Hội Vạn-quốc, một mặt cứ lấn-hiếp Tàu, đã vậy mà trong nước các lãnh-tụ đảng quốc-dân vẫn tranh-dành thế lợi với nhau hoài, nên Sái lấy làm tức giận lắm. Vừa rồi Sái có điện-văn cho bọn Trần Tế-Đường ở Quảng-đông đại-lược rằng :

« Quân Nhật rút binh đình-chiến chẳng chút nào là thành-thật cả, bên ta cũng phải lo chuẩn-bị làm sao mới được.

« Lần này Nhật có ý muốn diệt ta, nó muốn chiếm-cứ luôn đến Trường-giang, Võ-Hán mới thôi, nghĩ đến cuộc còn mất của chúng ta thật đáng lo sợ lắm, nếu bọn lãnh-tụ nước ta mà còn không biết đoàn-kết với nhau để đối-phó lại chúng, thì thật chẳng biết họ ăn ở bụng dạ thế nào. Đạo quân thứ 19 này dầu chết đi nữa cũng không lấy gì làm tiếc, chỉ có một điều rất trọng-đại là tội làm mất nước sau này đổ vào mình ai, có phải ở trên các ngài không?

« Đình-Khải tự nhận rằng người thù của chúng ta ngày nay là quân Nhật, thì trong nước ta các ngài dầu ai có cái thù giết cha với nhau nữa cũng nên bỏ đi hết, chẳng biết các ngài nghĩ cho thế nào? »

Cứ theo tin-tức báo Tàu đăng thì đạo quân 19 sở-dĩ đánh được quân Nhật là vì tướng-sĩ ai nấy đều sẵn lòng liều chết. Trong các trận người Tàu được đó phần nhiều đều do người Tàu dùng cách « giáp lá cà » mà đánh với người Nhật. Vì vậy mà tuy có trận thắng mặc lòng, người Tàu cũng bị thiệt-hại nhiều lắm.

Theo lời Châu Tử-Triệu là tham-mưu của đạo quân 19 nói thì các đạo quân Tàu bị tổn-hại hơn hết trong các trận đánh đó là đạo quân thứ 61 của Trương Viêm.

Vì đạo quân này là đạo quân du-kích, bất-kỳ là thấy giặc đến đánh ở đâu, đạo quân này cũng phải kéo qua đó mà cản trở.

Còn quân Nhật bị tổn-hại bao nhiêu thì không ai được biết, nhưng bảo rằng quân Nhật ít tổn-thương hơn cũng là sự không tin được. Cả một đạo quân thứ 11 mà Chính-phủ Nhật đã gọi về đó, không còn kể là một đạo quân được nữa, vì binh-lính bị tổn-thương gần hết.

Hội nghị Quốc-nạn đã bắt đầu khai-mạc.—Hôm 10 tháng 4, hội-nghị Quốc-nạn đã mở phiên hội-nghị chính-thức lần thứ ba. Trong phiên nhóm hôm ấy hội-nghị đã bỏ thăm quyết-định về hai việc:

1º/ — Việc cả nước đều đồng lòng chống cự với Nhật-bản. Đại-ý thì bây giờ nước Tàu cần phải dùng cả vừa võ-lực vừa ngoại-giao trong một lúc, và nhất-định không bao giờ chịu ký những khoản điều-ước gì mà có thiệt hại đến quyền-lợi của nước. Các đảng-phái trong nước sẽ chung lưng đấu cật lại với nhau để cùng giúp cho Chính-phủ Quốc-dân ở giữa buổi quốc-gia hữu-sự này.

2º/— Về cái phương - châm ngoại-giao. Đại-ý trong việc này là bây giờ Tàu cần phải sớm lo liên-lạc với các nước đã có dự vào cuộc Hội-nghị *Washington* với các nước hội-viên của Hội Vạn-quốc, cùng các nước đã có ký tên trong hiệp-ước phi-chiến (tức là hiệp-ước *Briand-Kellog*) để chung lo về việc ngăn cản cái họa Nhật-bản, bảo-trì lấy sự tôn-nghiêm cho những điều-ước quốc-tế và ủng-hộ lấy cái uy-tín cho Hội Vạn-quốc.

Đối với hai việc vừa nói trên đó hội-nghị Quốc-nạn đã giải-quyết một cách rất dễ-dàng hăng-hái. Từ đầu chí cuối, cái không-khí ở trong nghị-trường vẫn được có vẻ nghiêm-túc lắm.

Ngày 11 hội Quốc-nạn thông-quá một cái nghị-án yêu-cầu Chính-phủ Trung-ương từ nay về sau gặp lúc nước nào muốn xâm hại chính-trị và thổ-địa của Trung-quốc thì nên dùng võ-lực hay ngoại-giao để kháng đến cùng. Nếu có bản hiệp-định nào trái với nguyên-tắc ấy, chính-phủ quyết không được ký. Đại-hội mong

mọi nhân-dân cả nước không kể đảng-phái nào đều một lòng ủng-hộ Chính-phủ, cùng chống kẻ ngoài chực xâm-phạm.

Hội-nghị Quốc-nạn đã gửi một bức thông-điện để yên-ủi những tướng-sĩ ở mặt trận-tiền phía tây Thượng-hải, với lại các đội quân nghĩa-dũng và quân tự-vệ ở các tỉnh đông-bắc.

Bom nổ ở Thượng-hải, các quan Nhật bị thương. — Về cuối tháng này, Nhật-bản lại bị một việc mưu hại các quan-chức ở Thượng-hải, đến năm sáu ông quan to bị thương, ông hội-trưởng hội Nhật-kiều ở Thượng-hải bị thiệt mạng. Nguyên ngày 29 là ngày sinh-nhật vua Chiêu-hòa, người Nhật gọi là tết Thiên-trường. Nhà binh Nhật họp quân lính làm lễ chúc mừng ở công-viên Hồng-khẩu. Kiều-dân Nhật đều hoan-hô nhảy nhót kéo nhau đi chúc-mừng tất cả đến hơn vạn người. Tại nhà « lô-cốt » trong bộ tư-lệnh quân Nhật kéo một lá cờ Nhật rất to dài hơn trượng, giữa công-viên Hồng-khẩu dựng một cái đài điểm-binh, các quan to Nhật đến ở trên đài. Bắt đầu từ 9 giờ làm lễ lên cờ rồi điểm binh, rồi các quan to diễn-thuyết. Định diễn-thuyết xong thì bắn 101 phát trái phá mừng. Từ quan lính cho đến nhân-dân Nhật ai nấy đều vui mừng hết sức. Trong trường điểm-binh khí-tượng rất là hùng-vĩ trang-nghiêm.

Ngay từ sáng sớm đội Lục-chiến đóng đủ binh-phục kéo đi tuần-phòng, xe điện và xe hơi đều cấm-chỉ. Người Tàu bị cấm không được đến gần. Tuần-phòng khắp trong ngoài rất là nghiêm-cẩn. Lúc các quan Nhật ra đi, có xe cảnh-vụ dẫn đường, bốn xung-quanh đều có lính bồng súng canh gác.

Hồi 11 giờ rưỡi, điểm binh xong. Đến lượt lĩnh-sự Thôn-Tỉnh đang diễn-thuyết, trời bỗng rắc mưa, đại-tướng Bạch-Xuyên ngoảnh mặt trông trời, thì bỗng đâu về góc tây-bắc đài điểm-binh, một gã thiếu-niên vận quần áo tây từ trong đám đông người bổ ra, chạy đến bên đài, cách chừng bảy thước, móc túi lấy ra quả « bom » ném ngay giữa đài, tiếng nổ long trời, các quan binh đều ngã lăn ra, trật-tự rối loạn cả. Khi gã này chạy đến, lính tuần trông thấy định đến ngăn-trở, nhưng đã muộn rồi.

Những người Nhật ở xung-quanh bị thương không kể, có 7 viên quan to bị thương là :

1.) Lĩnh-sự Nhật ở Thượng-hải là Thôn-Tỉnh (MURAI)

2.) Công-sứ Nhật ở Tàu là Trùng-Quang-Quỳ (SHIGEMITSU)

3) Nhật-quân tổng tư-lệnh, Lục-quân đại-tướng Bạch-Xuyên (SHIRAGAWA).

4) Nhật-quân Phó-tư-lệnh Thực-Điền (UYEDA)

5) Hải-quân tư-lệnh Dã-Thôn (NOMURA)

6) Dân-đoàn ủy-viên-trưởng Hà-Đoan (KAWABATA)

7) Bí-thư-trưởng Hữu-Dã (ZOMONO).

Trong 7 người này, bị thương nặng nhất là Hà-Đoan, Dã-Thôn và Trùng-Quang-Quỳ. Hà-Đoan vỡ bụng lòi ruột, có tin đã chết rồi. Trùng-Quang-Quỳ bị thương ở chân và lưng, lấy ra được 64 mảnh bom, đếm được 163 chỗ sây-sát. Dã-Thôn bị thương lòi mắt. Thương nặng thứ nhì là Bạch-Xuyên và Thôn-Tỉnh. Bạch-Xuyên bị thương ở cổ và ở chân. Thôn-Tỉnh bị thương ở chân và ở bụng; Hữu-Dã cũng nặng lắm, chỉ có Thực-Điền là nhẹ thôi.

Sau tiếng nổ đó, quân Nhật liền đổ lại vây chặt công-viên, khám xét hết mọi người, người ném « bom » bị bắt ngay. Người này tên là Doãn Phụng-Thiên, hay Doãn Phụng-Cát, hay Ẩn Bang-Cát, 25 tuổi, người Triều-tiên. Khi trước ở Mãn-châu, trước đây 8 tháng mới đến Thượng-hải, làm công

giữ việc văn-thư trong hàng thợ giặt của người Tàu ở Thượng-hải. Sau khi bị bắt, Doãn nhận ráo cả, chẳng chối-cãi gì. Cùng lúc ấy lại có nhiều người Triều-tiên bị bắt.

Trùng-Quang-Quỳ điện về Đông-kinh xin phái đại-biểu khác sang ký hiệp-ước đình-chiến thay mình. Tướng Bạch-Xuyên cũng vậy.

Các quan tổng-trưởng bộ Tài-chính, bộ lục-quân và bộ hải-quân đã hội họp nhau và bá cáo rằng Nhật-hoàng quyết định không kể việc nghị-hòa có dính-dáng gì với việc mưu hại. Các quan-chức Nhật muốn mau xong việc nghị-hòa. Tuy việc ký bản hiệp-ước phải chậm lại, nhưng các quan-chức Nhật mong rằng cái thời-gian ấy sẽ rất ngắn.

Các quan tổng-trưởng bộ Ngoại-giao, bộ thủy-quân và bộ lục-quân tuyên-cáo rằng sẽ không vì việc mưu hại ở Hồng-khẩu mà thay đổi các điều-khoản trong hòa-ước.

Tòa tổng-lãnh-sự Nhật đã nhận được lệnh của Đông-kinh cho công-sứ-đoàn Nhật được toàn-quyền lại điều-đình việc nghị-hòa, không kể tới việc mưu hại vừa rồi.

Hiệp-ước đình-chiến. — Hiện bây giờ những quân lính của Nhật tuy là nghỉ-ngơi không đánh, vậy mà mỗi ngày cũng phải chi-phí đến những hai mươi lăm vạn đồng. Bởi vậy đối với cuộc xung-đột với Tàu, hình như Nhật-bản cũng chẳng muốn kéo dài ra làm gì.

Kỳ đại-hội-đồng giải-quyết việc đình-chiến sẽ lại họp. Đại-sứ liệt-cường sẽ cố gắng sức một lần sau cùng để điều-đình cho đôi bên ký bản hiệp-ước, nói rõ thời-hạn để quân Nhật rút vào tô-giới công-cộng và các đường ngoài tô-giới. Vỡ tiểu-ban của Hội-nghị đã họp, rồi tiểu-ban sẽ thân-hành đi thăm miền mà quân Nhật phải đến đóng trước khi rút hẳn về.

Cuộc hội-nghị của đôi bên trước mặt các đại-biểu Pháp, Anh, Mĩ và Ý, xét ra tiến-bộ lắm.

Theo các tin-tức thì Nhật sẽ rút quân ngay tuần lễ sau khi đôi bên ký hòa-ước, hạn một tháng sau phải xong trong bốn nơi sau này :

1) Từ đường *Range* đến công-viên *Rokussan* trong khu Hồng-khẩu ;

2) Bên phía đông trường đua Giang-loan ;

3) Đường từ *Chang Hwa-Pang* (?) đến Ngô-tùng, tức là ở phía đông đường xe-hỏa Thượng-hải — Ngô-tùng.

4) Miền từ *Ying-Siang* (?) và *Yang-Tse-Poo* (?) đến trường đua ngựa Tàu.

Đại-biểu Tàu và Nhật đều đồng-ý rằng nơi quân Nhật rút khỏi sẽ do cảnh-sát Tàu lấy ở Bắc-bình về coi giữ.

Sẽ đặt ủy-ban giám-thị cho quân Tàu phải đóng ở chỗ cũ và coi cho quân Nhật rút. Nhật, Tàu, Pháp, Anh, Mĩ và Ý mỗi chỗ có một văn-quan và một võ-quan làm đại-biểu.

Hiệp-ước đình-chiến nay mai sẽ ký, Trùng Quang-Quỳ và tướng Thực-Điền sẽ nằm trên giường bệnh trong nhà thương mà ký hiệp-ước.

Ủy-ban điều-tra. — Ủy-ban điều-tra của Hội Vạn-quốc phái sang Tàu có những viên sau này :

Trưởng-ban : LORD ROBERT LYTTON.

Ủy-viên : Nguyên-soái ROSS MC COY, nguyên-soái HENRI CLAUDEL, Bác-sĩ SCHNÉE, bá-tước MARESCOTTI.

Tổng thư-ký : Bác-sĩ HAAS.

Thư-ký : Bác-sĩ PELL, nam-tước VON KOLZE và M. WALDORF ASTOR.

Cố-vấn : Bác-sĩ WALTER YOUNG.

Trung-úy S. BIDDLE tỳ-tướng của nguyên-soái MC COY, Bác-sĩ JOUVELET giúp việc Nguyên-soái CLAUDEL, M. M. DAVIL, ROBERT và ERNEST LIERGOIS.

Trung-quốc cử một công-sứ đoàn đi giúp việc điều-tra của ủy-ban. Công-sứ-

đoàn này đứng đầu là Cố Duy-Quân (WELLINGTON Koo) ủy-viên có bốn người.

Hôm 11 *Avril*, khi phái-bộ điều-tra đã đến Bắc-bình, Trương Học-Lương cũng có bày tiệc thết-đãi và có đọc một bài chúc-từ đại-ý nói rằng :

« 1) Đông-tam-tỉnh với nước Tàu vốn là quan-hệ mật-thiết, vả lại những người Tàu lên lập-nghiệp làm ăn ở đó rất là đông-đúc, cho nên Đông-tam-tỉnh với các tỉnh khác của Trung-quốc thật chẳng khác nhau chỗ nào, thế mà bây giờ Nhật-bản lại dùng võ-lực mà chiếm-cứ Đông-tam-tỉnh, lại lợi-dụng những quân làm phản mà tổ-chức nên một cái Chính-phủ mới và rêu-rao lên rằng « nước Mãn-châu » đã thoát-li hẳn Trung-quốc ; đối với việc âm-mưu của người Nhật đó, nước Tàu quyết không thể nào nhận được ;

« 2) Nước Tàu đã là một nước mới cách-mệnh thì trong mấy năm nay thường hay xảy ra những sự biến-loạn, ấy cũng là một lẽ tất-nhiên, không có gì đáng lạ, xin các nước chớ nghe theo những lời nói của Nhật-bản mà lầm;

« 3) Nhật-bản có cái dã-tâm muốn cản-trở sự thống-nhất của nước Tàu, nên chi « hai mươi mốt điều-khoản » của Nhật trước kia tức là một cái bước đầu ở trong cuộc âm-mưu thôn-tính Đông-tam-tỉnh của người Nhật. Gần đây nhân nền chính-trị của Trung-quốc xếp-đặt đã tạm yên, nước Tàu cố-gắng làm cho Đông-tam-tỉnh ngày một trở nên thịnh-vượng, thấy vậy người Nhật lại càng ghen-ghét hơn nữa.

« Lại thêm cái người gánh vác trách-nhiệm ở Đông-tam-tỉnh là Trương Học-Lương này lại hết lòng hiệp-tác với Chính-phủ trung-ương, thì tài gì mà Nhật-bản không căm-tức, mà chẳng gây nên việc rắc-rối ở Đông-bắc lần này.

« Bây giờ các ngài phái-viên của Hội Vạn-quốc đã chẳng ngại đường xa mà đến đây để xem xét, thì dám tin rằng thế nào các ngài cũng chẳng quên công-lý và chính-nghĩa. »

Trương Học-Lương lại sai người biên chép hết thảy những việc lôi-thôi Trung Nhật đã xảy ra ở Đông-tam-tỉnh trong hai mươi năm nay, gọi là tập « Bị-vong-lục ». Đó thật là một món tài-liệu rất tốt để giúp cho sự tra xét của phái-bộ điều-tra.

Tập « Bị-vong-lục » ấy Trương Học-Lương đã giao cho bọn Thanh Nhĩ-Hòa, Vương Thọ-Hàn và Vinh Trăn khởi-thảo, đoạn đưa Cố Duy-Quân duyệt lại thật kỹ rồi sau mới trao cho LORD LYTTON là chủ-tịch của phái-bộ điều-tra.

Người Nhật vốn không muốn cho Tàu phái đại-biểu là Cố Duy-Quân theo đoàn điều-tra quốc-tế lên Mãn-châu, nhưng không được đoàn điều-tra đồng-ý. Người Nhật sợ, liền xui nước Mãn-châu bỏ cái ý cự-tuyệt Cố-Duy-Quân đi và xin do quân Nhật bảo-hộ.

Chiều ngày 19, ban điều-tra đã khởi trình do đường xe-lửa Bắc-ninh ra đi, đến đảo Tần-hoàng lại chia ra hai ngả, ba viên điều-tra Anh, Đức và Pháp thì xuống tầu thủy đi sang Đại-liên-loan rồi do đường xe-lửa Nam-Mãn đi lên ; còn hai ủy-viên Mĩ và Ý thì cứ đi xe-lửa ra Sơn-hải-quan, định đến Cẩm-châu thì trú lại, cốt để điều-tra các nơi chiến địa, hai đội sẽ gặp nhau ở thành Thẩm-dương.

Ban điều-tra ở Thẩm-dương đã tra-xét đâu vào đó rồi, sáng ngày 25, từ Thẩm-dương đi sang Trường-xuân, chính-phủ Mãn-châu tiếp rước rất long-trọng, song ban điều-tra đối với họ lạt-lẽo lắm, nhất-định cự-tuyệt không để cho chính-phủ Mãn-châu tiếp rước ; chiều ngày 25 phái-bộ điều-tra đã từ-giã Trường-xuân.

Ngày 26 đi Cát-lâm và trưa 26 thì từ-giã Cát-lâm để trở về Trường-xuân,

rồi đến tối 28 mới từ Trường-xuân đi Cáp-nhĩ-tân.

Phái-bộ định đến ngày 4 *Mai* sẽ dời Cáp-nhĩ-tân mà đi Tề-tề-cáp-nhĩ và qua ngày 6 *Mai* sẽ trở về Thẩm-dương. Ngày 7 *Mai*, phái-bộ sẽ đi Võ-thuận để xem các mỏ than đá. Ngày 13 *Mai* sẽ đi Đại-liên và nhân tiện sẽ dừng xe ở Yên-sơn để xem các mỏ sắt. Sau khi ở lại Đại-liên trong 5 hôm thì phái-bộ sẽ trở xuống Bắc-bình.

Tình-hình Mãn-châu.— Người Nhật định quyết lấy Mãn-châu làm của riêng. Xem như họ đã dự-bị lấy lục-quân chống với Nga ở Bắc-Mãn, lấy hải-quân chống với Mĩ ở Nam-Mãn.

Gần đây, lục-quân đại-thần Nhật là Trinh-mộc-hoang-phu có diễn-giảng ở hội Ái-quốc Đại-bản, đại-ý nói :

« Nếu có người chực đem bản công-ước 9 nước để giải-quyết thời-cục Mãn-châu, Nhật-bản nhất-định phải kháng-cự. Cái tình-hình nguy-ngập ở Mãn-châu ngày nay, đều do nước Nga Sô-viết điều-tập quân-đội ở biên-cảnh mà ra. Chính-phủ Nga lại thêm lực-lượng không-quân ở Viễn-đông, đó là điềm không tốt. Cái sứ-mệnh của Nhật đối với Mãn-châu là gây-dựng Mãn-châu thành một thiên-quốc ở nhân-gian, khiến cho ai ở đất ấy đều được sinh-hoạt một cách hòa-bình yên-định. Cho nên vô-luận là hội Quốc-tế liên-minh, chính-phủ Nga Sô-viết, hoặc một nước nào quyết không thể bắt Nhật-bản phải thay đổi cái chính-sách đã định. Ngày nay chính là lúc nhân-dân Nhật-bản nên cùng lòng hợp sức giúp chính-phủ mới Mãn-châu để kiến-thiết một nền văn-hóa vĩ-đại ở Á-đông này.»

Song chính-phủ mới ở Mãn-châu gần đây lại xẩy ra có sự chia rẽ. Những người trong chính-phủ mới lại chia nhau ra làm hai phái : phái Thẩm-dương và phái Trường-xuân. Phái Thẩm-dương thì chủ-trương việc khôi-phục chính-thể quân-chủ chuyên-chế ; còn phái Trường-xuân thì lại muốn giữ lấy chính-thể cộng-hòa, hai phe vẫn tranh nhau kịch-liệt, không bên nào chịu nhường bên nào và chưa biết rồi đây sẽ kết-quả ra sao.

Gia-dĩ quân nghĩa-dũng đông-bắc nổi lên như ong, chiếm-cứ các nơi hiểm - yếu, phá tan đường xe-lửa, vây đánh các thành trấn lớn, làm cho quân Nhật đối-phó không kịp.

Nhật định đem hai sư-đoàn lên đóng miền Bắc-Mãn tiêu-diệt nghĩa-quân, song nghĩa-quân khó lòng mà tiêu-diệt được. Hiện nay nghĩa-quân đã có 48 lộ, mỗi lộ đến ba vạn người, các lộ đều liên-lạc với nhau. Về đường Bắc-ninh (tức là đường Kinh-Phụng, ở mặt tây-nam Thẩm-dương) thì tiền - phong nghĩa-quân chiếm-cứ một giải Đả-hổ-sơn ; về đường Nam-Mãn (ở mặt đông-bắc Thẩm-dương) thì nghĩa-quân hoạt-động ở bốn xung quanh Trường-xuân. Tiếng súng suốt đêm không dứt.

Quân tự-vệ tỉnh Cát chiếm được huyện Tân, quân nghĩa-dũng thì chiếm được Hồ-lan, làm cho thành-phố Cáp-nhĩ-tân nôn nao.

Quân nghĩa dũng lại nổi lên khắp các nơi trong 42 huyện tỉnh Cát-lâm. Hai bộ quân Vương Đức-Lâm và Quyết-Thoái cộng có 15.000 người, thực-lực rất mạnh.

Lại như Ngô Gia-Hưng đem hơn 10 vạn quân nghĩa-dũng đến đánh Thẩm-dương ; Lý Thanh-Sơn họp đến hơn vạn nghĩa-quân chiếm ga Tam-sá-hà ; Vương Đức-Lâm và Phùng Chiếm-Hải hợp sức chia ba đạo tiến quân bao-vi Nhất-diện-pha. Quân Lý-Đỗ thì cùng lữ-đoàn Trường-Cốc quân Nhật đánh nhau dữ-dội ở gần Tân-huyện. Cùng thời quân nghĩa-dũng Cát-lâm tiến đánh quân Nhật ở Đôn-hóa, Phù-dư, Ngạch-mục, Nhất diện-pha. Đoạn đông đường sắt Trung-đông hiện đã thành cuộc đại-hỗn-chiến.

Mã Chiếm-Sơn là một tay kiện-tướng ở Hắc-long-giang trước kia ra sức kháng Nhật, sau có tin bị ám-sát, kế lại có tin hàng Nhật làm tổng-trưởng bộ Binh theo chính-phủ Mãn-châu. Nay lại mới có tin phản Nhật, có gửi điện về hội-nghị Quốc-nạn, nói rằng:

« Sơn này tuy chỉ là một đứa vũ phu, song tấm lòng yêu nước, lẽ nào lại chịu thua ai? Cho nên vừa rồi tôi đã thống-suất hết các quan văn võ tuốt đến Bắc-hà, một mặt thì đem những thủ-đoạn của người Nhật-bản mà tố-cáo với phái-bộ điều-tra của Hội Vạn-quốc, một mặt thì thề quyết chống với Nhật đến cùng. »

Mấy tay anh-hùng ở Cát-lâm và Hắc-long giang bây giờ là Lý Đỗ, Đinh Siêu, Tô Bỉnh-Văn và Mã Chiếm-Sơn vừa rồi đã hội-nghị với nhau và quyết định cùng nhau đồng lòng chung sức, chia ra làm ba đạo quân mà tấn công tảo trừ quân Nhật.

Bọn họ đã trù-hoạch chương-trình rằng trước hãy đánh lấy lại Trung-đông toàn-lộ rồi sau sẽ tiến binh đánh luôn đến Trường-xuân. Cái thanh-thế của mấy tay kiện-tướng ấy rất là lừng-lẫy, lại thêm từ hôm Mã Chiếm-Sơn đã quyết lòng phản Nhật thì nhân-dân đâu đó cũng hưởng-ứng theo, cho nên hiện giờ Nhật-bản đương bối rối về thời-cục Mãn-châu nhiều lắm.

Quân-đội Mã Chiếm-Sơn đã sắp đặt sẵn sàng, liên hợp với quân Tự-vệ chia ra năm đường tiến công. Bữa 19, Mã đi từ Hắc-hà sang Thông-bắc, lên đánh Hồ-luân rồi thẳng lên Cáp-nhĩ-tân, còn bốn đạo khác thì do Uyển Sùng-Cốc, Trình Chí-Viễn, Lý Đỗ, Đinh Siêu và Tô Bỉnh-Văn chỉ-huy, quân Nhật nghe tin sợ hãi vô cùng.

Quân Mã thừa thế được thắng trận luôn, đã thu-phục được Hồ-lan; quân Đinh Siêu cũng chiếm-cứ được Đào-lại-chiêu. Nay quân Mã thì ở trên đánh xuống, quân Đinh thì ở dưới đánh lên, thành Cáp-nhĩ-tân thế tất cũng bị Đinh, Mã thu-phục. Có tin rằng Hắc-long-giang đã tuyên-bố thoát-ly quan-hệ với chính-phủ Mãn-châu rồi.

Tô Bỉnh-Văn thông điện đi các nơi, nói đã nhận chức tổng-tư-lệnh quân tự-vệ tỉnh Hắc-long-giang, liên-hợp với quân tự-vệ tỉnh Cát-lâm chống Nhật giữ đất. Các lữ-đoàn Trình Chí-Viễn, Ngô Tùng-Sơn, Uyển Sùng-Cốc và một bộ quân của Mã Chiếm-Sơn cùng các toán quân Nghĩa-dũng cả tỉnh Hắc đều tuyên-ngôn chịu quyền tiết-chế của Tô tổng-bộ đặt ở Hải-châu-lý. Sông Bác-đa đường Trung-đông trở về phía tây đều đã lọt vào tay quân tự-vệ. Lữ-đoàn Linh-mộc quân Nhật muốn từ Bốc-khôi tiến về phía tây, nghe tin quân Hắc-long-giang ở đường Tề-khắc đã theo Tô sắp tiến đánh tỉnh-thành nên không dám tiến nữa.

Quân Nhật lại mới bị nạn ở Mãn-châu. Một đoàn xe lửa chở quân Nhật đến Cáp-nhĩ-tân bị trượt bánh, bom nổ lửa phát lên, phá hủy mấy toa xe hỏa. Đại-úy Tiền-Hùng, trung-úy Tỉnh-Thượng và 12 người lính chết ngay, 50 người bị thương. Người ta đoán có người đặt tạc-đạn trên đường sắt để gây ra cái nạn này.

Nước Nga đối với thời-cục Mãn-châu.— Miếng thịt béo Mãn-châu có khi làm cho Nga với Nhật đến tranh nhau quyết-liệt. Nguyên tiếp giáp Mãn-châu là nước Nga, khi mới xảy ra việc Thẩm-dương, về khu-vực của quân Nhật chiếm lĩnh được, chỉ có đường sắt Nam-Mãn, còn phía bắc chỉ đến Trường-xuân; nhưng người Nhật lại được chân lân đầu, tiến quân lên đánh Hắc-long-giang, đối với xứ Cáp-nhĩ-tân dùng hình-thế bao-vi; không bao lâu lại tiến đánh Cẩm-châu, vây đánh Tân-huyện, lại không bao lâu tiến

quân qua đường Triều-dương, Cẩm-châu, uy bức tỉnh Nhiệt-hà, bách Thang Ngọc-Lâm phải thỏa hiệp. Từ đó người Nhật ở Đông-tam-tỉnh đã nghiễm-nhiên giữ được độc-quyền, chỉ còn một điều chưa được hoàn-toàn như ý định là đường sắt Trung-đông ở dưới quyền quản-lĩnh của người Nga và thành phố Cáp-nhĩ-tân là khu quan-yếu của đường ấy chưa thu được về quyền mình mà thôi. Vả từ sau khi Trương Cảnh-Huệ đã ra mặt theo Nhật hẳn, tướng bộ-hạ của Trương là Vũ Thâm-Trừng đã tiến đóng Cáp-nhĩ-tân, thế là Cáp-nhĩ-tân cũng đã vào tay quân Nhật, chỉ còn một đường Trung-đông là vẫn thuộc về người Nga; rồi đó người Nhật mới bắt đầu thị uy với người Nga, yêu-cầu hoán-cải quân hộ-lộ, xin cho mượn toa xe để chở binh. Nhưng theo như điều ước của Trung Nga, thì người Nhật không có quyền can-dự vào đường ấy, cho nên cái chí định vẫn chưa được đạt hẳn. Đến khi nước Mãn-châu thành-lập, người Nhật mới xui nước ấy ra mặt lấy tư-cách đại-biểu Trung-quốc, can-dự quyền đường sắt Trung-Đông, như triệt đổi ban trị-sự, chặn lấy số tiền thu. Vì cái tình-thế bức-bách ấy, việc bang-giao của nước Nga đối với Nhật liền hiện ra cái tình-trạng rất nguy-nan. Đó là một điều ngăn-trở cho cái chính-sách « đông-tiến » của nước Nga. Mấy hôm nay luôn luôn có tin báo, nước Nga đã hạ lệnh động binh, đạo quân Viễn-đông đã tăng lên 40 vạn kéo đến chia đóng ở biên-cảnh Mãn-châu, không phải không có cớ vậy.

Nhân việc Nhật Nga dự-bị chiến-tranh ấy mà lại sinh ra một vấn-đề, là nếu hai nước ấy đánh nhau ở Mãn-châu, mà Mãn-châu lại là đất của Tàu, vậy thì Tàu sẽ tự xử ra làm sao? Vào bè với Nga chăng? Vào bè với Nhật chăng? Hay đứng trung lập chăng? Vấn-đề ấy hiện nay nhân-sĩ nước Tàu đều lấy làm chú ý lắm. Cứ lấy lý là phải tự giữ chủ-quyền, hai nước đánh nhau ở đất nước mình, thì không thể nào sua tay ngồi nhìn mà giữ thái-độ trung-lập được. Đã không trung-lập mà nước Nhật hiện đang muốn sinh sự với Tàu, thì người Tàu không khi nào lại vào bè với Nhật được. Như vậy thì tất vào bè với Nga, nhưng nước Nga hiện nay là công-địch của liệt-cường, nếu Tàu vào bè với Nga thì liệt-cường tất đem lòng ngờ ghét, nhân đó lấy cớ là cự Nga mà giúp Nhật thì lại là nguy cho Tàu.

Tại Nữu-ước (*New-York*) có tin rằng: báo-giới nước Mĩ hiện đối với vấn-đề Trung Nhật đã không chú ý lắm nữa, dần dần xoay tầm con mắt nhìn vào cuộc chiến-tranh hai nước Nhật Nga có thể xẩy ra. Lại được tin ở Âu-châu chứng rõ dư-luận Mĩ nói Nga dự-bị tuyên-chiến với Nhật là đích-thực. Nhà nghiên-cứu về việc ngoại-giao ở nước Mĩ có nói cứ theo các việc hành-động đã qua và hiện-tại ở Đông tam-tỉnh mà nói, thì hai nước Nhật Nga thế nào cũng phải đánh nhau một trận mới yên. Cuộc Nhật Nga chiến-tranh diễn ra, Trung-quốc tất lấy cái danh-nghĩa là nước đồng-minh giúp Nga, mà Mĩ thì tất phải giúp Trung-quốc.

Tuy rằng tình-thế Viễn-đông mỗi ngày mỗi khó-khăn, thì cái tình bang-giao của Nhật Nga cũng khó thể giữ cho bền được, song cái thái-độ nước Nga trước sau vẫn giữ mập mờ, có lúc thì ra mặt phản Nhật, có lúc lại dường như bênh Nhật, làm cho các nước không biết thế nào mà đối-phó. Vậy thì những cái tin Nga với Nhật sắp khai-chiến hằng ngày thấy ở trên các tờ báo Tàu, hoặc là người Tàu mong mà nói như vậy; hoặc là người Nhật nói phao cái tin Nga giúp Tàu đánh Nhật, mục-đích là để liệt-cường đồng-tình với Nhật mà trị Tàu, cũng chưa biết chừng. Vậy thì cái con

mấy gió chiến-tranh ở trên trường Nhật Nga cũng chưa hẳn đã cuồn-cuộn nổi lên vậy.

Chính-phủ quốc-dân. — Nước Tàu từ khi Tôn Văn xướng lên cái thuyết lấy quốc-dân-đảng mà trị nước, gọi là « đảng-trị », quốc-dân Tàu thực sẵn lòng tôn-trọng tin theo, trong một thời-kỳ huấn-chính năm năm, đều yên lòng để mong chờ hạnh-phúc. Nào ngờ hạnh-phúc đến nay vẫn còn chưa thấy, mà đảng Quốc-dân đã làm cho quốc-dân Tàu phải tuyệt-vọng mà sinh lòng chán ghét lắm rồi. Cái nạn nội-tranh do đảng ấy đã gây nên, làm cho nhân-dân nội-địa Tàu phải chịu bao phen cực-khổ; đã đau lòng về cái nạn nội-tranh, bỗng lại giật mình về cái nạn ngoại-vũ, vì Trương Học-Lương không để-kháng mà người Nhật lấy mất cả Mãn-châu, được chân lân đầu, người Nhật lại sinh sự mà đánh Thượng-hải, lần này làm cho người Tàu đau đớn ê-chề hơn mười lần trước, phen này quyết phải để-kháng. Quyết để-kháng đến cùng, quốc-dân đều một lòng trông vào chính-phủ Quốc-dân, mà chính-phủ Quốc dân cứ do-dự giữ cái thái-độ chẳng ra đánh mà cũng chẳng ra hòa, các tướng-sĩ đạo quân 19 dầu liều thân vì nước mà chống nhau với quân Nhật hơn một tháng trời, kết-cục cũng vì chính-phủ không hết sức tiếp-tế lương-giới và viện-binh mà chịu mất mấy yếu-trấn Ngô-tùng Hạp-bắc. Vì việc ấy quốc-dân Tàu đã căm tức chính-phủ Quốc-dân là không thực lòng chống Nhật, lại thấy trong cuộc nghị-hòa ở Thượng-hải, đại-biểu Nhật ra ý quật-cường mà đại-biểu Tàu coi như có chịu mệnh người trên, muốn nhường nhịn, nên quốc-dân lại càng căm tức bội phần. Biết cớ chẳng còn trông cậy được gì, dư-luận cả nước mới nổi lên, yêu-cầu bỏ chế-độ một đảng chuyên chính, phá bỏ nền đảng-trị, lập lại nền dân-chủ, nói tóm lại là bảo đảng Quốc-dân đã không đủ sức đối ngoại được, thì trả lại chính-quyền cho quốc-dân tự cử lấy người thay quyền chủ-trương. Đại-biểu cho cái ý chung ấy, xin thuật mấy bức điện của mấy đoàn-thể như sau này:

1) Bức điện của hội các đoàn-thể cứu quốc liên-hợp ở Thượng-hải xin triệu tập cơ-quan dân-ý, tổ-chức một chính-phủ chấp-hành quốc-thị, và cho được tổ-chức ra các chính-đảng khác.

2) Đảng thanh-niên Trung quốc yêu-cầu đảng quốc-dân lập-tức bỏ chính-thể một đảng chuyên-chính, trả chính-quyền cho quốc-dân, lời rất kịch-liệt.

3) Các viên giáo-thụ Bắc-bình điện cho hội Trung-ương toàn-thể ở Nam-kinh, xin hoàn chính cho quốc-dân, định ngay kỳ triệu-tập cuộc quốc-dân đại-biểu hội, thực-hành hiến chính.

Thấy quốc-dân đã tỏ ra cái lòng thất-vọng về mình, chính-phủ quốc-dân muốn gây lại cái lòng tín-nhiệm, liền mượn cớ là « cả nước cùng lo nạn nước », vừa rồi có triệu-tập cuộc Quốc-nạn hội-nghị ở Lạc-dương, cử những người có vị-vọng ở các giới khắp trong nước làm hội-viên, tất cả có hơn 300 người. Nhưng quyền-hạn của các hội-viên không định rõ, vẫn cứ khăng-khăng không chịu bỏ lối đảng-trị. Thấy vậy các hội-viên cho là Chính-phủ Quốc-dân không thực lòng cùng dân cứu nạn nước, nên hôm khai hội ở Lạc-dương quá nửa số hội-viên đều lưu lại ở Thượng-hải, không chịu đến dự, thành ra cuộc hội-nghị ấy cũng chẳng được có điều gì làm cho dân Tàu được hởi lòng.

Nên vừa rồi ở Quảng-châu lại mới xẩy ra việc chính-biến, Trần Tế-Đường chiếm lấy quyền chính hải, lục, không

quân, giao cho các người thân-tín quản-lĩnh.

Hồ Hán-Dân trợ lực Trần, Tôn Khoa hình như không còn thế-lực gì. Các người về đảng Hồ Hán-Dân hiện giữ việc kiểm-soát tình-thế Quảng-châu.

Thủy-quân tư-lệnh Trần Sách tuần lễ trước xuống một chiếc chiến-hạm đi Hương-cảng vì Trần không chịu theo mệnh lệnh của Hội-đồng chính-trị miền Tây-nam.

Hiện đã thiết quân-luật ở Quảng-châu. Có tin đồn Quảng-đông sẽ cùng Nam-kinh khai chiến.

Việc trong nước

(Từ mồng 1 đến 30 *Avril* 1932)

— Ban Hà-thành khảo-cổ. — *Gần đây Hội Địa-dư* (Société de Géographie) *mới đặt ra một ban chuyên việc khảo-cứu về thành Hà-nội cổ* (Section du Vieux Hà-nội). *Ban ấy mới có mấy ông sau này: Ông* CŒDÈS *quản-đốc trường Bác-cổ Hà-nội,* DE FEYSSAL, LOUBET, GALLIN, CUCHEROUSSET, PHẠM QUỲNH, NGUYỄN VĂN-VĨNH, BOURGEOIS *và* MASSON. *Ban này sẽ bắt đầu khảo cứu các đền chùa cổ và lịch-sử Hà-thành trước.*

— Người nước Pháp muốn yên-táng ở nước Việt. — *Ông* POUYANNE *làm Tổng-Giám-đốc sở Công-chánh Đông-dương, mới rồi về Pháp nghỉ, bỗng mắc bệnh mà qua đời ở* Paris. *Ông có di chúc rằng xin quyết đem di-hài của ông sang an-táng ở nơi Lăng-cô cách Kinh-đô Huế 30 cây số. Ông ở đất Việt đã mấy mươi năm trời, có cảm-tình riêng với đất nước này, mà nhất là thích ưa nơi phong-cảnh hữu-tình đó, nên mới có di-chúc đinh-ninh như vậy.*

— Quan Công-chánh giám-đốc mới của Đông-dương. — *Sau khi ông* POUYANNE *tạ thế, thì Chính-phủ Pháp đã bổ ông* GRASSIER *sang sung chức Công-chánh giám-đốc ở Đông-dương. Ngày 11* Mars *quan Giám-đốc mới đã từ* Marseille *đáp tàu sang Đông-dương.*

— Ngày kỷ-niệm của đạo binh thứ tư. — *Ngày mồng 1* Avril, *ở Nam-định, đạo binh thứ tư đã làm lễ kỷ-niệm mười sáu năm tròn, có duyệt-binh và gắn mền đay cho những quan binh được thưởng. Còn các trò vui thì cũng như mọi năm thường.*

— Khởi-công đóng hai chiếc pháo-thuyền của Đông-dương. — *Sáng thứ bảy mồng 2* Avril, *quan Thống-đốc Nam-kỳ đi cùng quan Nguyên-soái quản-đốc sư đoàn Nam-kỳ Cao-miên tới xưởng đóng tầu, làm lễ đặt cái danh thứ nhất vào hai chiếc pháo-thuyền của chính-phủ Đông-dương đóng để dùng ở Bắc-kỳ, độ đến tháng* Septembre *này sẽ hạ-thủy được và độ cuối năm thì thật hoàn-công.*

— Chức thanh-tra các trường Pháp-Việt. — *Ngày 4* Avril *quan Toàn-quyền đã ký nghị-định bãi điều thứ 5 nghị-định ngày 21* Août *1930 và đổi lại như sau này:*

« *Các viên Thanh-tra sơ-học Pháp-Việt tuyển theo như thể-lệ trong nghị-định ngày 28* Avril *1928 sẽ giữ các việc như sau này:*

1) Kiểm-soát về phương-pháp sư-phạm và chuyên-môn các quan học-chính An-Nam và các trường thuộc dưới quyền;

2) Khám các trường Pháp-Việt công tư không thuộc quyền các quan học-chính An-Nam;

3) Làm các chức-vụ riêng. Mỗi viên Thanh-tra giữ một khu do quan Thống-sứ ấn định.

Trừ hai thành-phố Hà-nội và Hải-phòng, ở Bắc-kỳ sẽ đặt ra làm năm khu, đều có viên thanh-tra đứng đầu.

«Các viên thanh-tra đều thuộc quyền quan Chánh thanh-tra tại nha Học-chính.»

— Các viên thanh-tra sơ-học Pháp-Việt— *Các trường sơ-học Pháp-Việt ở Bắc-kỳ đã chia ra làm bảy khu, mỗi khu có một viên Thanh-tra giám-đốc Các viên giáo-sư Pháp mới được bổ Thanh-tra sơ-học Pháp-Việt các khu như sau này:*

Khu thứ nhất: Thành-phố Hà-nội, ông BOURGARIT *giáo-sư thượng - hạng ngoại-hạng. Trú-sở tại Hà-nội.*

Khu thứ nhì: Thành-phố Hải-phòng, ông LEMOINE *giáo-sư thượng-hạng. Trú-sở tại Hải-phòng.*

Khu thứ ba: Hà-đông, Sơn-tây, Hòa-bình, Hà-nam, ông MOUGENEL, *giáo-sư hạng nhất. Trú-sở ở Hà-nội.*

Khu thứ tư: Thành-phố Nam-định và tỉnh-hạt Nam-định, Ninh-bình, Thái-bình, ông HOSPITAL, *giáo-sư hạng nhất. Trú-sở tại Nam-định*

Khu thứ năm: Thành-phố Hải-dương và tỉnh-hạt Hải-dương, Hưng-yên, Kiến-an, Quảng-yên, Hải-ninh, ông GRANIER *giáo-sư thượng hạng hạng ba. Trú-sở tại Hải-phòng.*

Khu thứ sáu: Bắc-giang, Bắc-ninh, Lạng-sơn, Thái-nguyên, Bắc-kạn, Cao-bằng, ông COURTOUX *thanh-tra thượng-hạng hạng nhất. Trú-sở tại Phủ-lạng-thương.*

Khu thứ bảy: Phúc-yên, Sơn-la, Hà-giang, Lai châu, ông GARRAND *giáo-sư hạng nhì. Trú-sở tại Phú-thọ.*

— Đánh thuế các cuộc vui lấy tiền giúp kẻ nghèo. — *Ở Sài-gòn, hội-đồng quản-hạt họp ngày* 25 Mars *đã quyết-định đánh thuế các cuộc vui cứ theo giá vé mà lấy thêm lên 5%, nghĩa là mỗi đồng bạc lấy thêm 5 xu nữa. Tiền thuế ấy để vào quĩ cứu-tế thất-nghiệp. Các hội thể-thao thì miễn thứ thuế ấy.*

— *Ở Hà-nội, hội-đồng thành-phố họp ngày mồng* 5 Avril *đã định rằng các rạp hát An-Nam thì được miễn, còn các rạp hát khác, các nhà chớp bóng, mỗi người đi xem phải nộp thêm một số tiền để giúp vào quĩ cứu-tế của thành-phố, tùy theo giá vé mà nộp thêm như sau này:*

Mỗi vé từ 3 hào đến 1 đồng phải nộp 2 xu; từ hơn 1 đồng đến 2 đồng phải nộp 5 xu; từ hơn 2 đồng đến 3 đồng phải nộp 1 hào. Còn các trò vui và các phường hát ở xứ khác đến thì phải nộp gấp đôi.

— Xử lại vụ hội-kín Nam-định và Phủ-lý. — *Ngày 5, tòa Thượng-thẩm Hà-nội đã xử lại vụ hội-kín Nam-định và Phủ-lý, quan Chánh-án* MORCHÉ *là chủ-tọa, ông* VERRON *và* VŨ NGỌC-HOÁNH *làm bồi thẩm, ông* DURINGER *làm biện-lý. Xét xử xong tuyên án như sau này:*

20 năm khổ-sai: Trần Quốc-Tang.
15 năm khổ-sai: Lê Văn-Thân.
10 năm khổ-sai: Trần Trọng-Tiên và Đoàn Văn-Phúc.

5 năm khổ-sai và 5 năm quản-thúc: Trần Trọng-Hợp, Nguyễn Thế-Đàm, Trần Văn-Các, Nguyễn Văn-Lạc, Phạm Văn-Khanh, Nguyễn Trung-Đàm, Đào Văn-Hương và Đoàn Văn-Cát.

2 năm tù và 5 năm quản-thúc: Hoàng Thị-Vân, Vũ Thị-Giã và Nguyễn Thị-Tý.

—Quan Khâm-sứ Trung-kỳ đi kinh-lý. — *Ngày* 6 Avril *quan Khâm-sứ* CHATEL *cùng quan chánh văn-phòng* HAELEWYN, *quan chánh liêm-phóng* SOGNY, *quan Cơ mật viện-trưởng* NGUYỄN HỮU-BÀI *và quan Thượng-thư bộ Binh* PHẠM LIỆU *đã đi kinh-lý về hạt Quảng ngãi Trung-kỳ.*

— Hội-đồng quản-hạt Nam-kỳ.— *Ngày 12 Hội-đồng quản-hạt Nam-kỳ đã họp tại Sài-gòn quyết-nghị mấy điều sau này :*

1) Thuế đốn gỗ rừng trước phải nộp mỗi thước khối là 1$30, nay giảm xuống 1$00 ;

2) Bỏ thứ thuế hối-đoái ;

3) Giữ nguyên thứ thuế đường ăn của người Tây đem sang, còn đường ta thì không phải thuế ;

4) Chuẩn-y 25 khoản nữa đều về quan-thuế.

— Hội-đồng Phổ-tế trung-ương tại Bắc-kỳ.— *Hội-đồng Phổ-tế trung-ương Bắc-kỳ* (Comité central d'assistance sociale du Tonkin), *hồi 9 giờ sáng ngày 11* Avril *1932 đã họp đại-hội-đồng lần thứ nhất tại hội Hợp-thiện đường* Henri d'Orléans, *quan cai trị* WINTREBERT *đại-biểu quan Thống-sứ chủ tọa.*

Đến dự hội có 42 vị vừa hội-viên đại-biểu các hội-đồng các tỉnh Bắc-kỳ, vừa hội-viên đại-biểu của quan Thống-sứ đã cử, vì theo điều-lệ thì quan Thống-sứ được cử một số hội-viên ngang với số hội viên đại-biểu của các tỉnh.

Quan cai-trị WINTREBERT *đọc bài diễn-văn kể mục-đích và ích-lợi của hội Phổ-tế cùng những kết-quả hay đã từng thấy ở Nam-kỳ, rồi ngài đọc bản dự-thảo điều-lệ của hội-đồng trung-ương để Đại hội-đồng xét.*

Đoạn rồi đại-hội-đồng bầu 12 vị hội-đồng quản-trị. Quan Thống-sứ đã cử sẵn 6 vị là Giám-mục GENDREAU, *quan tổng-đốc* HOÀNG TRỌNG-PHU, *mục-sư* CALAS *hội Tin lành, ông quản-lý Đông-dương ngân-hàng, ông* LÊ VĂN-PHÚC *và ông* ĐỖ ĐÌNH-ĐẮC. *Còn Đại-hội-đồng phải bầu 6 ông nữa là ông* PHẠM QUỲNH, PHẠM HUY-LỤC, SOULÉ, PERROUD, NGUYỄN NĂNG-QUỐC *và* BÙI ĐÌNH-TÁ.

Hội-đồng quản-trị thành-lập rồi, lại bầu chánh phó hội-trưởng, thư-ký và thủ-quĩ, thì các ông được trúng-cử là :

Ông HOÀNG TRỌNG-PHU *chánh-hội-trưởng* : *ông* PERROUD *phó-hội-trưởng* : *ông* PHẠM QUỲNH *thư ký* : *ông* ĐỖ ĐÌNH-ĐẮC *Thủ-quĩ.*

Còn ban soạn điều-lệ có các ông : BONA *hội-trưởng*, ĐỖ THẬN, PHẠM HUY-LỤC, TRẦN ĐỨC-TIẾN *và* SOULÉ *làm hội-viên ; ban tài-chính có các ông : ông quản-lý Đông-dương ngân-hàng, hội-trưởng*, SOULÉ, LÊ VĂN-PHÚC, ĐỖ ĐÌNH-ĐẮC *và* ĐỖ ĐÌNH-THUẬT *làm hội-viên ; ban cổ-động có ông :* NGUYỄN NĂNG-QUỐC *hội trưởng, hai bà* VŨ HUY-QUANG *và* LÊ TRUNG-NGỌC *phó hội-trưởng, các ông* NGUYỄN VĂN-VĨNH, J. LAN, PHẠM QUỲNH, MAI VĂN-BIÊN, PHILIPPE TÀI, NGUYỄN THỪA-ĐẠT, PHẠM KIM-BẢNG *và* TRẦN ĐÌNH-HÒE *là hội viên.*

—Cung-nghinh đức Bảo-đại về Kinh. —*Đức Bảo-đại du-học ở bên Pháp, đến tháng 8 ta ngài sẽ trở về Kinh. Nam-triều đã cử quan Hộ-bộ Thượng-thư* THÁI VĂN-TOẢN *và quan Tuần-phủ Quảng bình* NGUYỄN HI *thay mặt Nam-triều sang Pháp để cung-nghinh ngự-giá về Kinh. Ngày 2 Mai, quan Hộ-bộ đã đáp tàu* Georges Philippar *tại bến Sài-gòn để sang Pháp.*

Hội Quan-lại ái-hữu Bắc kỳ cũng cử quan Tổng-đốc HOÀNG TRỌNG-PHU *và quan Tổng-đốc hưu-trí* NGUYỄN NĂNG-QUỐC *thay mặt các quan-lại Bắc-kỳ để lâm-thời đi đón đức Bảo đại.*

—Tin vua Duy-tân. — *Vua Duy-tân từ khi sang ở đảo* Réunion *đến giờ thấm-thoắt đã mười sáu năm, mới rồi ngài xin với Chính-phủ Pháp cho dời đi ở xứ* Algérie. *Quan Toàn-quyền* PASQUIER *không thuận cho dời đi nơi khác, vậy lại cứ ở cù-lao* Réunion.

— Khánh-thành phủ Phú-bình Thái-nguyên. — *Việc làm phủ mới và mở chợ mới ở Phú-bình thuộc Thái-nguyên, ngày mồng 10 Avril hồi 9 giờ sáng đã làm lễ khánh-thành, có mời các quan Tây Nam và các thân-hào trong hàng tỉnh đến dự lễ,*

— Hoàn-thành kênh dẫn thủy nhập-điền ở Sơn-tây. — *Ngày 12, quan Toàn-quyền* PASQUIER, *quan Phó toàn-quyền* PAGÈS *quan Thống-sứ* THOLANCE *và quan chánh Lục-lộ Bắc-kỳ đã lên khánh-thành kênh dẫn nước ở Sơn-tây. Kênh này dài 70 cây số, các nhánh phụ dài tới 268 cây số, công-trình làm trong một tháng đã xong. Kể các nhánh phụ đào đất lên tới 200.000 thước khối. Kênh này mỗi dây đồng-hồ dẫn được 8 thước khối nước ; lợi cho 9.000 mẫu ruộng.*

— Hoàn-thành con đường Sơn-la — Lai-châu. — *Con đường từ Sơn-la tới Lai-châu là một con đường xuyên qua những rừng núi khe suối rất hiểm-trở, Nhà-nước cho làm trong 15 tháng nay đã xong, dài 196 cây số ; xe ô-tô đi lại được từ Sơn-la tới châu Mộc 117 cây số. Lại đương làm một con đường từ Sơn-la đến Suyut (Hòa-bình) dài 201 cây số. Khi làm xong cả thì sẽ có con đường dài 510 cây số từ Hà-nội lên Lai-châu. (Hà-nội đến Suyut 113 cây số, Suyut đến Sơn-la 201 cây số, từ Sơn-la đến Lai-châu 196 cây số).*

— Khánh-thành quán chợ tỉnh Phú-thọ. — *Hồi 5 giờ chiều ngày 19, tại thành-phố Phú-thọ có làm lễ khánh-thành cái quán chợ mới làm, có các quan-chức thân-hào Tây Nam và nhân-dân hàng tỉnh đến dự rất đông.*

— **Bầu chức thẩm-phán tại tòa án Thương-mại Hà-nội và Hải-phòng.** — *Ngày 12, phòng Thương-mại Hà-nội và Hải-phòng đã bầu-cử các ông thẩm-phán tại tòa án Thương-mại của hai thành-phố ấy :*

Hà-nội cử hai ông thực-thụ là PERROUD *và* SOULIER, *sáu ông dự-khuyết là* FAIVRE, DUPUY, JOSEPH LONG, LAFON *và* DOMART. *Hải-phòng cử hai ông thực thụ là* L. HUSSON *và* N-RENAUD, *năm ông dự-khuyết là* BOVIS, FABRIER PIERRET, CLAVÉ *và* GODELU.

— Việc cho vay dài hạn. — *Ông* DE FEYSSAL *chánh sở trước-bạ điền-thổ Hà-nội đã thừa lệnh quan Toàn-quyền cử vào Nam-kỳ để xếp đặt công-việc cho thi-hành chế-độ cho vay dài hạn về điền-thổ và xem xét cách-thức Chính-phủ sẽ đảm-bảo thế nào cho các Hội Điền-thổ được vay vào tiền công-thải*

— Cho triển-hoãn nợ. — *Quan chánh tòa Thượng-thẩm* MORCHÉ *và quan chánh chưởng-lý* GUISELIN *ở Hà-nội đã thông-sức cho các tòa sơ-thẩm, các quan biện-lý và các quan tòa tạp-tụng các tỉnh ở Bắc-kỳ dặn phải rộng-rãi với những người mắc nợ, cho được triển-hoãn để họ có cơ đợi sự cứu giúp của Nhà-nước.*

— **Tỉnh Darlac (mọi) sáp nhập Trung-kỳ.** — *Trong Quan-báo có đăng đạo sắc-lệnh chuẩn-y nghị-định ngày 30 Avril 1929 của quan Toàn-quyền Đông-dương cho tỉnh Darlac (là xứ mọi ở phía Nam Trung-kỳ) lại sáp-nhập vào xứ Trung-kỳ thuộc dưới quyền cai-trị quan Khâm-sứ Huế.*

— Quan Thân-thần đi thăm Triệu-miếu — *Ngày 15, quan Thân-thần Tôn-thất*

Hân đi thăm Triệu-miếu ở Thanh-hóa; lại đi thăm Nghệ-an và Hà-tĩnh là những nơi trước Ngài đã làm thủ-hiến.

— Hội-đồng Chính-phủ. — *Hồi 9 giờ sáng ngày 16, ban thường-trực của Hội-đồng Chính-phủ đã họp tại phủ Toàn-quyền Hà-nội, có quan Toàn-quyền* PASQUIER *chủ tọa.*

— Nam-kỳ được cử một đại-biểu dự Thượng-hội-nghị thuộc-địa bên Pháp. — *Ngày 17 Avril, quan Giám-quốc Pháp đã ký đạo sắc-lệnh chuẩn-y bản thỉnh-cầu của dân Nam-kỳ được cử một đại-biểu sang dự Thượng-hội-nghị thuộc-địa bên Pháp.*

— Hội-đồng Cố-vấn. — *Hồi 9 giờ sáng 18, Hội-đồng Cố-vấn* (Comité Privé indigène) *đã họp tại phủ Thống-sứ Bắc-kỳ, do quan Thống-sứ* THOLANCE *chủ-tọa.*

Kỳ này Hội-đồng xét những việc sau này:

Việc đổi tên người và tên làng ở các tỉnh, do các quan công-sứ các tỉnh tư xin;

Việc đổi mấy điều-lệ của hội-đồng tộc-biểu;

Việc bầu cử tộc-biểu;

Việc lập hội-đồng kỳ-mục;

Việc tuyển những người có bằng Cao-đẳng tiểu-học Pháp-Việt, bằng Brevet élémentaire *và* Brevet d'enseignement primaire supérieur *làm thừa-phái hạng ba;*

Việc cử các thầy học ở các làng kiêm chức thư-ký, thủ-bạ, chưởng-bạ, thủ-quĩ, khán-hộ và tá-dịch (xét lời bàn của quan Công-sứ Bắc-ninh).

— Hai đạo sắc-lệnh về Đông-dương. — *Quan Giám-quốc ra hai đạo sắc-lệnh cho Đông-dương như sau này:*

1) Chuẩn-y nghị-định ngày 14 Décembre *1931 của quan Toàn-quyền Đông-dương bỏ lệ dán tem các hộp diêm làm ở trong xứ;*

2) Chuẩn-y các nghị-định số 8175 và 8215 ngày 14 Décembre *1931 của quan Toàn-quyền Đông-dương dự thêm số tiền tiêu trong ngân-sách Đông-dương và ngân-sách Quảng-châu-loan năm 1931.*

— Sửa đổi mấy điều trong ngạch nha-lại. — *Quan Thống-sứ vừa ký nghị-định sửa đổi mấy điều trong đạo nghị-định ngày 20* Septembre *1929 về ngạch thừa-phái và thông-phán như sau này:*

Điều 30 bis. — *Chức thừa-phái hạng ba để bổ cho những người sau này:*

1) Hai phần ba để cho các thừa-phái hạng tư đã được ký bổ đúng lệ;

2) Một phần ba để cho những người có văn-bằng Cao-đẳng-tiểu-học Pháp-Việt (Diplôme d'études primaires supérieures franco-indigènes), *bằng Cao-đẳng tiểu-học hay bằng tiểu-học* (Brevet d'enseignement primaire supérieur *hay bằng* Brevet élémentaire) *đã trúng tuyển kỳ thi mà chương-trình và thể-lệ thì cũng y như đã nói ở đoạn B điều 30, nhưng đầu bài ra khí cao hơn. Nếu không có các thí-sinh hợp lệ nói trên ấy, thì sẽ để cho các thừa-phái hạng tư hợp-lệ thăng lên.*

Điều 32 đoạn cuối. — *Về sự thi-hành nghị-định ngày* Octobre *1921 và Thượng-dụ ngày 31* Juillet *1923, thì các viên thông-phán thượng-hạng nay tạm coi như là bậc thông-phán hạng nhất.*

Biểu phụ-đính với nghị-định số 3786 ngày 20 Septembre *1929 thì nay bãi đi và đổi lại theo như bản phụ-đính sau này :*

Thông-phán thượng-hạng ngoại-hạng, niên-bổng	*1.440$*
Thông-phán thượng-hạng hạng nhất, niên-bổng	*1,320 ,*
Thông-phán thượng-hạng hạng nhì, niên-bổng	*1.200 ,*

Hạn thăng là 4 năm.

Thông-phán hạng nhất niên-bổng				*1.080 ,*
—	*nhì*	—		*900 ,*
—	*ba*	—		*720 ,*
Thừa-phái hạng nhất niên-bổng				*636 ,*
—	*nhì*	—		*540 .*
—	*ba*	—		*480 ,*
—	*tư*	—		*420 ,*
—	*năm*	—		*360 ,*

Hạn thăng là 2 năm.

Còn khoản phụ-cấp về đổi chỗ ở và tiền lộ-phí thì vẫn giữ như cũ.

— Đạo luật cho Chính-phủ Đông-dương vay tiền.— *Đạo luật của Chính-phủ Pháp cho phép Chính-phủ Đông-dương như sau này :*

1) Được vay 250 triệu quan trước ngày 31 Décembre *1932.*

2) Được bảo-lĩnh những khoản vay ngắn hạn và dài hạn của các nông gia điền-chủ chỉ tới 100 triệu quan là cùng.

3) Được đảm-bảo cho một hãng trong xứ vay tiền đến 170 triệu quan để cho các nhà trồng-trọt vay dài hạn hoặc ngắn hạn. Số tiền này lấy 90 triệu cho các nhà trồng-trọt vay, còn 80 triệu để vào quĩ bù cho giá cao-su.

— Đổi huyện làm phủ.— *Nghị-định ngày 23* Avril *của Chánh-phủ Trung-kỳ đổi huyện Sơn-tịnh (tỉnh Quảng-ngãi) làm phủ Sơn-tịnh.*

— Những người được thưởng huy-chương và thường-dân được thưởng phẩm-hàm đều phải nộp tiền lục-cấp hoặc tiền bằng.—*Quan Khâm-sứ Trung-kỳ đồng-ý với viện Cơ-mật, ngày 25* Avril *1932 nghị-định những người được thưởng các hạng Huy-chương của Nam-triều phải nộp tiền «lục-cấp» như sau này :*

Kim khánh đại-hạng 10 đồng, nhất-hạng 10 đồng, nhị-hạng 8 đồng, tam-hạng 6 đồng.

Kim bội nhất hạng 12 đồng, nhị-hạng 10 đồng ;

Kim-tiền đại-hạng 10 đồng, nhất-hạng 10 đồng, nhị-hạng 8 đồng, tam-hạng 6 đồng.

Long-tinh nhất-hạng 30 đồng, nhị-hạng 20 đồng, tam-hạng 15 đồng, tứ-hạng 10 đồng, ngũ-hạng 8 đồng.

Những người thường-dân được thưởng phẩm-hàm phải nộp tiền bằng sắc như sau này :

Những quan-viên Nam-triều và tùng-sự các sở Bảo-hộ cùng các hạng viên-dịch và các sắc binh-đinh đều được miễn nộp tiền, còn thì tùy phẩm-trật mà nộp :

Từ tùng-cửu (9-2) đến chính-thất (7-1) nộp 5 đồng ;

Từ tùng-lục (6-2) đến chính-tứ (4-1) thuộc-quan nộp 10 đồng ;

Từ chính-ngũ (5-1) trở lên đường-quan nộp 15 đồng.

Những người có công-lao mà được thưởng đặc-cách thì đều miễn nộp tiền lục-cấp hoặc tiền sắc bằng,

—So-sánh số thông-thương ở Đông-dương trong ba năm.—*Hàng-hóa nhập-cảng, xuất-cảng và giá tiền trong ba năm như sau này :*

Năm 1929 nhập-cảng 591.000 tấn, giá 2.603.000.000 quan.

Năm 1930 nhập-cảng 521.000 tấn, giá 1.811.000.000 quan.

Năm 1931 nhập-cảng 444.000 tấn, giá 1.292.000.000 quan.

Năm 1929 xuất-cảng 3.287.000 tấn, giá 2.612 000.000 quan.

Năm 1930 xuất-cảng 2 864.000 tấn, giá 1.841.000.000 quan.

Năm 1931 xuất-cảng 2.649.000 tấn, giá 1.148.000.000 quan.

— So-sánh số thu vào của sở hỏa-xa trong hai năm. — *Sở hỏa xa nhà-nước năm 1930 thu vào 5.400.009 đồng, năm 1931 thu vào 5.000.000 đồng.*

Công-ty hỏa-xa Vân-nam-Hải-phòng năm 1930 thu vào 4.900.000 đồng. Năm 1931 thu vào 4.400.000 đồng.

Mới xuất-bản

Văn-học tạp-chí.— Cơ-quan chuyên khảo-cứu, bàn soạn, giảng-giải về quốc-văn. Chủ-bút : Dương Bá-Trạc ; Chủ-nhiệm : Dương Tự-Quán. Tòa báo : 193, phố hàng Bông Hà-nội, mỗi tháng xuất-bản một kỳ, mỗi số 112 trang, giá 0 $ 35. — 12 số 4 đồng.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất-bản :

Tục-ngữ ca-dao. PHẠM QUỲNH soạn và tập. — giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

1. — Văn-minh-luận	4 hào.
2. — Ba tháng ở Paris	4 hào
3. — Văn-học nước Pháp :	4 hào.
4. — L'idéal du Sage	4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp,	
Quyển thứ I	4 hào.
Quyển thứ II	5 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết	4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới	4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois	4 hào.
9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE	4 hào.
10. — Phật-giáo đại-quan. (In lần thứ hai).	5 hào.
11. — La Poésie annamite.	4 hào.

Sắp xuất-bản :

12. — Tuồng Lôi-xích và tuồng Hòa-lạc.